

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH
TRONG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ THÍ ĐIỂM MỘT
SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2017/QH14)**

*(Kèm theo Văn bản số 2375/BKHĐT-KTĐPLT ngày 31 tháng 3 năm 2023
của Bộ Kế hoạch và Đầu Tư)*



Hà Nội - 2023

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH	5
I. Bối cảnh xây dựng cơ chế, chính sách:	5
II. Mục tiêu xây dựng cơ chế, chính sách:	10
PHẦN THỨ HAI: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÍ ĐIỂM TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	13
I. Đánh giá chung:.....	13
1. Tác động về kinh tế:	14
2. Tác động về xã hội:.....	16
3. Tác động về giới:	17
4. Tác động về thủ tục hành chính:.....	17
5. Tác động đối với hệ thống pháp luật:	19
II. Chính sách về quản lý đầu tư	23
1. Đề xuất về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển	23
2. Đề xuất về thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông.....	43
3. Đề xuất đối với tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	64
4. Đề xuất về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP):	70
III. Chính sách về tài chính ngân sách	93
1. Đề xuất liên quan phí, lệ phí:.....	93
2. Đề xuất liên quan việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố:	99
3. Đề xuất liên quan cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo khả năng cân đối và nhu cầu sử dụng:	103
4. Đề xuất liên quan quy định về nợ chính quyền địa phương:	110
5. Đề xuất về thưởng vượt thu, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách Thành phố	118
6. Đề xuất liên quan cơ chế tài chính đặc thù khi thực hiện Chính quyền đô thị tại Ủy ban nhân dân quận:.....	122
7. Đề xuất về sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng:.....	126
8. Đề xuất về mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố (HFIC):	131
9. Đề xuất về ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao:.....	140
10. Đề xuất về thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.....	151
11. Về cơ chế phát triển điện mặt trời mái nhà trụ sở công:.....	161
IV. Chính sách về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường	166
1. Đề xuất về quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha:	166
2. Đề xuất về về thẩm quyền, điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị:..	172

3. Đề xuất về phát triển nhà ở xã hội.....	183
4. Đề xuất về xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất:.....	201
5. Đề xuất về nguyên tắc bồi thường về đất	207
6. Đề xuất về thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất:	213
7. Đề xuất đối với dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT):	220
8. Đề xuất đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện lấn biển	226
9. Đề xuất đối với các trường hợp gia hạn sử dụng đất:.....	229
10. Đề xuất về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:	234
11. Đề xuất về các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt:.....	241
12. Đề xuất về các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa:	249
13. Đề xuất về thực hiện chuẩn bị thu hồi đất của một số dự án tại Thành phố:.....	254
14. Đề xuất về kiểm soát khí thải phương tiện giao thông	262
V. Chính sách về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh.....	270
VI. Chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo	284
1. Đề xuất về hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố:	284
2. Đề xuất về chính sách thu hút và giữ chân nguồn nhân lực cho khoa học và công nghệ....	306
VII. Chính sách về tổ chức bộ máy của Thành phố.....	311
1. Về thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố	311
2. Ủy ban nhân dân huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có không quá ba Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có từ 50.000 dân trở lên có không quá ba Phó Chủ tịch...	320
3. Việc bầu, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã, thị trấn	326
4. Về việc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.....	332
5. Đề xuất về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân:	336
6. Đề xuất về một số quyền hạn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố.....	353
7. Đề xuất về hoàn thiện cơ chế “một cửa tại chỗ” tại Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	365
VIII. Chính sách về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức	378
1. Đề xuất về quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.....	378
2. Đề xuất về quyết định sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của thành phố Thủ Đức.....	385
3. Đề xuất về cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức:	396
PHẦN THỨ BA: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	405
I. Ý kiến và tham vấn	405
II. Giám sát và đánh giá	405

PHỤ LỤC 1. PHỤ CẤP CHỨC VỤ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CƠ QUAN ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, CHÍNH QUYỀN CỦA THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	407
PHỤ LỤC 2. BẢNG TỔNG HỢP DOANH NGHIỆP DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ ĐÃ CỔ PHẦN HÓA ĐẾN NĂM 2016.....	409

PHẦN THỨ NHẤT: BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

I. Bối cảnh xây dựng cơ chế, chính sách:

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế; là một trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ lớn nhất của cả nước; là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng và cả nước nói chung. Để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn với khu vực và cả nước, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Với sự chủ động của Thành phố trong sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 16, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 21-KL/TW ngày 24 tháng 10 năm 2017 và Quốc hội ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, cho phép Thành phố thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù về quản lý đất đai, quản lý đầu tư, quản lý tài chính - ngân sách nhà nước và cơ chế ủy quyền, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

Tuy nhiên, nhiều nội dung triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội còn chậm so với kế hoạch, một số cơ chế tuy đã được thực hiện nhưng hiệu quả còn thấp, một số cơ chế chính sách chưa được quy định cụ thể hoặc đang phải chờ văn bản hướng dẫn nên triển khai chậm... Bối cảnh thực tế đặt ra nhiều yêu cầu để Thành phố phải tiếp tục nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách mới, nhằm sẵn sàng vượt qua những thách thức đối với sự phát triển của Thành phố trong thời gian tới, cụ thể như sau:

1. Tiếp tục phát huy truyền thống năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của Thành phố nhằm nghiên cứu, đề xuất với Trung ương các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của Thành phố, đồng thời có tính chất thí điểm tính hiệu quả để ban hành rộng khắp cho cả nước.

Trong nhiều năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh kiên trì với những ý tưởng, kiến nghị về mô hình chính quyền đô thị. Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và, ngày 19 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nỗ lực phấn đấu đạt

nhiều thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực. Trước bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước có thuận lợi, khó khăn và cơ hội, thách thức đan xen, Thành phố tiếp tục phát huy và giữ vững thành quả ở các giai đoạn trước và có số thu ngân sách chuyên về Trung ương cao nhất cả nước. Với lợi thế là đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế, là đầu tàu, động lực kinh tế, có sức lan tỏa trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Thành phố đóng góp hằng năm 27% thu ngân sách cả nước¹ và có số thu ngân sách chuyên về Trung ương cao nhất cả nước². Đồng thời giữ vững vai trò một trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, là địa phương có vai trò quan trọng về chính trị và đối ngoại trong sự phát triển của cả nước.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đó, Nghị quyết số 31-NQ/TW xác định “*tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững*” đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp “*tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực.*”

Như vậy, việc tiếp tục đề xuất các cơ chế, chính sách đột phá là tiền đề quan trọng để Thành phố tiếp tục thể hiện rõ vai trò là một cực tăng trưởng, cửa ngõ kết nối giao thương của cả miền Nam, thành phố thông minh, năng động, sáng tạo và đóng góp chung vào sự phát triển của cả nước.

2. Thời gian để thực hiện các cơ chế chính sách do Nghị quyết 54/2017/QH14 là chưa đủ để đánh giá toàn diện về hiệu quả do các chính sách đem lại. Trong 05 năm thực hiện thí điểm, Thành phố Hồ Chí Minh đối diện với nhiều thách thức mới ngày càng gia tăng. Bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, đặc biệt là kinh tế thế giới, cục diện chính trị và đại dịch COVID-19.

Đà tăng trưởng của Thành phố Hồ Chí Minh đã chậm lại, nhiều động lực giảm sút. Cụ thể tốc độ tăng trưởng giảm mạnh, giai đoạn 1996 – 2010 kinh tế Thành phố tăng trưởng bình quân 10,2%/năm, cao hơn 1,6 lần mức bình quân cả nước; đến giai đoạn 2011 – 2025 giảm xuống còn 7,22%/năm; giai đoạn gần nhất 2016 – 2020 chỉ còn 6,41%/năm. Chất lượng tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu đề ra, hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và khó khăn trong việc thăng tiến lên nấc cao hơn của chuỗi giá trị và xác lập cơ cấu kinh tế hiện đại; trong đó có yếu

¹ Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị.

² Tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương tăng từ 77% (giai đoạn 2011 – 2016) lên 82% (giai đoạn 2017-2020).

tổ hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao chưa có sự đột phá, chưa thu hút được nhiều tập đoàn lớn. Thành phố chưa phát huy được thế mạnh của một trung tâm khoa học – công nghệ trong việc nâng cao năng suất và chất lượng phát triển, chưa thể hiện được vai trò dẫn dắt phát triển vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Dưới tác động của đại dịch COVID-19, đặc biệt là trong hai năm 2020, 2021, Thành phố đối diện với nhiều khó khăn, thách thức; dịch bệnh bùng phát mạnh nhất cả nước, diễn biến nhanh, phức tạp, gây ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất, kinh doanh và mọi mặt đời sống xã hội, làm chậm lại việc thực thi các cơ chế chính sách mà Nghị quyết 54/2017/QH14 đã thể chế hóa. Bước vào năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Thành phố và cả nước cơ bản được kiểm soát, tạo tiền đề quan trọng để các hoạt động kinh tế - xã hội dần trở lại bình thường; tuy nhiên, dưới tác động của tình hình thế giới cùng với những vấn đề nội tại, thị trường trong nước có những yếu tố bất ổn, có những thời điểm biến động và giá cả một số hàng hóa tăng, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Tất cả những tác động bất lợi đến sự phát triển của Thành phố nói chung cũng ảnh hưởng tiến độ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 nói riêng. Cơ chế tài chính chưa được phát huy như mong đợi, Thành phố thiếu nguồn lực tài chính trầm trọng để phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật và xã hội. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan còn có nguyên nhân chủ quan như vướng mắc liên quan cơ chế, chính sách, thiếu quy định hướng dẫn. Hơn nữa, một số vấn đề mới, phức tạp, có tác động lớn, lâu dài, cần nhiều thời gian nghiên cứu, xem xét, đánh giá trước khi triển khai cụ thể. Do đó, cần thiết phải kéo dài thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù đã được ban hành để có thể đánh giá toàn diện nhất hiệu quả mà các cơ chế chính sách này đem lại.

3. Nhiều vấn đề đặt ra trong thực tiễn sau 5 năm triển khai Nghị quyết 54/2017/QH14 cần phải được thể chế hóa thành các cơ chế, chính sách mới.

Tiếp theo Nghị quyết 54/2017/QH14, Thành phố cũng được Trung ương quan tâm ban hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tại điểm d Khoản 4 Điều 10 có quy định Chính phủ “*Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố thuộc Thành phố*”. Sau hơn 1 năm thực hiện chính quyền đô thị, Thành phố cũng đã xác định được các cơ chế, chính sách cần được thể chế hóa để tạo nền tảng cho sự phát triển của thành phố Thủ Đức, cũng như nhìn nhận thấy một số bất cập phát sinh trong quá trình triển khai Nghị quyết số 131/2020/QH14 cần được điều chỉnh bởi Quốc hội³.

³ Bên cạnh công tác triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, năm 2020 thành phố Thủ Đức được thành lập theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận thành lập

Thành phố cũng đang xây dựng Đề án phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua quá trình nghiên cứu cho thấy với khung thể chế như hiện tại thì việc xây dựng Trung tâm tài chính của Khu vực và Thế giới tại Thành phố là chưa thực sự khả thi. Cần thiết phải có sự điều chỉnh, cởi mở hơn về chính sách tài chính, công nghệ, ngân hàng, ngoại hối và các chính sách có liên quan để tạo nền tảng pháp lý cho đề xuất này.

Thành phố cũng có nhu cầu rất lớn trong việc có hành lang cơ chế để thu hút nguồn lực tư nhân vào phát triển kinh tế thành phố, đặc biệt là trong các lĩnh vực phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị, văn hóa, thể thao và các cơ chế để lựa chọn nhà đầu tư trong bối cảnh nguồn ngân sách Thành phố để chi đầu tư phát triển còn hạn hẹp.

Ngoài ra, trong quá trình thực thi công tác quản lý nhà nước, Thành phố nhận thấy có một số chức năng nhiệm vụ của các Bộ, ngành trung ương, chủ yếu là thủ tục hành chính, Thành phố có khả năng, nguồn lực để thực hiện. Việc này có lợi cho tất cả các bên liên quan: các Bộ, ngành trung ương giảm tải gánh nặng giải quyết thủ tục hành chính cho các đối tượng tại Thành phố; Thành phố được chủ động các giải pháp để phục vụ doanh nghiệp Thành phố tốt hơn; doanh nghiệp Thành phố đỡ mất thời gian, công sức, chi phí để đi lại thực hiện các thủ tục hành chính.

Nói cách khác, những nhiệm vụ trung hạn vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh, đó là thực hiện cải cách cả chính sách và hệ thống công vụ rộng hơn để tạo những thay đổi rõ nét về môi trường kinh doanh; cải thiện cơ chế chính sách và hạ tầng liên quan đến nền tảng số và đổi mới sáng tạo; tiếp tục đầu tư mạnh cho nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các hệ thống an sinh và bảo trợ xã hội hiệu quả, linh hoạt; phát triển hạ tầng an sinh xã hội bao trùm, bền vững hơn; thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng, kể cả trong việc phân bổ lại cơ sở sản xuất theo hướng phân công, hợp tác vùng; đồng thời thúc đẩy phát triển trung tâm tài chính quốc tế, phát triển kinh tế số - chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

4. Nghị quyết số 54/2017/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018. Khoản 1 điều 8 quy định “*Chính phủ sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2020, tổng kết thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2022 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về các cơ chế, chính sách đã thực hiện thí điểm.*”

Thành phố đã chủ động xây dựng và trình Trung ương xem xét dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14. Ngày 15 tháng 3 năm 2022, Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch số 98-KH/TU về

Phòng Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Tuy nhiên, thành phố Thủ Đức cần tăng cường cơ chế chính sách đặc thù, nhất là về phân cấp, ủy quyền, để thành phố Thủ Đức có điều kiện bứt phá, phát triển bền vững, xứng tầm vị thế, vai trò là trung tâm đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ cao trong tương lai.

tổng kết Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 gắn với Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch số 1621/KH-UBND kiến nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 để tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 và kiến nghị bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố, trong đó có cơ chế đặc thù cho Thành phố Thủ Đức, tạo cơ chế, hành lang pháp lý cho Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức phát triển nhanh, bền vững.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Báo cáo số 159/BC-UBND báo cáo Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14.

Tại điều 7 Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV giao Chính phủ *“nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất.”*

5. Thành phố tiếp tục rà soát các cơ chế chính sách mới bảo đảm phù hợp với các nội dung của Văn kiện Đại hội đảng XIII và phù hợp với quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn và các chỉ tiêu của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (thay thế Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị). Cụ thể:

Theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030, Thành phố được định hướng tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án cao tốc, quốc lộ, liên kết vùng, giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng giao thông, đô thị như kẹt xe, ngập úng; Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế.

Theo dự thảo quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò đầu tàu, tiếp tục là một động lực tăng trưởng của vùng Đông Nam Bộ và cả nước thời gian tới, dẫn đầu trong các lĩnh vực như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, công nghiệp chế tạo, tài chính ngân hàng...

Về lâu dài, cần nghiên cứu xây dựng luật đô thị đặc biệt cho Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam chỉ có 2 đô thị đặc biệt là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ

Chí Minh. Hiện Hà Nội đã có Luật Thủ đô, còn Thành phố Hồ Chí Minh chưa có luật đặc thù, trong khi Thành phố có những đặc điểm về địa bàn, vị trí, dân số, kinh tế... khác hẳn các tỉnh, thành khác. Do đó, việc xây dựng cơ chế mang tính đột phá, áp dụng trong dài hạn để đầu tàu kinh tế như Thành phố Hồ Chí Minh phát triển là điều cần thiết, đảm bảo quá trình vận hành thông suốt trong lúc chờ Trung ương xây dựng Luật đô thị đặc biệt như Luật Thủ Đô của Thành phố Hà Nội.

6. Như vậy, trước bối cảnh phát triển của Thành phố với những thách thức, cơ hội đan xen, trên cơ sở phân tích kết quả, vướng mắc, nguyên nhân, tồn tại trong việc triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, đòi hỏi cần thiết phải có một Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, tập trung giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách, đồng thời quy định về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) nhằm giữ vững và phát huy vai trò là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, là cực tăng trưởng và có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

Nghị quyết mới sẽ tạo điều kiện cho Thành phố khơi thông nguồn lực phát triển Thành phố trong giai đoạn tới. Đồng thời, kế thừa và tích hợp tất cả các cơ chế chính sách mà Thành phố Hồ Chí Minh cần Trung ương quan tâm hỗ trợ để phát triển tương xứng với vị trí đầu tàu về kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng; đảm bảo cơ sở pháp lý, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, bao quát toàn bộ nội dung cơ chế theo văn bản quy phạm pháp luật, không làm phát sinh bộ máy tổ chức và biên chế thực hiện các cơ chế, chính sách mới. Trong một số trường hợp, quy định trách nhiệm của Thành phố chủ động xây dựng quy trình thủ tục để triển khai quy định, liên hệ với các văn bản hướng dẫn các bộ ngành, thay vì chờ hướng dẫn của các cơ quan, ảnh hưởng hiệu quả trong công tác giải quyết, xử lý các bất cập.

II. Mục tiêu xây dựng cơ chế, chính sách:

1. Mục tiêu tổng quát:

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Nghị quyết số 31-NQ/TW xác định “*tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững*” đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp “*tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất*

lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực.”

Về mục tiêu phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết Đại hội đảng bộ Thành phố lần thứ XI xác định: *“Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân; phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, nghĩa tình, huy động hiệu quả mọi nguồn lực và tận dụng thời cơ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; xây dựng thành phố thông minh, phát triển nhanh, bền vững, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước; đẩy mạnh phát triển văn hóa, tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, xây dựng gia đình hạnh phúc; vì cả nước, cùng cả nước, vì hạnh phúc của Nhân dân, thành phố là trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ và văn hóa của khu vực Đông Nam Á.”*

2. Mục tiêu cụ thể:

Các cơ chế chính sách tập trung khơi thông các nguồn lực kinh tế, tháo gỡ các điểm nghẽn về quy định pháp luật, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể sau:

- Đến năm 2025: Là đô thị thông minh, thành phố dịch vụ, công nghiệp theo hướng hiện đại, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế, động lực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, đi đầu trong đổi mới sáng tạo, có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. GRDP bình quân đầu người đạt 8.500 USD.

- Đến năm 2030 trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á. Tăng trưởng bình quân đạt khoảng **8 - 8,5%/năm**; GRDP bình quân đầu người khoảng **14.500 USD**; kinh tế số đóng góp **40%** vào GRDP; tổng vốn đầu tư xã hội chiếm bình quân khoảng **35%** GRDP.

- Tầm nhìn đến năm 2045, Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hóa phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

PHẦN THỨ HAI: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÍ ĐIỂM TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. Đánh giá chung:

Hiện nay, sự vượt trội của Thành phố so với cả nước ở một số mặt đã chậm lại, hệ thống giao thông, hạ tầng chưa có bước đột phá, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố và phục vụ đời sống nhân dân. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã tạo ra cho Thành phố nhiều áp lực lớn đối với môi trường sinh thái. Thành phố Hồ Chí Minh đang chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, tiếng ồn ngày càng gia tăng. Nguyên nhân một phần bởi diễn biến của dịch Covid-19 nhưng phần quan trọng khác do còn nhiều điểm nghẽn trong thể chế, hạ tầng, đặc biệt là tình trạng ngập nước, kẹt xe, quá tải bệnh viện và trường học, thiếu nguồn lực... Qua quan sát thực tế có thể thấy rõ điểm nghẽn tồn tại ở cả sân bay Tân Sơn Nhất, các tuyến giao thông đường bộ, cảng Cát Lái... Chưa kể, chi phí thuê đất, chi phí logistics lớn cũng gây nhiều bất lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thực tiễn nêu trên đòi hỏi cần thiết phải có một nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14, tạo điều kiện cho Thành phố Hồ Chí Minh khơi thông nguồn lực và tạo đà phát triển trở lại. Việc ban hành cơ chế đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh không phải là ưu ái cho Thành phố mà thực tế đang phát huy vai trò, tiềm năng và gắn trách nhiệm của Thành phố Hồ Chí Minh đối với cả nước.

Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 (*sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết*) đề xuất cơ chế, chính sách tập trung giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách, tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư nhằm giúp Thành phố có thể hoàn thành nhiệm vụ “đầu tàu” kinh tế, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển chung của đất nước.

Theo đó, Dự thảo Nghị quyết gồm 12 điều, trong đó có đề xuất 07 nhóm chính sách là (1) Quản lý đầu tư; (2) Tài chính ngân sách; (3) Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; (4) Ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh; (5) Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; (6) Tổ chức bộ máy của Thành phố; (7) Tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức.⁴

Dự thảo Nghị quyết có đề xuất lại một số cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Trong đó, có 7 nội dung trong lĩnh vực Tài chính ngân sách đã được quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 7, Khoản 8, và

⁴ Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố gồm 08 điều đối với 05 lĩnh vực: (1) quản lý đất đai (2) đầu tư (3) tài chính – ngân sách nhà nước (4) quy định cơ chế ủy quyền giữa các cấp chính quyền và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

Khoản 10 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Trong lĩnh vực Quản lý đô thị và môi trường, dự thảo Nghị quyết tiếp tục đề xuất có điều chỉnh một số nội dung đã được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Trong lĩnh vực Tổ chức, bộ máy, phân cấp ủy quyền và cán bộ, công chức, viên chức, dự thảo Nghị quyết tiếp tục đề xuất một số nội dung đã được quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14.

Ngoài các nội dung kế thừa trên là các cơ chế chính sách mới, bao gồm 03 loại: (i) các cơ chế đặc thù đã được Trung ương ban hành cho một số địa phương khác mà Thành phố có điều kiện và nguồn lực để triển khai; (ii) các cơ chế chính sách có trong một số dự thảo Luật đang được xây dựng và trong quá trình hoàn thiện, áp dụng trước cho Thành phố để đánh giá hiệu quả trước khi trình Quốc hội ban hành chính thức; (iii) các cơ chế chính sách hoàn toàn mới, chưa được quy định hoặc dự kiến đưa vào các văn bản pháp luật khác.

Từ đánh giá tác động của cơ chế, chính sách bao gồm các nội dung (1) xác định vấn đề bất cập, (2) mục tiêu giải quyết vấn đề, (3) các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề, (4) đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan, làm cơ sở (5) kiến nghị giải pháp lựa chọn, về cơ bản Các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng Chủ trương đường lối của Đảng, Phù hợp với Hiến pháp; một số vấn đề mang tính thí điểm sẽ có sự khác biệt với các quy định Luật hiện hành; ngoài ra, các chính sách đề xuất bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: các điều ước liên quan gia nhập Tổ chức thương mại Quốc tế (WTO), các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP-CPTPP). Cụ thể như sau:

1. Tác động về kinh tế:

1.1. Việc áp dụng chính sách trên Thành phố Hồ Chí Minh có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau khi chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-19. Trong đó, bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố như: dự án Xây dựng đường cao tốc TPHCM - Mộc Bài, dự Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát (CRUS1), dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn (CRUS2), 02 dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, 02 dự án thuộc đường Vành đai 2 Thành phố Hồ Chí Minh; dự án Trồng cây xanh cách ly và tạo quỹ đất dự trữ phát triển khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, huyện Củ Chi; dự án Đầu tư hạ tầng, trường học, công viên cây xanh trong phạm vi Nghĩa trang Bình Hưng Hòa - giai đoạn 3... Các dự án trọng điểm trên góp

phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn...

Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cao để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra.

1.2. Cơ chế chính sách cũng giúp thu hút được nhà đầu tư cho một số dự án lớn mà Thành phố đang đàm phán trong lĩnh vực sản xuất chip, hạ tầng cảng biển với tổng vốn đầu tư thu hút thêm dự kiến khoảng 8,6 tỷ đô-la Mỹ. Ngoài các dự án lớn đang đàm phán này, với các cơ chế chính sách này, Thành phố sẽ thu hút thêm 1 loạt các dự án lớn vào Khu công nghệ cao Thành phố hiện hữu và giai đoạn 2 đang chuẩn bị đầu tư, cũng như các nhà đầu tư trong hệ sinh thái của nhà đầu tư chiến lược (công nghiệp phụ trợ, logistics,...) đến đầu tư tại Thành phố. Theo mục tiêu Thành phố đề ra, các chính sách trên nếu được thực hiện sẽ góp phần nâng tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mà Thành phố có thể thu hút được trong giai đoạn 2021-2025 khoảng từ 27-36 tỷ đô-la Mỹ (5,4-7,2 tỷ đô-la Mỹ/năm), giai đoạn 2026-2030 khoảng 36-54 tỷ đô-la Mỹ (7,2-10,8 tỷ đô-la Mỹ/năm). Thành phố cũng sẽ thu hút nhà đầu tư đủ tầm vào Dự án Đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ. Sự có mặt của nhà đầu tư chiến lược đóng vai trò gián tiếp thu hút và kêu gọi các nhà đầu tư tiềm năng, mở rộng hoạt động đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

1.3. Thông qua ưu đãi thuế sẽ tạo động lực thu hút nguồn vốn từ bên ngoài, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên; khuyến khích tạo việc làm; thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên; khuyến khích tạo việc làm; thúc đẩy xuất khẩu, gia tăng sản phẩm nội địa sản xuất trong nước; hoặc phát triển khoa học và công nghệ,... Trong thời gian ngắn hạn sẽ giảm nguồn thu ngân sách, nhưng về dài hạn sẽ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nâng cao năng lực tích lũy, năng lực cạnh tranh qua đó thúc đẩy kinh tế phát triển và tạo ra “hiệu ứng lan tỏa” khác cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, chính sách này sẽ thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố. Đây sẽ là nguồn lực quan trọng để phát triển các giải pháp đổi mới sáng tạo trong tương lai để phục vụ cho các Chương trình lớn của Thành phố. Khoa học và công nghệ là nguồn lực quan trọng của phát triển kinh tế. Các sản phẩm khoa học công nghệ đặc biệt là sản phẩm từ công nghệ mới, tiên tiến đang đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GDP. Thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần cho sự phát triển khoa học công nghệ và gián tiếp

có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế.

2. Tác động về xã hội:

2.1. Giúp Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết được các vấn đề về tắc nghẽn của hoạt động đầu tư công trong các lĩnh vực môi trường, giao thông đô thị, văn hóa, thể thao... từ đó, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố và cả các địa phương khu vực phía Nam, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân cho toàn bộ khu vực phía Nam; đồng thời đẩy nhanh việc triển khai các dự án sẽ tạo sự đồng thuận xã hội, hạn chế các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”, ... và nhất là giải quyết nghịch lý “có tiền nhưng không tiêu được” trong hoạt động đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Với vị trí, vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, nhiệm vụ thực hiện phát triển kinh tế - xã hội là một trong những trọng tâm cần tập trung thực hiện. Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đòi hỏi Thành phố phải có bước đột phá trong việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phù hợp với tiềm năng và lợi thế của Thành phố, gắn với phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mà việc xác định, phân bổ số lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố là một nhiệm vụ rất quan trọng. Tăng nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước tại địa phương góp phần triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được xuyên suốt. Thông qua đó, đảm bảo được việc thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội; nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước và góp phần nâng cao sự hài lòng của Nhân dân.

2.3. Đảm bảo được sự chủ động, linh hoạt trong quá trình ra quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường. Các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết, người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn; góp phần cải cách hành chính, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết.

Góp phần xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh và xây dựng lòng tin của Nhân dân đối với bộ máy của Đảng và Nhà nước.

2.4. Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương.

Chính sách sử dụng và phát huy nguồn chất xám khoa học từng bước tạo sự chủ động cho đơn vị cũng như góp phần củng cố niềm tin, tạo động lực cho các chuyên gia yên tâm công tác. Đồng thời, chính sách này có ý nghĩa lớn trong việc phát huy sức mạnh tri thức của Thành phố, bổ sung thêm tri thức mới, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

3. Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Cơ chế chính sách nếu được thông qua sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và hưởng thụ các dịch vụ y tế, văn hóa. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng cho tất cả người dân, không phân biệt giới tính.

4. Tác động về thủ tục hành chính:

Phần lớn các đề xuất không phát sinh thủ tục hành chính mà tiếp tục thực hiện theo thủ tục hành chính theo quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, có 02 cơ chế chính sách mới có phát sinh hoặc cắt giảm thủ tục hành chính, Thành phố dự kiến cơ quan giải quyết, trình tự thực hiện, cụ thể như sau:

4.1. Quy định về quy trình lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon của Thành phố.

(1) Căn cứ pháp lý: Khoản 10 Điều 5 của Dự thảo nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Tên thủ tục hành chính: Xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon của Thành phố

+ Xác định phạm vi của thủ tục là lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon của Thành phố. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon của Thành phố.

(3) Cơ quan giải quyết

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

+ Cơ quan tham mưu: Sở Tài chính phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

Không được mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện. Lý do: Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan quyết định theo nhiệm vụ được giao tại dự thảo Nghị quyết, không mở rộng được.

(4) Trình tự thực hiện:

Do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Dự kiến như sau:

+ Ủy ban nhân dân Thành phố tham vấn với các tổ chức quốc tế về việc tham gia thị trường tín chỉ các-bon quốc tế, chuẩn bị các nội dung cần thiết để tham gia thị trường và có quy trình lựa chọn.

+ Về việc chào bán tín chỉ các-bon, trường hợp làm quen với thị trường, có thể xem xét, bán tín chỉ các-bon thông qua tổ chức quốc tế để tổ chức quốc tế này chào bán cho doanh nghiệp, nhà đầu tư hoặc tổ chức quốc tế hỗ trợ việc bán tín chỉ các-bon. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét theo hướng chọn bán cho doanh nghiệp, nhà đầu tư có giá mua cao nhất trong số các doanh nghiệp, nhà đầu tư chọn mua tín chỉ các-bon của Thành phố hoặc thỏa thuận giá mua nếu chỉ có một doanh nghiệp/nhà đầu tư mua. Nguyên tắc là tạo dựng thương hiệu tín chỉ các-bon của Thành phố, có thêm nguồn thu để Thành phố xoay vòng vốn cho các chương trình, dự án tại khoản 10 Điều 5.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Khoản thu ngoại tệ sẽ được nộp về Kho bạc Nhà nước để chuyển đổi thành đồng VNĐ và hạch toán vào thu ngân sách Thành phố.

4.2. Quy định về khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch; Quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi, thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch.

Trong trường hợp quy định thực hiện hạn chế hoạt động phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng nhiên liệu hóa thạch tham gia giao thông theo phân vùng khu vực trên địa bàn Thành phố sẽ phát sinh thủ tục hành chính đối với trường hợp chuyển đổi phương tiện sử dụng điện. Dự kiến như sau:

(1) Căn cứ pháp lý: Khoản 14 Điều 6 của Dự thảo nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Tên thủ tục hành chính: Ban hành Quy định khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch; ban hành tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện quy định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện.

+ Xác định phạm vi của thủ tục là Quy định về khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện

chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch; Quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi, thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch.

(3) Cơ quan giải quyết

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố;

+ Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Công an Thành phố.

5. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

5.1. Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Các cơ chế chính sách không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật. Do đó, Giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

5.2. Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: các cơ chế chính sách được đề xuất được tính toán trên cơ sở nguồn lực của địa phương, phù hợp với trình độ và năng lực của bộ máy quản lý. Bản thân các chính sách cũng hướng tới mục đích nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống người dân Thành phố, môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp, không quy định các chế tài hạn chế hoặc phát sinh thêm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Do đó, đảm bảo tính khả thi trong việc thi hành và khả năng tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5.3. Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân

thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

Bảng 1. Các hiệp định Việt Nam tham gia và đàm phán

	Các mốc/Hiệp định	Thành viên	Hiện trạng
1	AFTA	10 nước ASEAN	Ký năm 1992 (ASEAN-6), Việt Nam tham gia năm 1995, các nước còn lại tham gia những năm sau
2	Việt Nam – Hoa Kỳ	Việt Nam và Hoa Kỳ	Ký năm 2000; thực hiện năm 2001
3	FTA ASEAN – Trung Quốc	10 nước ASEAN và Trung Quốc	Ký năm 2004
4	ASEAN – Nga	10 nước ASEAN và Nga	Ký năm 2005
5	FTA ASEAN – Hàn Quốc	10 nước ASEAN và Hàn Quốc	Ký năm 2006; riêng Thái Lan ký năm 2009
6	WTO	Trở thành thành viên thứ 150	Gia nhập năm 2007
7	FTA ASEAN – Nhật Bản	10 nước ASEAN và Nhật Bản	Ký năm 2008
8	FTA ASEAN – Ấn Độ	10 nước ASEAN và Ấn Độ	Ký năm 2009
9	FTA ASEAN – Úc-Niu Di-Lân	10 nước ASEAN và Úc, Niu Di-Lân	Ký năm 2009
10	FTA Việt Nam – Nhật Bản	Việt Nam và Nhật Bản	Ký năm 2009
11	FTA Việt Nam – Chi Lê	Việt Nam và Chi Lê	Ký năm 2011
12	FTA Việt Nam – Hàn Quốc		Ký năm 2015

	Các mốc/Hiệp định	Thành viên	Hiện trạng
13	FTA Việt Nam – Liên minh kinh tế Á-Âu	Việt Nam với Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan	Ký năm 2015
14	FTA ASEAN - Hồng Kông, TQ	Lào, Myanmar, Singapore, Thái Lan và Việt Nam	Ký năm 2017
15	FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)	Việt Nam và khối EU	Hai Hiệp định được ký kết ngày 30/06/2019. EVFTA và EVIPA được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu vào ngày 12/2/2020, và được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8/6/2020. Ngày 30/3/2020, Hội đồng châu Âu cũng đã thông qua EVFTA. Đối với EVFTA, do đã hoàn tất thủ tục phê chuẩn, Hiệp định này đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Đối với EVIPA, về phía EU, Hiệp định sẽ còn phải được sự phê chuẩn tiếp bởi Nghị viện của tất cả 27 nước thành viên EU mới có hiệu lực.
16	FTA Việt Nam – Khối EFTA	Việt Nam và Thụy Sĩ, Na Uy, Ai-xơ-len, Lichtenstein	Đang đàm phán
17	Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP-CPTPP)	Niu Di-Lân, Xinh-ga-po, Chi-lê, Brunây, Việt Nam, Úc, Peru, Nhật Bản, Canada, Malaysia, Mexico (và Hoa Kỳ)	CPTPP được chính thức ký kết vào tháng 3/2018 bởi 11 nước thành viên còn lại của TPP (không bao gồm Hoa Kỳ). Hiệp định CPTPP đã được 8 nước thành viên phê chuẩn, bao gồm Australia, Canada, Nhật Bản, Mexico, Singapore, New Zealand, Việt Nam, Peru

	Các mốc/Hiệp định	Thành viên	Hiện trạng
18	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)	Brunei, Campuchia, Lào, Singapore, Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand	Ngày 15/11/2020, 15 nước thành viên RCEP (trừ Ấn Độ) đã ký kết RCEP
19	Việt Nam - Anh & Bắc Ailen (UKVFTA)	Việt Nam - Vương quốc Anh	Chính thức có hiệu lực từ ngày 01/05/2021
20	Hiệp định Thương mại và Hợp tác Kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ ở Châu Á	Gồm: Ấn Độ, Bangladesh, Brunei, Campuchia, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kong, Indonesia, Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kazakhstan, Kuwait, Lào, Lebanon, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, Nhật Bản, Pakistan, Palestine, Philippines, Singapore, Sri Lanka, Syria, Tajikistan, Thái Lan, Triều Tiên, Trung Quốc, Uzbekistan, Yemen	Đã ký kết
21	Hiệp định Thương mại và Hợp tác Kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia ở Châu Âu	Gồm: Vương quốc Anh, Áo, Armenia, Ba Lan, Belarus, Bulgaria, Đan Mạch, Đức, Estonia, Hà Lan, Hy Lạp, Hungary, Latvia, Luxembourg, Malta, Moldova, Na Uy, Pháp, Phần Lan, Romania, Séc, Slovakia, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Ukraine các nước ASEAN và nước Cộng hòa Liên bang Nga Ấn Độ, Bangladesh, Brunei, Campuchia, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kong, Indonesia, Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kazakhstan, Kuwait, Lào, Lebanon, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, Nhật Bản, Pakistan, Palestine, Philippines, Singapore, Sri Lanka, Syria, Tajikistan, Thái Lan,	Đã ký kết

	Các mốc/Hiệp định	Thành viên	Hiện trạng
		Triều Tiên, Trung Quốc, Uzbekistan, Yemen	
22	Hiệp định Thương mại và Hợp tác Kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia ở Châu Mỹ	Gồm: Argentina, Canada, Chile, Cuba, Hoa Kỳ, Peru	Đã ký kết
23	Hiệp định Thương mại và Hợp tác Kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia ở Châu Phi	Gồm: Ai Cập, Benin, Burkina Faso, Congo, Equatorial Guinea, Gabon, Libya, Mali, Morocco, Mozambique, Namibia, Nam Phi, Sudan, Tanzania, Tunisia, Zimbabwe	Đã ký kết
24	Hiệp định Thương mại và Hợp tác Kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia ở Châu Úc	Gồm New Zealand, Úc	Đã ký kết

II. Chính sách về quản lý đầu tư

Trong lĩnh vực Quản lý đầu tư đề xuất 04 nội dung. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Đề xuất về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Về quy định pháp luật:

a) Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển

- Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 60 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

2. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này. Quốc

hội xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm các nội dung sau đây:

....

b) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách từng địa phương;

3. Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm tổng số vốn và cơ cấu vốn ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; danh mục, mức vốn của các chương trình, dự án đầu tư công, mức vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và đối tượng đầu tư công khác nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã cho phép “Đối với vốn cân đối ngân sách địa phương, các địa phương được giao Kế hoạch đầu tư công hàng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương trên cơ sở khả năng thu thực tế, bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương hằng năm.

- Khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư công 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

“2. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công hằng năm bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước;

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm;

c) Kế hoạch đầu tư công trung hạn;

d) Nhu cầu và khả năng cân đối các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong năm kế hoạch.”

- Điều 53 Luật Đầu tư công 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

“Điều 53. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án đầu tư công khẩn cấp.

2. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định.”

b) Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm

- Điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về các khoản chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương như sau:

“Điều 38. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước thì các khoản chi đầu tư phát triển khác trong nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương phải được cụ thể hóa bởi quy định pháp luật.

- Tại Công văn số 9625/BTC-ĐT ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ Tài chính có ý kiến hướng dẫn:

“Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước đã được Luật Đầu tư công quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 5 như sau:

“5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”

- Tại Công văn số 4372/BKHĐT-KTĐPLT ngày 07 tháng 7 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác được xem là đối tượng của Luật Đầu tư công năm 2019 như sau:

“... Trường hợp các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 không thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công.”

- Tại Công văn số 3076/BTC-NSNN ngày 05 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính có hướng dẫn về việc bố trí vốn ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm như sau:

“a) Ngày 10/6/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Kết luận số 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, theo đó Ban Bí thư thành thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức

chính trị - xã hội các cấp tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có nhiệm vụ, giải pháp "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội,..... Cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương uỷ thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội".

Thực hiện kết luận của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40- CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, theo đó Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo các bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương các cấp triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chương trình tín dụng chính sách xã hội, trong đó có giải pháp: "Các địa phương tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương uỷ thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội; hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn các địa phương. Các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo quốc gia cần bố trí đủ nguồn lực để cho vay các đối tượng này".

b) Luật Ngân sách nhà nước (khoản 1 Điều 38) về nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương ngoài các quy định các nhiệm vụ chi cụ thể có quy định nhiệm vụ chi: "Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật".

Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước có quy định: "**Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: ... **Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp".**

c) Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư và căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 1630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình

Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bố trí từ ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.”

- Tại Công văn số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

“1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản số 1025/BKHĐT-TCTT ngày 26/2/2021 và văn bản số 4372/BKHĐT-KTĐPLT ngày 7/7/2021 có ý kiến về việc bố trí vốn ngân sách Thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm và việc thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2021-2025 không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công (văn bản đính kèm theo).

2. Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương gồm:

“a) Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật”.

Đề nghị Quý Ủy ban căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 nêu trên và các quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định các nhiệm vụ chi của Thành phố theo thẩm quyền, trong đó gồm việc bố trí vốn ngân sách Thành phố đối với Chương trình kích cầu đầu tư và bố trí nguồn vốn ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm”.

Căn cứ các quy định pháp luật và ý kiến hướng dẫn của Bộ ngành nêu trên, để có cơ sở bố trí nguồn vốn đầu tư công (chi đầu tư phát triển khác) để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm (Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố) thì nhiệm vụ chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương này phải thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công.

Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-

CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền **quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương** (ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.

1.1.2. Về thực tiễn:

a) Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển

Việc thực hiện theo quy định hiện hành dẫn đến các khó khăn, vướng mắc sau:

- Theo nguyên tắc của Luật Đầu tư công và các Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các dự án đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn phải ưu tiên trước cho các dự án chuyển tiếp và các dự án có thể hoàn thành theo tiến độ được duyệt. Đồng thời, tổng danh mục các dự án và mức vốn bố trí phải nằm trong mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng). Trên cơ sở Kế hoạch trung hạn được duyệt, hằng năm việc bố trí vốn thực hiện các dự án căn cứ theo nhu cầu của chủ đầu tư, tiến độ triển khai của các dự án nhưng phải đảm bảo nguyên tắc, các dự án bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải có trong danh mục các dự án tại Kế hoạch trung hạn và mức vốn bố trí phải không lớn hơn số trung hạn đã giao.

- Căn cứ các nguyên tắc nêu trên, số vốn Thủ tướng Chính phủ giao (142.557 tỷ đồng) đã được Thành phố tập trung bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 – 2020 qua giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, các dự án được bố trí chủ yếu là các dự án chuyển tiếp (với tổng vốn bố trí là 104.936,144 tỷ đồng, chiếm 73,6% tổng vốn ngân sách địa phương trong trung hạn). Trong tổng 3.607 dự án chuyển tiếp có 753 dự án đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố kéo dài thời gian bố trí vốn. Như vậy, rất nhiều các dự án chuyển tiếp đều là các dự án gặp vướng mắc trong quá trình triển khai, đặc biệt là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, dẫn đến khả năng hấp thụ vốn kém, nhu cầu vốn bố trí hằng năm thấp.

- Thành phố có nhu cầu rất lớn đối với việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Nếu đưa được các dự án mới vào thì có thể bố trí vốn hằng năm và giải ngân nhanh. Hiện nay qua rà soát, Thành phố dự kiến có thể huy động từ các nguồn thu của Thành phố khoảng 119 ngàn tỷ, ngoài mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng) để đáp ứng cho các dự án này.

- Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã cho phép thực hiện cơ chế “các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn

trong cân đối ngân sách địa phương **trên cơ sở khả năng thu thực tế**". Tuy nhiên, nội dung trên **không đề cập đến kế hoạch đầu tư công trung hạn**, dẫn đến không rõ các địa phương có được phép giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vượt mức vốn trung hạn đã được Quốc hội giao và ngoài danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hay không. Do đó, dù các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm linh hoạt theo cơ sở khả năng thu thực tế nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 và Điều 53 Luật Đầu tư công, tức là vẫn phải nằm trong mức vốn và danh mục các dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách thành phố đã được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ giao là 142.557 tỷ đồng đã cố định với danh mục dự án cụ thể được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua. Do đó, không thể bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Nếu bố trí sẽ làm vượt tổng kế hoạch vốn trung hạn đã được Quốc hội thông qua, làm ảnh hưởng đến tính chủ động bố trí ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh trong khi Thành phố vẫn có khả năng cân đối thêm ngoài mức vốn 142.557 tỷ đồng được giao.

Mặt khác, các nguồn thu hợp pháp của Thành phố để cân đối cho đầu tư công là rất lớn, cụ thể từ nguồn thu sử dụng đất, đấu giá tài sản công, nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn, nguồn thu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... Theo các số liệu Thành phố đã rà soát sơ bộ đã báo cáo bộ ngành trung ương thì ngoài mức vốn được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg là 142.557 tỷ đồng, Thành phố có khả năng có thể cân đối nguồn vốn chi đầu tư phát triển cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 là 261.967,923 tỷ đồng, cao hơn 119.410,923 tỷ đồng so với mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ (142.557 tỷ đồng). Như vậy, trong giai đoạn 2021 – 2025, thay vì 142.557 tỷ đồng, Thành phố có thể cân đối cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 và bố trí cho các dự án với tổng số vốn là 261.967,923 tỷ đồng.

Tại buổi làm việc với Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh đã kiến nghị Quốc hội cho phép Thành phố được thực hiện cơ chế: Đối với các nguồn vốn mà Thành phố có thể huy động từ các nguồn thu của Thành phố ngoài mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng), Thành phố được phép chủ động quyết định việc bổ sung tổng mức vốn và danh mục các dự án đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Thành phố theo nguyên tắc bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương của Thành phố, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tại Thông báo số 852/TB-TTKQH ngày 31 tháng 3 năm 2022, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cũng đã có ý kiến như sau: *"Về chủ trương, cơ bản nhất trí*

với đề xuất của Thành phố về nội dung này theo khả năng ngân sách của Thành phố và quy định pháp luật về đầu tư công; đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, xem xét, có văn bản hướng dẫn trả lời đối với kiến nghị nêu trên, hoàn thành trước ngày 15/4/2022”.

Trên cơ sở Thành phố được linh hoạt bố trí Kế hoạch đầu tư công hằng năm theo cơ chế đã được Quốc hội chấp thuận tại Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 và chủ trương cho phép Thành phố nâng trần mức Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của Chủ tịch Quốc hội nêu trên, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hướng dẫn Thành phố về nội dung này tại các Công văn số 4647/BTC-ĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính và Công văn số 3603/BKHĐT-KTĐPLT ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có ý kiến “*Trường hợp Thành phố có khả năng huy động từ các nguồn thu của Thành phố ngoài mức vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2020, đề nghị Thành phố tính toán, xác định cụ thể từng nguồn thu, chi ngân sách địa phương, đảm bảo chắc chắn, khả thi và dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, dự kiến cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (trong đó báo cáo lại tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2021-2025), đảm bảo các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội*”.

b) Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm

Giảm nghèo bền vững là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm mục đích cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, xây dựng nông thôn có hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp,... góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị. Thực tiễn cho thấy cùng với các chính sách tổng thể, chính sách tín dụng ưu đãi là một cấu phần quan trọng trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, góp phần cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở khu vực nông thôn, các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố qua việc bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ vượt chuẩn cận nghèo và giải quyết việc làm cùng với nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương chuyển về, nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương hàng năm đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp cùng Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố tập trung cho vay chương trình vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo và giải quyết

việc làm, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng nông thôn mới và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Tình hình cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020:

+ Việc tăng nguồn vốn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2016 – 2020 để ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố là điểm nổi bật trong việc tập trung nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội tại địa phương đã phát huy hiệu lực, hiệu quả trên phạm vi toàn Thành phố, có tác động tích cực đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

+ Tính đến ngày 31/12/2020, nguồn Hỗ trợ giảm nghèo là 1.076.810 triệu đồng, trong đó, bổ sung từ ngân sách thành phố giai đoạn 2016 - 2020 là 910.820 triệu đồng, từ ngân sách quận, huyện và thành phố Thủ Đức là 151.108 triệu đồng; nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm là 3.562.232 triệu đồng, trong đó ngân sách Thành phố bổ sung cho giai đoạn 2016 - 2020 là 1.173.838 triệu đồng và các quận, huyện và thành phố Thủ Đức chuyển sang 169.995 triệu đồng, trích từ thu lãi và nguồn kết dư từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng nhập bổ sung nguồn 83.915 triệu đồng. Nguồn vốn tín dụng chính ưu đãi đã tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận vay vốn một cách thuận lợi và kịp thời. Trong giai đoạn 2016-2020: nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo, đã hỗ trợ cho 66.184 lượt hộ nghèo vay vốn với số tiền 2.190.355 triệu đồng, bình quân mỗi lượt hộ vay 33 triệu đồng, tăng 21,7 triệu đồng so với mức vay bình quân năm 2015. Dư nợ thực hiện đến ngày 31/12/2020 đạt 1.425.657 triệu đồng với 38.045 hộ đang còn dư nợ, tăng 1.198.457 triệu đồng so với cuối năm 2015; Chương trình cho vay giải quyết việc làm, đã hỗ trợ cho 142.213 lượt lao động được vay vốn với số tiền 5.378.445 triệu đồng, bình quân mỗi lượt hộ vay 38 triệu đồng, tăng 23 triệu đồng so với mức vay bình quân năm 2015. Dư nợ thực hiện đến ngày 31/12/2020 đạt 3.499.390 triệu đồng với 81.474 hộ đang còn dư nợ, tăng 3.138.882 triệu đồng so với cuối năm 2015. Cho vay tín dụng ưu đãi là một trong những giải pháp chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tạo vốn, tạo nguồn lực để người nghèo có điều kiện tham gia sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập để ổn định cuộc sống; đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 5,77 % thời điểm điều tra theo chuẩn nghèo đa chiều (đầu năm 2016) xuống còn 0,75 % thời điểm 31/12/2020. Bên cạnh đó, các nguồn vốn cho vay cũng góp phần thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm tại Thành phố giai đoạn 2016 – 2020.

- Tình hình bố trí vốn cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020:

+ Ngày 28 tháng 7 năm 2021, Quốc hội ban hành Nghị quyết số

29/2021/QH15 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; theo đó, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của Thành phố là 142.557 tỷ đồng.

+ Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022, nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 chưa phân bổ chi tiết còn lại là 6.121,545 tỷ đồng.

+ Tại Tờ trình số 2226/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã dự kiến sử dụng nguồn dự phòng nêu trên, trong đó, dự kiến bố trí cho Chương trình giảm nghèo bền vững: 2.204 tỷ đồng trong trường hợp đảm bảo đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, theo trình bày nêu trên, hiện nay căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành và ý kiến hướng dẫn của Bộ ngành liên quan chưa đủ cơ sở để Hội đồng nhân dân thành phố xem xét bố trí nguồn vốn đầu tư công (chi đầu tư phát triển) để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm của Thành phố, gây kéo dài thời gian bố trí nguồn vốn, không kịp đáp ứng nhu cầu vay vốn tín dụng ưu đãi của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Trong bối cảnh kinh tế xã hội có nhiều biến động, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp tăng, hộ nghèo dễ có nguy cơ tái nghèo. Do đó, duy trì và phát triển mở rộng nguồn vốn cho vay ưu đãi cho người nghèo, các đối tượng chính sách và người lao động nghèo của Thành phố có nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, có thu nhập ổn định, cũng là một giải pháp căn cơ, nâng cao sức chống chịu trước biến cố để vươn lên thoát nghèo bền vững.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển

Tạo điều kiện cho Thành phố có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau khi chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-19; bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn...; tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư công do có thể bố trí ngay cho các dự án khởi công mới có nhu cầu vốn cao, có thể giải ngân được ngay. Đối với các dự án đang vướng mắc về thủ tục (trong đó có công tác bồi thường giải phóng mặt bằng) có thể linh hoạt

bố trí vốn hằng năm trong các năm tiếp theo sau khi đã tháo gỡ được các vướng mắc.

Đồng thời, giải quyết được các vấn đề về tắc nghẽn giao thông, cải tạo môi trường, áp lực lên hệ thống y tế, giáo dục; đẩy nhanh việc triển khai các dự án sẽ tạo sự đồng thuận xã hội, hạn chế các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”; việc phân bổ hiệu quả các dự án đầu tư công sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và hưởng thụ các dịch vụ y tế, văn hóa. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng cho tất cả người dân.

b) Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm

- Mục tiêu cần đạt được: Tại thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đang tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó, đến cuối năm 2025, cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo cả nước, còn dưới 0,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố. Đồng thời, Thành phố đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025.

- Mục tiêu thực hiện trên cơ sở chính trị và cơ sở pháp luật:

+ Thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06- KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; tại điểm a, mục 3 phần II của Kế hoạch quy định “*Các địa phương tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội... Các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo quốc gia cần bố trí đủ nguồn lực để cho vay các đối tượng này*”.

+ Nhằm thực hiện tốt hơn nữa các giải pháp, chính sách phục vụ cho mục tiêu giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị Quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương theo Nghị quyết, Kế hoạch của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố.

+ Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Hội nghị trực

tuyển toàn quốc về “vai trò, hiệu quả tín dụng chính sách trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững” tại Thông báo số 366/TB-VPCP ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, điểm đ khoản 3 mục III: “*Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách thì phần đầu bố trí ít nhất 500 tỷ đồng, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh phần đầu bố trí ít nhất 5.000 tỷ đồng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay*”. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành công văn số 5419/UBND-VX ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội trong năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

+ Văn bản số 3076/BTC-NSNN ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc bố trí ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho chương trình kích cầu đầu tư và cho Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm;

+ Văn bản số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bố trí nguồn vốn ngân sách Thành phố cho chương trình kích cầu đầu tư và cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm;

+ Nghị Quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

+ Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

+ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay Hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Quy định tại dự thảo Nghị quyết chính sách đặc thù cho thành phố Hồ Chí Minh về quản lý đầu tư, cụ thể:

- Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển

Sau khi bố trí đủ vốn ngân sách địa phương cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ trong tổng số vốn đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định, trường hợp có tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân Thành phố được phân bổ cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ mới và bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo Quốc hội kết quả vào giữa kỳ và cuối kỳ kế hoạch;

Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc bố trí vốn cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ phải tuân thủ quy định Luật đầu tư công, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương, không làm tăng mức bội chi ngân sách hằng năm và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm

Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm thông qua việc giao Ủy ban nhân dân Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo tiêu chí, điều kiện, quy trình do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên, không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Đầu tư công.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Chưa tạo đủ dư địa tài chính cần thiết để Thành phố Hồ Chí Minh có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có của Thành phố Hồ Chí Minh về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm: Hiện nay căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành và ý kiến hướng dẫn của Bộ ngành liên quan chưa đủ cơ sở để Hội đồng nhân dân thành phố xem xét bố trí nguồn vốn đầu tư công (chi đầu tư phát triển) để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm của Thành phố, gây kéo dài thời gian bố trí nguồn vốn, không kịp đáp ứng nhu cầu vay vốn tín dụng ưu đãi của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Qua rà soát, thống kê, tổng nhu cầu vốn cần bổ sung để thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo cho vay giải quyết việc làm của Thành phố trong giai đoạn 2021 – 2025 là 5.326 tỷ đồng. Trong bối cảnh kinh tế xã hội có nhiều biến động, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp dẫn đến thời gian vừa qua tỷ lệ lao động thất nghiệp tăng cao, hộ nghèo có nguy cơ tái nghèo cao, tình trạng tín dụng đen ngày

càng phát triển dưới nhiều hình thức phức tạp. Nếu không kịp thời bổ sung nguồn vốn cho vay giảm nghèo và giải quyết việc làm thì sẽ ảnh đến sự phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tác động về xã hội:

+ Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

+ Chưa phát huy được tối đa nguồn lực để giải quyết các vấn đề về tắc nghẽn giao thông, cải tạo môi trường, áp lực lên hệ thống y tế, giáo dục; chưa tạo động lực, điều kiện để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, không giải quyết được các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”.

+ Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm: Chưa giải quyết, đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các đối tượng thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố; dẫn đến người nghèo phải tiếp cận nguồn tín dụng đen, dễ phát sinh bất ổn về chính trị và an ninh xã hội.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển, áp dụng chính sách trên Thành phố Hồ Chí Minh có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau khi chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-19.

Nếu được áp dụng chính sách thì Thành phố dự kiến cần đối bổ sung được khoảng 119.000 tỷ đồng để bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố. Trong đó có các dự án trọng điểm như: dự án Xây dựng đường cao tốc TPHCM - Mộc Bài, dự Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát (CRUS1), dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn (CRUS2), 02 dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, 02 dự án thuộc đường Vành đai 2 Thành phố Hồ Chí Minh; dự án Trồng cây xanh cách ly và tạo quỹ đất dự trữ phát triển khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, huyện Củ Chi; dự án Đầu tư hạ tầng, trường học, công viên cây xanh trong phạm vi Nghĩa trang Bình Hưng Hòa - giai đoạn 3...

Các dự án trọng điểm trên góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn... Tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư công do có thể bố trí ngay cho các dự án khởi công mới có nhu cầu vốn cao, có thể giải ngân được ngay. Đối với các dự án đang vướng mắc về thủ tục (trong đó có công tác bồi thường giải phóng mặt bằng) có thể linh hoạt bố trí vốn hàng năm trong các năm tiếp theo sau khi đã tháo gỡ được các vướng mắc. Đồng thời, cơ chế cũng không làm tăng mức bội chi ngân sách hàng năm và không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản của Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy cũng không ảnh hưởng đến trần nợ công chung của cả nước.

+ Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, triển khai kịp thời nguồn vốn tín dụng chính sách đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách và người lao động nghèo trên địa bàn Thành phố để sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định, qua đó giảm nghèo bền vững, giảm tỷ lệ thất nghiệp; tập trung phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cao để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thông qua triển khai các mô hình giảm nghèo hiệu quả; góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tác động về xã hội:** Giúp Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết được các vấn đề về tắc nghẽn của hoạt động đầu tư công trong các lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... từ đó, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố và cả các địa phương khu vực phía Nam, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân cho toàn bộ khu vực phía Nam;

đồng thời đẩy nhanh việc triển khai các dự án sẽ tạo sự đồng thuận xã hội, hạn chế các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”, ... và nhất là giải quyết nghịch lý “có tiền nhưng không tiêu được” trong hoạt động đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, nếu được thông qua cơ chế, chính sách, Thành phố cân đối đảm bảo nguồn lực nguồn vốn Đầu tư công từ ngân sách Thành phố để bổ sung nguồn vốn cho vay Hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn Thành phố. Nguồn vốn được giao cho Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố (Sở Lao động Thương binh xã hội là cơ quan Thường trực) sẽ thực hiện ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Thành phố để thực hiện triển khai cho vay đối tượng có nhu cầu vay vốn, đảm bảo quy trình, đối tượng cho vay đúng theo quy định⁵. Qua đó, sẽ giúp giải quyết cho 56.971 hộ vay có nhu cầu vay vốn từ nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo với số tiền 2.380.658 triệu đồng, và có 205.450 hộ vay có nhu cầu vay vốn từ nguồn vốn giải quyết việc làm với số tiền 10.723.269 triệu đồng. Sau khi cân đối nguồn vốn hiện có, khả năng quay vòng vốn cho vay, số tiền cần thiết để bổ sung nguồn vốn cho vay là 5.326.000 triệu đồng, trong đó bổ sung cho nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo là 792.000 triệu đồng và nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm là 4.534.000 triệu đồng.

Thực hiện Công văn số 5419/UBND-VX ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội trong năm 2020 và giai đoạn 2021-2025; trong đó quy định tại điểm 9: *“Trong quý 1 hàng năm, Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách cho Ban giảm nghèo quận, huyện để ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm, cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo. Cụ thể: từ năm 2020 những quận, huyện có mức thu ngân sách Nhà nước năm trước trên 1.000 tỷ đồng, thực hiện ủy thác tối thiểu 03 tỷ đồng/năm; quận, huyện có mức thu ngân sách Nhà nước năm trước dưới 1.000 tỷ đồng, thực hiện ủy thác tối thiểu 02 tỷ đồng/năm;...”*

Quận, huyện bổ sung nguồn vốn từ ngân sách quận, huyện theo quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Tuy nhiên, thực hiện mô hình chính quyền đô thị, từ năm 2022, ở cấp quận không tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các quận là đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; do vậy, từ năm 2022, 16 quận không được bổ sung nguồn vốn (từ ngân sách quận) cho

⁵ Với hệ thống gồm Hội sở Thành phố và 15 Phòng giao dịch NHCSXH quận/huyện và thành phố Thủ Đức trực thuộc; hệ thống 04 Hội đoàn thể (Cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên) và 3.721 Tổ Tiết kiệm và vay vốn đảm bảo triển khai chính sách từ các khâu hướng dẫn lập hồ sơ vay vốn, giải ngân và thu hồi vốn. Bên cạnh đó, cùng với 322 Ban Giảm nghèo phường – xã – thị trấn và hệ thống 2.879 Tổ tự quản giảm nghèo tại địa bàn dân cư, đảm bảo thông tin tuyên truyền chính sách đến người dân và đối tượng có nhu cầu vay vốn, tư vấn các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả đến người vay.

nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo hàng năm. Bổ sung nguồn vốn cho vay Hỗ trợ giảm nghèo của 16 quận thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổng hợp báo cáo kế hoạch vốn của Ủy ban nhân dân 16 quận từ năm 2022 đến năm 2025 (năm 2021, Ủy ban nhân dân 16 quận đã bổ sung từ ngân sách quận cho nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo để cho vay hộ nghèo tại địa phương), số tiền bổ sung cho vay năm 2022 đến 2025 là 192.000 triệu đồng.

Chính sách cho vay tín dụng ưu đãi giúp tạo vốn cho người nghèo, người lao động không có cơ hội tiếp cận với các nguồn tín dụng từ ngân hàng Thương mại (do không có tài sản thế chấp và không có nguồn thu nhập cố định để vay tín chấp) có vốn với chi phí vốn thấp để làm ăn, tăng thu nhập dần ổn định cuộc sống. Bên cạnh đó, giải quyết được bức xúc xã hội đó là tình trạng tín dụng đen trên địa bàn Thành phố, với chủ trương, không để người nghèo của Thành phố, người lao động nghèo có phương án làm ăn, có ý thức trả nợ vay không được tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi của Thành phố. Từ đó, cùng với các giải pháp chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác, góp phần hoàn thành mục tiêu giảm nghèo của Thành phố: **đến cuối năm 2025, cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo cả nước, còn dưới 0,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố** (dự kiến đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo còn lại là 0,13%).

- **Tác động về giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Việc phân bổ hiệu quả các dự án đầu tư công sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và hưởng thụ các dịch vụ y tế, văn hóa. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng cho tất cả người dân, không phân biệt giới tính

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Đầu tư công. Do đó, Giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật Đầu tư công là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội

nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì Thành phố dự kiến cần đối bổ sung được khoảng 119.000 tỷ đồng để bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Đầu tư công sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn như công tác bố trí vốn chi đầu tư phát triển, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về đầu tư công cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

- Hơn nữa, về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm: nếu chờ sửa đổi Luật Đầu tư công sẽ không bảo đảm tính kịp thời để giải quyết nhu cầu vay vốn, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách và người lao động nghèo trên địa bàn Thành phố để sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định, qua đó giảm nghèo bền vững, giảm tỷ lệ thất nghiệp, góp phần ổn định tình hình xã hội, phục hồi và phát triển kinh tế của thành phố trong tình hình mới.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở so sánh các Giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

a) Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển, nếu được thông qua cơ chế, chính sách nêu trên, Thành phố dự kiến sẽ triển khai các công việc nhằm đảm bảo hiệu quả như sau:

- Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua số liệu tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương và danh mục chương trình, dự án thực hiện từ nguồn vốn này.

- Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố.

- Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện bố trí vốn đầu tư công trung hạn cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố.

- Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí vốn đầu tư công hàng năm cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố.

Phân công thực hiện:

+ Giao Sở Tài chính rà soát các nguồn thu của Thành phố và xác định khả năng huy động nguồn vốn tăng thêm cho đầu tư công, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề xuất của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phương án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn tăng thêm.

+ Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, giao các cơ quan, đơn vị thực hiện việc lập, trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án theo quy định.

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án.

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí vốn đầu tư công trung hạn cho các chương trình, dự án đã đủ điều kiện theo quy định.

+ Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí vốn đầu tư công hàng năm cho các chương trình, dự án đã đủ điều kiện theo quy định.

b) Về hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, nếu được thông qua cơ chế, chính sách nêu trên, Thành phố dự kiến sẽ triển khai các công việc nhằm đảm bảo hiệu quả như sau:

- Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm để thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng nguồn vốn đầu tư công thực hiện ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội.

- Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện bố trí vốn đầu tư công để cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm thông qua bố trí nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội, phù hợp với chính sách nêu trên.

- Thực hiện giải ngân vốn chi đầu tư phát triển ủy thác cho Ngân hàng chính

sách xã hội để phục vụ nhu cầu vay vốn tín dụng hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm phù hợp theo quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay Hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND và Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Phân công thực hiện:

+ Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt Chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm để thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng nguồn vốn đầu tư công thực hiện ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội (thời gian thực hiện 20 ngày làm việc).

+ Trên cơ sở Chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm để thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách thành phố (vốn đầu tư công) cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm (thời gian thực hiện 15 ngày làm việc).

+ Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt số vốn bổ sung hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt ban hành quyết định bổ sung nguồn vốn từ ngân sách Thành phố.

+ Sau khi có quyết định bổ sung nguồn vốn từ ngân sách Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố) phối hợp cùng Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phân bổ chỉ tiêu nguồn vốn từ ngân sách Thành phố dựa trên cơ sở báo cáo cân đối nhu cầu vay vốn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

+ Sau khi có quyết định bổ sung nguồn vốn từ ngân sách Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố) có văn bản gửi Sở Tài chính thực hiện cấp nguồn vốn bổ sung từ ngân sách cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố) để ký Hợp đồng ủy thác nguồn vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội

chi nhánh Thành phố theo quy định hiện hành.

+ Sau khi có quyết định phân bổ chỉ tiêu nguồn vốn bổ sung từ ngân sách Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố cho từng đơn vị; Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố thực hiện cho vay đối với những hộ vay có nhu cầu theo chỉ tiêu đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

+ Khi nhu cầu vay vốn thực tế phát sinh ở một số đơn vị vượt quá chỉ tiêu đã được Thành phố giao trong khi chỉ tiêu của một số đơn vị còn thừa, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố báo cáo kịp thời Sở Lao động Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố), trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh chỉ tiêu nguồn vốn đã phân bổ giữa thành phố Thủ Đức và các quận, huyện hoặc bổ sung thêm nguồn vốn, tạo điều kiện giải ngân đối với những đơn vị có nhu cầu vay vốn vượt quá chỉ tiêu.

2. Đề xuất về thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

2.1.1. Về các quy định pháp luật hiện hành:

a) Về phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông:

- Khoản 3, Điều 31, Luật Quy hoạch đô thị quy định số 30/2009/QH12

“3. Việc lập quy hoạch chi tiết trục đường mới trong đô thị phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phạm vi lập quy hoạch tối thiểu là 50 mét mỗi bên kể từ phía ngoài chỉ giới đường đỏ của tuyến đường dự kiến;

b) **Khai thác hiệu quả quỹ đất hai bên đường**; nghiên cứu không gian kiến trúc, hình khối công trình, khoảng lùi của các công trình cụ thể, bảo đảm tăng cường tính chỉnh thể và tính đặc trưng của khu vực”

- Khoản 2, Điều 16 Nghị định 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ có quy định

“2. Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là việc Nhà nước áp dụng cơ chế thu hồi đất vùng phụ cận ngoài diện tích đất phục vụ dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ nhằm tạo quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

a) **Việc khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được khuyến khích áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đường bộ theo quy hoạch phát triển đô thị hoặc quy hoạch khu dân cư nông thôn;**

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đường bộ ngoài phạm vi quy định tại điểm a khoản này hoặc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ khác là bến xe, bãi đỗ xe thì căn cứ tình hình thực tế, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này quyết định việc khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Về công tác thu hồi đất:

- Quy định cụ thể việc khai thác hiệu quả quỹ đất phục vụ các công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chính sách ưu tiên cho người có đất ở bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 53 Điều 3 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã giải thích về “Vùng phụ cận” như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

... 53. Vùng phụ cận là vùng đất tiếp giáp với các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”.

Bên cạnh đó, tại khoản 4d Điều 39 Luật Đất đai 2013 và tại điểm c khoản 4 Điều 64 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ cũng đã thể hiện nội dung quy định như sau:

“Điều 64. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

...4. Nội dung kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, bao gồm:

c) Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án cấp quốc gia và cấp tỉnh sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật này; các công trình, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh”.

Như vậy, theo quy định trên, Luật Đất đai 2013 và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) vẫn cho phép khi lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì được phép xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, tại Điều 77 và 78 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP của Chính phủ nêu trên quy định về việc thu hồi đất để phục vụ các

mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng lại **không** thể hiện quy định về việc Nhà nước được thu hồi để thực hiện các dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong vùng phụ cận của các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

2.1.2. Thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh:

a) Về mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông:

Về phát triển giao thông công cộng, trong những năm gần đây, số lượng phương tiện giao thông, đặc biệt là phương tiện cá nhân tăng nhanh, nhưng sự phát triển của hạ tầng giao thông vẫn chưa theo kịp. Theo thống kê, tổng số phương tiện của TP.HCM năm 2018 là 8,56 triệu chiếc, trong đó xe máy chiếm khoảng 93,4% (8 triệu chiếc) còn ô tô cá nhân chiếm khoảng 3,7% (318.000 chiếc). Dịch vụ giao thông công cộng từng bước được cải thiện nhưng mới đáp ứng được khoảng 9,52% nhu cầu đi lại trong thành phố, lượng hành khách giảm trong những năm gần đây. Chính vì giao thông cá nhân vẫn chiếm tỉ trọng lớn nên ùn tắc giao thông ngày càng nghiêm trọng. Mặc dù đã triển khai một số biện pháp nhằm cải thiện điều kiện giao thông của thành phố song hiệu quả vẫn chưa được như mong đợi.

Theo Báo cáo tổng kết đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của TP.HCM đứng thứ 2 sau Hà Nội với tổng vốn đăng ký là 5,9 tỷ USD, chiếm 16,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong khi đó nếu xét về lũy kế vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tháng 12/2018 thì TP.HCM tiếp tục đứng đầu với 45 tỷ USD, chiếm 13,2% tổng vốn đầu tư. Hiệu quả kinh tế của vùng hiện nay là rất lớn, đồng thời đã tăng trưởng liên tục sẽ được kỳ vọng sẽ duy trì trong tương lai. Về cấu trúc không gian của vùng đô thị TP.HCM, trong khi các đô thị đang mở rộng dọc theo các hành lang (hướng tới) từ TP.HCM, thì sự phân bố và tăng trưởng của các tiểu trung tâm vẫn đang theo hệ thống đô thị của toàn vùng; công tác quy hoạch của TP.HCM cũng đang thực hiện điều chỉnh như:

- Quy hoạch chung xây dựng TP.HCM đến năm 2025 đã được phê duyệt, nhưng TP.HCM đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch này theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 14/09/2021 về phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch chung TP.HCM đến năm 2040, tầm nhìn 2060. Theo đó các đồ án Quy hoạch cấp quận - Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/5.000 - 1/2.000) cũng sẽ được lập căn cứ theo quy hoạch chung được phê duyệt.

- Quy hoạch tổng thể giao thông đô thị: Mạng lưới đường sắt đô thị TP.HCM được xây dựng trên cơ sở “Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải TP.HCM” trong Quyết định 568/QĐ-TTg ngày 08/04/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự thảo quy hoạch thành phố Thủ Đức; lập quy hoạch chi tiết dọc tuyến 1, Lập quy hoạch chi tiết dọc Xa lộ Hà Nội; Dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở.

Trước những phát triển đô thị mạnh mẽ hiện nay tại các khu vực dọc tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên) là (i) cơ hội Tạo nguồn kinh phí tái đầu tư cho hệ thống giao thông/giao thông công cộng/đường sắt đô thị thông qua bán đấu giá quỹ đất công xung quanh khu vực nhà ga metro tuyến 1 và tuyến 2 cũng như (ii) thách thức về xây dựng những chính sách quản lý đất đai và sử dụng hiệu quả để phát triển TOD.

(i) Thách thức:

- Thách thức quản lý đất đai và sử dụng hiệu quả để phát triển TOD

Tại Việt Nam, đất đai được quản lý bằng bốn công cụ: Luật Đất đai, quy hoạch sử dụng đất, tài chính đất đai và thủ tục hành chính đất đai. Tuy nhiên, trong quản lý đất đai hiện nay, do các công cụ quản lý chưa hoàn chỉnh, còn bất cập, dẫn đến Nhà nước và người dân không thể chủ động kiểm soát quá trình hình thành giá trị đất đai tăng thêm do đầu tư mang lại, cũng chưa giải quyết tốt việc phân phối lợi ích từ giá trị đất đai tăng thêm này. Trước những bất cập này, TP.HCM đã chủ trương nghiên cứu phương hướng quản lý và sử dụng đất nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai của thành phố.

Bảng 2. Các nội dung liên quan đến thực trạng quản lý đất đai

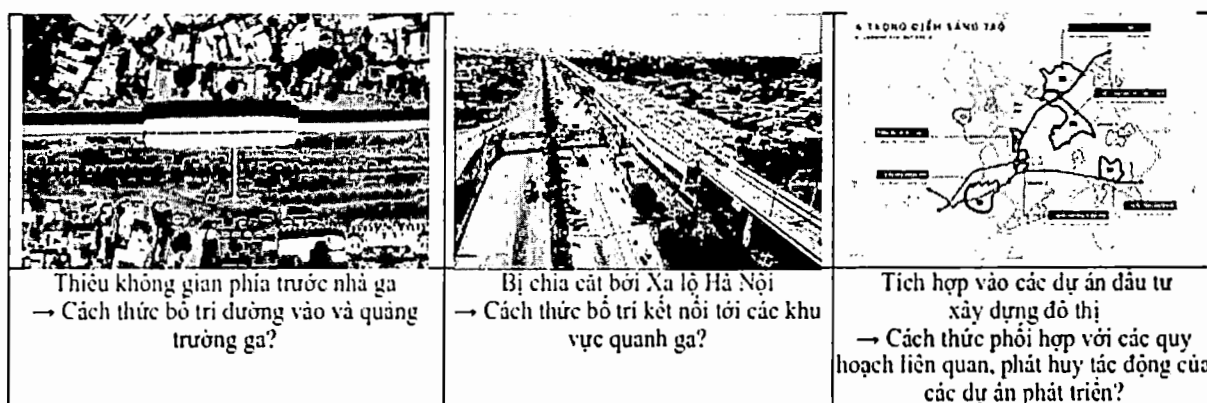
Vấn đề	Nội dung
a. Luật Đất đai 2013	Mặc dù Luật Đất đai 2013 được sử dụng để quản lý đất đai nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Việc hoãn sửa đổi Luật Đất đai chưa giải quyết được các xung đột pháp lý giữa Luật Đất đai và pháp luật được ban hành sau năm 2013 trong đấu giá đất và các dự án BT (trước đây).
b. Quy hoạch sử dụng đất	Quy hoạch sử dụng đất còn thiếu tính đồng bộ về thời gian và không gian với các quy hoạch khác như quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch các ngành. Luật đất đai năm 2013 đã đưa ra những chính sách thu hồi đất theo quy hoạch và đưa đất đã giải phóng mặt bằng ra đấu thầu để chọn chủ đầu tư. Tuy nhiên đây mới chỉ là những quy định mang tính nguyên tắc, chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất theo quy hoạch.
c. Tài chính đất đai	Việc bổ sung sắc thuế mới để thu một phần giá trị đất đai tăng thêm, cũng như đánh thuế cao đối với trường hợp giao dịch “lướt sóng” nhằm ngăn “sốt đất” là cần thiết nhưng không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố. Giá đất được quy định theo Luật đất đai năm 2013 chưa phù hợp với

	giá đất bình quân trên thị trường
d. Quản lý đất công	Trong giao đất đã thu hồi hiện nay, vẫn còn nhiều vướng mắc khi mà cả khu đất của dự án có xen lẫn đất do Nhà nước quản lý ở dạng đất kênh rạch nông nghiệp... và nhà đất do các đơn vị công đang sử dụng mà không có quyền chuyển nhượng. Như vậy, việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức nào (đấu giá đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất) cần được áp dụng thống nhất cho toàn khu vực đất đai đã quy hoạch cho dự án đầu tư.
đ. Thủ tục quản lý đất đai	Hiện nay, hệ thống quản lý đất đai hành chính chưa được số hóa. Thủ tục hành chính liên quan đến đất đai vẫn còn phức tạp và thường khiến người dân không hài lòng.
e. Thu hồi đất	Cần khắc phục nhược điểm về việc không có kinh phí để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng trước khi lựa chọn được nhà đầu tư dự án
g. Công tác giám sát và đánh giá hiệu quả SDD	Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn chưa ban hành được khung pháp luật và tổ chức triển khai trên thực tế nên làm ảnh hưởng đến quyền giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai của các đoàn thể, người dân, người sử dụng đất theo quy định pháp luật. Các cơ quan quản lý nhà nước cũng thiếu kênh thông tin phản hồi quan trọng, đánh giá hiệu quả, chất lượng công việc.

- Những thách thức về TOD tuyến 1:

Nhà ga trên cao của tuyến số 1 sẽ được xây dựng trên hành lang Xa lộ Hà Nội, vốn là trục đường chính, nhưng có vấn đề về bố trí cầu qua đường cho người đi bộ và phân luồng giao thông, vấn đề phân chia địa bàn, ở phía bên kia tuyến đường là khu vực đã có nhiều công trình xây dựng nhưng đường vào lại không được quy hoạch tốt. Ngoài ra, mặc dù đã quy hoạch một số dự án đầu tư xây dựng đô thị quy mô lớn ở Thành phố Thủ Đức nhưng lối tiếp cận các ga và đầu mối giao thông để đáp ứng nhu cầu trong tương lai cũng như quy mô của các dự án phát triển đô thị vẫn chưa được xác định đầy đủ. Do đó, cần phải có biện pháp triển khai tích hợp cho các địa bàn bị xa lộ Hà Nội chia cắt thông qua việc đầu tư xây dựng Tuyến số 1, và thúc đẩy sự phát triển đô thị thông minh tại Thành phố Thủ Đức có tính đến TOD bằng cách phát huy tiềm năng của Tuyến 1.

Hình 1. Tuyến đường sắt đô thị số 1



Nguồn: Nhóm Nghiên cứu JICA

Để giải quyết các vấn đề TOD nói trên, các cơ quan, ban ngành hữu quan cần đặt ra và giải quyết các vấn đề sau đây một cách đồng bộ.

Giai đoạn 1: Tạo Quỹ đất “sạch” xung quanh nhà ga

Giai đoạn 2: Điều chỉnh quy hoạch cục bộ khu vực xung quanh các nhà ga.

Giai đoạn 3: Tạo nguồn tài chính từ khai thác quỹ đất để hiện thực hóa TOD và tái đầu tư trở lại cho giao thông/giao thông công cộng/metro.

* Cơ hội tìm nguồn kinh phí cho các dự án giao thông:

Việc đấu giá các khu đất công cạnh các nhà ga đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành- Suối Tiên) sau khi đã quy hoạch đô thị hoàn thiện sẽ tạo nguồn thu đầu tư lại cho dự án và tái đầu tư cho các dự án hạ tầng khác.

Kể từ khi tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên) được xây dựng đã có hàng chục dự án nhà ở với khoảng 20.000 căn hộ rầm rộ mọc lên suốt tuyến với giá bán rất cao. Tại dự án này, dù Nhà nước đã đầu tư rất lớn để làm hạ tầng nhưng nguồn thu từ địa ốc chỉ thu được một phần nhỏ qua thuế, còn lợi nhuận rất lớn mà chủ đầu tư dự án bất động sản hưởng lợi từ tuyến metro lại không thu được.

Trong số đó, đất dọc theo Tuyến Metro số 1 bao gồm rất nhiều đất công. Cụ thể, đó là đất tại nhà máy xi măng Hà Tiên (TP Thủ Đức), cảng Phước Long và ICD Phước Long sẽ được di dời trong tương lai. Bằng cách bán các khu đất công này thông qua đấu thầu cạnh tranh, có thể đảm bảo cơ hội mua công bằng cho các công ty, đồng thời, có thể thu tiền để phát triển cơ sở hạ tầng và tạo quỹ cho các dự án đầu tư mới.

b) Về việc tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập:

Về tổng thể, Luật Đất đai đã có các quy định áp dụng cho công tác bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng (*sau đây gọi là công tác giải phóng mặt bằng*) để thực hiện dự án đầu tư.

Đồng thời tùy theo loại dự án, nguồn vốn sử dụng, việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng được quy định tại các Luật liên quan đến dự án đầu tư như: Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) và các quy định của pháp luật khác như: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Bảo vệ môi trường...

Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng trong các dự án đầu tư công đã từ lâu được xem là một trong số những “*điểm nghẽn*” trong việc thực hiện các dự án đầu tư. Việc một dự án đầu tư công bắt buộc phải gắn công tác giải phóng mặt bằng gắn với công tác xây lắp đã tạo ra những tác động, hậu quả như sau:

- Đối với dự án có yêu cầu sử dụng đất, các vướng mắc này ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; làm giảm cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư, hiệu quả thu hút đầu tư, vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng...

- Tác động trực tiếp làm chậm tiến độ triển khai, hoàn thành, đưa dự án vào khai thác sử dụng, giảm hiệu quả đầu tư và tăng chi phí xây dựng, lắp đặt, vận hành dự án, tác động đến chi phí cơ hội của nhà đầu tư.

- Công tác giải phóng mặt bằng kéo dài, trong khi cơ chế, chính sách áp dụng thay đổi theo quy định tương ứng với thời gian (giá đất, đơn giá bồi thường,...), dẫn đến việc phải áp dụng khung giá bồi thường cao hơn so với khung giá đã được phê duyệt từ đầu, làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng dẫn đến tăng tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh nhiều lần, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

- Phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt pháp lý, có thể tác động đến tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- Đối với dự án đầu tư công, ảnh hưởng đến khả năng, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn bố trí cho dự án, ảnh hưởng tới khả năng bố trí vốn cho các dự án khác, gây ứ đọng vốn khi các dự án không thể thực hiện được khi chưa có mặt bằng “*sạch*”.

Tóm lại, các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đã gây ảnh hưởng không tốt tới hiệu quả sử dụng nguồn vốn đã có sẵn và khả năng thu hút các nguồn vốn để thực hiện dự án đầu tư trong tương lai.

Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đang được xem là một giải pháp để tạo điều kiện đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, giảm bớt các hệ lụy tiêu cực có thể xảy ra. Pháp luật hiện hành đã quy định việc cho phép tách công

tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, dự án thành phần hoặc tiểu dự án để thực hiện đối với *dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A*.

Tuy nhiên, hiện quy định pháp luật về đầu tư công chưa có quy định đối với việc tách công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ra thành 1 dự án độc lập, không gắn với công tác xây lắp. Việc này tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai *mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông (TOD)* như sau:

(i) Không có cơ sở để tạo quỹ đất để thực hiện tổ chức lại đô thị theo mô hình TOD. Hiện nay, quỹ đất xung quanh các nhà ga của các tuyến Metro và các điểm nút giao tuyến đường Vành đai đa phần là đất do người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng hoặc đất công xen lẫn với các loại đất này. Trong khi đó, để tổ chức lại đô thị thì cần phải có mặt bằng sạch. Do đó, cần thiết phải có sự tham gia của Nhà nước dưới hình thức đầu tư vốn ngân sách để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

(ii) Sau khi các tuyến Metro và đường Vành đai đi vào hoạt động, các vị trí quanh các nhà ga và các điểm nút giao thông sẽ có giá trị quyền sử dụng đất rất cao. Nếu Nhà nước không chủ động thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trước thì sẽ tạo chênh lệch về địa tô rất lớn với những người sử dụng đất tại các khu vực này. Như vậy, sẽ tạo sự mất bình đẳng giữa những đối tượng bị di dời do thực hiện các công trình hạ tầng với những đối tượng có quyền sử dụng đất xung quanh các nhà ga và các điểm nút giao thông.

iii) Nhà nước thông qua sử dụng ngân sách đầu tư rất lớn cho các công trình tuyến Metro và đường Vành đai nhưng không có cơ chế thu hồi vốn để tái đầu tư cho các công trình giao thông khác. Do đó, nhất thiết phải có cơ chế thu hồi một phần chi phí đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng độc lập để thu hồi đất.

(iv) Với quy định hiện hành, việc đầu tư xung quanh các nhà ga Metro và các điểm nút giao thông trên các tuyến đường Vành đai sẽ không đồng bộ và bài bản, phụ thuộc vào ý chí của những người hiện đang có quyền sử dụng đất. Do đó, mục tiêu sắp xếp lại dân cư, thực hiện chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường, điều kiện sống của người dân sẽ rất khó thực hiện được nếu Nhà nước không đứng ra thực hiện các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng độc lập.

+ *Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP)*

Đối với dự án PPP, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) quy định:

(1) Cơ chế sử dụng vốn nhà nước để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng

theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đất đai⁶.

(2) Giới hạn tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và giải phóng mặt bằng dự án PPP không quá 50% tổng mức đầu tư dự án⁷.

Các quy định này dẫn đến các khó khăn, vướng mắc sau trong việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án PPP:

(1) Dự án PPP gặp phải các vướng mắc tương tự trong việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư như đối với dự án sử dụng 100% vốn đầu tư công.

(2) Việc giới hạn tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện giải phóng mặt bằng trong tổng mức đầu tư dự án là không khả thi trong trường hợp chi phí cần thiết để giải phóng mặt bằng cao, vượt quá 50% tổng mức đầu tư dự án. Đồng thời, quy định này cũng không phản ánh được bản chất về phần vốn hỗ trợ của Nhà nước thực hiện dự án PPP, dẫn đến không hài hòa giữa quyền lợi của Nhà nước và nhà đầu tư, khó thu hút nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án.

Bên cạnh quy định của Luật PPP thì quy định của Luật Ngân sách nhà nước cũng tác động đến khả năng huy động các nguồn lực từ ngân sách địa phương, các nguồn lực khác cho công tác giải phóng mặt bằng các công trình do trung ương quản lý khi quy định nhiệm vụ chi cấp nào do cấp đó bảo đảm⁸.

+ Đối với dự án đầu tư kinh doanh

Đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, do đặc thù của các dự án loại này là đã có sẵn mặt bằng sạch (theo hình thức đấu giá) hoặc việc giải phóng mặt bằng chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác giải phóng

⁶ Điều 56 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, hợp đồng dự án PPP và các hợp đồng liên quan.”

Điều 72 quy định:

“1. Vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Căn cứ quy mô, tính chất của từng dự án, cơ quan ký kết hợp đồng xem xét việc tách vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm thành dự án thành phần hoặc tiểu dự án và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đất đai.”

⁷ Điều 69 quy định:

“1. Vốn nhà nước được sử dụng cho các mục đích sau đây:

a) Hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP;

b) Thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

c) Chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm;

d) Chi trả phần giảm doanh thu;

đ) Chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị chuẩn bị dự án PPP, bên mời thầu để thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ của mình quy định tại Điều 11 của Luật này;

e) Chi phí của Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP.

2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Đối với dự án có nhiều dự án thành phần, trong đó có dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP thì tỷ lệ vốn nhà nước quy định tại khoản này được xác định trên tổng mức đầu tư của dự án thành phần đó.”

⁸ Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015

mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công hoặc dự án PPP.

Vướng mắc đối với dự án đầu tư kinh doanh nằm ở 02 vấn đề cụ thể: (i) trong việc tạo mặt bằng sạch thông qua Quỹ phát triển đất đai và (ii) trong việc dự án của nhà đầu tư không thuộc diện Nhà nước thực hiện thu hồi đất, nhà đầu tư tạo mặt bằng sạch thông qua thỏa thuận với người dân. Đây là hoạt động tiềm ẩn nhiều nguy cơ, có thể xảy ra vướng mắc, kiện tụng...

Do đó, cần thiết cho phép địa phương tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập nhằm thúc đẩy thời gian hoàn thiện dự án đầu tư và hạn chế khả năng làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện triển khai nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu lựa chọn nhà thầu, triển khai thi công công trình. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế.

c) Về thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông

Trước thời điểm Luật Kiến trúc có hiệu lực, căn cứ Điều 60 Luật Quy hoạch đô thị, chương III Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị và các văn bản hướng dẫn liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung Thành phố Hồ Chí Minh (tại Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 08 năm 2014) và Quy chế quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) (tại Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2013).

Đó là hai cơ sở pháp lý quan trọng về mặt quy hoạch phục vụ công tác quản lý đầu tư phát triển theo định hướng phát triển nén hướng tới mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông trên địa bàn Thành phố (bao gồm phạm vi một số trung tâm khu vực của Thành phố, khu trung tâm quận, huyện và trong bán kính 400m so với nhà ga đường sắt đô thị). Với hình thức ưu đãi cụ thể về hệ số sử dụng đất tại những khu vực này, bước đầu chính sách đã phát huy tác dụng, được nhiều nhà đầu tư quan tâm tham gia xây dựng chỉnh trang đô thị dọc hướng tuyến đường sắt đô thị số 1 Bến Thành - Suối Tiên. Có thể kể đến như các dự án xung quanh nhà ga Bến Thành (quy mô từ 0,8 ha đến 1,2ha), ga Nhà hát Thành phố (quy mô từ 0,4 ha đến 0,9ha), ga Ba Son (25,3ha) ... đều là những dự án lớn có chất lượng tốt về mặt kiến trúc và quy hoạch, sau khi hoàn thiện đưa vào sử dụng sẽ làm thay đổi rõ rệt diện mạo đô thị Thành phố.

Tuy nhiên, từ thời điểm Luật Kiến trúc có hiệu lực, nội dung quy định về Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã bị bãi bỏ (điểm c khoản 2 Điều 39 Luật

Kiến trúc), các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 (khoản 1 Điều 41 Luật Kiến trúc). Theo nguyên tắc tuân thủ đô thị, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các chương trình, kế hoạch đầu tư xây dựng phát triển đô thị nói chung và quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị, thực hiện quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị hoặc thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến quy hoạch đô thị nói riêng phải tuân thủ quy hoạch đô thị đã được phê duyệt và Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố. Về cơ bản, quy chế quản lý kiến trúc không bao gồm các nội dung quy định về mặt quy hoạch mà chỉ tập trung quản lý kiến trúc các thể loại công trình, xác định khu vực cần lập thiết kế đô thị riêng, tuyên phố; khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù.

Việc điều chỉnh bãi bỏ và chưa có quy định thay thế nội dung tương ứng của quy chế quản lý quy hoạch đô thị trước đây dẫn đến các biện pháp khuyến khích, hạn chế cũng như quy định đặc thù về quản lý và kiểm soát phát triển đô thị cho Thành phố phục vụ định hướng chiến lược trong quy hoạch phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông của Thành phố không còn hành lang pháp lý để xem xét áp dụng trong thực thi quản lý theo quy hoạch được duyệt.

Công tác phân nhóm, tích hợp các nội dung chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cụ thể vào đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố cũng như điều chỉnh các đồ án quy hoạch phân khu liên quan nhằm đảm bảo chiến lược phát triển mô hình đô thị theo định hướng giao thông là cần tiếp tục thực hiện, tuy nhiên việc này sẽ đòi hỏi về mặt thời gian mang tính lâu dài. Trước mắt cần thiết nghiên cứu ban hành các giải pháp thích hợp để mời gọi, thu hút quan tâm đầu tư nhất là các doanh nghiệp tổ chức có vốn nước ngoài, tận dụng hiệu quả, tránh lãng phí quỹ đất tiềm năng, có giá trị xung quanh các khu vực đầu mối hạ tầng giao thông quan trọng của Thành phố.

d) Về công tác thu hồi đất:

- Luật Đất đai 2013 đã quy định cụ thể các trường hợp thu hồi đất cho mục đích quốc phòng, an ninh và cho phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng tại Điều 61 và Điều 62. Theo đó, Nhà nước chỉ thu hồi đất với các dự án đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư và một số trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua sự cần thiết phải thu hồi đất. Tuy nhiên, thực tế việc áp dụng các quy định về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế bất cập nhất là việc thu hồi đất trong vùng phụ cận như việc thu hồi đất vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Luật Đất đai còn nhiều khó khăn hạn chế do diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận lại không thuộc các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia,

công cộng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai.

Hiện nay, Thành phố hiện đang thực hiện các dự án đầu tư công trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị như các Dự án tuyến Metro, Vành đai, Cao tốc, Rạch Xuyên Tâm, Khu Bình Quới – Thanh Đa. Đây là các dự án đầu tư công lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất trong vùng phụ cận, làm tăng giá đất, giá nhà và cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc đầu cơ đất đai tại các khu vực này.

Lấy ví dụ cụ thể đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông mà Thành phố đã đầu tư trước đây như tuyến đường Võ Văn Kiệt, tuyến đường Hoàng Sa – Trường Sa hay mới nhất là tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên. Trước khi thông tin quy hoạch được công bố, đã xuất hiện tình trạng người dân, tổ chức “đổ xô đi mua đất” vùng phụ cận các dự án trên.

Việc này ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, đồng thời gián tiếp làm tăng giá trị bồi thường khi Nhà nước cần thu hồi đất trong vùng phụ cận này để thực hiện các dự án đầu tư công khác.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc ban hành cơ chế, chính sách để giải quyết vấn đề này là cần thiết.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung **đột phá chiến lược** để huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: “*huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công – tư*”, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 và theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2020 - 2030 tại Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Kế hoạch triển khai thực hiện tại Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021, theo đó tổng km đường dự kiến đầu tư khoảng 454km (gồm các tuyến đường cao tốc, vành đai, quốc lộ, các tuyến giao thông trục chính, cầu lớn,...) với tổng kinh phí dự kiến trong giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 266.000 tỷ đồng (vốn ngân sách thành phố: 92.000 tỷ đồng chiếm 34,6%.

- Đối với nội dung cơ chế đề xuất áp dụng thí điểm “mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông” khi bổ sung Dự án đầu tư xây dựng Đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh thì trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có khoảng 2.413,4 ha đất dọc theo tuyến có thể quy hoạch khai thác thu hồi vốn đầu tư và tạo nguồn vốn cho phát triển hạ tầng đô thị trong tương lai, trong đó khoảng 514 ha đất nông nghiệp do Nhà nước trực tiếp quản

lý rất thuận lợi trong công tác thu hồi đất.

+ Đối với phạm vi đất 514 ha đất nông nghiệp trên có thể thu hồi ngay khi có chủ trương, tổ chức lập quy hoạch và bán đấu giá thu về khoảng 26.985 tỷ đồng.

+ Đối với các quỹ đất còn lại 1.899 ha: sẽ tiến hành rà soát hiện trạng, lập phương án thu hồi đất, điều chỉnh quy hoạch và tiến hành bán đấu giá... Dự kiến cũng sẽ thu về cho nhà nước khoảng 50.000 nghìn tỷ đồng.

- Về thời gian thực hiện thí điểm chủ trương: Dự kiến chủ trương thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có hiệu lực từ tháng 7/2023-7/2028 cũng là thời điểm Dự án đường vành đai 3 TP.HCM triển khai hoàn thành và đi vào khai thác (thông xe vào năm 2025 và hoàn chỉnh vào năm 2026) rất thuận lợi trong việc lập quy hoạch và tổ chức đấu giá cho các khu đất dọc tuyến sau khi có hạ tầng hoàn chỉnh sẽ đem lại giá trị gia tăng rất cao, thu về cho ngân sách Thành phố nguồn thu lớn.

Giải quyết những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch đô thị vùng phụ cận của các nhà ga tuyến đường sắt đô thị số 1 và số 2; trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư,... để dự án TOD sớm triển khai hoàn thành đưa vào khai thác, vận hành nâng cao hiệu quả đầu tư dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 và số 2.

a) Các khu vực nhà ga của dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên) có thể xem xét phát triển TOD:

+ **Khu vực xung quanh Ga Tân Cảng:** là ga trung chuyển cần được đảm bảo tiếp cận thông qua mạng lưới đường cho người bộ và hệ thống đường gom tới các khu vực phát triển quy mô lớn và khu ở nằm phía Nam Xa lộ Hà Nội, khu ở và đại học ở phía bắc nhà ga và cần tích hợp với không gian xanh xung quanh. Cần xem xét tiềm năng thiết lập công trình trung chuyển giao thông và dịch vụ khu vực bằng cách sử dụng đất quân sự phía Nam Xa lộ Hà Nội. Ga trung chuyển cần được tăng cường bởi một quảng trường nhà ga cho xe buýt và xem xét kết nối tới nhà ga nối của Tuyến số 5 trong tương lai. Cung cấp dịch vụ vận chuyển khách du lịch gắn với giao thông thủy trên sông Sài Gòn.

+ **Khu vực xung quanh Ga An Phú:** do có nhiều công trình thương mại quanh nhà ga, có thể phát triển cơ sở hạ tầng thông qua hợp tác công - tư như đảm bảo tiếp cận tới nhà ga và phát triển đầu mối giao thông tích hợp với các công trình thương mại.

+ **Khu vực xung quanh Ga Bình Thái:** trong ngắn hạn phát triển đường tiếp cận phía trước nhà ga, trung tới dài hạn tái phát triển các khu dân cư hiện hữu và phát triển các khu vực nhờ di chuyển các khu công nghiệp.

+ **Khu vực xung quanh Ga Khu công nghệ cao:** phát triển công trình thương mại và giải trí hướng tới dân địa phương và người đi làm, công trình dịch vụ hỗ trợ kinh doanh để hỗ trợ sinh viên và các đối tượng khởi nghiệp và không gian công cộng như là nơi giao tiếp.

b) Về việc tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập:

Cơ chế này sẽ giải quyết được một số điểm nghẽn trong thực tế như sau:

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước thủ tục đầu tư khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, hạn chế khả năng làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng, dẫn đến phải điều chỉnh dự án.

- Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư (về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần phải thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh thực hiện trước một bước) nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng (như: di dời người dân, thu hồi đất,...).

- Chủ đầu tư dự án xác định rõ được khả năng thực hiện và giải ngân của dự án, có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị dự án được thực hiện tốt hơn, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn.

- Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện khi tách khỏi dự án đầu tư, không tính vào thời gian thực hiện dự án, giảm bớt áp lực về thời gian và tiến độ thực hiện cho chủ đầu tư dự án, tạo thêm thời gian cho các khâu tổ chức lựa chọn nhà thầu, thi công công trình,... qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình.

- Phân định và làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc thực hiện giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.

c) Về công tác thu hồi đất:

- Quy định cụ thể việc khai thác hiệu quả quỹ đất phụ cận các công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chính sách ưu tiên cho người có đất ở bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật.

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm thực hiện trước đối với chính sách trên giúp cho việc thực hiện các dự án đầu tư công trong vùng phụ cận của Thành phố được thuận lợi. Tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng. Ngoài ra, tạo nguồn kinh phí cho Thành phố để

tiếp tục thực hiện các dự án tương tự trong các vùng phụ cận. Bên cạnh đó, sẽ thể chế hóa, hiện thực hóa được các định hướng, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai

2.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1:

Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông:

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách địa phương để triển khai dự án đầu tư công độc lập để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án đầu tư theo đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch đô thị vùng phụ cận các nhà ga thuộc tuyến đường sắt được cấp thẩm quyền phê duyệt dọc theo tuyến Đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên), Đường sắt đô thị số 2 (Bến Thành - Tham Lương), vùng phụ cận các nút giao thông dọc tuyến đường Vành đai 3 thuộc địa phận Thành phố theo quy định của pháp luật để thu hồi đất, chỉnh trang, phát triển đô thị, thực hiện tái định cư tại chỗ, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị theo quy định.

- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo trình tự, thủ tục của dự án đầu tư công nhóm A theo tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công.

- Đối với vùng phụ cận các nhà ga, các nút giao thông quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định điều chỉnh mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tăng so với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy chuẩn xây dựng nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được xác định trong nội dung đồ án quy hoạch chung Thành phố.

- Thành phố thực hiện thu hồi đất đối với các dự án quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất nêu trên sau khi đảm bảo các điều kiện sau:

+ Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn.

+ Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi của dự án trong vùng phụ cận đã được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

c) **Giải pháp 3:** Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên, không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Đầu tư công.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

+ Không có cơ chế để dùng ngân sách nhà nước tổ chức công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch. Từ đó tổ chức đấu giá hoặc lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật để thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch.

+ Chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án có thể thực hiện giải phóng mặt bằng sớm, làm tăng chi phí bồi thường do cơ quan được giao thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương chưa có cơ sở tính toán, áp dụng khung giá bồi thường, hỗ trợ.

+ Theo quy định hiện hành, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư công chỉ thực hiện sau khi dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khoảng thời gian giữa lúc dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư cho đến khi được phê duyệt quyết định đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải trải qua nhiều bước khó khăn.

+ Trong khoảng thời gian này có thể phát sinh những yếu tố làm tăng chi phí bồi thường (địa phương phê duyệt khung giá bồi thường mới, người dân yêu cầu mức bồi thường cao hơn khi biết được có dự án sắp triển khai, trực lợi chính sách...) làm tăng chi phí bồi thường đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Đồng thời, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân, việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, lựa chọn tư vấn, đấu thầu...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

+ Vấn đề này tạo ra “vòng lặp” trong quá trình thực hiện khi dự án vừa được phê duyệt đã phải điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh nhiều lần do các nội dung phê duyệt không còn phù hợp với tình hình thực tế. Dự án được phê duyệt nhưng việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng chậm dần tới kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và lại gây ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Như vậy, công tác giải phóng mặt bằng chậm – dự án tăng chi phí, đội vốn – phải điều chỉnh dự án – lại gây chậm trễ trong công tác giải phóng mặt bằng.

+ Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước

ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

+ Việc thực hiện các dự án trong vùng phụ cận của các dự án đề xuất thí điểm vẫn gặp nhiều khó khăn bất cập về chi phí bồi thường, về thực hiện các thủ tục thu hồi đất,...

+ Về chính sách quy hoạch phục vụ mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông, làm giảm quyền lợi, giá trị kinh tế của các chủ sở hữu đất đai có liên quan; giảm mức độ quan tâm, tham gia nghiên cứu, khai thác cũng như sử dụng không hiệu quả quỹ đất dọc các khu vực định hướng phát triển giao thông của đô thị.

- **Tác động về xã hội:** phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt pháp lý, có thể tác động tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

Không cải thiện được khả năng kết nối các loại hình giao thông phù hợp với phân bố dân cư, ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại và các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc, tai nạn giao thông.

Về chính sách quy hoạch phục vụ mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông, không tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hạn chế cơ hội hợp tác kinh doanh.

- **Tác động về giới:** giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhưng không giải quyết được vướng mắc, bất cập; cơ sở pháp lý thay thế các quy định trước đây về chính sách ưu đãi không có.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước

quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

* Đối với nhà nước:

+ Lợi ích:

++ Tăng nguồn thu cho Ngân sách thành phố; giá trị gia tăng của đô thị sẽ được nhà nước thu về để tạo nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của Thành phố.

++ Đảm bảo thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, cụ thể là tạo sự rõ ràng, rành mạch trong việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Nhà nước tạo được quỹ đất sạch để chủ động khai thác nguồn lực đất đai đáp ứng nhu cầu đất đai cho quá trình phát triển và điều tiết địa tô chênh lệch. Ngoài ra giúp cho việc thực hiện các dự án đầu tư công trong vùng phụ cận của Thành phố được thuận lợi. Tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng. Ngoài ra, tạo nguồn kinh phí cho Thành phố để tiếp tục thực hiện các dự án tương tự trong các vùng phụ cận.

++ Tách riêng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng ra khỏi tổng mức đầu tư dự án sẽ cho phép việc so sánh các chi phí, đơn giá xây dựng từng hạng mục công trình giữa các dự án, giúp giám sát chặt chẽ chi phí đầu tư xây dựng.

++ Cho phép tạo dựng mặt bằng “sạch”, tạo quỹ đất để huy động nguồn lực ngoài xã hội tham gia đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, góp phần chỉnh trang đô thị, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; đồng thời giảm áp lực cho ngân sách của địa phương trong việc phải cân đối, bố trí phần vốn đầu tư xây dựng công trình trên đất.

++ Về chính sách quy hoạch phục vụ mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông,

+++ Nhà nước: việc tiếp tục thực hiện chính sách phù hợp, có lợi cho cá nhân, tổ chức trong tham gia sản xuất, kinh doanh sẽ là cơ hội để đánh giá hiệu quả và tính sát thực của biện pháp quản lý nhà nước trong công tác quy hoạch sử dụng đất ở địa phương; phát huy tối đa nguồn lực đất đai xung quanh những khu vực đầu mối giao thông thuận tiện; đồng thời giúp các cơ quan quản lý kịp thời hiệu chỉnh giải pháp cơ chế, chính sách pháp luật về quy hoạch đô thị nhằm bám sát thực hiện định hướng phát triển mang tính chiến lược của chính quyền Thành phố.

+++ Người dân, doanh nghiệp: một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà

đầu tư và doanh nghiệp nghiên cứu, khai thác đầu tư vào các khu vực phụ cận nhà ga, các nút giao thông, cải thiện doanh thu và lợi nhuận; mặt khác cũng nhằm tăng cường hạ tầng kỹ thuật giúp cải thiện điều kiện sản xuất, giao thương, phân phối hàng hóa giữa nhà cung cấp với người tiêu dùng được liên tục, hiệu quả.

+ Chi phí: Phát sinh ngân sách nhà nước phải bố trí để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Chi phí này chỉ được thu hồi sau khi đã tổ chức đấu giá khu đất sạch.

* Đối với người sử dụng đất: tạo sự rõ ràng, rành mạch trong việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

- Tác động về xã hội:

Tạo môi trường đầu tư bình đẳng, quy hoạch đô thị được thực hiện bài bản và có tính chiến lược lâu dài; người dân sẽ được hưởng lợi khi đô thị phát triển gần trục giao thông và có đầy đủ hạ tầng xã hội.

* Đối với nhà nước:

+ Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án đầu tư được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

+ Vừa huy động được nguồn lực, sức mạnh của địa phương, vừa tăng cường, xác định rõ trách nhiệm cho địa phương và chủ đầu tư dự án trong việc thực hiện dự án.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, người sử dụng đất và chủ đầu tư do thu hẹp và quy định rõ ràng, rành mạch cơ chế việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng để Nhà nước tạo được quỹ đất sạch để chủ động khai thác nguồn lực đất đai đáp ứng nhu cầu đất đai cho quá trình phát triển và điều tiết địa tô chênh lệch. Thể chế hóa các định hướng, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

+ Cải thiện được khả năng kết nối các loại hình giao thông phù hợp với phân bố dân cư, giải quyết nhu cầu lưu thông, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và giải quyết điểm nghẽn về hạ tầng giao thông góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các tỉnh lân cận.

+ Về chính sách quy hoạch phục vụ mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông, giúp các cơ quan nhà nước dễ dàng hơn trong việc quản lý và điều chỉnh phát triển đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh; cung cấp lý luận và cơ sở pháp lý để kiên trì thực hiện định hướng phát triển đô thị đã được Đảng và Nhà nước đề ra, cụ thể hóa trong quy hoạch vùng cũng như quy hoạch chung Thành phố.

* Đối với doanh nghiệp, người dân:

+ Việc giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án đầu tư sẽ không bị ảnh hưởng do biến động giá đất khi dự án đầu tư triển khai, không làm tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, không gây mất bình đẳng giữa người dân nhận bồi thường trước và sau khi triển khai dự án.

+ Tăng cường an sinh xã hội cho người dân: thời gian được nhận tiền đền bù từ đất bị thu hồi nhanh hơn và cao hơn, có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp, có điều kiện gia tăng giá trị tài sản để cải thiện đời sống.

+ Tăng cường xác định rõ trách nhiệm cho địa phương và chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án.

+ Giảm bức xúc của người dân khi có thể sớm nhận được tiền đền bù, ổn định cuộc sống sau tái định cư, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

+ Tiếp tục thu hẹp và quy định rõ ràng, rành mạch cơ chế thực hiện việc thu hồi đất trong vùng phụ cận.

+ Về chính sách quy hoạch phục vụ mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông, việc cho phép điều chỉnh mật độ xây dựng và tăng chỉ tiêu hạ tầng xã hội - hạ tầng kỹ thuật trong đó đường phố, công viên, trường học, bệnh viện được chỉnh trang nâng cấp sẽ từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực. hướng tới việc thay đổi và hình thành thói quen sử dụng giao thông công cộng trong sinh hoạt và công việc thường nhật.

- **Tác động về giới:** giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới

- **Tác động về thủ tục hành chính:**

+ Thủ tục hành chính được thực hiện tương tự như đối với 1 dự án đầu tư công. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án Giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

+ Về công tác thu hồi đất, thủ tục hành chính thực hiện tương tự công tác thu hồi đất được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Đầu tư công. Do đó, giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ

thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật Đầu tư công là cần thiết, bổ sung nội dung quy định chính sách đặc thù cho quy hoạch hiện đang còn thiếu; tạo hành lang pháp lý, cơ sở lý luận, gia tăng tính hiệu quả của quy hoạch, đảm bảo tính khả thi trong triển khai áp dụng, tạo sự thống nhất trong quản lý quy hoạch tại Thành phố, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “*bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững*”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố trong việc thực hiện thủ tục tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công, nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Đầu tư công sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (thay thế Luật Quy hoạch đô thị và Chương II Luật Xây dựng) hiện nay đang được Chính phủ đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024), thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2024), nếu được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Trong khi, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023), nếu được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. Do vậy, nếu chờ dự án dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được thông qua sẽ không kịp thời tháo gỡ được vướng mắc, bất cập tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về đầu tư công cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trên cơ sở so sánh các Giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3. Đề xuất đối với tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

Đối với các khu đất do Nhà nước quản lý trong trường hợp đầu tư các công trình ngầm có mục tiêu công cộng thì hiện tại có 3 hình thức lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án là Đấu giá quyền sử dụng đất; Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và đầu tư theo hình thức hợp tác công tư.

Đối với mỗi hình thức lựa chọn nhà đầu tư đều có những ưu điểm và hạn chế, cụ thể như phân tích tại bảng sau:

Bảng 3. So sánh các hình thức lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án

	Đấu giá	Đấu thầu	PPP
Ưu điểm	- Phù hợp với hiện trạng khu đất (đất công, không có yêu cầu GPMB)	- Có thể đặt ra yêu cầu cụ thể (đầu bài đối với việc thực hiện dự án). - Luật Đấu thầu có quy định lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (Điều 26)	- Phù hợp thực tiễn (đất của Nhà nước, vốn của Nhà đầu tư)
Hạn chế	- Khó khăn trong việc đặt ra yêu cầu đối với mục tiêu thực hiện của dự án vì về nguyên tắc đất bán đấu giá cho nhà đầu tư, nhà đầu tư có quyền thực hiện dự án theo nhu cầu của mình, nhà nước có thể quản lý bằng các chỉ tiêu quy hoạch.	- Luật Đấu thầu không có quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án ngầm. - Luật Đất đai quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thương mại, dịch vụ nhưng không quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án hỗn hợp trong đó có các mục đích thương mại (trung tâm thương mại) và mục đích công cộng (bãi đỗ xe bus). - Theo quy định của pháp luật về đấu thầu (Khoản 3 Điều 11 Nghị định 25/2020/NĐ-CP) quy định việc đấu thầu chỉ được thực hiện trong trường hợp không đủ điều kiện đấu giá (đất chưa được giải phóng mặt bằng). Trong trường hợp này, không có cơ sở rõ ràng để xác định dự án không đủ điều kiện để tổ chức đấu giá (lý do: phần đất phía trên đang là công viên do nhà nước quản lý, phần đất	- Không phù hợp với các lĩnh vực đầu tư theo hình thức PPP do có cấu phần: thương mại – dịch vụ trong tổ hợp công trình (K1Đ4 Luật PPP)

<p>- Luật Đất đai có quy định về đấu giá quyền sử dụng đất, có quy định về việc sử dụng phần đất ngầm nhưng không có quy định về việc đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình ngầm.</p>	<p>phía dưới là phần đất ngầm. Việc triển khai thực hiện dự án sẽ không phải thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng)</p> <p>+ Thành phố đã tổ chức lấy ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhận được ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1026/BKHĐT-QLĐT ngày 26/02/2021; trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến:</p> <p><i>“Trường hợp dự án xây dựng một tổ hợp nhiều hạng mục công trình với các công năng sử dụng khác nhau như Dự án này, nhưng chỉ có một hạng mục đầu tư (khu thương mại, dịch vụ) được xác định là công trình thương mại, dịch vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, thì việc xác định cả Dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP là chưa đủ cơ sở.”</i></p>	
---	--	--

Như vậy, đối với các dự án thuộc diện này, hiện nay cả tổ chức đấu giá, đấu thầu hoặc thực hiện theo phương thức đối tác công tư đều có những vấn đề bất cập nhất định. Trong khi đó, nhu cầu của Thành phố trong việc thực hiện các dự án này là rất bức thiết, cần sớm có hướng để tháo gỡ.

Ngoài ra, về sắp xếp lại, xử lý nhà đất, thực tiễn hiện nay, đối với phần đất công nằm xen cài trong ranh khu đất chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư, theo quy định, sẽ thực hiện việc xử lý theo quy định tại Điều 40, 62, 69, 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, trong số các hình thức xử lý tài sản công quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không có hình thức xử lý để đưa ra đấu thầu.

Do đó, việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đối với các khu đất công thuộc khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng sẽ không khả thi, gây lãng phí thời gian khi quy định của pháp luật hiện hành chưa quy định đấu thầu là một phương án sắp xếp, xử lý tài sản công mà chỉ quy định hình thức sắp xếp là đấu giá. Trong trường hợp như vậy, việc tổ chức đấu giá phần đất nhà nước trong dự án sau đó tổ chức đấu thầu toàn bộ dự án là bất hợp lý. Chưa có cơ sở đảm bảo việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ đảm bảo sử dụng đất hiệu quả hơn so với phương án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt. Với số lượng dân số ngày càng tăng đã dẫn tới sự quá tải cả về hạ tầng đô thị như: nhà ở, giao thông đô thị và không gian công cộng đô thị.... Quỹ đất xây dựng đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh đang ngày càng ít lại. Đứng trước vấn đề này, theo xu hướng mới ở Việt Nam và không mới đối với thế giới là phải tận dụng, khai thác và quản lý phát triển không gian ngầm có hiệu quả thì mới góp phần quản lý và phát triển đô thị hiện đại và bền vững. Cùng với việc đang hoàn thiện về quy hoạch không gian ngầm của Thành phố thì Thành phố cũng đang tập trung vào việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư các công trình ngầm; dự án sử dụng đất với nhiều mục tiêu, trong đó có mục tiêu kinh doanh và mục tiêu công cộng. Tuy nhiên, do xu hướng này chưa được phổ biến tại Việt Nam nên về cơ sở pháp lý để triển khai vẫn đang chờ bổ sung, sửa đổi, cập nhật để dần hoàn thiện. Do đó, Thành phố Hồ Chí Minh mong muốn có một cơ chế đặc thù để thí điểm thực hiện, từ đó làm tiền đề, tạo động lực cũng như hành lang pháp lý cho việc thực hiện các dự án công trình ngầm khác của cả nước.

Đồng thời, sớm tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án cũng như giải quyết được việc sắp xếp, xử lý các khu đất công có trong ranh dự án theo quy định về Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với các khu đất công, tránh để khu đất thực hiện dự án bị hoang hóa, lãng phí hoặc quy hoạch treo ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân tại các khu vực này.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án;

- Đất chưa được giải phóng mặt bằng (dự án nhà ở xã hội và dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không phải đáp ứng điều kiện này).

Phần diện tích đất do nhà nước quản lý trong các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nêu tại Khoản 3 Điều này không phải thực hiện thủ tục sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên, không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Đấu thầu.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Việc giữ như hiện trạng khiến cho các dự án thuộc diện này không thể triển khai thực hiện do các vướng mắc về pháp lý. Thêm vào đó, khi quỹ đất của Thành phố đã cạn kiệt nhưng không thể tận dụng thêm quỹ đất ngầm cũng như không thể giải quyết được bài toán tắc nghẽn về giao thông sẽ khiến sức cạnh tranh của Thành phố so với các địa phương khác khi kêu gọi đầu tư sẽ tụt giảm, vấn đề kẹt xe kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, mất nhiều chi phí cơ hội. Do đó, giải pháp có tác động tiêu cực tới sự phát triển kinh tế Thành phố.

- Tác động về xã hội:

+ Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

+ Chưa phát huy được tối đa nguồn lực để giải quyết các vấn đề về tắc nghẽn giao thông, cải tạo môi trường, áp lực lên hệ thống y tế, giáo dục; chưa tạo động lực, điều kiện để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, không giải quyết được các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”.

- **Tác động về giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Trong trường hợp nhà nước mong muốn thực hiện dự án thì nếu có đưa các khu đất công ra sắp xếp lại, xử lý thì cũng phải lựa chọn hình thức bán đấu giá để thu tiền về cho ngân sách. Tuy nhiên, khả năng đấu giá thành công sẽ rất thấp vì các tổ chức, cá nhân khi tham gia đấu giá sẽ biết được ngay sau khi trúng đấu giá, khu đất có thể sẽ bị thu hồi để thực hiện dự án lớn theo quy hoạch ban đầu (dự án gồm phần đất công và phần đất của tổ chức, cá nhân khác).

+ Trong khi đó, nếu thực hiện theo cơ chế đặc thù này, giá trị phần đất của nhà nước cũng vẫn được xác định theo thị trường thông qua việc nhà đầu tư đề xuất giá trị M2 trong quá trình tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Việc xác định giá trị phần đất của nhà nước vẫn đảm bảo công khai, minh bạch, cạnh tranh tương tự như việc tổ chức đấu giá.

+ Bên cạnh đó, nếu xét về người sử dụng đất, trong trường hợp này nhà nước cũng chỉ là một người sử dụng đất tương tự như tổ chức, cá nhân khác trong ranh dự án. Việc chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án là xuất phát từ ý chí của nhà nước nên việc nhà nước chấp nhận đất của mình bị thu hồi để thực hiện dự án với mức giá và cơ chế tương tự như đất của người dân, doanh nghiệp trong dự án là hợp lý. Mục tiêu cuối cùng là dự án được thực hiện thành công và giúp nhà nước, xã hội đạt được những lợi ích kinh tế, xã hội lớn hơn khi dự án được thực hiện thành công.

Nhà đầu tư được lựa chọn vẫn phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, tạo ra nguồn thu ngân sách, không làm thất thoát ngân sách nhà nước

- Tác động về xã hội:

+ Giúp Thành phố giải được bài toán về cạn kiệt quỹ đất xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, trong đó đặc biệt là bãi đỗ xe tại khu vực trung tâm

+ Sớm giúp Thành phố tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư trên Thành phố (kéo dài qua rất nhiều năm). Đa phần đây là các dự án lớn (khu đô thị, trung tâm thương mại có diện tích lớn, ở vị trí đắc địa, trong nhiều trường hợp là cả một khu vực hoặc một ô phố...), một khi đi vào hoạt động góp phần nâng cao đời sống của người dân, giải quyết các nhu cầu an sinh xã hội. Đẩy nhanh quá trình đưa đất vào sử dụng, triển khai đầu tư dự án, hạn chế tối đa tình trạng hoang hóa, lãng phí đất trong quá trình sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

(ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật:

Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đấu thầu nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Việc cho phép thực hiện cơ chế này góp phần bổ sung một phần khuyết thiếu của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (vốn đang không có quy định về hình thức xử lý hợp lý đối với tài sản công trong các dự án cần đưa ra tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án).

+ Đảm bảo tính đồng bộ giữa quy định của Luật Đấu thầu, Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Luật Đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

+ Bên cạnh đó, theo Điều b Khoản 4 Điều 128 Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi (Dự thảo ngày 30/12/2022):

“Điều 128. Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thông qua việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất

4. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

b) Trường hợp trong khu vực đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này có diện tích đất do Nhà nước quản lý thì diện tích đất do Nhà nước quản lý được đưa vào tổng diện tích đất để lập dự án và được Nhà nước thu hồi để giao, cho thuê cho nhà đầu tư thực hiện dự án không phải thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không phải đấu thầu dự án có sử dụng đất; ”

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Đấu thầu. Do đó, Giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật Đấu thầu là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “*bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững*”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì Thành phố sẽ tổ chức thực hiện đấu thầu trước cho các dự án có đất công trong dự án và các dự án bãi đậu xe ngầm để giải quyết tình trạng thiếu chỗ đậu xe, làm tiền đề để thực hiện tiếp cho các dự án công trình ngầm khác, để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3: Tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Đấu thầu sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về đấu thầu cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở so sánh các Giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Đề xuất về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP):

4.1. Đề xuất liên quan các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích, di sản văn hóa:

4.1.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Quy định pháp luật:

*** Về các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích, di sản văn hóa**

Ngày 14 tháng 02 năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tại Điều 4 về lĩnh vực đầu tư và phân loại dự án có quy định dự án văn hóa và thể thao thuộc lĩnh vực được áp dụng thực hiện của Nghị định này.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (*thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP*). Theo đó, dự án thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao vẫn được quy định áp dụng thực hiện theo hình thức đối tác công tư.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Quốc hội ban hành Luật số 64/2020/QH14 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, tại Điều 4 – lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án không có dự án thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1014/QĐ-TTg về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 với quan điểm, mục tiêu “Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao, mở rộng khả năng tiếp cận của các tầng lớp Nhân dân đối với các loại hình dịch vụ văn hóa và thể dục thể thao...”.

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI đã chỉ đạo “Tập trung đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao tiêu biểu, mang tầm vóc khu vực, tương xứng vai trò, vị trí của một đô thị đặc biệt và thành phố mang tên Bác. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, có chính sách khuyến khích, kêu gọi các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực hoạt động và xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, thể thao, tạo điều kiện tiếp tục phát triển các cơ sở văn hóa, thể thao ngoài công lập...”

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, Bộ Chính trị có Kết luận số 14-KL/TW về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, chỉ đạo như sau: “Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, khuyến khích cán bộ có tư duy sáng tạo, cách làm đột phá, tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung. Đề xuất đổi mới, sáng tạo của cán bộ phải báo cáo với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị nơi công tác; được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thực hiện hoặc thực hiện thí điểm, bảo đảm không trái với Hiến pháp và Điều lệ Đảng...”

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ đạo “... Nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển văn hóa...”.

Ngày 10/6/2022, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo số 397/TB-VP về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Dương Anh Đức tại buổi họp nghe báo cáo về tình hình triển khai một số dự án trọng điểm ngành văn hóa và thể thao; theo đó “Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các Sở ngành liên quan rà soát, tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Quốc hội (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14) về cơ chế đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đề xuất cho phép Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện

các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất lĩnh vực văn hóa và thể thao theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư”.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có Kế hoạch số 124-KH/TU về thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung “Các ý tưởng sáng tạo, đột phá là của từng cá nhân hoặc của nhóm cá nhân phải được cấp có thẩm quyền thông qua và đồng ý về chủ trương, hỗ trợ về mọi mặt để tổ chức thực hiện; đối với các trường hợp bức thiết khẩn cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải đề xuất, báo cáo cấp thẩm quyền quyết định và chỉ đạo cụ thể.”

Ngày 07 tháng 10 năm 2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó có chỉ đạo “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá - xã hội tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đầu tư thích đáng cho phát triển văn hoá, thể dục, thể thao, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hoá đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ gắn với phát triển kinh tế - xã hội”.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ đạo “Xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về văn hoá, có sức lan toả, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cả nước...”

*** Về quy mô dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao**

Theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có nêu: “b) Không thấp hơn 100 tỷ đồng đối với dự án thuộc lĩnh vực quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;”

Việc quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP không thấp hơn 100 tỷ đồng để áp dụng phương thức đầu tư PPP là cần thiết nhằm ưu tiên đầu tư PPP đối với các dự án quan trọng, khuyến khích thu hút nguồn lực đầu tư từ khu vực tư nhân thuộc các lĩnh vực được xác định, tránh tình trạng đầu tư tràn lan, không kiểm soát được rủi ro do các dự án PPP còn liên quan đến các nghĩa vụ từ phía khu vực công như bảo đảm đầu tư, cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu...

b) Thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh:

*** Về các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích, di sản văn hóa**

Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng phát triển cơ sở vật chất của Ngành Văn hóa và Thể thao để đáp ứng yêu cầu phát triển; Thành phố

đã kêu gọi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư⁹.

Các dự án của Ngành Văn hóa và Thể thao đang trong quá trình triển khai thực hiện, hoàn chỉnh trình cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định. Tuy nhiên, tất cả dự án của Ngành đều dừng thực hiện do Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020 (*Điều 4 – lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án*) không cho phép các dự án mới thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao được áp dụng thực hiện.

Đối với lĩnh vực thể thao, hiện nay nhiều công trình thể thao do Nhà nước quản lý (sân vận động, nhà thi đấu đa năng, hồ bơi...) đã xuống cấp, trang thiết bị tập luyện cần được nâng cấp, sửa chữa. Đồng thời, nhiều dự án công trình thể thao chuyên nghiệp như Khu liên hiệp thể dục thể thao chưa được đầu tư mới, đúng mức.

Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh đang xây dựng hoàn thiện Đề án “*Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030*”. Theo đó, đề ra mục tiêu phát triển tổng doanh thu của 08 ngành công nghiệp văn hóa sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố đến năm 2030 dự kiến khoảng **148.000 tỷ đồng**¹⁰ (đến năm 2025 là 53.200 tỷ đồng; đến năm 2030 là 94.800 tỷ đồng). Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện Đề án Phát triển ngành công nghiệp Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 đạt hiệu quả theo các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, cần có cơ chế chính sách tạo nền tảng, hỗ trợ, tạo động lực, khuyến khích, định hướng cho sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa Thành phố phát triển.

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có **185 di tích** đã được xếp hạng, **100** công trình địa điểm thuộc danh mục kiểm kê, trong đó có những di tích lịch sử - văn hóa mang đậm dấu ấn riêng, phản ánh được quá trình khai phá, xây dựng, đấu tranh của nhiều thế hệ cư dân sinh sống. Các di tích đã xếp hạng trên địa bàn Thành phố tập trung vào các loại hình gồm: di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật và di tích lịch sử. Từ năm 2009 đến nay, trên địa bàn Thành phố đã đầu tư bố trí kinh phí cho việc tu bổ, tôn tạo đạt khoảng 1.000 tỷ đồng (vốn ngân sách và xã hội hóa), với khoảng 40 di tích được đầu tư tu bổ, chỉnh lý trưng bày bổ sung tại di tích. Tuy nhiên, vẫn còn

⁹ Một số dự án như:

- Khu phức hợp Trung tâm văn hóa nghệ thuật đa năng (số 30 Trần Hưng Đạo, Q1);
- Khu phức hợp Trung tâm Văn hóa thiếu nhi đa năng, Rạp chiếu phim (số 651 Trần Hưng Đạo, Q1);
- Khu nhà kho và dịch vụ triển lãm đa năng tại Bảo tàng Mỹ thuật;
- Khu trưng bày chuyên đề đa năng và phòng trải nghiệm cho học sinh – sinh viên tại Bảo tàng Lịch sử;
- Rạp Kim Châu số 15-17 Nguyễn Thái Bình, Q1;
- Các dự án thành phần trong Khu Liên hợp TDTT quốc gia Rạch Chiếc
- + Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Liên hợp TDTT quốc gia Rạch Chiếc;
- + Dự án Nhà thi đấu TDTT tổng hợp và thi đấu Futsal;
- + Dự án sân đua xe đạp lòng chảo và đường đua xe mô tô kết hợp sân bóng đá ngoài trời;
- + Dự án sân vận động 50.000 chỗ có bố trí đường chạy điền kinh;
- + Học viện Bóng đá;
- + Dự án Khu dịch vụ cho vận động viên, huấn luyện viên, chuyên gia và khách mời...

¹⁰ Số liệu này được Viện Nghiên cứu phát triển thành phố và Cục Thống kê thành phố nghiên cứu đưa vào nội dung Đề án phát triển ngành công nghiệp văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030

hiều di tích đang xuống cấp, chưa được tu bổ, tôn tạo đúng mức. Thành phố Hồ Chí Minh đang xây dựng phương án trùng tu, tôn tạo, quản lý, bảo quản, khai thác sử dụng phù hợp, hiệu quả, tránh tình trạng xuống cấp đối với các di tích, nhất là các di tích lịch sử, công trình kiến trúc liên quan đến sự kiện Tết Mậu Thân 1968 để chuẩn bị chào mừng Kỷ niệm 55 năm Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968; các nhóm di tích lịch sử, công trình kiến trúc liên quan đến Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước góp phần đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống, quảng bá các giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật và phục vụ nhu cầu tham quan của Nhân dân và du khách.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, Văn phòng Thành ủy có Thông báo số 424-TB/VPTU về kết luận của Thường trực Thành ủy về việc trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, công trình kiến trúc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; theo đó chỉ đạo “... đầu tư từ ngân sách và khuyến khích xã hội hóa tham gia vào quá trình trùng tu, nâng cấp, sửa chữa các di tích, công trình kiến trúc tại địa phương...”

Như vậy, yêu cầu xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa và thể thao thành phố là rất cần thiết; trong khi nguồn vốn ngân sách đầu tư cho phát triển văn hóa và thể thao còn hạn chế. Theo nhu cầu phát triển cơ sở vật chất Ngành Văn hóa Thể thao giai đoạn 2021-2025 đề xuất gồm **98 dự án**. Tuy nhiên chỉ có **28 dự án** được ghi vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 để lập nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư với tổng kinh phí là **5.140.000.000 đồng**.

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hệ thống thiết chế ngành Văn hóa và Thể thao Thành phố đa năng, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế nhưng nguồn lực tài chính đầu tư còn thấp, trong khi cơ chế thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư không được áp dụng thực hiện. Đây là khó khăn rất lớn cho Ngành để đạt được mục tiêu đề ra.

**** Về quy mô dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao***

Theo hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý và ngoài công lập Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng trung tâm văn hóa – thể thao cấp quận là 42. Số lượng nhà văn hóa – khu thể thao cấp xã là 88, số lượng Nhà văn hóa Khu thể thao cấp phường xã là 1.990, số lượng thiết chế văn hóa ngoài công lập là 2.330.

Có thể thấy, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý và ngoài công lập Thành phố Hồ Chí Minh phát triển rất lớn. Tuy nhiên, quan điểm của Thành phố trong việc lựa chọn dự án PPP để thu hút đầu tư là lựa chọn đúng các điểm nghẽn, nút thắt để tập trung giải quyết, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, mang lại hiệu quả, tác động lớn và lan tỏa.

4.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để lựa chọn các dự án PPP văn hóa - thể thao mang tính khả thi, Thành phố ưu tiên đầu tư PPP đối với các dự án quan trọng, tăng cường huy động nguồn lực và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển văn hóa. Tạo điều kiện cho Thành phố có thể chủ động linh hoạt trong việc kêu gọi, triển khai các thủ tục đầu tư PPP nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đẩy mạnh hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng xã hội.

Tạo điều kiện cho Thành phố có thể chủ động linh hoạt trong việc kêu gọi, triển khai các thủ tục đầu tư PPP nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đẩy mạnh hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng chiến lược, theo đúng mục tiêu tổng quát của Quốc hội đặt ra tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai 2021 - 2025. Theo đó “*Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đầu tư công và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, giảm tỷ trọng vốn đầu tư công trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước; tạo chuyển biến rõ nét trong đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội; góp phần quan trọng để thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.*”

4.1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Quy định tại dự thảo Nghị quyết về chính sách đặc thù theo hướng:

Thành phố được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa. Trình tự thủ tục thực hiện các dự án quy định tại điểm này theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực tại điểm a khoản này không thấp hơn 100 tỷ, trừ loại hợp đồng O&M;

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

+ Nếu thực hiện theo quy định hiện hành thì các thiết chế văn hóa của Thành

phổ thông sẽ được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách thành phố. Tuy nhiên do nguồn vốn hạn chế, Thành phố sẽ khó triển khai được các công trình dự án văn hóa thể thao có quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế cũng như nâng cấp, sửa chữa các công trình thể thao xuống cấp. Đồng thời, việc triển khai đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách thành phố sẽ không tận dụng được kinh nghiệm, thế mạnh của các nhà đầu tư tư nhân trong việc quản lý, khai thác vận hành.

Theo nhu cầu phát triển cơ sở vật chất Ngành Văn hóa Thể thao giai đoạn 2021-2025 đề xuất gồm **98 dự án**. Tuy nhiên chỉ có **28 dự án** được ghi vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 để lập nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư với tổng kinh phí là **5.140.000.000 đồng**.

- Tác động về xã hội:

+ Không phát huy được nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa, thể thao, dẫn đến khi số lượng thiết chế văn hóa ít, người dân ít cơ hội, mong muốn tham gia các hoạt động, phong trào thể dục thể thao, chưa nâng cao được sức khỏe và cải thiện đời sống tinh thần, chưa có điều kiện tham gia các hoạt động thể thao với chất lượng dịch vụ tốt, đa dạng, chuyên nghiệp.

+ Chưa thu hút được nguồn lực từ khu vực tư nhân để nâng cao hiệu quả đầu tư, tối ưu hóa việc sử dụng đất, các nguồn lực vốn, công nghệ, năng lực quản lý của các Nhà đầu tư tư nhân trong việc đầu tư xây dựng các công trình thể thao, tiêu chuẩn tập luyện, thi đấu, cung cấp dịch vụ thể thao, huấn luyện, phong trào thi đấu thể thao.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thêm quy định pháp luật, tuy nhiên có thể đơn giản trình tự, thủ tục so với quy định của Luật PPP hiện hành trong việc thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực văn hóa thể thao.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước

quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước; tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư PPP lĩnh vực văn hóa, thể thao đối với các công trình có quy mô lớn, có thể đáp ứng được các sự kiện thể thao quốc tế. Khi có sự tham gia của nhà đầu tư tư nhân, của xã hội vào các dự án, công trình công trong lĩnh vực thể thao, văn hóa thì việc đầu tư sẽ phù hợp với thực tế, công tác quản lý vận hành sẽ đạt được kết quả tốt hơn và Nhà nước không chịu rủi ro hỗ trợ ngân sách. Với số lượng dự án lĩnh vực thể thao văn hóa đang được đề xuất, nếu kêu gọi thành công theo hình thức PPP sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế TPHCM nói chung và cả nước nói riêng. Thông qua việc giao khối tư nhân khai thác, vận hành dưới sự quản lý của Thành phố, nhiều công trình thể thao, nhà hát, bảo tàng... đang xuống cấp có thể được đầu tư mới hoặc cải tạo sửa chữa theo hình thức Hợp đồng PPP phù hợp (O&M, BTL/BLT), tạo điều kiện để nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng thu ngân sách thông qua việc cung cấp dịch vụ đa dạng.

Các dự án có quy mô lớn đang thực hiện kêu gọi xã hội hóa dự kiến trên **27 dự án** với **tổng mức đầu tư dự kiến trên: 20.604.492.000.000 đồng**, Số liệu này chỉ là dự kiến, sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho phép nghiên cứu thực hiện đối với từng dự án cụ thể, Sở Văn hóa và Thể thao, các sở ngành liên quan và nhà đầu tư cùng nghiên cứu các quy định pháp luật để đề xuất tổng mức các dự án theo đúng quy định

- Tác động về xã hội:

+ Thành phố có cơ chế để huy động nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình văn hóa, thể thao, qua đó tạo điều kiện để người dân tích cực tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, coi thể dục thể thao là công cụ hữu hiệu để nâng cao sức khỏe, thể lực tầm vóc, chất lượng cuộc sống của nhân dân và đẩy lùi dịch bệnh, nâng cao sức khỏe cho cộng đồng để vận động toàn dân tích cực tập luyện thể dục thể thao và thường xuyên tổ chức các sự kiện thể thao từ phong trào đến thành tích cao; các giải thể thao giành cho người khuyết tật, người cao tuổi, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên. Nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bổ sung các địa điểm tổ chức các hoạt động giao lưu, sáng tạo văn hóa và thụ hưởng về văn hóa từ các công trình văn hóa thể thao. Từ đó cộng đồng, người dân có thể thấm thụ được hệ giá trị quốc gia và các giá trị văn hóa.

+ Khi triển khai theo hình thức PPP, Nhà nước đã tận dụng được nguồn lực từ khu vực tư nhân, nâng cao hiệu quả đầu tư, tối ưu hóa việc sử dụng đất, các nguồn

lực vốn, công nghệ, năng lực quản lý của các Nhà đầu tư tư nhân trong việc phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ công. Qua đó tạo công ăn việc làm cho người lao động, thúc đẩy phát triển các ngành nghề có liên quan.

+ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền địa phương, tạo sự chủ động, linh hoạt cho thành phố Hồ Chí Minh trong việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình văn hoá, thể thao.

- **Tác động về giới:** Giải pháp không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** đơn giản trình tự, thủ tục so với quy định của Luật PPP hiện hành trong việc thúc đẩy xã hội hóa.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Do đó, Giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Theo Giải pháp 2 thì Thành phố sẽ thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong quá trình thực hiện triển khai dự án xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình văn hoá, thể thao. Do đó, Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về đầu tư theo phương thức đối tác công tư cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

4.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở so sánh các Giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4.2. Đề xuất liên quan các giải pháp đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông:

4.2.1. Xác định vấn đề bất cập:

4.2.1.1. Về các quy định pháp luật hiện hành:

a) Đối với dự án đầu tư Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ hiện hữu:

Hệ thống đường bộ (gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong đó nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng, các tuyến Quốc lộ đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh rất cần **mở rộng mặt cắt ngang theo quy hoạch, đầu tư đường trên cao trên các tuyến đường hiện hữu** để đáp ứng nhu cầu lưu thông, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và giải quyết điểm nghẽn về hạ tầng giao thông góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các tỉnh lân cận.

Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH14 năm 2017 về nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác công trình giao thông theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyên giao (BOT) do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, trong đó có nêu: ***“Đối với các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu.”***

Theo quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) khi thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT đã làm cho Thành phố gặp phải khó khăn trong việc huy động nguồn vốn ngoài ngân sách, thu xếp nguồn vốn triển khai đầu tư hoàn thiện các tuyến đường trục chính này trong bối cảnh ngân sách thành phố còn rất

hạn hẹp. Cụ thể:

- **Tại điểm b Khoản 9 Điều 3** về giải thích từ ngữ có quy định: “*Dự án PPP là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thông qua việc thực hiện một hoặc các hoạt động sau đây:*

...

b) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có;

...”

- Điểm Khoản 1 Điều 45 quy định: “*1. Nhóm hợp đồng dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng hoặc tổ chức bao tiêu sản phẩm, dịch vụ công, bao gồm:*

a) Hợp đồng BOT là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng, kinh doanh, vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó cho Nhà nước;”.

- **Điểm Khoản 4 Điều 45 quy định:** “*4. Đối với dự án quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật này, không áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng.”*

Phần lớn các tuyến đường trực chính hiện hữu của Thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã có trong quy hoạch nhưng chưa được đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo đúng quy mô lộ giới quy hoạch được phê duyệt (Không phải thực hiện như đánh giá trong NQ 437: “Đa số các dự án tập trung trong lĩnh vực đường bộ theo phương thức cải tạo, nâng cấp tuyến đường độc đạo hiện hữu nên chưa bảo đảm quyền lựa chọn của người tham gia giao thông”). Với quy định tại Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH14 năm 2017 và Khoản 4 Điều 45 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư nêu trên, việc đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng (không phải duy tu, sửa chữa) hoặc đầu tư đường trên cao các tuyến đường hiện hữu (***hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có***) theo đúng quy mô quy hoạch được duyệt là không được phép thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT.

- **Tại khoản 2 Điều 69 Luật Đầu tư** theo phương thức đối tác công tư, quy định: “*2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Đối với dự án có nhiều dự án thành phần, trong đó có dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP thì tỷ lệ vốn nhà nước quy định tại khoản này được xác định trên tổng mức đầu tư của dự án thành phần đó.”.* Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 1400/BGTVT – KHĐT ngày 16 tháng 02 năm 2023, theo đó: “*kiến nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế cho phép tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án*

lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án.”. Với đặc thù các dự án nâng cấp, mở rộng đường hiện hữu tại Thành phố Hồ Chí Minh là các tuyến đường đô thị, có mật độ xây dựng cao, đa số các dự án được xác định có chi phí GPMB chiếm tỷ trọng trên 60% trong tổng mức đầu tư (chi phí bồi thường, giải tỏa nhà dân, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,...). Do đó, việc đề xuất tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP không lớn hơn 70%, để tăng hiệu quả đầu tư dự án, thu hút nhà đầu tư tham gia, giảm mức chi trả của người dân và đảm bảo tính khả thi thực hiện chính sách.

b) Đề xuất liên quan các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao:

Vướng mắc quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) tại điểm d Khoản 5 Điều 101, quy định: “Dùng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT.”

4.2.1.2. Thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh:

a) Đối với dự án đầu tư Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ hiện hữu:

Về hiện trạng hệ thống đường bộ của Thành phố, trong đó các tuyến đường trục chính đô thị, cửa ngõ, kết nối với các tỉnh lân cận và các tuyến Quốc lộ đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh đã được đầu tư và đang khai thác. Tuy nhiên quy mô hiện hữu chưa đáp ứng nhu cầu lưu thông và chưa được mở rộng theo lộ giới quy hoạch. Về Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2013, trong đó các tuyến đường trên cao (gồm 05 tuyến) dự kiến sẽ được đầu tư trên cơ sở các tuyến đường hiện hữu, khi đầu tư đường trên cao, đồng thời sẽ phải thực hiện mở rộng đường hiện hữu theo lộ giới quy hoạch đáp ứng bố trí tuyến đường trên cao theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Về nguồn lực đầu tư: Trong bối cảnh khả năng cân đối ngân sách thành phố không thể đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nói chung và kết cấu hạ tầng giao thông nói riêng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn chế (Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thành phố thông qua bố trí cho lĩnh vực giao thông là 52.744 tỷ đồng, đạt 19,8% so với tổng nhu cầu vốn).

b) Đề xuất liên quan các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao:

Thực tế trước khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai nhiều dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT (chủ yếu là các dự án đầu tư hạ tầng giao thông) theo các

quy định trước đây tại Nghị định 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao, hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh, hợp đồng xây dựng – chuyển giao, Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.

Các dự án (thanh toán quỹ đất và tiền) trước đây đã thực hiện thành công như: thanh toán bằng quỹ đất (dự án xây dựng đường dẫn kết nối cầu Phú Mỹ, dự án xây dựng đường D3 kết nối và cảng Sài Gòn – Hiệp Phước, dự án xây dựng cầu Thủ Thiêm 2,...); thanh toán bằng tiền (cầu Kênh Tẻ 2, cầu Ông Lãnh, cầu Văn Thánh 2, cầu Nguyễn Tri Phương, dự án xây dựng cầu Sài Gòn 2,... hoặc trước khi có quy định về hình thức đầu tư đối tác công tư, được xác định là ứng vốn thi công, có thanh toán lãi cho đơn vị thi công (dự án xây dựng đường Liên tỉnh lộ 25B-giai đoạn 2,...).

Thực tiễn đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong thời gian vừa qua cho thấy Thành phố đã triển khai đầu tư dự án xây dựng cầu Sài Gòn 2 theo hình thức hợp đồng BT trả chậm thông qua hình thức tuyển chọn nhà đầu tư. Theo đó:

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư là từ tháng 01 năm 2011, tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển chọn từ tháng 3 năm 2011; Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận kết quả lựa chọn nhà đầu tư tại Công văn số 457/UBND-ĐTMT-M ngày 30 tháng 9 năm 2011; đàm phán, thương thảo, hoàn thiện thủ tục và ký kết hợp đồng BT ngày 09 tháng 3 năm 2013.

- Công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng sớm hơn 01 tháng so với cam kết là 23 tháng (thông xe sớm hơn 04 tháng so với kế hoạch) và đã được Sở Tài chính thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định duyệt quyết toán số 411/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2015.

- Dự án xây dựng cầu Sài Gòn 2 đã được Kiểm toán nhà nước kiểm toán (Thông báo kết quả kiểm toán số 51/TB-KTNN ngày 19 tháng 01 năm 2017); qua đó, những mặt làm được có thể kể đến như sau:

- + Việc đánh giá hồ sơ dự tuyển chọn, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, thương thảo và ký kết hợp đồng BT đúng quy định hiện hành.

- + Nội dung, quy mô và giải pháp thiết kế của dự án tuân thủ các quy chuẩn, phù hợp với chủ trương đầu tư và quy hoạch của Thành phố. Nội dung dự án, thiết kế cơ sở của dự án bám sát mục tiêu, quy mô đầu tư; tổng mức đầu tư được lập, thẩm định và phê duyệt đúng trình tự.

+ Công tác khảo sát thực hiện tuân thủ theo đề cương, nhiệm vụ khảo sát được duyệt và phù hợp với tiêu chuẩn khảo sát, kết quả khảo sát đáp ứng được các yêu cầu đề ra. Thiết kế được lập phù hợp thiết kế cơ sở được duyệt. Tổng dự toán và dự toán được lập dựa trên các chế độ, chính sách của Nhà nước về định mức, đơn giá; khối lượng đưa vào dự toán cơ bản phù hợp với thiết kế, được thẩm tra, thẩm định, phê duyệt đúng trình tự theo quy định.

+ Công tác quản lý chất lượng công trình được doanh nghiệp dự án và các đơn vị có liên quan thực hiện tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công công trình được lập tương đối đầy đủ, được lưu trữ theo quy định.

+ Tiến độ thi công công trình được quản lý và chỉ đạo thực hiện tốt. Công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng sớm hơn 01 tháng so với cam kết (thông xe sớm hơn 04 tháng so với kế hoạch).

+ Khối lượng được nghiệm thu hoàn thành phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, thực tế thi công xây dựng và quy định của hợp đồng. Công tác quản lý đơn giá và giá thanh toán tuân thủ theo hợp đồng đã ký, các chứng từ thanh toán được kiểm tra, xác nhận đầy đủ. Chi phí lãi vay được quy định cụ thể tại hợp đồng BT, được tính toán chi tiết tại hồ sơ thanh toán. Công trình được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng đúng quy định. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2015.

Với quá trình đầu tư nêu trên, dự án xây dựng cầu Sài Gòn 2 đã được Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo đầu tư hoàn thành trước thời hạn để đáp ứng yêu cầu cấp bách trong việc đầu tư phát triển và khai thác hạ tầng giao thông khu vực phía Đông – Đông Bắc Thành phố phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung.

Về nguồn lực đầu tư: Trong bối cảnh khả năng cân đối ngân sách thành phố không thể đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nói chung và kết cấu hạ tầng giao thông nói riêng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn chế (Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thành phố thông qua bố trí cho lĩnh vực giao thông là 52.744 tỷ đồng, đạt 19,8% so với tổng nhu cầu vốn, chưa đáp ứng để thực hiện đầu tư phát triển kết cấu hệ thống hạ tầng giao thông theo các chỉ tiêu, định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra và các Đề án đã được Thành phố ban hành nêu trên. Trong khi đó, Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều lợi thế về tiềm lực khai thác quỹ đất hấp dẫn nhà đầu tư tham gia đầu tư phát triển hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BT với phương thức nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư bằng quỹ đất hoặc bằng vốn ngân

sách thành phố trả chậm.

Như vậy, đối với các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BT thu hút rất nhiều sự quan tâm của các Nhà đầu tư (tổng mức vốn đầu tư từ hình thức Hợp đồng BOT, BT đã được huy động trong giai đoạn từ 2005 đến 2020 với tổng số 22 dự án (khoảng 51.040 tỷ đồng). Do đó, việc Thành phố được áp dụng hình thức đầu tư dự án theo Hợp đồng BT (Xây dựng – Chuyển giao); Nhà nước thanh toán trả chậm cho nhà đầu tư bằng ngân sách thành phố sẽ có nhiều thuận lợi, phù hợp với việc triển khai các dự án giao thông của Thành phố so với các hình thức hợp đồng khác (BTL, BLT) và phương thức thanh toán hoàn vốn đầu tư cho nhà đầu tư bằng quỹ đất.

* Việc Thành phố đề xuất áp dụng hình thức hợp đồng BT thanh toán trả chậm bằng vốn ngân sách thành phố có một số ưu điểm như sau:

- Đa dạng hóa hình thức thu hút đầu tư (ngoài hình thức hợp đồng BOT, BTL, BLT, nay bổ sung thêm hợp đồng BT).

- Triển khai được ngay để đầu tư các dự án trọng điểm, cấp bách trong giai đoạn ngân sách thành phố còn hạn chế, phát huy hiệu quả đầu tư ngay khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, không phụ thuộc vào khả năng cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025, không chờ vốn từ đấu giá quỹ đất, không chờ bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất; ngoài ra, quỹ đất sạch của Thành phố hiện nay là rất hạn chế.

- Thanh toán bằng tiền sẽ chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch vốn để thanh toán cho nhà đầu tư phù hợp với khả năng thu ngân sách Thành phố theo từng thời kỳ và tình hình thu chi ngân sách hàng năm. Ngoài ra, theo dự thảo Nghị quyết, tại Khoản 1, 6 Điều 4 và Khoản 11 Điều 5 đã có các cơ chế chính sách tạo nguồn thu để thanh toán cho các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BT trả chậm.

- Thuận lợi hơn thanh toán bằng quỹ đất do việc thanh toán bằng quỹ đất chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan (Luật Đất đai, Luật Quản lý tài sản công, Luật Đầu tư,...). Các luật này hiện đang xem xét điều chỉnh nên việc xử lý chuyển tiếp, các thủ tục liên quan rất phức tạp, rủi ro pháp lý cao,... nên không thu hút nhà đầu tư tham gia.

- Việc thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng BT sẽ thu hút được nhà đầu tư trong nước, huy động được nguồn vốn và nguồn nhân lực trong nước, phát huy việc áp dụng công nghệ trong nước, kích thích sản xuất trong nước; thủ tục thuận lợi hơn so với việc sử dụng nguồn vốn ODA để đầu tư.

* So sánh với áp dụng hình thức hợp đồng BTL, BLT:

- Về quy định pháp luật hiện hành:

Trên thực tế, Thành phố đã cân nhắc, xem xét đối với hình thức Hợp đồng

BTL, BLT. Tuy nhiên, theo quy định cụ thể tại Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Theo đó, phương án thu hồi vốn đầu tư, lợi nhuận của nhà đầu tư quy định tại điểm d Khoản 6 Điều 4 quy định:

“d) Đối với dự án PPP thực hiện theo hợp đồng BTL, hợp đồng BLT, phương án thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận của nhà đầu tư bổ sung quy định về nguồn vốn thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP gồm:

- Tiến độ thanh toán vốn đầu tư công thực hiện dự án PPP:

- Tiến độ thanh toán vốn chi thường xuyên cho doanh nghiệp dự án PPP trong giai đoạn vận hành;

- Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công của doanh nghiệp dự án PPP (nếu có).”

- Về thanh toán vốn cho nhà đầu tư áp dụng hình thức Hợp đồng BTL, BLT theo quy định nêu trên, gồm: vốn đầu tư công và vốn chi thường xuyên. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công của doanh nghiệp khi thực hiện hình thức BTL, BLT vào lĩnh vực giao thông vận tải là không phù hợp do không có nguồn thu từ người sử dụng dịch vụ (công trình dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải có nguồn thu từ người sử dụng được đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT; không có nguồn thu từ người sử dụng được đầu tư theo hình thức hợp đồng BT). Đồng thời việc thanh toán vốn cho nhà đầu tư cũng bao gồm việc phải thanh toán lãi vay và lợi nhuận của nhà đầu tư.

- Theo các quy định pháp luật hiện hành: chưa có quy định xác định loại Hợp đồng dự án PPP áp dụng theo từng lĩnh vực cụ thể, đồng thời tại các địa phương chưa có mô hình áp dụng thành công đối với Hợp đồng BTL, BLT để có thể làm bài học kinh nghiệm áp dụng. Hiện nay, cũng chưa có Thông tư hướng dẫn tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức hợp đồng BTL, BLT. Trong khi đó, Thành phố đã có sẵn bộ máy và hàng năm cân đối ngân sách thành phố để thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ.

Như vậy, việc áp dụng hình thức hợp đồng BTL, BLT để đầu tư các công trình dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải tại thời điểm hiện nay là chưa phù hợp, khó thu hút nhà đầu tư tham gia và nguồn vốn để thanh toán cho nhà đầu tư vẫn là vốn ngân sách nhà nước cân đối bố trí trong kế hoạch trung hạn và hàng năm để thanh toán.

4.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung đột phá chiến lược để huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: “huy động, quản lý và sử dụng

có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công – tư”, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 và theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2020 - 2030 tại Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Kế hoạch triển khai thực hiện tại Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021, theo đó tổng km đường dự kiến đầu tư khoảng 454km (gồm các tuyến đường cao tốc, vành đai, quốc lộ, các tuyến giao thông trục chính, cầu lớn,...) với tổng kinh phí dự kiến trong giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 266.000 tỷ đồng (vốn ngân sách thành phố: 92.000 tỷ đồng chiếm 34,6%, vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) là 174.000 tỷ đồng chiếm 65,4%).

a) Đối với các dự án đầu tư Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ hiện hữu

Như vậy, đối với nội dung cơ chế đề xuất áp dụng hình thức Hợp đồng BOT đối với hệ thống đường bộ hiện hữu, trong đó tập trung đối với các tuyến đường trục chính đô thị, kết nối vùng, quốc lộ đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh như: Quốc lộ 1, Quốc lộ 13, Quốc lộ 22, đường trục Bắc – Nam, hoàn chỉnh mặt cắt ngang Vành đai 2,... với quy mô đầu tư mở rộng theo lộ giới quy hoạch, đầu tư đường trên cao thông qua việc thu hút được vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng từ khu vực tư nhân, thông qua hình thức BOT là rất cần thiết. Trước khi Luật PPP có hiệu lực, Thành phố đã huy động nguồn lực xã hội đầu tư các dự án (đã huy động được gần 10.000 tỷ đồng) theo hình thức Hợp đồng BOT hoàn thành, đưa vào khai thác đã phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao điều kiện sống cho người dân, đảm bảo an toàn giao thông, giảm kẹt xe, tăng cường lưu thông hàng hóa qua việc rút ngắn thời gian lưu thông,..

Các dự án có thể xem xét như:

**** Về áp dụng hợp đồng BOT***

- Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (đoạn từ ngã tư Bình Phước đến chân cầu Bình Triệu). Tổng mức đầu tư dự kiến 9.916 tỷ đồng (trong đó chi phí Bồi thường GPMB: 8.600 tỷ đồng)

- Dự án Xây dựng cầu đường Bình Tiên (đoạn từ đường Phạm Văn Chí đến đường Nguyễn Văn Linh). Tổng mức đầu tư dự kiến: 6.218 tỷ đồng (trong đó chi phí Bồi thường GPMB: 3.336 tỷ đồng)

- Dự án đầu tư xây dựng đường trên cao số 5 (đoạn từ Nút giao Trạm 2 đến nút giao An Suong). Tổng mức đầu tư dự kiến: 15.405 tỷ đồng (trong đó chi phí Bồi thường GPMB: 4.622 tỷ đồng).

b) Đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao

Hiện nay, Thành phố có nhiều công trình giao thông cấp bách, cần triển khai thực hiện ngay nhưng chưa bố trí được nguồn vốn ngân sách, có thể áp dụng hình thức hợp đồng BT này để triển khai đầu tư ngay trong giai đoạn 2023-2025, như:

- Dự án Xây dựng cầu Cần Giờ. Tổng mức đầu tư dự kiến: 12.500 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 2.500 tỷ đồng).

- Dự án xây dựng cầu đường Nguyễn Khoái. Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.812 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 593 tỷ đồng).

- Dự án Nâng cấp mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (đoạn từ nút giao An Phú đến đường Vành đai 2). Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.124 tỷ đồng (không phải thực hiện BTGPMB).

- Dự án Mở rộng đường dẫn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương (đoạn Bình Thuận - Chợ đệm và Tân Tạo - Chợ Đệm). Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.351 tỷ đồng (không phải thực hiện BTGPMB).

- Dự án Mở rộng đường Ung Văn Khiêm và xây dựng nút giao Đài Liệt Sĩ Tổng mức đầu tư dự kiến: 3.196 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 2.600 tỷ đồng).

- Dự án Xây dựng nút giao thông Ngã tư Bốn Xã. Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.727 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 1.536 tỷ đồng).

4.2.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2:

- Đối với các dự án đầu tư Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ hiện hữu

Thành phố được áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

Các dự án đầu tư theo hình thức này phải đảm bảo quyền lợi của người dân. Trình tự, thủ tục thực hiện dự án, lựa chọn nhà đầu tư phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục dự án quy định tại Khoản này và tổ chức giám sát đảm bảo quyền lợi của người dân. Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện đầy đủ, công khai minh bạch các thông tin về dự án để thuận lợi cho người dân giám sát.

Trường hợp chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% trong tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không đảm bảo khả năng hoàn vốn, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP không lớn hơn 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao

Thành phố được thực hiện dự án đầu tư theo Hợp đồng BT đảm bảo hiệu quả kinh tế xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát ngân sách nhà nước.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án thực hiện theo Hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng. Dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư của dự án BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công theo pháp luật về xây dựng, lãi vay và lợi nhuận hợp lý.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT thực hiện như dự án PPP theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính.

Hội đồng nhân dân quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hàng năm để thanh toán cho nhà đầu tư căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong Hợp đồng BT.

Giao Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án BT.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

+ Không tạo cơ chế để thu hút được nhà đầu tư trong nước, huy động được nguồn vốn và nguồn nhân lực trong nước, phát huy việc áp dụng công nghệ trong nước, kích thích sản xuất trong nước.

+ Có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai đầu tư các dự án trọng điểm, cấp bách vì ngân sách thành phố hạn chế, không phát huy hiệu quả đầu tư ngay khi công

trình hoàn thành, đưa vào khai thác, mà phụ thuộc vào khả năng cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025, phải chờ vốn từ đấu giá quỹ đất, chờ bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất, trong khi quỹ đất sạch của Thành phố hiện nay là rất hạn chế.

+ Chưa tạo được sự chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch vốn để thanh toán cho nhà đầu tư phù hợp với khả năng thu ngân sách Thành phố theo từng thời kỳ và tình hình thu chi ngân sách hàng năm.

+ Hạn chế khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố chưa đáp ứng. Tăng chi phí vận chuyển, giảm tính cạnh tranh hàng hóa.

- Tác động về xã hội:

+ Hạn chế khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại và các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

+ Hạn chế đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

- **Tác động về giới:** giải pháp không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

- Đối với các dự án đầu tư Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ hiện hữu

+ Tăng khả năng huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trên

địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng số vốn đầu tư dự kiến huy động được khi áp dụng cơ chế này khoảng hơn 10.000 tỷ đồng, trong bối cảnh nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn chế. Tăng khả năng đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, thúc đẩy rút ngắn thời gian di chuyển, tăng năng suất, khối lượng hàng hóa lưu thông, tiết kiệm chi phí vận chuyển, tăng tính cạnh tranh hàng hóa.

- Đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao

+ Tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng. Phát huy tối đa nguồn lực từ sử dụng đất, tổ chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

+ Tạo sự chuyên biến tích cực trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư PPP. Tại thành phố Hồ Chí Minh, trong giai đoạn 2015 - 2017, Thành phố đã kêu gọi nhiều dự án đầu tư và hoàn tất đàm phán ký kết 04 Hợp đồng BT với tổng mức đầu tư là 14.736 tỷ đồng thuộc lĩnh vực giao thông, môi trường, hạ tầng kỹ thuật.

+ Đa dạng hóa hình thức thu hút đầu tư (ngoài hình thức hợp đồng BOT, BTL, BLT, nay bổ sung thêm hợp đồng BT), qua đó thu hút được nhà đầu tư trong nước, huy động được nguồn vốn và nguồn nhân lực trong nước, phát huy việc áp dụng công nghệ trong nước, kích thích sản xuất trong nước; thủ tục thuận lợi hơn so với việc sử dụng nguồn vốn ODA để đầu tư. Tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng. Phát huy tối đa nguồn lực từ sử dụng đất, tổ chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

+ Triển khai được ngay để đầu tư các dự án trọng điểm, cấp bách trong giai đoạn ngân sách thành phố còn hạn chế, phát huy hiệu quả đầu tư ngay khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, không phụ thuộc vào khả năng cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025, không chờ vốn từ đấu giá quỹ đất, không chờ bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất; ngoài ra, quỹ đất sạch của Thành phố hiện nay là rất hạn chế. Theo Giải pháp này thì có thể sớm triển khai đầu tư xây dựng một số công trình giao thông cấp bách, cần thực hiện ngay trong giai đoạn 2023-2025 nhưng chưa bố trí được nguồn vốn ngân sách như: cầu Cần Giờ, cầu đường Nguyễn Khoái, các đường dẫn kết nối cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành, Dầu Giây, cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương, các nút giao (ngã năm Đài Liệt Sĩ, ngã tư bốn xã).

+ Thanh toán bằng tiền sẽ chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch vốn để thanh toán cho nhà đầu tư phù hợp với khả năng thu ngân sách Thành phố theo từng thời kỳ và tình hình thu chi ngân sách hàng năm thông qua các cơ chế chính sách tạo nguồn thu để thanh toán cho các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BT trả chậm.

- Tác động về xã hội:

+ Đối với các dự án đầu tư Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ hiện hữu

++ Giải quyết nhu cầu lưu thông, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và giải quyết điểm nghẽn về hạ tầng giao thông góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các tỉnh lân cận.

++ Việc rà soát, xác định danh mục dự án và được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua sẽ đánh giá cụ thể những vấn đề nhằm đảm bảo quyền lợi của người tham gia giao thông.

+ Đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao

+ Khi triển khai theo hình thức PPP, Nhà nước đã tận dụng được nguồn lực từ khu vực tư nhân, nâng cao hiệu quả đầu tư, tối ưu hóa việc sử dụng đất, các nguồn lực vốn, công nghệ, năng lực quản lý của các Nhà đầu tư tư nhân trong việc phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ công.

Qua đó tạo công ăn việc làm cho người lao động, thúc đẩy phát triển các ngành nghề có liên quan. Tăng khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hoàn thiện đô thị và hạ tầng đô thị, đặc biệt phát triển hạ tầng giao thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu nhà ở, nhu cầu đi lại và giảm các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện, theo đó, việc thanh toán bằng tiền sẽ thuận lợi hơn thanh toán bằng quỹ đất do việc thanh toán bằng quỹ đất chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan (Luật Đất đai, Luật Quản lý tài sản công, Luật Đầu tư,...). Các luật này hiện đang xem xét điều chỉnh nên việc xử lý chuyển tiếp, các thủ tục liên quan rất phức tạp, rủi ro pháp lý cao,... nên không thu hút nhà đầu tư tham gia.

- Tác động về giới: giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

+ Không làm thay đổi thủ tục hành chính về tổ chức triển khai dự án đã được quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Chỉ mở rộng đối tượng áp dụng hình thức Hợp đồng BOT theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

+ Việc quản lý đầu tư theo hình thức hợp đồng BT là tương tự các loại hợp đồng PPP khác. Theo đó:

++ Về lựa chọn nhà đầu tư: thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

++ Về quản lý chi phí: giá trị BT, giá trị dự toán được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt theo quy định (chặt chẽ tương tự đầu tư công).

++ Về thanh toán: Thành phố sẽ bố trí kế hoạch vốn để thanh toán cho nhà đầu tư theo thỏa thuận tại hợp đồng BT sau khi công trình dự án hoàn thành được quyết toán theo đúng quy định.

Trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công tư trong thời gian vừa qua, tham khảo ý kiến của các Bộ ngành, cơ quan có thẩm quyền liên quan, Thành phố sẽ xây dựng quy trình đầu tư và cơ chế thanh toán đối với hình thức hợp đồng BT chặt chẽ trình Chính phủ ban hành tổ chức thực hiện mang tính hiệu quả đối với công tác đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của Thành phố.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Do đó, Giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Theo Giải pháp 2 thì Thành phố sẽ thực hiện các quy định về áp dụng hình thức Hợp đồng BOT đối với hệ thống đường bộ hiện hữu; nhà đầu tư tư nhân tham gia các dự án PPP đối với hệ thống đường bộ hiện hữu. Do đó, Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về đầu tư theo phương thức đối tác công tư cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

- Hơn nữa, với việc thực hiện giải pháp 3 sẽ được áp dụng rộng rãi trên toàn quốc, trong tổ chức thực hiện rất dễ lạm dụng dẫn đến khó kiểm soát. Mặt khác, trong từng điều kiện thực tế của từng địa phương, nội dung cơ chế chính sách sẽ được phát huy hiệu quả trong từng giai đoạn cụ thể đặc biệt đối với Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, đã có kinh nghiệm thực hiện hiệu quả theo các quy định pháp luật trước đây đối với loại hợp đồng BOT và BT.

4.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở so sánh các Giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

III. Chính sách về tài chính ngân sách

Trong lĩnh vực Tài chính ngân sách đề xuất 11 nội dung. Một số nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 tiếp tục đề xuất thực hiện bao gồm Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 7, Khoản 8 và Khoản 10 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Đề xuất liên quan phí, lệ phí:

Nội dung này đề xuất lại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 về Quản lý tài chính – ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Cụ thể như sau:

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Theo quy định tại Điều 21 Luật Phí và Lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền: (1) Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền; (2) Xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Phí và Lệ phí: Giữa hai kỳ họp Quốc

hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước: Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các loại thuế.

Hiện nay, có một số loại phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 như: thu phí đậu đỗ xe ô tô, thu phí các loại phương tiện cơ giới cá nhân tham gia lưu thông vào khu vực trung tâm... nên việc đề xuất Quốc hội cho phép Thành phố Hồ Chí Minh được chủ động, linh hoạt trong thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn sẽ tạo điều kiện cho Thành phố:

- Phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô của chính sách phí, lệ phí;

- Thực hiện tái phân phối thu nhập xã hội tốt hơn cho nền kinh tế để bảo đảm phát triển cân bằng, hài hòa, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Động viên, khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh đối với những ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển và có thế mạnh.

- Tăng khả năng huy động nguồn thu đóng góp cho ngân sách nhà nước từ một số ngành, lĩnh vực có tăng trưởng tốt, tạo dư địa nguồn lực tài chính bổ sung cần thiết đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi của Thành phố.

Nội dung này, Quốc hội đã đồng ý cho Thành phố Hồ Chí Minh (tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017). Tiếp theo đó, Quốc hội đã đồng ý cho một số địa phương như thành phố Hà Nội (tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội), thành phố Đà Nẵng (tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội), thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội) áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự.

Qua quá trình thực hiện, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018, Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 điều chỉnh mức thu của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018). Theo báo cáo tổng kết Nghị quyết số 54/2017/QH14, song song với việc ban hành chính sách thu, Thành phố tổ chức tập huấn, tuyên truyền các quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho toàn bộ các cơ sở sản xuất, chế biến, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố để giúp cơ sở nắm bắt và thực hiện đúng các quy định, tác động đáng

kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, mức độ ảnh hưởng không lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường. Tổng số thu từ các doanh nghiệp do Thành phố quản lý (khoảng 2.500 doanh nghiệp) được nộp đầy đủ vào ngân sách địa phương (lũy kế đến tháng 3 năm 2022 đã thu là 132,6 tỷ đồng).

Việc ban hành các loại phí, lệ phí chưa được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã được Thành phố quan tâm, thường xuyên theo dõi để kịp thời báo cáo, đề xuất. Thành phố đã xem xét đề xuất về thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng cho tất cả các loại hình đăng ký đất đai thuộc danh mục do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành (gồm nhiều loại hình ngoài chuyên nhượng) và thu phí tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại các kho, bãi được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên Thành phố đã tạm dừng việc xem xét các đề xuất này.

1.1.2. Liên quan đến cơ chế, chính sách này, Thành phố hiện đang áp dụng điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, cụ thể:

- Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (*Hiện nay là, Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND*), theo đó mức về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp **tăng 5-6 lần** so với thu theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP¹¹. Tính từ thời điểm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành) đến tháng 3 năm 2022, tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là 132,6 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền thu phí được nộp 100% vào Ngân sách địa phương. Việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi

¹¹ Hằng quý, phát hành thông báo phí (theo hệ số K và phí biến đổi Cq) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình từ 5 m³/ngày đêm trở lên. Hằng năm, phát hành thông báo phí cố định (1.500.000 đồng/năm) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình dưới 5m³/ngày đêm. Định kỳ thực hiện thẩm định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm có trong nước thải để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, tổng hợp, thống kê, rà soát danh sách các đối tượng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, tổng số cơ sở đang thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố là 2.710 cơ sở; trong đó có 17 cơ sở là chủ đầu tư hạ tầng của 17 khu công nghiệp/khu chế xuất/khu công nghệ cao, 13 cơ sở xử lý chất thải rắn (bổ sung theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND) và 2.680 cơ sở ngoài khu công nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất ô nhiễm phải xử lý. Ngày 09/12/2021, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND.

trường.

Tuy nhiên, ngày 05 tháng 5 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, tuy nhiên, mức thu vẫn còn thấp, chưa công bằng đối với các cơ sở xả thải, nhất là với các cơ sở có lưu lượng xả thải lớn. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu điều chỉnh mức phí bằng việc tiếp tục sử dụng hệ số K trong tính mức thu phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND).

Sau 05 năm thực hiện đã góp phần đáng kể trong việc thay đổi nhận thức, tư duy và định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Về mặt tăng thu ngân sách nhà nước, tổng số thu tăng thêm cho ngân sách Thành phố khoảng 132,6 tỷ đồng (trong khoảng thời gian phòng, chống dịch bệnh thì thu khoảng 30 tỷ đồng).

Song song với việc ban hành chính sách thu, Thành phố tổ chức tập huấn, tuyên truyền các quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho toàn bộ các cơ sở sản xuất, chế biến, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố để giúp cơ sở nắm bắt và thực hiện đúng các quy định, tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, mức độ ảnh hưởng không lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường.

1.1.3. Thành phố vẫn đang tiếp tục rà soát, đề xuất ban hành nội dung liên quan cơ chế này. Đến nay, Thành phố đã xây dựng, hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu liên quan và có Tờ trình số 685/TTr-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố về mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phí đăng ký giao dịch bảo đảm khi thực hiện chứng nhận đăng ký đối với biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn. Thành phố đưa vào nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố trong kỳ họp tháng 3/2023.

Bên cạnh đó, từ khi áp dụng cơ chế này theo Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố cũng tiếp tục giao các Sở quản lý chuyên ngành nghiên cứu báo cáo, đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các khoản phí, lệ phí chưa có trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp

có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.

Trong năm 2023, Thành phố sẽ tiếp tục thực hiện có hiệu quả thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiến hành thu đúng, thu đủ theo quy định; khuyến khích các cơ sở sản xuất tiết kiệm hơn nữa việc sử dụng nước sạch, tái sử dụng nước nhằm giảm lượng nước thải ra môi trường. Dự kiến nguồn thu của Thành phố trong năm nay sẽ đạt hơn 40 tỷ đồng/năm.

1.1.4. Về các khoản thu không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố:

Theo điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Ngân sách Nhà nước: “*b) Đối với khoản thu ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm đ và điểm i khoản 1 Điều 37 của Luật này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương*”. Theo đó, điểm đ khoản 1 Điều 37 là tiền sử dụng đất; điểm i khoản 1 Điều 37 là thu từ nguồn xổ số kiến thiết. Do đó, Thành phố đề xuất các khoản thu về phí, lệ phí theo cơ chế tại điểm a khoản 1 Điều này và nguồn thu tại khoản 10 Điều này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố. Các khoản thu (thu từ điều chỉnh chính sách phí, lệ phí; thu từ giao dịch tín chỉ các-bon) được nộp vào ngân sách nhà nước để bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước theo nguyên tắc: nguồn thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố; nguồn thu từ tín chỉ các-bon cho các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn Thành phố.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Kế thừa từ những kết quả đạt được, cũng như để bảo đảm tính linh hoạt, giúp Thành phố Hồ Chí Minh chủ động hơn trong việc thực hiện chính sách phí, lệ phí, vừa phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết vĩ mô, tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, vừa tăng cường khả năng điều chỉnh, khuyến khích hành vi, dẫn dắt đầu tư sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố, tạo dư địa tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố.

1.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố;

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định áp dụng trên địa

bàn:

- Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án;

- Ngân sách Thành phố được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố và Khoản 10 Điều này và không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố;

- Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Phí và Lệ phí.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc theo dõi, đánh giá, đề xuất ban hành chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố, từ đó thúc đẩy, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đóng góp thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước (tăng thêm hơn 130 tỷ đồng), tạo dư địa tài chính để Thành phố có thêm nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố. Bên cạnh đó, tác động đến ý thức của một bộ phận chủ thể của khoản phí, lệ phí được ban hành để thay đổi hành vi theo hướng tích cực hơn.

- Tác động về xã hội:

Bảo đảm tính linh hoạt, chủ động trong chính sách phí, lệ phí để thực hiện tốt

hơn vai trò điều tiết, tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, bảo đảm phát triển cân bằng, hài hòa, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nâng cao ý thức, điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực đối với đối tượng được tác động theo chính sách phí, lệ phí.

- Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Phí và Lệ phí sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về đầu tư công cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

2. Đề xuất liên quan việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố:

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Tại điểm b khoản 4 Điều 19 (*Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội*) Luật Ngân sách Nhà nước quy định:

“Điều 19:

...

4. Quyết định dự toán ngân sách nhà nước:

...

b) Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ;”

- Tại điểm c khoản 1 Điều 30 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp) Luật NSNN quy định:

“1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định:

...

c) Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ;”

- Quy định này chưa thể tạo sự chủ động của Thành phố:

Theo Nghị quyết của Trung ương yêu cầu chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề phải đảm bảo tối thiểu 20% tổng chi NSNN; Luật Khoa học và công nghệ yêu cầu bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi NSNN. Để thực hiện quy định Nghị quyết của Đảng, Luật Khoa học và công nghệ và Luật Ngân sách Nhà nước, khi Quốc hội quyết định dự toán mức chi cho các lĩnh vực nêu trên cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Hội đồng nhân dân Thành phố không được quyết định mức chi của các lĩnh vực này thấp hơn.

Do đó, tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội đã cho phép Thành phố: “Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ” thì Hội đồng nhân dân Thành phố có thể quyết định các lĩnh vực này cao hơn hoặc thấp hơn mức Quốc hội quyết định, nhưng phải đảm bảo quy định theo hướng Nghị quyết của Đảng, Quốc hội ưu tiên trong phân bổ ngân sách Thành phố cho các lĩnh vực này phù hợp với yêu cầu thực tế của Thành phố. Qua thời gian thực hiện, Thành phố đã đảm bảo bố trí dự toán chi các khoản chi theo đúng định hướng như sau:

Bảng 4. Định hướng bố trí dự toán ngân sách Thành phố phân bổ hằng năm

Năm	Các lĩnh vực chi	Tỷ trọng	
		TW giao	TPHCM phân bổ
2018	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,5%	30,9%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	2,0%
2019	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,7%	35,1%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	3,9%
2020	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,8%	34,3%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,6%	2,9%
2021	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,8%	35,8%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,6%	2,9%
2022	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	34,7%	30,1%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	4,4%
2023	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	34,7%	35,0%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,4%	2,7%

Theo đó, giai đoạn 2018 – 2023, dự toán ngân sách Thành phố phân bổ hằng năm đều đảm bảo định hướng bố trí dự toán cho các lĩnh vực: tối thiểu 20% đối với giáo dục, đào tạo và dạy nghề và tối thiểu 2% đối với khoa học công nghệ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Theo Nghị quyết số 31-NQ/TW, Bộ Chính trị đã định hướng cơ chế đặc thù cho Thành phố như sau:

“Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực: Quản lý đầu tư; tài chính - ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên môi trường; quản lý văn hoá và trật tự xã hội; tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”.

Tiếp tục thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố;

b) Giải pháp 2: Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14, hằng năm, Thành phố đã bố trí dự toán chi ngân sách chặt chẽ, chủ động, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo đúng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành; tạo sự chủ động cho Thành phố Hồ Chí Minh trong việc sử dụng nguồn lực được phân cấp để thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Tác động về xã hội:

Thuận lợi cho việc quản lý, điều hành dự toán của Thành phố Hồ Chí Minh; chủ động bố trí dự phòng ngân sách để xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Góp phần phục vụ đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

- Tác động về giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Ảnh hưởng đến tính đồng bộ, thống nhất giữa chính sách với quy định của Luật NSNN; Điều 19 Luật NSNN quy định: Quốc hội quyết định Tổng số chi NSNN, bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ.

+ Tuy nhiên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản QPPL “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định:

...

b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;”

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho Thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về ngân sách cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Căn cứ quy định của Quốc hội được ban hành, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế Thành phố, Cục Hải quan Thành phố, các Sở, ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố dự toán thu ngân sách nhà nước, thu chi ngân sách Thành phố trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

3. Đề xuất liên quan cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo khả năng cân đối và nhu cầu sử dụng:

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Qua thời gian hơn 4 năm triển khai thực hiện cơ chế sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo khả năng cân đối và nhu cầu sử dụng của Thành phố tại khoản 6 Điều 5 tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 đã góp phần tháo gỡ một số vướng mắc của Thành phố về chính sách tiền lương và thu nhập hiện hành; tạo động lực để các đơn vị, địa phương rà soát, sắp xếp, khai thác nguồn lực để bổ sung nguồn cải cách tiền lương. Cụ thể:

a) Về chi thu nhập tăng thêm:

Chính sách chi thu nhập tăng thêm được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với khả năng cân đối của Thành phố. Với mật độ dân số của Thành phố rất cao như hiện nay, tỷ lệ người dân mà mỗi công chức phải phục vụ là cao nhất cả nước, cường độ làm việc rất lớn, đặc biệt trong giai đoạn chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế-xã hội sau dịch, áp lực càng tăng cao, việc triển khai thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức, là một cơ chế đã tạo được

động lực góp phần giảm bớt khó khăn, cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức; khơi gợi tinh thần lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc, củng cố và nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước trên các lĩnh vực, giúp Thành phố đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua.

Theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về lộ trình thực hiện chi thu nhập tăng thêm như sau:

“1. Năm 2018: Hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 0,6 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ (tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ là tiền lương đã bao gồm tăng lương theo lộ trình của Chính phủ). (Hệ số này nằm trong mức tối đa 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ theo quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội).

2. Năm 2019: Hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 1,2 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ (tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ là tiền lương đã bao gồm tăng lương theo lộ trình của Chính phủ). (Hệ số này nằm trong mức tối đa 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ theo quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội).

3. Năm 2020: Hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 1,8 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ (tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ là tiền lương đã bao gồm tăng lương theo lộ trình của Chính phủ). (Hệ số này bằng mức tối đa 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ theo quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội)”.

Trong quá trình thực hiện, ngày 04 tháng 4 năm 2018, UBND Thành phố đã ban hành Công văn số 1370/UBND-KT triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên. Các sở - ngành, quận - huyện đã ban hành quy định đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể hóa các tiêu chí của Thành phố theo đặc thù từng lĩnh vực, tổ chức và bộ phận. Việc đánh giá, phân loại hàng quý cơ bản được triển khai nghiêm túc, có chất lượng và công khai, minh bạch. Từ quý III năm 2019 trở đi, Thành phố áp dụng quy định đánh giá, phân loại sửa đổi, đồng thời triển khai thực hiện nguyên tắc tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của lãnh đạo, quản lý không quá 50% số lượng lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị để từng bước nâng cao chất lượng đánh giá theo hướng phản ánh chính xác năng lực và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

UBND Thành phố đã và trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc

khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND. Theo đó, hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm từ năm 2020 đến hết thời gian thí điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 tối đa là 1,2 lần mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ. Tuy nhiên, trong năm 2020, để chủ động ứng phó với dịch COVID-19 và duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trong giai đoạn phòng dịch, UBND Thành phố đã ban hành Công văn số 1456/UBND-KT ngày 21 tháng 4 năm 2020 điều chỉnh giảm hệ số tăng thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức nhằm chia sẻ khó khăn với đồng bào, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong giai đoạn phòng, chống dịch; theo đó, hệ số tăng thu nhập điều chỉnh như sau:

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức có hệ số lương trên 3,00: Điều chỉnh hệ số tăng thu nhập tối đa từ 1,2 lần giảm còn 0,6 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của năm 2020.

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức có hệ số lương từ 3,00 trở xuống: Điều chỉnh hệ số tăng thu nhập tối đa từ 1,2 giảm còn 0,8 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của năm 2020.

Riêng trong năm 2021, nhằm hỗ trợ động viên cho lực lượng y tế tuyến đầu và các lực lượng tham gia phòng, chống dịch Covid-19, UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND. Ngày 24 tháng 8 năm 2021, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND; theo đó, từ tháng 7 đến hết tháng 12 năm 2021: hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 1 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ. Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế (từ cấp Thành phố đến cấp xã) và cán bộ, công chức tối đa là 1,2 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 962/TTr-UBND đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 về sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND. Theo đó, hệ số chi thu nhập tăng thêm trong năm 2022 được quyết định là tối đa 1,2 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ. Năm 2023, UBNDTP trình HĐNDTP có Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND quyết nghị hệ số chi thu nhập tăng thêm trong năm 2022 được quyết định là tối đa 1,8 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ.

b) Về việc thực hiện quy định tỷ lệ trích lập:

Từ khi thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 đến nay, do tác động của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình kinh tế, xã hội nên chưa phát sinh nguồn thu lớn như kỳ vọng; vì vậy, các đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện trích lập theo quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính.

c) Về sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố; cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách và chi thu nhập tăng thêm:

Qua thực tiễn từ năm 2018 đến năm 2022 và dự toán năm 2023, ngân sách Thành phố vẫn bổ sung dự toán chi thường xuyên (nguồn cải cách tiền lương của Thành phố) cho ngân sách cấp dưới để thực hiện chính sách chi thu nhập tăng thêm nên ngân sách cấp dưới không có nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình.

Riêng năm 2022, trên cơ sở đề nghị của huyện Hóc Môn khi rà soát, đánh giá nguồn cải cách tiền lương của đơn vị cam kết đủ đảm bảo chi trả kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm, ngân sách Thành phố không phải bổ sung; Huyện Hóc Môn đã kiến nghị cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi đầu tư phát triển (Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 về chủ trương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện Hóc Môn).

d) Nội dung đề xuất:

Theo khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 quy định: “*Không sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư cho đầu tư xây dựng cơ bản và các mục đích khác, trừ trường hợp Nghị quyết của Quốc hội cho phép*”. Qua thực tiễn triển khai cho thấy đã thực hiện được một số nội dung cơ chế tại khoản 6 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Do ảnh hưởng chung của dịch bệnh kéo dài nên ảnh hưởng đến nguồn thu và trích lập nguồn cải cách tiền lương nên Thành phố chưa thực hiện quy định tỷ lệ trích nguồn thu được để lại theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có số thu lớn, và cơ chế quy định cho phép sử dụng nguồn cải cách tiền lương của cơ quan, đơn vị để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trong giai đoạn tới, trên đà chính sách hỗ trợ ổn định, phát triển kinh tế xã hội hiện nay, Thành phố nhận thấy việc tiếp tục cho phép thực hiện các cơ chế chính sách trên là cần thiết để Thành phố có thêm kênh huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách; tiếp tục tạo động lực công hiến, thu hút thêm nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị của Thành phố; cũng như định hướng, tăng cường việc quản lý nguồn thu của các cơ quan và đơn vị trên địa bàn Thành phố để tích lũy nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương và các nội dung khác. Do đó, Thành phố đề xuất tiếp tục thực hiện theo cơ chế đã được quy

định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung định hướng tại nội dung số 6, mục III về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “- *Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển. Giữ tỉ lệ điều tiết ngân sách Thành phố theo mức hiện nay đến hết năm 2025 và tiếp tục giữ ở mức không thấp hơn trong các năm tiếp theo, tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm và nâng cao phúc lợi của người dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động*”.

Tiếp tục cho phép thực hiện cơ chế đã quy định tại khoản 6 Điều 5 về Quản lý tài chính – ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 54/2017/QH14.

3.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định:

- Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố; cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách và chi thu nhập tăng thêm trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 9 của Nghị quyết này;

- Tỷ lệ trích nguồn thu được để lại theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có số thu lớn cho phù hợp; bảo đảm nguyên tắc để các cơ quan, đơn vị này tự sắp xếp bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định; ngân sách nhà nước không bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương cho các cơ quan, đơn vị này;

- Cho phép các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị và chi thu nhập tăng thêm trên cơ sở tuân thủ quy định

tại Điểm b Khoản 5 Điều 9 của Nghị quyết này.

c) Giải pháp 3: Căn cứ yêu cầu tập trung nguồn cải cách tiền lương Tiếp tục thực hiện cơ chế đã quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 nhưng lược bỏ các nội dung:

(i) Về: “Cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách”;

(ii) Về: “Cho phép các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị”.

Cụ thể:

“Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định:

a) Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố; cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập tăng thêm trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 9 của Nghị quyết này;

b) Tỷ lệ trích nguồn thu được để lại theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có số thu lớn cho phù hợp; bảo đảm nguyên tắc để các cơ quan, đơn vị này tự sắp xếp bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định; ngân sách nhà nước không bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương cho các cơ quan, đơn vị này;

c) Cho phép các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập tăng thêm trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 9 của Nghị quyết này”.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Với mức chi trả chưa tương xứng với yêu cầu công việc, chưa bù đắp được chi phí sinh hoạt thì Thành phố khó giữ chân được lớp cán bộ, công chức, viên chức trẻ, giỏi và ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng điều hành kinh tế – xã hội của Thành

phố. Bên cạnh đó, Thành phố chưa thể chủ động nguồn lực để cân đối cho các nội dung chi về đầu tư phát triển, các đơn vị, ngân sách cấp dưới chưa có động lực phấn đấu tăng thu để được sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tác động về xã hội:

Chưa giải quyết vấn đề bức xúc của người cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách, chưa tạo được động lực cống hiến, chưa bù đắp được nhu cầu chính đáng được hưởng thụ về đời sống vật chất, tinh thần sau giờ làm việc. Thu nhập thấp gây ảnh hưởng lớn đến quyết định gắn bó công việc, đặc biệt là những người phải gánh vác nhiệm vụ nuôi dưỡng gia đình.

- Tác động về giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Chủ động nguồn lực của Thành phố trong việc sử dụng nguồn lực được phân cấp để thực hiện nhiệm vụ của Thành phố. Thành phố tiếp tục được chủ động nguồn lực để cân đối cho các nội dung chi về đầu tư phát triển, các đơn vị có động lực phấn đấu tăng thu để được sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tác động về xã hội:

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương; góp phần tập trung cống hiến, phát triển, gắn kết, gắn bó, ổn định với công việc và cũng là chìa khóa để Thành phố có thể thu hút, giữ chân, đào tạo lớp cán bộ, công chức, viên chức trẻ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tiếp tục sự nghiệp phát triển địa phương, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

- Tác động về giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp

luật).

c) Giải pháp 3:

- Tác động về kinh tế:

Chủ động nguồn lực của Thành phố trong việc sử dụng nguồn lực được phân cấp để thực hiện nhiệm vụ của Thành phố. Thành phố tiếp tục được chủ động nguồn lực để cân đối cho các nội dung chi về đầu tư phát triển, các đơn vị **chưa** có động lực phấn đấu tăng thu để được sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tác động về mặt xã hội:

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương; góp phần tập trung cống hiến, phát triển, gắn kết, gắn bó, ổn định với công việc và cũng là chìa khóa để Thành phố có thể thu hút, giữ chân, đào tạo lớp cán bộ, công chức, viên chức trẻ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tiếp tục sự nghiệp phát triển địa phương, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

- Tác động về vấn đề giới: Không có

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Giải pháp 2. Trong trường hợp không lựa chọn Giải pháp 2, kiến nghị lựa chọn Giải pháp 3. Thẩm quyền quyết định ban hành chính sách là của Quốc hội.

- Trường hợp được Quốc hội thông qua chính sách, Thành phố tiếp tục rà soát, hướng dẫn việc trích lập nguồn cải cách tiền lương của Thành phố và của các đơn vị sự nghiệp công trên địa bàn, tính toán lộ trình chi thu nhập tăng thêm phù hợp với khả năng nguồn lực; củng cố quy định đánh giá hiệu quả công việc để làm cơ sở chi trả. Tại địa phương, sẽ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung đánh giá hiệu quả công việc hàng quý để việc chi trả thu nhập tăng thêm tiếp tục là động lực, thu hút, giữ chân nguồn nhân lực của Thành phố.

4. Đề xuất liên quan quy định về nợ chính quyền địa phương:

4.1. Xác định vấn đề bất cập:

a) Về hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương:

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, mức dư nợ vay của ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh được cho phép tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Thời điểm năm 2022, dư nợ vay của Thành phố được theo dõi là 28.538 tỷ đồng, khoảng 32% số thu được hưởng theo phân cấp của ngân sách Thành phố. Theo số thu ngân sách Nhà nước được phân cấp cho Thành phố năm 2022 là 89.739 tỷ đồng thì hạn mức dư nợ theo tỷ lệ 90% số thu là 80.765 tỷ đồng.

Thành phố dự kiến triển khai thêm một số dự án đến năm 2030 như tuyến Metro số 2 (Bến Thành – Tham Lương) khoảng 47.890 tỷ đồng, tuyến Metro số 5 (ngã tư Bảy Hiền – cầu Sài Gòn, giai đoạn 1) khoảng 38.276 tỷ đồng và khoảng 14.630 tỷ đồng đối với giai đoạn 2, ..., Dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát: nhu cầu vốn vay là 6.678 tỷ đồng, Dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn: nhu cầu vốn vay là 6.961 tỷ đồng, ... Tổng nhu cầu vay là khoảng 92.020 tỷ đồng. Theo đó, dự kiến từ năm 2023 đến năm 2026, mức dư nợ hằng năm sẽ tăng từ 31.690 tỷ đồng lên 83.015 tỷ đồng. Trong khi đó, với mức dư nợ vay là 90% như hiện nay, hạn mức dư nợ vay tối đa của Thành phố năm 2026 là 93.527 tỷ đồng (90% của số ước thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2026 là 103.919 tỷ đồng) – tức là từ sau năm 2026 thì Thành phố không còn bảo đảm hạn mức dư nợ vay để vay tiếp.

Về nghĩa vụ trả nợ, Thành phố thực hiện thanh toán trả nợ (nợ gốc, lãi và các khoản phí) đầy đủ, đúng hạn, không để phát sinh nợ quá hạn, đảm bảo nghĩa vụ nợ theo cam kết, đảm bảo uy tín đối với các nhà đầu tư. Trong giai đoạn 2017 – 2021, tổng số trả nợ vay của Thành phố là 14.224,544 tỷ đồng. Tỷ lệ thanh toán nghĩa vụ đến hạn trong năm của Thành phố so với số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp qua các năm dao động ở mức từ 2,49% đến 3,84%. Theo tính toán, đến năm 2025, với mức dư nợ là 64.611 tỷ đồng, nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí của Thành phố ở mức 2.140 tỷ đồng và bằng 2,16% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Đến năm 2030, với mức dư nợ là 156.631 tỷ đồng, nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí của Thành phố ở mức 5.000 tỷ đồng và bằng 4,1% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Bên cạnh việc phát huy các chính sách, cơ chế thu như đề xuất tại Nghị quyết này, Thành phố sẽ sắp xếp các nội dung, nhiệm vụ chi, siết chặt kỷ luật ngân sách nhà nước, để bảo đảm nguyên tắc ưu tiên bố trí đầy đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đến hạn của Thành phố.

Để Thành phố có thêm dư địa được vay và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động huy động nguồn lực để đầu tư, thay vì hỗ trợ từ ngân sách trung ương thì việc đề xuất Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù cho phép nâng mức nợ vay của ngân sách Thành phố lên 120% là cần thiết đáp ứng được nhu cầu huy động nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Thành phố. Căn cứ tiềm năng, lợi thế phát triển, dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước, Thành phố sẽ xây dựng các giải pháp để bảo đảm được khả năng hấp thụ nguồn vốn vay cũng như đáp ứng được nghĩa vụ trả nợ vay của ngân sách Thành phố theo hạn mức dư nợ vay đề xuất là 120% và vẫn đảm bảo quy định tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tăng mức dư nợ vay đối Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 54/2017/QH14), thành phố Hà Nội, thành phố Cần Thơ, thành phố Hải Phòng và tỉnh Thanh Hóa.

b) Về tính chủ động điều hành vay của địa phương trong quá trình thực hiện dự toán hằng năm:

Theo Luật quản lý nợ công thì tổng mức vay của địa phương được phân loại theo nguồn vay gồm vay trong nước và nguồn vay của Chính phủ vay về cho vay lại. Trong giai đoạn 2017 – 2021, tổng số vốn vay của Thành phố là 16.202,642 tỷ đồng; trong đó, vay từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là 4.800 tỷ đồng với các kỳ hạn 15 năm, 20 năm và 30 năm và vay lại từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ là 11.402,642 tỷ đồng. Có thể thấy, việc vay nợ của Thành phố tập trung vào việc vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ (chiếm tỷ lệ 70% trong tổng số vốn vay của Thành phố). Cơ cấu nợ vay của Thành phố chưa đa dạng, còn phụ thuộc vào nguồn vốn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, tiềm ẩn khả năng rủi ro về tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất v.v..., nhất là khi điều kiện vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài ngày càng tiệm cận với điều kiện thương mại và kém ưu đãi hơn so với trước đây.

Bên cạnh đó, Thành phố là địa phương có thị trường vay trong nước qua nhiều năm; cụ thể, Thành phố đã phát hành thành công 4.800 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương với các kỳ hạn 15 năm, 20 năm và 30 năm. Việc phát hành thành công các kỳ hạn nêu trên một mặt đã góp phần hỗ trợ cân đối nhu cầu vốn dài hạn của ngân sách Thành phố với mức lãi suất phát hành ngày càng giảm (chẳng hạn, lãi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm của Thành phố năm 2020 là 3,75%), qua đó tiết kiệm chi phí cho ngân sách Thành phố và giảm áp lực cho ngân sách Thành phố trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn để trả nợ; về mặt khác, Thành phố cũng duy trì được kênh huy động vốn dài hạn trong nước.

Tuy nhiên, việc giải ngân vốn nguồn vay của Chính phủ vay về cho vay lại

phụ thuộc nhiều vào tiến độ dự án và các thủ tục kèm theo nên chưa bảo đảm sử dụng hết số bội chi ngân sách Thành phố được Quốc hội giao; trong khi đó, do định hướng ưu tiên giải ngân hết nguồn vốn vay nước ngoài nên có giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh không được giao dự toán vay trong nước, cụ thể như sau:

Năm 2019: mức vay: 5.493.400 triệu đồng (vay trong nước (trái phiếu chính quyền địa phương) là 0 triệu đồng; vay nước ngoài: 5.493.400 triệu đồng); Năm 2020: mức vay: 14.190.900 triệu đồng (vay trong nước (trái phiếu chính quyền địa phương) là 0 triệu đồng; vay nước ngoài: 14.190.900 triệu đồng); Năm 2021: mức vay: 16.026.200 triệu đồng (vay trong nước (trái phiếu chính quyền địa phương) là 0 triệu đồng; vay nước ngoài: 16.026.200 triệu đồng). Tuy nhiên, tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài qua các năm nêu trên còn chậm, làm gia tăng nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí về quản lý vốn vay chưa giải ngân với bên cho vay dẫn đến giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay cho đầu tư công của Thành phố. Cụ thể:

Bảng 5. Tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài

Đơn vị tính: triệu đồng.

Nội dung	2019	2020	2021
Kế hoạch vay được Trung ương giao (1)	5,493.40	14,190.90	16,026.20
Kế hoạch đầu tư công giao của các dự án (2)	1,338	10,487.20	8,934.50
Số vay trong năm (3)	80.8	9,687.90	3,025.10
Tỷ lệ so kế hoạch vay Bộ Tài chính (3)/(1)	1.47%	68.27%	18.88%
Tỷ lệ so kế hoạch đầu tư công Thành phố giao (3)/(2)	6.03%	92.38%	33.86%

Điều này đã ảnh hưởng đến khả năng chủ động điều hành ngân sách của Thành phố cũng như khó duy trì kênh huy động vốn dài hạn trong nước với lãi suất phù hợp.

Vì vậy, Thành phố nhận thấy cần có cơ chế cho phép Thành phố trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tiến độ giải ngân của các chương trình, dự án sử dụng nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại và khả năng vay, Hội đồng nhân dân Thành phố được giảm nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại và tăng nguồn vay trong nước nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Về bổ sung hình thức nguồn vay trong nước của Chính phủ về cho

Thành phố vay lại; nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại, Thành phố được vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố:

Theo Luật Quản lý nợ công năm 2017, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ để phục vụ cho chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương. Các chương trình, dự án này được xác định nguồn vốn là vốn vay ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và thuộc phương thức hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia.

Xuất phát từ thực trạng sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi đối với dự án vẫn còn phát sinh vấn đề giải ngân chưa bảo đảm tiến độ dự kiến, Thành phố nhận thấy cần thiết bổ sung hình thức sử dụng vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung, khoản hỗ trợ được chuyển trực tiếp vào ngân sách địa phương và được sử dụng để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố. Bên cạnh đó, cơ cấu nợ công của Thành phố có cơ cấu nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ cao nên chưa bảo đảm tính an toàn nợ công do các tác động bởi các yếu tố tỷ giá, lãi suất, việc được giải ngân toàn bộ khoản vay sẽ hạn chế rủi ro tăng các chi phí về quản lý khoản vay, chi phí cam kết khoản vay,... tính trên dư nợ khoản vay.

Đây là phương thức vay mới và Thành phố có kinh nghiệm thực hiện thông qua việc thực hiện khung hành động chính sách của chương trình cho vay hỗ trợ chính sách phát triển cho ngân sách Thành phố, vay vốn Ngân hàng Thế giới (Chương trình DPO-1). Theo đó, giải ngân toàn bộ vốn vay 01 lần ngay sau khi đáp ứng đủ các điều kiện hoàn thành các cơ chế chính sách mà không phụ thuộc vào tiến độ triển khai dự án sử dụng vốn; việc hoàn thành các điều kiện giải ngân cũng giúp TPHCM thực hiện các cơ chế, chính sách về đổi mới thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực quản trị, điều hành.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính an toàn, bền vững: *“hoàn thiện thể chế, đặc biệt là các chính sách, công cụ, bộ máy quản lý nợ công”*; bám sát quan điểm chủ đạo của Chiến lược nợ công quốc gia đến năm 2030 tại Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: *“quản lý nợ công chặt chẽ là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị sử dụng vốn; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng vốn vay, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, vai trò chủ động của ngân sách địa phương”*.

Tạo điều kiện cho Thành phố huy động trước nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, bảo đảm an toàn, bền vững nợ công, đáp

ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để Thành phố tiếp tục phát huy vai trò theo định hướng được đề ra. Giảm bớt các bước, phát huy tính chủ động, quyết định và tự chịu trách nhiệm đối với việc huy động nguồn lực từ vốn vay ODA, vay ưu đãi để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, bảo đảm an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

4.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân Thành phố được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Giải pháp 3: Tương tự như Giải pháp 2 nhưng có bổ sung thêm cơ chế, quy trình vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo hình thức hỗ trợ ngân sách chung (bên cạnh việc vay lại theo chương trình, dự án như quy định hiện hành) vào dự thảo Nghị quyết. Cụ thể:

“4. Về vay nợ chính quyền địa phương:

a) Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân Thành phố được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Đối với nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại, Ủy ban nhân dân Thành phố được vay lại để thực hiện chương trình, dự án đầu tư

phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương và theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố, đảm bảo nguyên tắc vay hỗ trợ ngân sách để chi đầu tư phát triển.

Ủy ban nhân dân Thành phố lập đề xuất khoản vay khoản hỗ trợ ngân sách chung gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có ý kiến (trong đó nêu rõ cơ chế tài chính trong nước, phương án sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của ngân sách Thành phố và cam kết thanh toán trả nợ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung của Thành phố làm cơ sở cho việc đàm phán, ký kết, tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung”.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Chưa tạo đủ dư địa tài chính cần thiết để Thành phố cân đối nhu cầu huy động nguồn lực xây dựng và phát triển Thành phố. Dư nợ tập trung lớn ở vay nước ngoài, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Thành phố do rủi ro tỷ giá, lãi suất,...; chưa tạo sự chủ động trong việc quyết định huy động nguồn lực vốn vay ODA xây dựng và phát triển Thành phố.

- Tác động về xã hội:

Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Tác động về giới: không có sự tác động, phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Áp dụng chính sách nêu trên sẽ tạo điều kiện cho Thành phố huy động được thêm; phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập trung giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối của Thành phố.

- Tác động về xã hội: tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn

vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- **Tác động về giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

c) Giải pháp 3:

- **Tác động về kinh tế:**

Áp dụng chính sách nêu trên sẽ tạo điều kiện cho Thành phố huy động được thêm, đa dạng hơn nguồn lực từ các khoản vay (vay lại theo chương trình, dự án và vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung) và cho Thành phố được chủ động điều hành; phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập trung giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối của Thành phố. Việc bổ sung thêm hình thức vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung sẽ góp phần giải quyết vấn đề chậm giải ngân của các khoản vay lại cho chương trình, dự án; hơn nữa, việc giải ngân khoản hỗ trợ ngân sách càng mở rộng thêm về khả năng cân đối, quyết định chi đầu tư phát triển của Thành phố, cũng như dựa trên kết quả thực hiện các điều kiện giải ngân, việc quản lý, điều hành của Thành phố cũng được thúc đẩy tiến bộ hơn.

- **Tác động về mặt xã hội:** tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong

việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: *Giải pháp 2.* Trường hợp có thể xem xét đề đa dạng hóa các hình thức vay của Thành phố, kiến nghị lựa chọn *Giải pháp 3.* Thẩm quyền quyết định ban hành chính sách là của Quốc hội.

- Thành phố sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lựa chọn, triển khai phương thức triển khai vay phù hợp, đẩy mạnh khả năng hấp thụ - giải ngân vốn vay của Thành phố, phối hợp với Bộ Tài chính để có cách thức giao dự toán ngân sách nhà nước về vay của Thành phố phù hợp với đề xuất được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Đề xuất về thưởng vượt thu, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách Thành phố

5.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo Luật Ngân sách Nhà nước (khoản 4 Điều 59):

“4. Thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách:

a) Trường hợp ngân sách trung ương tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 30% của số tăng thu thưởng cho các địa phương có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

Căn cứ vào mức thưởng do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thưởng vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thưởng cho ngân sách cấp dưới”.

Hiện nay, Thành phố đang áp dụng quy định các cơ chế về thưởng vượt thu theo khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh: “*Hàng năm, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương*

hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; số bổ sung có mục tiêu không cao hơn số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước”.

Qua thời gian thực hiện, Thành phố đã đạt được các kết quả như sau:

Hằng năm, Thành phố luôn phấn đấu nuôi dưỡng nguồn thu để có thêm nguồn lực chi đầu tư phát triển từ số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% theo quy định. Trên cơ sở kết quả thu ngân sách năm 2019, 2021, UBND Thành phố đã báo cáo Bộ Tài chính trình Chính phủ đề xuất Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố từ nguồn vượt thu ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố của năm 2019 và năm 2021, cụ thể:

Tại Công văn số 568/UBND-KT ngày 25 tháng 02 năm 2022, UBND Thành phố đề nghị Bộ Tài chính thưởng vượt thu và thực hiện bổ sung có mục tiêu từ nguồn vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố theo Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Nghị quyết số 54/2017/QH14 với tổng số tiền là 3.057.652 triệu đồng.

Tại Công văn số 6961/BTC-NSNN ngày 19 tháng 7 năm 2022 về thưởng vượt dự toán thu phân chia giữa NSTW và NSĐP và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2021, Bộ Tài chính thông báo cho Ủy ban nhân dân Thành phố: *“Bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022 cho ngân sách địa phương số tiền 1.654 tỷ đồng”*. Trên cơ sở số bổ sung này, Thành phố đã nhanh chóng triển khai rà soát và bố trí cho các dự án đầu tư công của Thành phố theo quy định.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung định hướng tại nội dung số 6, mục III về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: *“Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển”*.

Trong điều kiện tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương ngày càng tăng. Trong khi đó, nhu cầu chi đầu tư của Thành phố ngày càng tăng để cải thiện cơ sở hạ tầng, giải quyết ô nhiễm môi trường. Những vấn đề này nếu không sớm được giải quyết sẽ thành điểm nghẽn, ảnh hưởng cuộc sống người dân, sự phát triển kinh tế của Thành phố và cả nước.

Thành phố là địa phương luôn nỗ lực hoàn thành vượt bậc nhiệm vụ đóng góp vào thu ngân sách nhà nước các năm. Việc quy định cơ chế thưởng cho Thành phố cần được xem xét để phù hợp với Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị và cũng là điều kiện để Thành phố tái đầu tư cơ sở hạ tầng, phục vụ nhu cầu chính đáng của Nhân dân trên địa bàn và cũng là cách để Thành phố có thể đóng góp tiến tục vào cân đối thu ngân sách nhà nước hằng năm.

5.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Theo quy định hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

c) Giải pháp 3: Giữ nguyên như quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017:

“Hằng năm, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; số bổ sung có mục tiêu không cao hơn số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước”.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Thành phố chưa được bổ sung tương xứng với nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm để tái đầu tư các cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển nền kinh tế của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

- Tác động về mặt xã hội:

Nhu cầu chi đầu tư của Thành phố ngày càng tăng để cải thiện cơ sở hạ tầng, giải quyết ô nhiễm môi trường. Những vấn đề này nếu không sớm được giải quyết sẽ thành điểm nghẽn, ảnh hưởng cuộc sống của người dân, sự phát triển kinh tế của Thành phố và cả nước.

- **Tác động về vấn đề giới:** không có sự tác động, phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Với cơ chế thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, Thành phố dự kiến được tăng thêm nguồn lực để đầu tư các cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển nền kinh tế của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Trường hợp quy định cơ chế có ràng buộc điều kiện “*ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu*”, sẽ có khả năng Thành phố phân đầu thu vượt chỉ tiêu được giao nhưng không được bổ sung đủ theo tính toán tại quy định này do còn phụ thuộc vào việc tăng thu của ngân sách trung ương.

- Tác động về mặt xã hội:

Chất lượng đời sống của người dân được cải thiện, nâng cao nhờ việc Thành phố có nguồn lực để đầu tư thêm các công trình hạ tầng, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, như: xây dựng đường vành đai 3; xây dựng đường cao tốc TP.HCM – Mộc Bài; xây dựng cầu Cần Giờ; nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm,...

- **Tác động về vấn đề giới:** không có sự tác động, phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới*

thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

c) Giải pháp 3:

- Tác động về kinh tế:

Với cơ chế thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, Thành phố dự kiến được tăng thêm nguồn lực để đầu tư các cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển nền kinh tế của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

- Tác động về mặt xã hội:

Chất lượng đời sống của người dân được cải thiện, nâng cao nhờ việc Thành phố có nguồn lực để đầu tư thêm các công trình hạ tầng, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, như: xây dựng đường vành đai 3; xây dựng đường cao tốc TP.HCM – Mộc Bài; xây dựng cầu Cần Giờ; nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm,...

- Tác động về vấn đề giới: không có sự tác động, phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

Nếu được thông qua cơ chế, chính sách tại giải pháp 2 nêu trên, Thành phố tiếp tục, chủ động thực hiện rà soát, nuôi dưỡng các nguồn thu để bảo đảm nguồn lực dành cho chi đầu tư phát triển. Sau khi được bổ sung nguồn lực theo cơ chế này, Thành phố sẽ triển khai các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng.

6. Đề xuất liên quan cơ chế tài chính đặc thù khi thực hiện Chính quyền đô thị tại Ủy ban nhân dân quận:

6.1. Xác định vấn đề bất cập:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 trở về trước, Ủy ban nhân dân quận là một cấp chính quyền địa phương do có tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (quy định tại Điều 4 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương), do đó theo quy định tại Điều 6 Luật Ngân sách nhà nước: “*ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương*”, Ủy ban nhân dân Quận là một cấp ngân sách, có các nguồn lực như dự phòng, chi khác và cả nguồn kết dư để chủ động quản lý, điều hành kinh tế - xã hội của quận.

Khi thực hiện chính quyền đô thị được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 131/2020/QH14, Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của **đơn vị dự toán ngân sách** trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 131/2020/QH14). Khi đó, nguồn lực của quận phụ thuộc vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bố trí, cơ quan tài chính cùng cấp với Ủy ban nhân dân quận không còn là Phòng Tài chính – Kế hoạch quận.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân quận không còn quyền điều hành cân đối ngân sách, mà chỉ được điều hành trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước đã được giao. Quy định này chưa đáp ứng với yêu cầu tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Với đặc thù quản lý địa bàn dân cư, việc quản lý cần dựa trên các thông tin, chỉ tiêu, trong đó có chỉ tiêu thu, chi ngân sách trên địa bàn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể quyết định, có đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện quyết định của mình. Thực tiễn hoạt động hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu đó, do nguồn lực ngân sách được chuyển về cấp Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chưa thể thực hiện đầy đủ quyền điều hành (trong đó, có việc cân đối thu, chi, bố trí, quyết định phân bổ dự toán ngân sách) như dự kiến khi thực hiện mô hình. Hơn nữa, địa bàn quận của Thành phố rộng với mật độ dân cư đông đúc, thường phát sinh rất nhiều nhiệm vụ chi đột xuất không thể dự kiến đầy đủ khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Việc tiếp tục áp dụng theo đúng quy định về đơn vị dự toán như hiện nay đã bộc lộ một số vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chưa thể kịp thời trong công tác điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cũng như gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng về quốc phòng, an ninh, phòng, chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm trên địa bàn.

Để giải quyết về nhu cầu kinh phí quản lý, điều hành địa bàn của các quận, trong năm 2022 và 2023, Thành phố có bố trí cho các Ủy ban nhân dân quận thuộc

Thành phố Hồ Chí Minh khoản dự toán kinh phí phục vụ nhiệm vụ điều hành kinh tế – xã hội trên địa bàn của quận.

Để bảo đảm tính chủ động cho các quận, cần giao thêm thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận để quyết định chi từ khoản chưa phân bổ và bổ sung tương ứng trách nhiệm định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề ra chủ trương “*thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”.

Thực hiện kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 62/TB-VP ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ cũng nêu rõ ý kiến chỉ đạo: “*Tăng cường phân cấp, phân quyền hơn cho Thành phố Hồ Chí Minh, gắn với phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát quyền lực, nâng cao năng lực thực thi*”.

Mô hình chính quyền đô thị đề cao thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận với tư cách là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; bảo đảm tính chủ động, độc lập của chính quyền đô thị trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; bảo đảm điều kiện về ngân sách và nguồn nhân lực các địa phương khi phân cấp, phân quyền trong quản lý đô thị; bảo đảm sự thông suốt, nhanh và hiệu quả, giảm bớt tổ chức trung gian, hướng tới chính quyền đô thị một cấp thống nhất. Khi đó, nếu được quy định phát huy quyền quản lý, điều hành nguồn tài chính nhất định thì sẽ chủ động, hiệu quả hơn trong hoạt động.

6.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định chi từ khoản chưa phân bổ, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** áp lực xử lý, giải quyết các nội dung lớn nhưng không được giao thẩm quyền quản lý tài chính – ngân sách nên chưa bảo đảm việc chủ động thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao dẫn đến ảnh hưởng tiến độ xử lý các nội dung, chế độ trên địa bàn quận và có thể ảnh hưởng đến cơ hội phát triển của đơn vị.

- **Tác động về xã hội:** việc chưa giao thẩm quyền quản lý, điều hành tài chính – ngân sách cho quận sẽ ảnh hưởng đến tâm tư của một bộ phận quản lý tài chính – ngân sách ở địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết công việc, phục vụ nhân dân, các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, ảnh hưởng đến mục đích tổ chức chính quyền đô thị.

- **Tác động về giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** chưa thể thực hiện mô hình chính quyền đô thị hiệu lực, hiệu quả.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** việc giao thẩm quyền quản lý tài chính – ngân sách góp phần tạo sự chủ động, dám nghĩ, dám làm của quận trong quản lý, điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn, giúp người đứng đầu ủy ban nhân dân quận có những quyết định nhanh chóng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- **Tác động về xã hội:** giải quyết được yêu cầu quản lý điều hành địa bàn quận. Giảm bớt áp lực cho cấp Thành phố.

- **Tác động về giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) tạo tiền đề cơ sở thực tiễn về xây dựng dự toán, điều hành dự toán khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố với các quận quản lý mật độ dân cư đông đúc. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách nêu trên quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh

hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về “*Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán nhằm khắc phục bất cập của mô hình chính quyền đô thị khi các quận không còn là cấp ngân sách*” cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Nếu được thông qua cơ chế, chính sách nêu trên, Thành phố triển khai rà soát để bố trí cho Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh khoản dự toán kinh phí phục vụ nhiệm vụ điều hành kinh tế – xã hội trên địa bàn của quận phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của quận.

7. Đề xuất về sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng:

7.1. Xác định vấn đề bất cập:

7.1.1. Về đề xuất sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình giao thông đường bộ có tính chất vùng, liên vùng nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thành phố và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thành phố:

Theo khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015:

“Điều 36. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các dự án, bao gồm cả các dự án có tính chất liên vùng, khu vực của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này”.

Về nguyên tắc phân cấp ngân sách nhà nước, tại Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định:

“3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc

phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

...”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội đã khẳng định chủ trương: *“Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư; các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc”*. Việc được đầu tư cơ sở hạ tầng có tính chất vùng, liên vùng tại các địa phương để góp phần tăng cường thương mại giữa các địa phương trong cả nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông cần được quan tâm đầu tư, giúp cải thiện đáng kể sự kết nối giữa các tỉnh trong vùng và giữa vùng với cả nước để cùng tạo ra cơ hội cho các địa phương có sự phát triển bứt phá về kinh tế - xã hội, đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước. Do đó, Đại hội XIII định hướng phát triển vùng theo hướng: *“Khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới...”*. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, liên kết phát triển vùng là một nhiệm vụ trọng tâm trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng này đã và đang được Trung ương quan tâm, chỉ đạo sát sao: trong năm 2022, lần đầu tiên Bộ Chính trị đã ban hành 6 Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 Vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm: Trung du, miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng. Ngày 7/10/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đặt mục tiêu đến năm 2030, Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước. Cũng theo Nghị quyết số 31-NQ/TW, Bộ Chính trị đã nêu nhiệm vụ, giải pháp như sau: *“- Chủ động thúc đẩy liên kết vùng, phát huy vai trò nòng cốt, đầu tàu của Thành phố trong liên kết phát triển nhằm thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động lực, không gian phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực, địa phương trong cả nước”*.

Theo quy hoạch, đến năm 2030, vùng Đông Nam Bộ có 970km cao tốc, nhưng hiện tại mới chỉ đưa vào khai thác thực tế chỉ hơn 10% so với quy hoạch chi phí vận

chuyển và lưu thông hàng hóa cao, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Hiện nay, nhu cầu đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng tại khu vực là rất lớn, góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn... Trong đó, có các dự án trọng điểm như: dự án Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, 02 dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, 02 dự án thuộc đường Vành đai 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

7.1.2. Về sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác trong các trường hợp cần thiết

Theo khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015:

“9. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng”.

Trong quá trình thực hiện, có phát sinh một số trường hợp cần thiết phải hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác; chẳng hạn: các địa phương có đóng góp, các địa phương là nơi có ý nghĩa lớn trong cách mạng Việt Nam (Pác Bó, Cao Bằng, Nghệ An, Hậu Giang, Trà Vinh, Hòa Bình, Điện Biên, Bến Tre, Đồng Tháp,...) là vùng căn cứ kháng chiến cũ của Khu ủy Sài Gòn – Gia Định bị thiệt hại nhiều trong kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước có đề nghị Thành phố hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa, một số công trình tưởng niệm trên địa bàn, hỗ trợ về cải tạo, mở rộng trường học,...; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, công trình ở nước ngoài có ý nghĩa về mặt đối ngoại, chính trị, thắt chặt tình cảm, mối quan hệ lâu dài với một số địa phương tại một số nước như Campuchia, Lào, Cuba, Nga,...như: như hỗ trợ đúc tượng Bác, tu bổ công viên Bác Hồ,...; duy trì quan hệ hợp tác trên một số lĩnh vực,

duy trì quan hệ đôi tác; hỗ trợ một số địa phương là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, đặc biệt khó khăn trong cuộc sống.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị: “- Tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi để tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững. Thành phố phải tiếp tục giữ vững vai trò là trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, có sức lan toả, thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; sớm trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ, văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á và Châu Á, có năng lực cạnh tranh toàn cầu”.

Về nhiệm vụ, giải pháp, Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị nêu: “- Chủ động thúc đẩy liên kết vùng, phát huy vai trò nòng cốt, đầu tàu của Thành phố trong liên kết phát triển nhằm thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động lực, không gian phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực, địa phương trong cả nước”; “...tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm...”.

Thực hiện định hướng nêu trên, Thành phố đề xuất Trung ương xem xét, có cơ chế cho phép Thành phố cân đối, sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng. Bên cạnh đó, cần xem xét lại cơ cấu nguồn lực của Thành phố theo hướng phân cấp thêm nguồn thu của ngân sách Thành phố, ưu tiên bổ sung thêm định mức chi cho Thành phố khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

7.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình giao thông đường bộ có tính chất vùng, liên vùng nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thành phố và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thành phố; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác trong các trường hợp cần thiết.

c) **Giải pháp 3:** Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) **Giải pháp 1:** Không có đóng góp cho sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng, liên vùng.

Chưa thể thực hiện một cách toàn diện phương châm “Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh”

b) **Giải pháp 2:** Với nguồn lực được bổ sung thêm và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố, Thành phố sẽ phối hợp với các địa phương triển khai đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng:

- Tác động về kinh tế:

+ Áp dụng chính sách nêu trên vừa giúp giải quyết bài toán đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng thông qua cơ chế Trung ương phân cấp thêm nguồn thu, kết hợp với cân đối của ngân sách Thành phố để có nguồn lực đáp ứng nhu cầu, giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối, một số dự án về môi trường,... của Thành phố với các địa phương trong vùng, cũng như liên vùng.

+ Khi thực hiện giải pháp này, để đảm bảo Thành phố có đủ nguồn lực, khả năng bảo đảm chủ động thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng, Trung ương cần xem xét, phân cấp thêm nguồn thu, ưu tiên bổ sung thêm định mức chi cho Thành phố khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước; kết hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của Thành phố để Thành phố.

- Tác động về xã hội: tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án ... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có liên quan.

Thực hiện một cách toàn diện phương châm “Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh”

- Tác động về giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp

luật).

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về “*Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác trong các trường hợp cần thiết*” cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

7.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách của Quốc hội). Trường hợp lựa chọn giải pháp 2, Thành phố cũng đề xuất Trung ương xem xét, phân cấp thêm nguồn thu, ưu tiên bổ sung thêm định mức chi cho Thành phố khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước; kết hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của Thành phố để Thành phố có đủ khả năng bảo đảm chủ động thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng.

8. Đề xuất về mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố (HFIC):

8.1. Xác định vấn đề bất cập:

HFIC thực hiện chức năng, nhiệm vụ của **Quỹ đầu tư phát triển địa phương** (Quỹ ĐTPTĐP) là một quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, **hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn**, huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ trong và ngoài nước theo quy định để cho vay và đầu tư các dự án thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội của Thành phố. Tuy nhiên khác với các Quỹ ĐTPTĐP khác, HFIC hoạt động theo mô hình **Doanh nghiệp nhà nước**, vì vậy phải đảm bảo thực hiện theo các quy định áp dụng đối với Doanh nghiệp nhà nước, cụ thể là Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13).

Nguồn vốn hoạt động trong thời gian qua của HFIC cũng như của các Quỹ ĐTPTĐP là *nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay ODA (từ nguồn Chính phủ cho vay lại)*. Tuy nhiên, về nguồn vốn vay, theo Luật Quản lý nợ công 2017, các Quỹ ĐTPTĐP không còn là đối tượng được vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài

của Chính phủ để thực hiện cho vay lại. Thêm vào đó, *về nguồn vốn chủ sở hữu*, các Quỹ ĐTPĐP khác được giữ lại toàn bộ phần chênh lệch thu chi (sau khi nộp thuế, nộp ngân sách và phân phối các quỹ) để bổ sung vốn điều lệ; trong khi đó HFIC là doanh nghiệp nhà nước phải nộp toàn bộ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ về ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật số 69/2014/QH13.

Do đó, HFIC vừa gặp khó khăn trong việc huy động các nguồn vốn giá rẻ như thời gian qua đã thực hiện, vừa *không được phát huy các chính sách về tích lũy và bổ sung vốn điều lệ* đang được áp dụng đối với các Quỹ ĐTPĐP để đảm bảo có thêm nguồn lực đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về tài trợ cho các dự án theo danh mục lĩnh vực ưu tiên phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

a) Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC

Việc chuyển đổi mô hình từ Quỹ Đầu tư phát triển đô thị Thành phố (HIFU) thành Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) với nhiệm vụ thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Thành phố chuyển giao nhằm mục tiêu tăng cường nguồn lực và quy mô vốn cho HFIC để tiếp tục phát huy vai trò tài trợ cho các dự án phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội của Thành phố.

Tuy nhiên, từ khi Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp được ban hành và có hiệu lực từ tháng 07/2015, việc chuyển giao các doanh nghiệp của Thành phố về HFIC không còn thực hiện được. Như vậy, cho đến nay HFIC thực hiện tiếp quản 08 doanh nghiệp do Thành phố chuyển giao, trong đó đã thực hiện cổ phần hóa 06 doanh nghiệp và còn 02 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty XSKT) và Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty QLKDN). Tuy nhiên, do Công ty XSKT thực hiện theo quy định riêng¹² nên toàn bộ lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được nộp về ngân sách Thành phố mà không chuyển về HFIC theo mô hình Công ty mẹ - con.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, nguồn thu từ cổ phần hóa ngân sách địa phương được hưởng 100% và căn cứ Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015, ngân sách địa phương được chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính của địa phương theo quy định.

¹² Hướng dẫn bởi Thông tư 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 đã được thay thế bởi Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính.

Theo đó, nhằm phát huy hơn nữa vai trò của HFIC là công cụ tài chính của thành phố để huy động các nguồn vốn xã hội theo hình thức tự vay tự trả không làm phát sinh tăng nợ của ngân sách thành phố, việc bổ sung nguồn thu cổ phần hóa để tăng vốn cho HFIC góp phần tập trung nguồn lực, tăng cường năng lực tài chính của HFIC để tạo vốn đối ứng nhằm thu hút nhiều hơn nữa các nguồn lực xã hội đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng đô thị của Thành phố trong thời gian tới.

Đồng thời với cơ chế đầu tư “vốn môi”, HFIC tiếp tục phát huy vai trò là cánh tay nối dài của ngân sách thành phố, thu hút thêm các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để tài trợ, đầu tư trực tiếp hoặc hợp tác với khu vực tư nhân để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm và dự án thuộc các lĩnh vực an sinh xã hội của thành phố.

b) Lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ. Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ của HFIC thực hiện như các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác.

Hiện nay, toàn bộ lợi nhuận của HFIC là từ hoạt động theo chức năng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, tuy nhiên theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, HFIC phải nộp lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo quy định về ngân sách nhà nước (Khoản 3 Điều 34 Luật số 69/2014/QH13). Ngoài ra, việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ của HFIC do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương (Khoản 5 Điều 15 Luật số 69/2014/QH13).

Trong khi đó, các Quỹ ĐTPTĐP được giữ lại toàn bộ phần chênh lệch thu chi (sau khi nộp thuế, nộp ngân sách và phân phối các quỹ) để bổ sung vốn điều lệ (Điểm đ khoản 4 Điều 34 Nghị định 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ) và việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ ĐTPTĐP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định (Điều 35 Nghị định 147/2020/NĐ-CP).

Vì vậy, nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc bổ sung nguồn vốn hoạt động để có thêm nguồn lực tài trợ cho các dự án phát triển hạ tầng - kỹ thuật, kinh tế - xã hội của Thành phố, kiến nghị cho HFIC được áp dụng cơ chế tương tự các Quỹ ĐTPTĐP khác là HFIC được giữ lại lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để tăng vốn điều lệ của Công ty; và Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ và quyết định việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho HFIC.

c) Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được HFIC cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố theo đối tượng, điều kiện, quy trình do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định. Việc bố trí vốn

được thực hiện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở nhu cầu của các dự án được hỗ trợ lãi suất

Đối với các dự án thuộc lĩnh vực phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật, an sinh xã hội, xử lý môi trường, chỉnh trang đô thị, y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao..., việc kêu gọi đầu tư có hỗ trợ lãi vay sẽ thu hút nguồn lực xã hội hóa từ các thành phần kinh tế tư nhân nhằm góp phần tham gia, chia sẻ áp lực với nguồn vốn ngân sách nhà nước... Việc đổi mới máy móc, thiết bị tiên tiến cùng cơ sở hạ tầng hiện đại trong lĩnh vực y tế, giáo dục góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập đào tạo, khám chữa bệnh của người dân Thành phố; việc tham gia của các thành phần kinh tế trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường góp phần thúc đẩy nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe và nâng cao chất lượng sống của người dân...

Các dự án ở lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp, công nghiệp đang phát triển theo hướng chuyên sâu, máy móc thiết bị được đầu tư theo hướng hiện đại, sử dụng công nghệ mới; các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao được nhiều nhà đầu tư quan tâm. Sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có vai trò quan trọng trong việc cung cấp sản phẩm có thiết kế sáng tạo, tính ưu việt và cũng là nguồn nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp công nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh. Đặc biệt, Thành phố Hồ Chí Minh có dân số lớn nhất cả nước, nhưng sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ với chất lượng cao vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển công nghiệp công nghệ cao. Hiện các doanh nghiệp vẫn phải tiến hành nhập khẩu các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ mặc dù rất nhiều các sản phẩm này doanh nghiệp Thành phố có thể sản xuất được.

Trong bất cứ hình thức đầu tư nào thì vốn luôn là ưu tiên hàng đầu, lĩnh vực bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ cũng không ngoại lệ. Nhiều doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có phương án sản xuất tốt, có kỹ thuật giỏi nhưng thiếu vốn, thiếu mặt bằng cũng không thể mở rộng sản xuất, không đạt năng suất mong muốn. Đặc biệt, đối với Thành phố Hồ Chí Minh, với định hướng phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ với công nghệ cao, công nghệ sinh học chất lượng cao thì nhu cầu về vốn đầu tư sản xuất rất lớn. Do đó, nhu cầu vay vốn để đầu tư, mở rộng sản xuất là nhu cầu tất yếu, khách quan của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa không có tài sản tích lũy, chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất. Để phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố thì việc đưa các cơ chế chính sách phát triển các sản phẩm thuộc bốn

ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ để kích cầu đầu tư là hết sức cần thiết.

Vì vậy, phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá các sản phẩm của doanh nghiệp FDI thông qua việc hỗ trợ lãi suất vốn vay từ nguồn vốn vay tín dụng của doanh nghiệp nhằm kích cầu đầu tư đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Ngoài ra, ngành nông nghiệp là ngành bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai, dịch bệnh, có nhiều rủi ro cho người dân, doanh nghiệp khi đầu tư. Từ đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn đến các hoạt động tiêu thụ, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến các hộ dân, doanh nghiệp, hợp tác xã hạn chế mở rộng đầu tư sản xuất. Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là phát triển nhóm sản phẩm chủ lực của Thành phố, tăng cường liên kết sản xuất trong giai đoạn tới, cần có cơ chế chính sách hỗ trợ một phần lãi vay cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành nghề nông nghiệp đặc trưng của Thành phố; hỗ trợ ưu tiên đối với các doanh nghiệp tham gia liên kết với hợp tác xã trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Qua thực tế nhu cầu hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc các lĩnh vực nêu trên đã được thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 và tốc độ tăng trưởng về tổng mức đầu tư của các dự án qua từng năm, đồng thời trên cơ sở mức lãi suất huy động vốn của các ngân hàng, dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lãi vay cho các dự án phát sinh trong giai đoạn 2023 – 2025 là khoảng 3.400 tỷ đồng.

Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 1 **Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015** và các quy định tại **Điều 30 Luật NS nhà nước, Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP** ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của Ngân sách địa phương bao gồm “c) *Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật*”.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Nhằm tháo gỡ khó khăn về cơ chế bổ sung vốn điều lệ cũng như nguồn bổ sung vốn điều lệ, góp phần củng cố thêm tiềm lực tài chính cho HFIC để tạo đòn bẩy tiếp tục huy động thêm các nguồn vốn xã hội khác phục vụ tài trợ cho các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo các chương trình mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội - hạ tầng của Thành phố.

- Cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua việc ban hành chính sách về Chương trình kích cầu và giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố sẽ góp phần thu hút các nhà

đầu tư vào các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên phát triển của Thành phố; khơi thông được các nguồn lực đầu tư trong xã hội, đẩy mạnh việc xã hội hóa các lĩnh vực mà các thành phần kinh tế tư nhân có thể tham gia, góp phần chia sẻ áp lực với nguồn vốn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh đầu tư vào các ngành, lĩnh vực Thành phố khuyến khích phát triển bao gồm lĩnh vực hạ tầng kinh tế - xã hội, kỹ thuật, môi trường, chính trang đô thị; y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao; các ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ; công nghệ cao, chuyên đổi số; khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp...

8.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC):

- Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC;

- Lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ. Việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ của HFIC thực hiện như các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác.

- Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được HFIC cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố theo đối tượng, điều kiện, quy trình do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định. Việc bố trí vốn được thực hiện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở nhu cầu của các dự án được hỗ trợ lãi suất.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Hạn chế cơ hội tiếp cận các nguồn vốn vay với chi phí vốn thấp của HFIC để cho vay và đầu tư các chương trình, dự án theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; không phát huy được hết vai trò Quỹ đầu tư phát triển địa phương của HFIC.

Không có chính sách đặc thù nên không có cơ chế riêng của Thành phố nhằm khuyến khích các doanh nghiệp mạnh dạn triển khai thực hiện các dự thuộc các lĩnh vực mà Thành phố khuyến khích đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và không kêu gọi xã hội hóa các dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và môi trường nhằm giảm áp lực cho nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- **Tác động về giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không có

Nguồn vốn ngân sách Thành phố bố trí hỗ trợ lãi vay được thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Tạo cơ chế thu hút thêm nguồn vốn có tính chất ưu đãi ngoài vốn ngân sách để tài trợ cho các dự án đầu tư trên địa bàn TP.HCM, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của TP.

Tháo gỡ khó khăn về cơ chế bổ sung vốn điều lệ cũng như nguồn bổ sung vốn điều lệ, góp phần củng cố thêm tiềm lực tài chính cho HFIC. HFIC với vai trò tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có thêm nguồn lực tài chính để tạo đòn bẩy tiếp tục huy động thêm các nguồn vốn xã hội khác phục vụ tài trợ các dự án đầu tư hạ tầng KT-XH theo các chương trình mục tiêu, kế hoạch phát triển hạ tầng của Thành phố. Trong giai đoạn 2010 - 2020, HFIC cho vay **215 dự án** thuộc các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền cam kết cho vay là **15.875 tỷ đồng**. Tính trên tổng nhu cầu vốn đầu tư của **215 dự án (ước tính khoảng 38.484 tỷ đồng)** thì phần vốn tham gia của HFIC chiếm tỷ lệ 41%, tức **1 đồng** vốn tham gia của HFIC có thể huy động được thêm **1,4 đồng** vốn của xã hội để đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng phát triển đô thị của Thành phố.

Do đó, giải pháp này sẽ tạo điều kiện góp phần hỗ trợ Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động trong cân đối các nguồn lực và tận dụng, phát huy được các công cụ hỗ trợ việc huy động vốn ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án theo mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong từng thời kỳ thông qua định chế tài chính trung gian như HFIC - trong vai trò là quỹ tài chính ngoài ngân sách, thực hiện huy động các nguồn vốn để tài trợ các dự án, chương trình thuộc kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Việc thực hiện quy định hỗ trợ này tiếp tục khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu; công nghiệp hỗ trợ và nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố, thông qua các phương án đầu tư sản xuất được hỗ trợ lãi vay tạo thêm việc làm cho lao động, tăng giá trị và thu nhập trong sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu; công nghiệp hỗ trợ và nông nghiệp đô thị.

Tiếp tục khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất nông

ngiệp, góp phần khuyến khích hộ nông dân Thành phố chuyển đổi sản xuất phù hợp với quá trình phát triển nông nghiệp đô thị của Thành phố, chuyển từ các loại cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế thấp sang các loại cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Đặc biệt, khuyến khích hộ nông dân tham gia liên kết, trở thành thành viên hợp tác xã; khuyến khích hợp tác xã liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, kết nối sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và hợp tác xã. Tạo động lực cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân, cá nhân đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành nghề nông thôn đặc trưng của Thành phố

- Tác động về xã hội:

Thành phố có thêm nguồn lực để phát triển các công trình hạ tầng phục vụ an sinh xã hội (như bệnh viện, trường học, các dự án cấp nước, xử lý rác thải...), góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố.

+ Thúc đẩy nâng cao giá trị sản lượng và chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, cung ứng nhu cầu tiêu dùng cho người dân thành phố; đẩy mạnh phát triển các nghề truyền thống, nâng cao thu nhập cho lao động ngoại thành, góp phần vào thực hiện mục tiêu chuyển dịch nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại của Thành phố.

+ Thông qua chính sách sẽ huy động được vốn để đầu tư, góp phần thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục – dạy nghề, văn hóa và thể thao và môi trường giảm áp lực cho ngân sách Thành phố. Các dự án sau khi hoàn thành đã nâng cao chất lượng điều trị, góp phần giảm áp lực cho các bệnh viện lớn; đồng thời nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân Thành phố, chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội, hội nhập quốc tế và nâng cao trình độ học vấn của xã hội, đảm bảo vệ sinh môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn của một Thành phố văn minh hiện đại.

+ Thông qua các phương án sản xuất được hỗ trợ lãi vay tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn, tăng giá trị sản xuất và thu nhập của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Đối với đề xuất (a) và (b): Chính sách đề xuất phát sinh quy định ngoài quy định tại Khoản 5 Điều 15, Khoản 3 Điều 34 của Luật 69/2014/QH13; quy định tại Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015; nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết theo quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng

chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Điểm b Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Đối với đề xuất (c): Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 1 **Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015** và các quy định tại **Điều 30 Luật NS nhà nước, Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP** ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của Ngân sách địa phương bao gồm “c) *Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật*”.

Để đảm bảo chặt chẽ pháp lý trong thực hiện, kiến nghị nội dung quy định cho phép Thành phố được bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được HFIC cho vay thuộc lĩnh vực công nghiệp trọng yếu; công nghiệp hỗ trợ; công nghệ cao, chuyển đổi số; thương mại và phục vụ sản xuất nông nghiệp; hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và môi trường; y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa, thể thao và nông nghiệp... các lĩnh vực mà Thành phố ưu tiên theo đối tượng, điều kiện, quy trình do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

c) Giải pháp 3:

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Hạn chế cơ hội tiếp cận các nguồn vốn vay với chi phí vốn thấp của HFIC để cho vay và đầu tư các chương trình, dự án theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; không phát huy được hết vai trò Quỹ đầu tư phát triển địa phương của HFIC.

- **Tác động về giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Phát sinh thủ tục hành chính do ban hành các thủ tục về việc đăng ký tham gia và kiểm soát tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Năm 2019, Luật Đầu tư công mới được ban hành (thay thế Luật Đầu tư công năm 2004); theo đó quy định cụ thể về đối tượng đầu tư công:

“Điều 5. Đối tượng đầu tư công

1. Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án

độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A.

2. Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội.

4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.

5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng quy định tại khoản này.”

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Công văn số 4279/UBND-DA gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hỗ trợ có ý kiến hướng dẫn về bố trí nguồn vốn ngân sách Thành phố cho Chương trình kích cầu đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến tại Công văn số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022 như sau: ***Việc bố trí vốn ngân sách Thành phố cho Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2021 – 2025 không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công.***

Nguồn vốn ngân sách Thành phố bố trí hỗ trợ lãi vay được thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

Như vậy, việc hỗ trợ lãi vay cho các dự án tham gia Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố không thuộc đối tượng đầu tư công nên không có cơ sở bố trí kế hoạch vốn theo quy định hiện hành của Luật Đầu tư công để thực hiện Chương trình.

8.5. Kiến nghị: Lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

9. Đề xuất về ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao:

9.1. Xác định vấn đề bất cập:

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 được ban hành thì phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu chế xuất, khu công nghiệp không được quy định trong danh mục phí, lệ phí.

Điểm b Khoản 3 Điều 61 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Khoản 4 Điều 27 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế thì nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất được định giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các loại phí sử dụng hạ tầng và đăng ký với Ban Quản lý khu công nghiệp. Như vậy, phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu chế xuất, khu công nghiệp trên phạm vi cả nước được áp dụng theo quy định tại Luật giá năm 2012.

Tuy nhiên, đối với việc duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không áp dụng quy định tại Luật giá năm 2012 mà được áp dụng một cơ chế riêng, đặc thù với quá trình áp dụng thí điểm từ năm 1999 đến nay, cụ thể như sau:

- Sau khi KCX Tân Thuận được thành lập vào năm 1991, ngày 26 tháng 2 năm 1992, Ban Quản lý Khu chế xuất Tân Thuận đã được thành lập theo Quyết định số 62/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Sau khi KCX Linh Trung ra đời, Ban Quản lý Khu chế xuất Tân Thuận đổi tên thành Ban Quản lý các Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 3 tháng 10 năm 1996, Ban Quản lý các Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển thành Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 731/TTg của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các KCX, KCN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ kinh nghiệm của Đài Loan và thực tế thời điểm đó, Ban Quản lý khu chế xuất Tân Thuận đã làm đề án trình Bộ Tài chính xin Chính phủ cho Ban Quản lý làm thí điểm cơ chế tự đảm bảo tài chính, nguồn kinh phí hoạt động của Ban Quản lý lấy từ một phần nguồn thu của phí duy tu - bảo dưỡng cơ sở hạ tầng KCX Tân Thuận. Được sự đồng thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ ngành Trung ương (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Ban Tổ chức Cán bộ của Chính phủ, nay là Bộ Nội vụ; Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam) và được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký Quyết định số 45/1999/TC-QĐ ngày 6/5/1999 ban hành "*Quy định tạm thời về chế độ tự bảo đảm kinh phí hoạt động của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh*". Từ việc tổng kết Quyết định số 45/1999/TC-QĐ, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 138/2001/QĐ-BTC ngày 19/12/2001 về việc ban hành Quy chế

tạm thời về chế độ tự bảo đảm kinh phí hoạt động của Ban Quản lý, Quyết định số 139/2001/QĐ-BTC ngày 19/12/2001 về việc ban hành quy chế thu và sử dụng phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCX Tân Thuận và sau đó là Quyết định 03/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/01/2003 về việc thực hiện chế độ thí điểm mở rộng diện thu phí tại các KCX, KCN Thành phố. Qua 09 năm triển khai, trên cơ sở tổng kết thực hiện, từng bước mở rộng diện thu phí và sau khi có ý kiến thống nhất của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6962/VPCP-KHTH ngày 29/11/2007 của Văn phòng Chính, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 của Bộ Tài chính về quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 42/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 ban hành Quy chế tự chủ kinh phí hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Theo Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 của Bộ Tài chính về quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh, phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các KCN và KCX Thành phố Hồ Chí Minh được quản lý và sử dụng như sau:

+ Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là khoản tiền do các doanh nghiệp thuê đất tại KCN, KCX đóng góp, để vận hành, duy tu và tái tạo cơ sở hạ tầng KCN, KCX tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng do các doanh nghiệp thuê đất nộp cho Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN theo mức thỏa thuận tại hợp đồng thuê đất. Do đặc thù riêng nên mỗi KCX, KCN có mức thu và hình thức thu phí duy tu khác nhau.

+ Toàn bộ nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng được các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN đưa vào tài khoản ngân hàng riêng, theo dõi và hạch toán riêng với các khoản doanh thu hoạt động khác và chỉ để phục vụ cho công tác công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng. **Phí duy tu được quản lý riêng theo cơ chế chuyên thu, chuyên chi và không coi là doanh thu của công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng.**

+ **Doanh nghiệp nộp phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.**

+ Hàng năm, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ban Quản lý) kiểm tra, phê duyệt quyết toán và dự toán tình hình thu và sử dụng phí duy tu của các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng sau khi được đơn vị độc lập thực hiện kiểm toán. Đồng thời, giám sát các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng thực hiện thông báo công khai tình hình thu và sử dụng phí duy

tu đến doanh nghiệp trong KCX, KCN trên cơ sở Thông báo duyệt của Ban Quản lý.

- Theo Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 của Bộ Tài chính về ban hành Quy chế tự chủ kinh phí hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, hàng năm, các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN trích nộp về Ban Quản lý theo tỷ lệ % nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng. Đây là nguồn thu chủ yếu của Ban Quản lý và là cơ sở để Ban Quản lý thực hiện chế độ tự chủ tài chính mà không sử dụng Ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, ngày 03 tháng 4 năm 2019, Bộ Tài chính có Công văn số 3988/BTC-CST gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: “(i) đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC, Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và đề xuất bãi bỏ 02 Quyết định này; (ii) hướng dẫn các KCN, KCX thực hiện thu tiền sử dụng dịch vụ hạ tầng trong KCN, KCX theo quy định pháp luật về giá; (iii) xác định hình thức sở hữu và cơ chế quản lý đối với tài sản hình thành từ thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng tại các KCN, KCX theo quy định pháp luật; (iv) hướng dẫn Ban Quản lý các KCN, KCX thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cơ chế tài chính theo pháp luật hiện hành. Đề xuất bãi bỏ Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 30/4/2019”.

Trong suốt gần 25 năm thực hiện (tính từ năm 1999), chính sách thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các KCX, KCN Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quy chế tự chủ kinh phí hoạt động của Ban Quản lý quy định tại Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC đã ổn định và mang lại nhiều tác động tích cực cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan quản lý nhà nước. Hiện nay, chính sách này vẫn phát huy tác dụng khi không những tạo lập nguồn tài chính dự phòng đảm bảo cho công tác bảo dưỡng, duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu hoạt động thường xuyên cho doanh nghiệp (tổng nguồn thu phí duy tu của doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2022 là 2.971,62 tỷ đồng, trung bình mỗi năm thu được là 198,11 tỷ đồng/năm. Tổng chi phí duy tu lũy kế từ năm 2008 đến năm 2022 là 2.610,99 tỷ đồng, trung bình mỗi năm chi 174,07 tỷ đồng/năm). Đồng thời, giúp Ban Quản lý tự đảm bảo được nguồn kinh phí chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ các doanh nghiệp, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với KCX, KCN, tiết kiệm chi cho ngân sách Nhà nước khoảng 289,9 tỷ đồng, tăng thu nhập cho công chức, người lao động. Các dịch vụ công tại Ban Quản lý về cơ bản đáp ứng được nhu cầu hoạt động và phát triển của trên 1.600 doanh nghiệp hoạt động tại các KCX, KCN Thành phố.

Do đó, từ thực tiễn cần phải duy trì cơ chế đặc thù riêng về nguồn kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các KCX, KCN trên địa bàn Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí

Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2023, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 81/UBND-KT gửi Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC, trong đó có nội dung “*Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang dự thảo báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh và sẽ trình Quốc hội nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết này. Vì vậy, trên cơ sở thống nhất giữa Bộ Tài chính và Ủy Ban nhân dân Thành phố tại cuộc họp ngày 10 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã bổ sung nội dung “quy chế thu và sử dụng khoản kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa nội dung của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC” vào dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14.*”.

9.4. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tiếp tục thực hiện theo cơ chế tài chính thu và sử dụng khoản kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các KCX, KCN Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa nội dung của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

9.5. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Áp dụng thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng KCN, KCX theo quy định tại Luật giá năm 2012.

b) Giải pháp 2: Thành phố được thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất từ các doanh nghiệp trong khu nhằm nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động, không vì mục tiêu lợi nhuận. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng, trong đó quy định cụ thể đối tượng, nguyên tắc thu, cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu, đảm bảo tính minh bạch, gắn với cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý Khu chế xuất và khu công nghiệp. Khoản tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nộp.

c) Giải pháp 3: Áp dụng thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng KCN, KCX theo quy định tại Luật phí và lệ phí năm 2015.

9.6. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

+ Các khoản thu và sử dụng phí duy tu tại KCX, KCN sẽ được công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng hạch toán vào doanh thu, chi phí, kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận hàng năm. Trong khi, cơ sở hạ tầng qua thời gian sử dụng ngày càng xuống cấp, nhu cầu duy tu, tái tạo ngày càng tăng. Nguồn kinh phí để thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phải lệ thuộc vào tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng, khó có thể đáp ứng kịp thời, hữu hiệu, đảm bảo cơ sở hạ tầng luôn trong tình trạng tốt phục vụ các nhà đầu tư. Trong trường hợp phải tái tạo lại các hạng mục hạ tầng, Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng sẽ không có nguồn để thực hiện. Trường hợp, Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng vì lý do nào đó không tồn tại, sẽ không còn đơn vị nào chịu trách nhiệm thực hiện việc duy tu hàng triệu m² đường giao thông, hàng chục nghìn mét đường ống cấp nước, thoát nước, hàng trăm trạm hạ thế cùng hệ thống chiếu sáng, để phục vụ nhà đầu tư. Khi đó, để đảm bảo sự vận hành bình thường của các KCX, KCN Nhà nước có thể phải thực hiện công việc này và sẽ gây gánh nặng cho ngân sách.

+ Làm thay đổi phương thức tính toán số thu: Tại KCX Tân Thuận, công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng đang áp dụng thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng theo kim ngạch xuất khẩu và Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp cùng phối hợp với công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng để tính số thu phí duy tu hàng tháng. Nếu chuyển sang áp dụng thu phí duy tu theo quy định pháp luật về giá, công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng không thể tính và kiểm soát số liệu về kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp. Do đó, buộc công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng phải thay đổi phương thức thu tiền khác, dựa trên tổng tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng hoặc một chỉ tiêu khác. Điều này sẽ làm mất ổn định môi trường kinh doanh tại KCX khi xuất hiện tình huống doanh nghiệp trước đây nộp phí ít thì nay phải nộp nhiều hơn và ngược lại. Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng phải thỏa thuận lại với từng doanh nghiệp trong KCX (đa số là doanh nghiệp nước ngoài), việc này trước đây phải mất rất nhiều thời gian, công sức để đạt được sự đồng thuận như hiện nay. Nhất là, thu phí duy tu theo tổng tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng sẽ không đủ kinh phí để duy trì tình trạng hạ tầng tốt như hiện nay.

+ Làm thay đổi cơ bản cơ chế của nguồn kinh phí hoạt động đối với Ban Quản lý, vừa tạo thêm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, vừa không còn tạo cơ chế tự chủ cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố: Kinh phí hoạt động hiện nay của Ban Quản lý chủ yếu là phí duy tu được trích nộp từ các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng. Nếu thay đổi sang thực hiện thu tiền sử dụng hạ tầng theo quy định về giá, các công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng không có cơ sở để trích nộp cho Ban Quản lý. Khi đó, ngân sách Nhà nước phải cấp kinh phí để Ban Quản lý hoạt động (khoảng 22 tỷ đồng/năm). Điều này vừa tạo thêm áp lực cho ngân sách

Nhà nước, vừa đi ngược với chủ trương của Nhà nước trong việc đổi mới tài chính công, tăng cường tự chủ về tài chính đối với các cơ quan hành chính Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước tại những địa bàn đủ điều kiện về nguồn thu và khó thu hút được nhân tài phục vụ lâu dài tại Ban Quản lý.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Mỗi công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng có cơ chế hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và tỷ lệ lợi nhuận kỳ vọng khác nhau nên sẽ xây dựng mức giá dịch vụ khác nhau, cao hơn mức thu hiện hành và phải thỏa thuận lại với từng doanh nghiệp trong KCX, KCN (hơn 50% là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), việc này trước đây phải mất rất nhiều thời gian, công sức để đạt được sự đồng thuận như hiện nay, điều này sẽ ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung.

+ Mức độ cung cấp dịch vụ duy tu cơ sở hạ tầng do công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng tự quyết định, không được cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ, điều này dễ dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện từ các nhà đầu tư.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: gây phiền hà cho nhà đầu tư do phải thực hiện kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: do điều chỉnh cơ chế đã được áp dụng từ năm 1999, theo đó doanh nghiệp phải nộp phí duy tu hạ tầng theo cơ chế giá sẽ cao hơn mức nộp hiện nay, đồng thời kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng, nên trái Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi 2020): không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý, hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Thông qua việc thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng KCN, KCX, huy động được sự đóng góp của tất cả doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KCX, hình thành nguồn quỹ tài chính phục vụ nhu cầu bảo dưỡng, duy tu thường xuyên, cũng như dự phòng đáp ứng yêu cầu tái tạo cơ sở hạ tầng tại các KCX, KCN của Thành phố Hồ Chí Minh sau hàng chục năm khai thác, sử dụng, từ đó giảm áp lực chi từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh khi cơ sở hạ tầng tại các KCX, KCN xuống cấp, nhất là những năm cuối “vòng đời” của KCX, KCN. Từ đó, tạo môi trường đầu tư trong KCX, KCN được ổn định, cơ sở hạ tầng được duy trì, phục vụ tốt cho nhà đầu tư.

Tổng nguồn thu kinh phí duy tu của doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2022 là 2.971,62 tỷ đồng, trung bình mỗi năm thu được là 198,11 tỷ đồng/năm. Tổng chi phí duy tu lũy kế từ năm 2008 đến năm 2022 là 2.610,99 tỷ đồng, trung bình mỗi năm chi 174,07 tỷ đồng/năm.

+ Nguồn thu tiền duy tu đảm bảo nguồn kinh phí tự chủ của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (một cơ quan quản lý Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố), tiết kiệm cho ngân sách khi Nhà nước không phải cấp kinh phí để Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố hoạt động, với mức chi bình quân khoảng 22 tỷ đồng/năm, để Thành phố Hồ Chí Minh có thêm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác. Tính đến nay (từ năm 1999 đến năm 2022), chế độ tài chính này đã thực hiện được gần 25 năm, tiết kiệm chi ngân sách khoảng 289,9 tỷ đồng, đồng thời tạo thêm nguồn thặng dư cho ngân sách là 47,93 tỷ đồng.

Việc tự đảm bảo được nguồn kinh phí chi thường xuyên đã giúp Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố triển khai đầy đủ, toàn bộ, hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước đối với các KCX, KCN trên địa bàn thành phố.

Sau ba mươi năm khởi đầu từ dự án xây dựng KCX Tân Thuận đầu tiên vào năm 1991, tiếp theo đó là KCX Linh Trung, rồi lần lượt hình thành các khu công nghiệp ở các quận, huyện vùng ven thành phố, đến nay Thành phố đã có 3 KCX và 16 KCN được thành lập với tổng diện tích 4.530 ha; trong đó 17 KCX, KCN đã hoạt động với tỷ lệ lấp đầy đạt hơn 77%, hơn 1.600 dự án đầu tư và hơn 280.000 lao động. Theo quy hoạch đến năm 2020, Thành phố Hồ Chí Minh có 23 KCX - KCN tập trung với tổng diện tích 5.921,15 ha.

Với quy mô quản lý rộng, gồm nhiều lĩnh vực: đầu tư, thương mại, lao động, xây dựng, môi trường, thực tế cho thấy chế độ tự chủ này đã có tác động rất tích cực đến hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý, giúp Ban Quản lý có nguồn lực, điều kiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hoạt động cho các nhà đầu tư, góp phần cải thiện môi trường đầu tư tại các KCX, KCN; cho phép Ban Quản lý chủ động trong kế hoạch chi tiêu, tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động; tăng thu nhập, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho công chức, người lao động; và hỗ trợ một phần hoạt động của các đơn vị trực thuộc và đoàn thể chính trị, góp phần xây dựng và phát triển lực lượng chính trị tại KCX, KCN Thành phố. Hiện nay, Đảng bộ KCX, KCN Thành phố với 12 đảng bộ cơ sở, 3 chi bộ cơ sở (trong đó có 191 chi bộ trực thuộc: 161 chi bộ ngoài nhà nước, 15 chi bộ Nhà nước, 15 chi bộ Xây dựng Lực lượng); 803 tổ chức công đoàn cơ sở với 208.060 đoàn viên công đoàn trên tổng 227.573 người lao động (trong đó có 800 công đoàn cơ sở ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước); 298 Chi đoàn với 4.431 đoàn viên; 204 hội viên là chủ doanh nghiệp tại các KCX, KCN Thành phố thuộc Hiệp hội doanh nghiệp các KCX, KCN.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Sau gần 25 năm triển khai thực hiện cơ chế, chính sách về duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các KCX, KCN Thành phố Hồ Chí Minh đã ổn định và mang lại nhiều tác động tích cực cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan quản lý Nhà nước. Ban Quản lý các KCX, KCN Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị đi đầu trong thực hiện cơ chế “một cửa, tại chỗ”, là đơn vị tiên phong trong thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trên cả nước. Do đó, việc tiếp tục thực hiện chính sách về thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là tiền đề để nhân rộng mô hình này cho các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế trên phạm vi cả nước và đưa vào dự thảo Luật Khu chế xuất, khu công nghiệp và khu kinh tế mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang kiến nghị xây dựng.

+ Việc thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng từ các doanh nghiệp đang hoạt động tại các KCN, KCX trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là một chủ trương đúng đắn của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm xã hội hóa hoạt động duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, như: hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, hệ thống chiếu sáng.... Cơ chế này khi triển khai thực hiện đã nhận được sự đồng thuận rất cao từ các doanh nghiệp và các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng. Do đó, các doanh nghiệp, Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các KCX và KCN trên địa bàn Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn mong muốn được tiếp tục thực hiện theo cơ chế tài chính này tại các KCX, KCN trên địa bàn Thành phố. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 81/UBND-KT ngày 10 tháng 01 năm 2023 gửi Bộ Tài chính, theo đó trên cơ sở thống nhất giữa Bộ Tài chính và Ủy Ban nhân dân Thành phố tại cuộc họp ngày 10 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã bổ sung nội dung thu và sử dụng khoản kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các KCX, KCN Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố trên cơ sở kế thừa nội dung của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC vào dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14.

+ Đảm bảo tính kế thừa các thỏa thuận theo hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận đã được ký kết giữa Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng và doanh nghiệp trong KCX, KCN; không phát sinh các tranh chấp với các nhà đầu tư (nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) khi Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng phải thỏa thuận lại với nhà đầu tư theo cơ chế giá, tránh ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Thành phố.

+ Công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thực hiện một cách kịp thời, hữu hiệu, hoàn thiện môi trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư trong các KCX, KCN trên địa bàn Thành phố.

+ Các công trình tiện ích phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân KCX – KCN, như: trung tâm y tế, hồ bơi, sân tennis, trung tâm sinh hoạt... phục vụ công nhân của KCX – KCN được duy tu, tái tạo kịp thời.

+ Nhà nước kiểm tra, giám sát được việc thu và sử dụng nguồn thu duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng KCX, KCN, đảm bảo thu hợp lý và chi đúng mục đích cho việc duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng KCX, KCN.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Cần bổ sung một hành lang pháp lý (văn bản quy định, văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ có liên quan) để tổ chức thực hiện cơ chế này trên địa bàn Thành phố. Việc thực hiện sẽ đảm bảo tính kế thừa, không phát sinh các tranh chấp với các nhà đầu tư (nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), đồng thời không làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Thành phố để thực hiện cơ chế mang tính thực tiễn, đồng bộ về hệ thống pháp lý, đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Không phát sinh thủ tục hành chính về kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng vì khoản thu này không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nộp

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: cơ chế đề xuất nêu trên chưa có quy định tại Luật Giá, Luật Phí, lệ phí và các văn bản có liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Việc tự đảm bảo được nguồn kinh phí chi thường xuyên giúp Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố triển khai đầy đủ, toàn bộ, hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước đối với các Khu chế xuất và công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

- **Tác động về kinh tế:**

+ Thành phố phải quy định mức phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng KCX, KCN áp dụng chung cho 17 KCX, KCN đang hoạt động, điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định mức thu phí đủ bù đắp cho các khoản chi duy tu, bảo dưỡng, tái tạo

cơ sở hạ tầng, do mỗi KCX, KCN do Công ty kinh doanh hạ tầng đầu tư có quy mô khác nhau, dẫn đến khả năng nguồn thu không đủ bù đắp các khoản chi, gây gánh nặng cho ngân sách Nhà nước.

+ Ngân sách Nhà nước phải cấp kinh phí để Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố hoạt động (khoảng 22 tỷ đồng/năm). Điều này vừa tạo thêm áp lực cho ngân sách Nhà nước, vừa đi ngược với chủ trương của Nhà nước trong việc đổi mới tài chính công, tăng cường tự chủ về tài chính đối với các cơ quan hành chính Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước tại những địa bàn đủ điều kiện về nguồn thu và khó thu hút được nhân tài phục vụ lâu dài tại Ban Quản lý.

+ Tăng số lượng biên chế công chức để thực hiện công tác quản lý nguồn phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng KCX, KCN, điều này đi ngược với chủ trương của Đảng theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 – 2026.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Thành phố quy định mức phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng KCX, KCN khả năng xuất hiện tình huống doanh nghiệp trước đây nộp phí ít thì nay phải nộp nhiều hơn và ngược lại. Nhà nước phải thỏa thuận lại với các doanh nghiệp trong KCX, KCN (hơn 50% là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), việc này trước đây phải mất rất nhiều thời gian, công sức để đạt được sự đồng thuận như hiện nay, điều này sẽ dẫn đến nhà đầu tư khiếu nại, khiếu kiện, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung.

+ Nhà nước thu vào ngân sách phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (sau khi để lại tỷ lệ % cho đơn vị thu), sau đó lại cấp ra cho Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN để bảo dưỡng, duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng tại các KCX, KCN sẽ không kịp thời do phải thực hiện các thủ tục theo quy định, dẫn đến hạ tầng KCX, KCN không được duy tu, sửa chữa kịp thời, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục kê khai phí, lệ phí là khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: cơ chế đề xuất nêu trên chưa có quy định của Pháp lệnh phí và lệ phí trước đây, cũng như Luật phí và lệ phí năm 2015 và các văn bản có liên quan. Cơ sở hạ tầng KCX, KCN do Công ty kinh doanh hạ tầng đầu tư, không phải do Nhà nước đầu tư.

Do đó, đây không phải là khoản tiền doanh nghiệp trả khi được Nhà nước cung cấp dịch vụ công. Nhà nước không có cơ sở pháp lý để thu vào ngân sách (sau khi để lại tỷ lệ % cho đơn vị thu), sau đó lại cấp ra cho doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN để bảo dưỡng, duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng tại các KCX, KCN.

9.7. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

10. Đề xuất về thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon

10.1. Xác định vấn đề:

a) Về thực tiễn quốc tế:

- Gas emission trading (Thương mại phát thải khí) ban đầu xuất phát từ các nghiên cứu về kinh tế học của những năm 1960 – 1970; theo đó, các nhà kinh tế đề xuất yêu cầu bắt buộc áp dụng đối với các đối tượng được hưởng quyền phát thải khí chỉ được thải ra một số lượng cụ thể các chất ô nhiễm trong một khoảng thời gian giới hạn và quyền phát thải đó có thể được chuyển nhượng nếu như các cơ quan quản lý xác định được một mức trần cho lượng phát thải tổng thể...

Ý tưởng này tiếp tục được nhắc lại vào những năm 1995 ở Hoa Kỳ với mô hình trao đổi “quota khí SO₂”, thay vì khí CO₂ và các loại khí nhà kính khác. Những năm đầu thế kỷ XXI, những lý thuyết này mới lại được vận dụng trong thực thi cơ chế “Cap and Trade” và được quy định tại Điều 17 Nghị định thư Kyoto 1997, cụ thể: “*Hội nghị các Bên sẽ định rõ các nguyên tắc, phương thức, qui tắc và hướng dẫn thích hợp, đặc biệt cho việc kiểm chứng, báo cáo và trách nhiệm giải thích cho việc mua bán phát thải*”. Tiếp tục được kế thừa tại Điều 6 Thỏa thuận Paris 2015 ghi nhận thỏa thuận của các Bên hợp tác trong việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) với việc sử dụng các cơ chế dựa trên thị trường (thị trường các-bon). Để có “hàng hóa” lưu thông trên thị trường các-bon, các quốc gia phải thực hiện quy trình xây dựng và thực thi pháp luật bao gồm các bước cơ bản: (1) Kiểm kê khí nhà kính; (2) Xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch; (3) Phân bổ hạn ngạch phát thải; (4) Trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch. Tín chỉ carbon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại, thể hiện quyền phát thải một tấn khí CO₂ hoặc một tấn khí nhà kính khác.

- Về mặt thực tiễn trên thế giới, đã có nhiều tập đoàn, quốc gia thực hiện việc giảm phát thải khí nhà kính. Chẳng hạn, hãng xe hơi Ford cũng chuyển sang sử dụng bóng đèn LED thay cho bóng đèn truyền thống và ứng dụng công nghệ sơn xe cần ít năng lượng cho tất cả hệ thống trên thế giới, bao gồm Việt Nam, qua đó giảm đến 30% lượng CO₂ trong hoạt động sản xuất mỗi năm.

- Về thị trường, có thể kể đến hai thị trường sau:

(i) Hệ thống giao dịch phát thải Liên minh châu Âu (EU Emission Trading System - EU ETS) là thị trường cac-bon đầu tiên, lâu đời nhất và lớn nhất thế giới hiện nay với 31 quốc gia thành viên (gồm 28 quốc gia thành viên EU cộng Iceland, Liechtenstein và Na-uy), chiếm 45% lượng phát thải ở Châu Âu. EU ETS được xây dựng để triển khai trong 4 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ 2005-2007; Giai đoạn 2 từ 2008-2012; Giai đoạn 3 từ 2013-2020; và Giai đoạn 4 từ 2021 trở đi. EU ETS được vận hành dựa trên nguyên tắc “Cap and Trade”¹³. EU xác định các mức phát thải trần cho cả khối và giảm dần theo năm (chỉ bắt đầu từ giai đoạn 3 trở đi, trước đó mức phát thải trần của mỗi năm là như nhau cho toàn giai đoạn). Trong giới hạn phát thải trần đó, các đối tượng phát thải được cấp hạn mức hoặc phải mua những hạn mức phát thải (emission allowances) và có thể bán hạn mức phát thải nếu không dùng hết.

(ii) Hệ thống mua bán phát thải Trung Quốc: Trung Quốc đã thí điểm hệ thống giao dịch phát thải riêng từ tháng 10/2011 đến tháng 7/2015. Các trường hợp thí điểm được triển khai ở năm thành phố và hai tỉnh có đóng góp đến 26,7% GDP của Trung Quốc năm 2014 (Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Hồ Bắc, Trùng Khánh, Quảng Đông và Thâm Quyển). Kết quả của quá trình thí điểm là 57 triệu tấn cac-bon đã được mua bán. Cả 7 trường hợp thí điểm đều do địa phương tự thiết kế. Tất cả đều xác định những mục tiêu giảm phát thải (dựa trên cường độ), ngưỡng phát thải cho phép, phạm vi đối tượng áp dụng và các năm cơ sở.

b) Về cam kết của Việt Nam:

- Là quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình 6,84% trong giai đoạn 2016 - 2020 và bước vào giai đoạn 2021 - 2025 với nhiều triển vọng gia tăng năng suất, cải thiện thu nhập đầu người trên mức trung bình, Việt Nam cũng là quốc gia dễ bị tổn thương bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan có nguyên nhân từ biến đổi khí hậu. Báo cáo chỉ số Rủi ro khí hậu toàn cầu (Global Climate Risk Index) 2020 do tổ chức môi trường Germanwatch (Liên bang Đức) công bố, Việt Nam xếp hạng 6 trong số các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nhất trên toàn cầu trong giai đoạn 1999 - 2018. Cộng đồng thế giới cũng thấy một Việt Nam chủ động và tích cực trong cam kết và thực thi cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính mà cụ thể là tuyên bố

¹³ “Cap and Trade” (tạm dịch là giữ lại và thương mại) là một thuật ngữ được dùng để mô tả một thị trường được tạo lập bởi 2 quy trình:

(1) Quy trình Cap: Chính phủ sẽ xây dựng hệ thống hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các đơn vị sản xuất có phát thải, theo đó mỗi đơn vị chỉ được thải ra một lượng nhất định CO₂ hoặc tương đương. Thông qua quy trình này, quốc gia sẽ giới hạn được tổng lượng CO₂ được phép thải ra môi trường.

(2) Quy trình Trade: Các đơn vị sản xuất phát thải cao hơn hạn ngạch cho phép thì có thể bị áp thuế cao hoặc buộc phải mua thêm hạn ngạch. Các đơn vị không sử dụng hết lượng khí thải trong hạn ngạch có thể tích lũy dưới dạng tín chỉ cac-bon, bán hoặc trao đổi hạn ngạch thông qua thị trường cac-bon.

Đề đạt được mục tiêu cắt giảm phát thải như cam kết, Chính phủ các quốc gia chỉ cần giảm dần tổng lượng CO₂ phát thải qua mỗi năm. Từ đó, tạo động lực để các đơn vị sản xuất buộc phải cải tiến quy trình công nghệ hoặc tăng cường đầu tư vào công nghệ sạch, vì nó trở nên rẻ hơn so với việc mua hạn ngạch trong bối cảnh giá giao dịch hạn ngạch tăng do lượng cung khan hiếm. Đây là nền tảng vận hành của thị trường cac-bon.

đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ tại COP 26 năm 2021.

- Qua việc ký kết Thỏa thuận Paris về BĐKH năm 2016, các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã thể hiện ý chí cao trong việc chung tay giảm thiểu BĐKH. Chính phủ Việt Nam đã cam kết cắt giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính đến năm 2030 (nếu chỉ có nội lực) và 25% (nếu có hỗ trợ quốc tế). Tại Hội nghị lần thứ 27 các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu, Việt Nam đã nộp Báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật tới Ban thư ký Công ước. So với NDC năm 2020, NDC cập nhật 2022 đã tăng mức đóng góp giảm phát thải không điều kiện đến năm 2030 từ 9% lên 15,8%; và đóng góp có điều kiện từ 27% lên 43,5% (so với kịch bản phát triển thông thường BAU).

Kịch bản phát triển các-bon thấp, cần có số vốn đầu tư ban đầu lớn. Về chi phí để tiến tới phát thải ròng bằng “0” (Net zero - NZ). Để thực hiện yêu cầu trên theo Viện Năng lượng, Việt Nam cần đầu tư 532 tỷ USD vào nguồn phát điện và hệ thống truyền tải trong giai đoạn 2021-2045. Báo cáo Vietnam Energy Outlook Report 2021 ước tính cần mức đầu tư hằng năm là 167 tỷ USD (trong đó 106 tỷ USD cho năng lượng tái tạo, 54 tỷ USD cho lưu trữ và 7 tỷ USD cho hệ thống truyền tải liên vùng), vào năm 2050 theo kịch bản NZ, tương ứng với 11% GDP dự kiến vào năm 2020 và gấp 5-6 lần mức đầu tư theo kịch bản cơ sở.

Thực hiện mục tiêu tham vọng này, một thị trường các-bon tại Việt Nam, tiến tới kết nối với thị trường các-bon quốc tế là điều kiện tiên quyết trong giai đoạn 2026 - 2030 mà yêu cầu hiện tại là hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về quản lý tín chỉ các-bon và trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

c) Về chủ trương của Đảng, quy định pháp luật:

- Trước những biến đổi khôn lường của khí hậu, Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương năm 2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu đã đưa vào trọng tâm ưu tiên các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu năm 2016, tiếp đó là các sửa đổi, bổ sung quan trọng của Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có đề cập tới thị trường các-bon. Nghị quyết số 50-NQ/CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã xác định “*thực hiện Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam*” là một trong các nhiệm vụ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và bảo vệ môi trường.

Đặc biệt, sau Hiệp ước khí hậu Glasgow 2021, cơ sở pháp lý quản lý tín chỉ các-bon và phân bổ hạn ngạch khí nhà kính được bổ sung với Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 59/QĐ-BTNMT

và Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT bổ sung lộ trình, bộ thủ tục hành chính và danh mục hệ số phát thải làm cơ sở để kiểm kê, tổng hợp và phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

- Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Quốc hội đã thông qua việc cần thiết ban hành chương trình mua bán khí thải trong nước và cơ chế tín chỉ. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, trong đó quy định lộ trình thực hiện như sau: giai đoạn 2022 – 2024 là giai đoạn chuẩn bị cho thị trường cac-bon (chẳng hạn việc kiểm kê khí nhà kính của doanh nghiệp trọng điểm, xây dựng và thẩm định kế hoạch giảm phát thải tại các doanh nghiệp trọng điểm,...), đến hết năm 2027 xây dựng quy định quản lý tín chỉ cac-bon, quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ cac-bon,..., từ năm 2028 mới tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ cac-bon chính thức. Thực tế, quy định hiện nay chỉ đang tập trung xây dựng thị trường tín chỉ cac-bon trong nước, trong khi đó, thị trường cac-bon quốc tế đã hình thành và phát triển như báo cáo nêu trên.

- Pháp luật quản lý ngân sách nhà nước cũng chưa có quy định việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ việc trao đổi, bù trừ tín chỉ cac-bon.

Qua đó, có thể thấy, việc quản lý phân bổ hạn ngạch và tín chỉ cac-bon là cơ sở tiền đề cho sự hình thành thị trường cac-bon trong nước đáp ứng mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2026 - 2030 theo điểm b Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình thực hiện bước 1 trong quy trình và từng bước hoàn thiện quy định tại bước 2, cơ sở kinh nghiệm xây dựng pháp luật cần tích lũy, tham khảo từ kinh nghiệm thực tiễn và kinh nghiệm của các quốc gia đi đầu trong hoạt động này.

d) Về thực tiễn của Thành phố:

- Năm 2013, JICA đã phối hợp với TPHCM thực hiện việc kiểm kê phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực về giao thông, chất thải, năng lượng cố định, quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm, nông lâm nghiệp và sử dụng đất. Kết quả cho thấy, các lĩnh vực này đã phát thải gần 39 triệu tấn CO₂; trong đó, phát thải từ năng lượng cố định (tòa nhà, sản xuất công nghiệp - thương mại, khai thác vận chuyển than, phát năng lượng cấp lên lưới) và giao thông là 2 lĩnh vực phát thải nhiều nhất. Theo thống kê, phát thải của TPHCM chiếm đến 16% lượng phát thải quốc gia, trong khi chỉ chiếm khoảng 9% dân số toàn quốc.

TPHCM là đầu tàu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả nước trong nhiều năm vừa qua, đóng góp 23% GDP của cả nước. Nhưng việc đô thị hóa chủ yếu từ việc chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất, diện tích đất dành cho ở, làm việc tăng nhanh nên tiêu thụ năng lượng lớn (chiếm bình quân 9,25% tổng nhu cầu tiêu thụ

của cả nước trong giai đoạn 2010 – 2016), quá trình công nghiệp hóa nhanh nên làm tăng khí thải nhà kính (năm 2018: phát thải khí CO₂ lên đến 57,6 triệu tấn, chiếm ¼ tổng lượng khí thải của cả nước, trong đó chủ yếu là ngành năng lượng; năm 2021: là hơn 58 triệu tấn chủ yếu từ lĩnh vực sản xuất công nghiệp 30%, giao thông vận tải 20% (riêng xe máy chiếm trên 80%)).

Nghiên cứu mới nhất của Viện Môi trường - Tài nguyên (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) cho thấy, tổng phát thải khí nhà kính của Thành phố năm 2022 ở mức trên 60 triệu tấn CO₂; trong đó, lượng bụi mịn PM2.5 cùng các khí độc hại (như NO₂, SO₂, CO...) đều vượt ngưỡng khuyến nghị cho sức khỏe từ 4 - 5 lần theo quy chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây ra các rủi ro về sức khỏe. Hiện nay, mô hình phát triển kinh tế đang có bước chuyển biến rõ rệt theo định hướng phát triển bền vững, và để đạt được yêu cầu này, cần có một nguồn lực lớn để khuyến khích chuyển đổi công nghệ, cải tiến kỹ thuật để giảm lượng khí thải hiện nay.

TPHCM đang phải đối mặt với nhiều vấn đề về môi trường và BĐKH. Nhận thức được điều này, thời gian qua TP đã chủ động thực hiện các giải pháp phi công trình và công trình để ứng phó với BĐKH; tuy nhiên hiện cũng chỉ mới dừng lại ở giai đoạn khởi đầu và phía trước còn rất nhiều khó khăn, thách thức cần phải giải quyết. Một trong những vấn đề quan trọng hiện TPHCM đang triển khai đó là xây dựng quy trình quản lý và kiểm kê khí nhà kính và làm sao để triển khai trong toàn hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp cùng tham gia nhằm giảm cường độ phát thải khí nhà kính, giảm thiểu tác động BĐKH.

Như vậy, theo các cam kết của các quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu thì trong tương lai, các quốc gia, các chủ thể có phát thải khí nhà kính sẽ lựa chọn thị trường các-bon quốc tế để giao dịch, trao đổi tín chỉ. Trong khi chờ phát triển thị trường các-bon trong nước với các tiêu chuẩn đo đạc, kiểm định, xác nhận tín chỉ theo quy định, để tiếp cận với thị trường tín chỉ quốc tế, Thành phố nhận thấy cần chủ động tiếp cận với thị trường quốc tế để có thêm kinh nghiệm thực tiễn thông qua việc giao dịch tín chỉ các-bon với các doanh nghiệp, nhà đầu tư quốc tế.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị: *“Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện chất lượng không khí, xử lý rác thải, nước thải. Đẩy mạnh phát triển mảng xanh đô thị. Đầu tư hoàn thiện hệ thống cấp nước, thoát nước, chống ngập, xử lý chất thải; quản lý nghiêm việc khai thác, sử dụng nước ngầm; củng cố hệ thống đê ven biển, cống ngăn triều, công trình thủy lợi ven sông*

phục vụ kiểm soát lũ, giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước; bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ”. Bên cạnh đó, có nêu giải pháp về ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính năng động, sáng tạo vì lợi ích chung của cán bộ Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố trong giai đoạn mới: “- *Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển”*.

Theo đánh giá sơ bộ, lĩnh vực môi trường xây dựng và năng lượng, và giao thông vận tải có tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính cao nhất (17,5% và 5,9%) và theo dự kiến thì việc trang bị các thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng điện mặt trời sẽ có đóng góp lớn trong việc giảm bớt lượng khí thải hiện nay. Bên cạnh đó, có thể áp dụng việc thay thế các đèn đường bằng đèn LED để giảm chi của ngân sách do tuổi thọ của đèn dài hơn, giảm chi phí thay và bảo dưỡng. Tính đến năm 2021, chỉ có 17,4% trong tổng số 184.989 đèn đường của Thành phố là đèn LED nên việc chuyển sang đèn LED là có cơ sở để giảm nhu cầu sử dụng năng lượng. Ngoài ra, Thành phố cũng là đô thị có lượng xe máy lớn (7,5 triệu xe vào năm) và trong đó phần lớn là xe máy đã cũ, tiêu hao nhiều năng lượng và thải nhiều khí thải, đặc biệt là trong các khoảng thời gian ùn tắc giao thông.

Do đó, cần có những chương trình, dự án giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn Thành phố. Theo thống kê, hiện nay Thành phố có gần 1.572 tòa nhà công, trường học trang bị thiết bị tiết kiệm năng lượng thì có thể giúp tiết kiệm chi phí khoảng 160 triệu USD trong 15 năm với chi phí đầu tư khoảng 40 triệu USD và giúp giảm lượng phát thải là 2,3 triệu tấn. Khi đó, nếu có cơ chế quy đổi lượng khí thải giảm này sang tín chỉ các-bon thì Thành phố sẽ có thêm nguồn lực để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Trường hợp lắp đặt điện mặt trời trong tòa nhà công thì theo dự kiến đánh giá sẽ tiết kiệm và giảm hơn 24,7 triệu tấn khí thải trong 10 năm. Tương tự, nếu áp dụng đèn LED thì trong 15 năm sẽ giúp giảm 841 ngàn tấn khí thải.

Trước mắt, Thành phố dự kiến tạo ra tín chỉ các-bon từ một số chương trình, dự án sau: sử dụng năng lượng mặt trời tại các trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công, trụ sở doanh nghiệp có vốn nhà nước của Thành phố và chuyển đổi sử dụng nguồn năng lượng của phương tiện giao thông (từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng điện). Đối với Dự án nghiên cứu các giải pháp hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân, tăng cường kết nối giữa giao thông cá nhân và giao thông công cộng nhằm tăng tỷ lệ sử dụng phương tiện giao thông công cộng, Thành phố dự kiến kết quả tính toán tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính từ dự án là 44.638 tấn CO₂/năm.

Để thực hiện được các khoản đầu tư này, Thành phố sẽ chủ động cân đối nguồn lực. Khi đó, Thành phố sẽ tạo ra tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án

giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính đầu tư từ nguồn vốn của ngân sách Thành phố. Thành phố sẽ phối hợp với các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên – Môi trường để xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải/ hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn Thành phố cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon. Để tiếp tục duy trì các khoản đầu tư này, cần có giải pháp cơ chế cho phép Thành phố khai thác nguồn thu từ việc giảm phát thải khí nhà kính thông qua cơ chế giao dịch các tín chỉ các-bon này với các nhà đầu tư trong nước, quốc tế.

Về quy trình lựa chọn, trên thị trường giao dịch quốc tế, bên tín chỉ các-bon phần lớn là các công ty, cá nhân, ... (gọi chung là buyers – người mua). Vì đây là thị trường, nên Thành phố sẽ tham gia thị trường với tư cách là “người bán” và giao dịch với bên mua có nhu cầu, mục tiêu là tạo dựng, làm quen với thị trường tín chỉ các-bon quốc tế, có thể bổ sung thêm nguồn thu cho Thành phố để tái đầu tư cho các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn Thành phố. Thành phố sẽ phối hợp, tham vấn các tổ chức quốc tế trong việc tiếp cận thị trường tín chỉ các-bon quốc tế để xây dựng quy trình và quyết định lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư quốc tế mua tín chỉ các-bon của Thành phố.

Bên cạnh đó, việc áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính sẽ điều chỉnh ý thức, hành vi tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn năng lượng thân thiện với tự nhiên và củng cố thêm nền tảng phát triển thị trường cacbon thấp theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

10.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Không thực hiện như đề xuất – giữ nguyên hiện trạng.

b) Giải pháp 2: Về thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon

Tín chỉ các-bon hình thành từ các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon đầu tư từ nguồn vốn của ngân sách Thành phố được giao dịch với các nhà đầu tư trong nước, quốc tế. Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các Bộ Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải/ hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn Thành phố cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy trình và quyết định lựa chọn nhà đầu tư. Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách Thành phố hưởng 100%.

Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng nguồn thu từ giao dịch tín

chỉ các-bon cho các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn Thành phố.

c) Giải pháp 3: Về tạo tín chỉ các-bon:

- Cho phép Thành phố thí điểm tạo nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon được hình thành từ các dự án giảm thải khí nhà kính.

10.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Nguy cơ tiếp tục ô nhiễm môi trường của Thành phố càng lớn, ảnh hưởng đến định hướng phát triển bền vững.

- **Tác động về mặt xã hội:** Ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, khó thu hút dân cư sinh sống khi so sánh với các đô thị khác trong khu vực.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có tác động.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Chưa có hành lang pháp lý rõ ràng sẽ không tạo động lực cho nhà đầu tư tư nhân tham gia.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Chưa thể góp phần triển khai tích cực pháp luật bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Nâng cao ý thức sử dụng năng lượng của người dân, tiết kiệm chi phí. Nguồn thu từ khai thác sẽ là nguồn thu mới để hỗ trợ phát triển đô thị của Thành phố.

- **Tác động về mặt xã hội:** giúp cải thiện môi trường sống của người dân.

- **Tác động về vấn đề giới:** Môi trường lành mạnh để người dân sinh sống khỏe mạnh.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** dự kiến có thể phát sinh thủ tục hành chính trong việc ban hành quy trình lựa chọn nhà đầu tư. Cụ thể như sau:

(1) Căn cứ pháp lý: Khoản 10 Điều 5 của Dự thảo nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Tên thủ tục hành chính: Xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon của Thành phố

Xác định phạm vi của thủ tục là lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon của Thành phố. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon của Thành phố.

(3) Cơ quan giải quyết

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

+ Cơ quan tham mưu: Sở Tài chính phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.

Không được mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện. Lý do: Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan quyết định theo nhiệm vụ được giao tại dự thảo Nghị quyết, không mở rộng được.

(4) Trình tự thực hiện:

Do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Dự kiến như sau:

+ Ủy ban nhân dân Thành phố tham vấn với các tổ chức quốc tế về việc tham gia thị trường tín chỉ các-bon quốc tế, chuẩn bị các nội dung cần thiết để tham gia thị trường và có quy trình lựa chọn.

+ Về việc chào bán tín chỉ các-bon, trường hợp làm quen với thị trường, có thể xem xét, bán tín chỉ các-bon thông qua tổ chức quốc tế để tổ chức quốc tế này chào bán cho doanh nghiệp, nhà đầu tư hoặc tổ chức quốc tế hỗ trợ việc bán tín chỉ các-bon. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét theo hướng chọn bán cho doanh nghiệp, nhà đầu tư có giá mua cao nhất trong số các doanh nghiệp, nhà đầu tư chọn mua tín chỉ các-bon của Thành phố hoặc thỏa thuận giá mua nếu chỉ có một doanh nghiệp/nhà đầu tư mua. Nguyên tắc là tạo dựng thương hiệu tín chỉ các-bon của Thành phố, có thêm nguồn thu để Thành phố xoay vòng vốn cho các chương trình, dự án tại khoản 10 Điều 5.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Khoản thu ngoại tệ sẽ được nộp về Kho bạc Nhà nước để chuyển đổi thành đồng VNĐ và hạch toán vào thu ngân sách Thành phố.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “*bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững*”; thực hiện tích cực pháp luật về bảo vệ môi trường, tạo thêm cơ sở thực tiễn để ban hành chính sách tiếp theo. Tạo thêm cơ sở thực tiễn để ban hành chính sách tiếp theo. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: chính sách phát sinh quy định chưa có so với Luật Ngân sách nhà nước, Luật bảo vệ môi trường nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”.

(Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Trường hợp cho chủ trương thực hiện, có thể bổ sung cơ sở thực tiễn trong việc xây dựng hành lang pháp lý về quản lý giao dịch tín chỉ các-bon trong thời gian sắp tới.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

- **Tác động về kinh tế:** Nâng cao ý thức sử dụng năng lượng của người dân, tiết kiệm chi phí. Nguồn thu từ khai thác sẽ là nguồn thu mới để hỗ trợ phát triển đô thị của Thành phố.

- **Tác động về mặt xã hội:** giúp cải thiện môi trường sống của người dân.

- **Tác động về vấn đề giới:** Môi trường lành mạnh để người dân sinh sống khỏe mạnh.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Tạo thêm cơ sở thực tiễn để ban hành chính sách tiếp theo. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: chính sách phát sinh quy định chưa có so với Luật Ngân sách nhà nước, Luật bảo vệ môi trường nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Trường hợp cho chủ trương thực hiện, có thể bổ sung cơ sở thực tiễn trong việc xây dựng hành lang pháp lý về quản lý giao dịch tín chỉ các-bon trong thời gian sắp tới.

10.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

- Kiến nghị lựa chọn giải pháp nào: Giải pháp 2. Thẩm quyền ban hành chính sách của Quốc hội.

- Khi được thông qua chính sách, Thành phố phối hợp với các Bộ Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải/ hấp thụ khí

nhà kính trên địa bàn Thành phố cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon.

11. Về cơ chế phát triển điện mặt trời mái nhà trụ sở công:

11.1. Xác định vấn đề:

Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Theo đó, tổng công suất nguồn điện mặt trời đạt khoảng 850MW vào năm 2020, khoảng 4.000MW vào năm 2025 và khoảng 12.000MW vào năm 2030, điện năng sản xuất từ nguồn điện mặt trời chiếm tỷ trọng khoảng 0,5% vào năm 2020, khoảng 1,6% vào năm 2025 và khoảng 3,3% vào năm 2030.

Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030-2045 xác định mục tiêu tỉ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20% vào năm 2030; 25 - 30% vào năm 2045.

Theo quy định tại Điều 4 của Luật Điện lực, cần phát triển điện lực bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn NL mới, NLTT để phát điện. Điều 60 của Luật này cũng khuyến khích đầu tư xây dựng các nguồn phát điện sử dụng năng lượng tại chỗ, NLTT để cung cấp điện cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo.

Như vậy việc đầu tư xây dựng các nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo nói chung, năng lượng mặt trời nói riêng là hoàn toàn phù hợp cho sự phát triển năng lượng điện cho đất nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) là một trong những trung tâm đô thị phát triển nhất Việt Nam với mật độ dân số và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Do đó, bình quân nhu cầu tiêu thụ điện của các nhóm tiêu dùng như hộ gia đình, thương mại, và công nghiệp ở TP.HCM cao hơn so với các thành phố khác của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện tiêu thụ toàn Thành phố trong giai đoạn 2013-2019 là 7%/năm, đáp ứng đầy đủ cho tốc độ tăng trưởng GRDP trung bình 7%-9%/năm. Trong các giai đoạn phát triển sắp tới, dự báo tăng trưởng điện tiêu thụ tiếp tục tăng cao để đáp ứng được đủ điện cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa nhanh chóng của thành phố Hồ Chí Minh.

TP.HCM có lượng bức xạ lớn, trung bình khoảng 1.581 kWh/m²/năm, cao nhất là 6,3 kWh/m²/ngày vào tháng 2 và thấp nhất là 3,3 kWh/m²/ngày vào tháng 7. Số giờ nắng trung bình trong tháng dao động từ 100-300 giờ, liên tục trong suốt cả

năm, không bị gián đoạn như ở miền Bắc. Vào mùa khô, số giờ nắng lên tới 300 giờ. Đối với mùa mưa, số giờ nắng khoảng 150 giờ. Do đó, tiềm năng phát triển và ứng dụng năng lượng mặt trời ở TP.HCM rất lớn, đặc biệt là điện mặt trời trên mái nhà. Theo “Báo cáo đánh giá kỹ thuật tiềm năng năng lượng mặt trời trên mái nhà tại Việt Nam” năm 2017 của Ngân hàng thế giới, tiềm năng điện mặt trời trên mái nhà của Thành phố ước tính khoảng 6.300MW gấp 1,4 lần công suất cực đại của Thành phố hiện nay. Với tiềm năng đó, việc khuyến khích lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà giúp bổ sung nguồn điện tại chỗ cho nhu cầu sử dụng chung của Thành phố. Đây cũng là nguồn năng lượng sạch, xanh, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm phát thải khí CO₂ và giảm bức xạ nhiệt cho các tòa nhà, đồng thời góp phần không nhỏ trong việc giảm áp lực căng thẳng về nguồn điện trong giai đoạn sắp tới.

Tuy nhiên, việc phát triển hệ thống điện mặt trời mái nhà trên các toàn nhà công sở hiện nay chưa triển khai được do các vướng mắc sau:

+ Ngày 27 tháng 12 năm 2021, Bộ Công Thương có Công văn số 2635/ĐL-NLTT phúc đáp Sở Công Thương về các kiến nghị liên quan đến phát triển điện mặt trời trên mái nhà trên địa bàn Thành phố, theo đó Bộ Công Thương có ý kiến như sau: Về phát triển, lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà (không phân biệt mục đích để bán điện cho ngành điện hoặc để tự sử dụng, tiêu thụ tại chỗ), chủ đầu tư phải phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị thành viên được ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Quyết định 13 trước khi triển khai. Trình tự thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ Công Thương”.

+ Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Văn bản số 1816/EVN-KD về việc giải quyết các vướng mắc về điện mặt trời mái nhà trong đó có nội dung như sau “trong thời gian khi Chính phủ chưa ban hành cơ chế phát triển điện mặt trời mái nhà các Tổng công ty Điện lực chưa thực hiện thỏa thuận đấu nối các hệ thống điện mặt trời mái nhà vào lưới điện. Việc thỏa thuận đấu nối các hệ thống điện mặt trời mái nhà vào lưới điện sẽ thực hiện sau khi Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế và có hướng dẫn thực hiện”.

- Theo ý kiến của Bộ Tài Chính tại Công văn số 2731/BTC-QLCS ngày 24/3/2022 và của Sở Tài chính TP.HCM tại Công văn số 2731/BTC-QLCS ngày 24/3/2022: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 không quy định việc sử dụng mái nhà trụ sở của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (tài sản công) để lắp đặt hệ thống điện mặt trời; đồng thời tại Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017, Quyết định số 02/2019/QĐ-TTg ngày 08/1/2019 và Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam cũng không quy định việc cho các doanh nghiệp sử dụng mái nhà của trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp để thực hiện dự án điện mặt trời và bán điện cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự

nghiệp công lập. Trong khi phát triển điện mặt trời mái nhà tại những khu vực này có thể phát huy rất tốt tiềm năng và nâng cao lợi ích cho xã hội.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện có hiệu quả mục tiêu Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030-2045, trong đó xác định tỉ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20% vào năm 2030; 25 - 30% vào năm 2045.

Theo thống kê, hiện nay Thành phố có gần 1.572 tòa nhà công, trường hợp trang bị thiết bị tiết kiệm năng lượng thì có thể giúp tiết kiệm chi phí khoảng 160 triệu USD trong 15 năm với chi phí đầu tư khoảng 40 triệu USD và giúp giảm lượng phát thải là 2,3 triệu tấn. Khi đó, nếu có cơ chế quy đổi lượng khí thải giảm này sang tín chỉ các-bon thì Thành phố sẽ có thêm nguồn lực để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Trường hợp lắp đặt điện mặt trời trong tòa nhà công thì theo dự kiến đánh giá sẽ tiết kiệm và giảm hơn 24,7 triệu tấn khí thải trong 10 năm. Vì vậy TP.HCM cần có cơ chế, chính sách đặc thù để ưu tiên phát triển điện mặt trời mái nhà trên các trụ sở công từ đó lan tỏa và kêu gọi các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư điện mặt trời mái nhà cũng như chính quyền Thành phố sẽ có những tính toán và kế hoạch hỗ trợ trong việc đầu tư phát triển điện mặt trời mái nhà trên địa bàn Thành phố. Trường hợp cơ chế được thông qua, dự kiến Thành phố Hồ Chí Minh sẽ kêu gọi đầu tư với tổng khối lượng đầu tư xây dựng hệ thống ĐMTMN trên địa bàn toàn Thành phố giai đoạn đến năm 2025 dự kiến phát triển đạt khoảng 250MWp/năm và giai đoạn 2026-2030 phát triển đạt bình quân 300 MWp/năm. Mục tiêu cụ thể như sau:

- Giai đoạn đến năm 2025: mục tiêu giai đoạn đến năm 2025, thành phố Hồ Chí Minh sẽ lắp đặt được khoảng 748 MWp đạt tỷ lệ 14,72 % tổng tiềm năng điện mặt trời mái nhà toàn Thành phố; đáp ứng 8,55 % nhu cầu công suất và 2,80 % nhu cầu tiêu thụ điện năng toàn Thành phố;

- Giai đoạn 2026-2030: mục tiêu thành phố Hồ Chí Minh sẽ lắp đặt được khoảng 1.505 MWp đạt tỷ lệ 29,62% tổng tiềm năng điện mặt trời mái nhà toàn Thành phố; đáp ứng 13,60 % nhu cầu công suất và 4,29 % nhu cầu tiêu thụ điện năng toàn Thành phố.

11.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề: Lưu ý phải nêu tối thiểu 03 giải pháp

a) Giải pháp 1: Không thực hiện như đề xuất – giữ nguyên hiện trạng.

b) Giải pháp 2:

- Đề xuất cơ chế cho phép sử dụng các mái nhà đảm bảo các điều kiện kỹ

thuật của các trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công, trụ sở của các cơ quan, đơn vị được xác định là tài sản công trên địa bàn Thành phố để lắp đặt hệ thống điện mặt trời để cung cấp điện phục vụ cho hoạt động của trụ sở. Phần điện còn thừa do không sử dụng hết thực hiện theo quy định pháp luật về điện lực.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trong đó quy định việc sử dụng mái nhà trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công, trụ sở của các cơ quan, đơn vị được xác định là tài sản công để lắp đặt hệ thống điện mặt trời.

10.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Không khuyến khích, huy động được nguồn lực xã hội đầu tư vào phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, ảnh hưởng đến định hướng phát triển bền vững của Thành phố.

- **Tác động về mặt xã hội:** không khuyến khích được ý thức của người dân trong việc sử dụng các nguồn năng lượng sạch, bền vững và bảo vệ môi trường, không khuyến khích được các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ năng lượng sạch.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có tác động.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không có tác động.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Chưa thể góp phần triển khai tích cực quy định của pháp luật về khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo cũng như bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Nâng cao ý thức sử dụng năng lượng của người dân, tiết kiệm chi phí. Giúp tiết kiệm quỹ đất, giảm thời gian đầu tư, giảm nguồn lực vào đầu tư phát triển các dạng nguồn điện khác (thủy điện, nhiệt điện...) nhằm đảm bảo cung cấp điện cho Thành phố.

- **Tác động về mặt xã hội:** Khuyến khích, huy động mọi nguồn lực từ xã hội và người dân cho phát triển điện mặt trời mái nhà trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để tăng cường tỷ lệ sử dụng nguồn năng lượng sạch, hiện đại, bền vững, tin cậy với giá cả hợp lý cho mọi người dân; đẩy mạnh phát triển và sử dụng nguồn điện mặt trời mái nhà để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- **Tác động về vấn đề giới:** Môi trường lành mạnh để người dân sinh sống khỏe mạnh.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững” và Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030-2045, trong đó xác định tỉ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20% vào năm 2030; 25 - 30% vào năm 2045; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về quản lý, sử dụng tài sản công cũng không thực sự phù hợp.

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

- Trên cơ sở so sánh các Giải pháp, kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Khi được thông qua chính sách, Thành phố sẽ phối hợp với các cơ quan để xây dựng, phê duyệt và triển khai đề án phát triển điện mặt trời trên địa bàn Thành phố với mục tiêu giai đoạn đến năm 2025, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ lắp đặt được

khoảng 748 MWp và giai đoạn 2026-2030, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ lắp đặt được khoảng 1.505 MWp, góp phần cụ thể hóa việc thực hiện chiến lược phát triển năng lượng tái tạo quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, góp phần giảm ô nhiễm môi trường khu vực và góp phần đảm bảo mục tiêu và vai trò phát triển kinh tế vùng.

IV. Chính sách về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường

Trong lĩnh vực Quản lý đô thị và môi trường, đề xuất 14 nội dung. Trong đó, tiếp tục đề xuất một số nội dung đã được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Đề xuất về quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha:

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có "*Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên...*".

Năm 2017, tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội (*tại Điều 3 của Nghị quyết*) đã phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được cấp có thẩm quyền quyết định, cụ thể như sau:

" Điều 3. Quản lý đất đai

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên quy định tại Điều này được thực hiện như trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha theo quy định của pháp luật về đất đai".

Đây là Cơ chế chính sách Thành phố đề xuất tiếp tục kế thừa của Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội đã phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố.

Tuy nhiên, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, theo đó, tại khoản 2 Điều 30 đã có quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất lúa như sau:

“Điều 30. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội

Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

2. Dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên;

Quy định trên đã xác định mức trần trong thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa của Thủ tướng Chính phủ là dưới 500ha.

1.1.2. Từ khi có Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố có thể chủ động trình Danh mục dự án có sử dụng lúa trên 10ha cùng thời điểm trình các Danh mục thu hồi đất, dự án sử dụng lúa dưới 10ha vào kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân thành phố (trước năm kế hoạch) trước khi duyệt Kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ngay sau khi kế hoạch sử dụng đất được duyệt, có thể thực hiện các bước thủ tục về đất đai, tiết kiệm được thời gian và đảm bảo việc đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Sau 05 năm thực hiện, Hội đồng nhân dân Thành phố đã quyết định thông qua 32 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1.843,79 ha¹⁴.

1.1.3. Ngoài ra, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố từ nông nghiệp sang dịch vụ, công nghệ cao đã được Trung ương định hướng tại các văn bản

¹⁴ (1) Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 28 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1.722,99 ha; (2) Nghị quyết 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 03 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 67,27 ha; (3) Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 01 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 53,53 ha; (4) Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; (5) Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 hủy bỏ các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

như:

(1) Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã thể hiện các định hướng của Bộ Chính trị như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: “Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á”.

- Về tầm nhìn đến năm 2045: “Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hoá phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế”.

- Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: “Tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực

- Cơ cấu lại tổng thể kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng suất lao động cao. Quy hoạch, chuyển đổi mô hình các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất theo hướng phát triển công nghệ cao, sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; lựa chọn các sản phẩm và công đoạn có giá trị gia tăng cao tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của Thành phố, phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái; xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá. Phát triển thành phố Thủ Đức trở thành cực tăng trưởng mới, là đô thị sáng tạo, tương tác cao, hạt nhân thúc đẩy kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tập trung xây dựng Thành phố trở thành trung tâm dịch vụ lớn của cả nước và khu vực với các ngành dịch vụ cao cấp, hiện đại; hình thành trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế; có cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; hỗ trợ phát triển đồng bộ các thị trường; thúc đẩy kinh tế tri thức, công nghệ số trong các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, thương mại điện tử, du lịch, văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế chất lượng cao... Phát triển công nghiệp theo

chiều sâu, ưu tiên các ngành và sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường”.

(2) Tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã thể hiện định hướng của Bộ Chính trị như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: “Thành phố Hồ Chí Minh phải là thành phố văn minh, hiện đại, năng động sáng tạo, là nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đến sinh sống và làm việc; trung tâm tài chính quốc tế, phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực Châu Á, đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng; nơi tập trung của các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới”.

- Về tầm nhìn đến năm 2045: *“Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, cực tăng trưởng của vùng; nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trí thức trẻ đến sinh sống và làm việc; nơi tập trung các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới”.*

- Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: *“Phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng*

... Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, tập trung chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính quốc tế”.

- Việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nêu trên là phù hợp và **mang tính kế thừa của Nghị quyết 54/2017/QH 14.**

Bên cạnh đó, ngày 16 tháng 6 năm 2022 tỉnh Khánh Hòa cũng đã được Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù này.

Do đó, Thành phố đề xuất tiếp tục kế thừa cơ chế, chính sách vào trong dự thảo Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14, tuy nhiên, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 có điều chỉnh lại nội hàm theo hướng xác định mức trần, Vì vậy, liên quan đến cơ chế, chính sách này Thành phố có điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2020 nói trên.

1.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Từ kết quả đạt được của 03 năm thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 và để đảm bảo tính liên tục của các cơ chế, chính sách Thành phố đã và đang thực hiện theo Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố kiến nghị tiếp tục kế thừa các cơ chế, chính sách này (có điều chỉnh) vào trong dự thảo Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14 của Quốc hội và triển khai phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2020 số 61/2020/QH14.

1.4. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2: Đối với dự án sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1, về đánh giá kết quả thực hiện nội dung phân cấp:

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Báo cáo số 177/BC-UBND trình Bộ Tài nguyên và Môi trường về Kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó, đối với diện tích đất lúa đã có thống kê như sau:

“1. Theo hiện trạng sử dụng đất:

Diện tích tự nhiên của Thành phố Hồ Chí Minh là 209.539ha. Trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp có diện tích 114.875ha, chiếm 53,39%...”

Trong đó đất trồng lúa có diện tích 15.586ha, chỉ chiếm 7,44% diện tích đất tự nhiên và chiếm 13,93% diện tích đất nông nghiệp.

Diện tích đất trồng lúa nêu trên được phân bổ tại 09 đơn vị hành chính thuộc Thành phố tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Bảng 6. Diện tích đất trồng lúa tính đến 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: hecta (ha)

Tổng diện tích đất trồng	H. Bình Chánh	H. Cần Giờ	H. Củ Chi	H. Hóc Môn	H. Nhà Bè	Quận 2	Quận 9	Quận Bình Tân	Quận Bình Thạnh
--------------------------	---------------	------------	-----------	------------	-----------	--------	--------	---------------	-----------------

lúa									
15.586	4.828	61	7.296	1.782	132	369	486	508	124

Như vậy, diện tích đất lúa trên địa bàn Thành phố được phân bổ nhiều nhất tại các huyện Bình Chánh (4.828ha), huyện Củ Chi (7.296ha), huyện Hóc Môn (1.782ha) và Thành phố Thủ Đức (gộp Quận 2 và Quận 9 với 855ha). Tuy nhiên, diện tích đất lúa theo thống kê nêu trên không liền thửa, liền mảnh mà phân bổ rải rác trên khắp địa bàn các huyện và thành phố Thủ Đức. Do đó, một dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa có quy mô đến 500ha là không có, nhưng do quy định của Luật Đầu tư năm 2020 nên Thành phố đề nghị được phân cấp đến 500ha (thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ) tương tự như nội dung đã được Quốc hội cho phép tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù này.

Bên cạnh đó, số liệu về hiện trạng sử dụng đất trồng lúa của cả nước theo các vùng địa lý, tự nhiên, kinh tế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Biểu số 4 Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 3 năm 2022 về phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020 như sau:

Bảng 7. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa tính đến 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: héc ta (ha)

Tổng diện tích đất trồng lúa của cả nước	Vùng Đông Nam Bộ	Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long
3.940.619	120.080	1.790.574

Đối chiếu với số liệu trên, tổng diện tích đất trồng lúa tại Thành phố chỉ chiếm 0,39% so với cả nước và so với các vùng lân cận chỉ chiếm 12,98% so với Vùng Đông Nam Bộ và 0,87% so với Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

Tuy nhiên, giải pháp 1 không đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng đất trồng lúa sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2:

Tác động kinh tế - xã hội:

Việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nêu trên là phù hợp và mang tính kế thừa.

Phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa

phương chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng đất trồng lúa;

Giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- **Tác động về giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 và nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Căn cứ Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 – 2025 thì Thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ diện tích đất trồng lúa là 9.531ha (do vẫn còn chuyển tiếp từ các kỳ quy hoạch trước đến năm 2020), đến năm 2030 còn lại 4.105ha.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

2. Đề xuất về về thẩm quyền, điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị:

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

2.1.1. Về thẩm quyền điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

Theo quy định tại Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị, Điều 15 Luật Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14) thì thời hạn rà soát định kỳ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng là 05 năm kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt; kết quả rà soát phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

Theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị, Điều 39 Luật Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14) thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Theo đó, đối với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ thì trên cơ sở thẩm định của Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Đồng thời, việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 49 Luật Quy hoạch đô thị, Điều 37 Luật Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14).

Bên cạnh đó, về nguyên tắc chung, khoản 2 Điều 51 Luật Quy hoạch quy định việc điều chỉnh quy hoạch không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch đó, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 53 của Luật này và phải đáp ứng được một trong các căn cứ quy định tại Điều 53 Luật Quy hoạch. Trong trường hợp đó, phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục việc điều chỉnh quy hoạch như đối với lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch lập mới.

Trong thực tiễn triển khai các quy định trên tại Thành phố Hồ Chí Minh còn có vướng mắc, cụ thể như sau:

- Nội dung báo cáo, yêu cầu lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan, thời hạn phản hồi để đảm bảo đầy đủ cơ sở tổng hợp trong rà soát, thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chưa được quy định.

- Việc quy định thời hạn định kỳ 05 năm trong công tác rà soát làm cơ sở để báo cáo xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và việc thông qua Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt không đáp ứng kịp thời trước những biến động về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, dân cư cũng như nắm bắt các đề xuất kiến nghị có cơ hội làm tăng tính khả thi và nguồn thu cho ngân sách Thành phố trong thực hiện quy hoạch.

- Qua quá trình quản lý chuyển tiếp giữa các đồ án quy hoạch xây dựng có nhiều yếu tố phát sinh như sai lệch giữa quy hoạch và thực tế hướng tuyến, ranh mốc quy hoạch; cải tiến công nghệ trong kỹ thuật xây dựng; biến đổi môi trường khí hậu; xu thế phát triển sau đại dịch ... cần xem xét điều chỉnh một số nội dung để kịp

thời khắc phục các hạn chế và theo kịp nhu cầu đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục như đối với lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch lập mới từ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đến gửi cơ quan thẩm định để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sẽ mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý kỳ vọng của Nhà đầu tư trước các cơ hội và thời điểm quan trọng. Trong khi, nếu giao quyền chủ động cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức lập, tổ chức thẩm định, tổ chức lấy ý kiến, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định thì sẽ rút ngắn thời gian điều chỉnh, tăng cường phân cấp theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ.

Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định nhiệm vụ, giải pháp: *“Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại”*; *“Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực... ”*. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025; trong đó, Chương trình đột phá đổi mới quản lý Thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu *“Công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải được rút ngắn thời gian, quy trình xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện thống nhất trong các cấp chính quyền toàn Thành phố”* trong đề án tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Do vậy, việc phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định sẽ bảo đảm tính phân cấp, tạo sự chủ động cho địa phương, rút ngắn thời gian thực hiện điều chỉnh và góp phần thúc đẩy sớm thu hút một số dự án đầu tư trọng điểm có tính chất dẫn dắt, lan tỏa, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển đặc biệt là việc *chủ động trong việc chuẩn bị kêu gọi các Nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia các dự án lớn như Dự án Công viên Sài Gòn Safari (quy mô 456,85ha), khu nông nghiệp kỹ thuật cao (quy mô 460ha), khu cảng sông logistics và bến du thuyền, bus sông (quy mô 50ha) tại huyện Củ Chi do Công ty Cổ phần tập đoàn Sovico đăng ký; Dự án khu đô thị sinh thái nông nghiệp thực phẩm công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (quy mô 1.018,76ha) do Quỹ đầu tư CMLA Capital Partners và Công ty Surbana Jurong (Singapore) dự kiến đăng ký.*

Ngoài ra, qua rà soát, đối chiếu với các chính sách đã được Quốc hội ban hành Nghị quyết thông qua tại một số địa phương như Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hải Phòng, Thành Phố Cần Thơ, Tỉnh Nghệ An, Tỉnh Thanh Hóa liên quan chính sách về điều chỉnh quy hoạch, tên gọi và nội dung chính sách đang đề xuất hiện tại đối với Thành phố Hồ Chí Minh có khác ở đặc điểm bổ sung thêm đối tượng “quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật” do đây là một đặc thù của Thành phố trực thuộc trung ương loại đặc biệt, cụ thể:

- Về đối tượng: căn cứ khoản 2 Điều 18 Luật Quy hoạch đô thị, Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật là một nội dung trong đồ án quy hoạch chung đô thị và được lập thành những đồ án riêng đối với Thành phố trực thuộc Trung ương.

- Về thẩm quyền phê duyệt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị (được sửa đổi bởi Khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch), việc phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền của Thủ tướng.

- Về mối liên quan giữa các quy hoạch: Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật là một nội dung trong đồ án quy hoạch chung đô thị, được chi tiết hóa tại các đồ án riêng đối với Thành phố trực thuộc trung ương. Trường hợp các nội dung quy hoạch chung được xem xét điều chỉnh cục bộ sẽ có thể ảnh hưởng đến các nội dung liên quan về hạ tầng kỹ thuật hoặc ngược lại.

Do vậy, việc đề xuất nội dung đối với chính sách này có khác so với các địa phương khác đã được Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm, một mặt do đây là một đặc thù riêng về quy hoạch của Thành phố trực thuộc trung ương loại đặc biệt, mặt khác nhằm thống nhất về mặt quy trình phân cấp thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng đối với các đồ án quy hoạch có liên quan trong trường hợp được xem xét chấp thuận.

2.1.2. Về điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

Theo quy định tại khoản 5 Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị, điểm đ khoản 2 Điều 35 Luật Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14) thì quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng được điều chỉnh khi thuộc trường hợp “*Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng*”. Việc quy định điều kiện “*Phục vụ lợi ích cộng đồng*” còn mang tính khái quát, chưa cụ thể trong việc xác định khái niệm, phạm vi nên thời gian qua trong quá trình triển khai thực hiện quy định này tại khoản 5 Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị, điểm đ khoản 2 Điều 35 Luật Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14), Thành phố đã gặp một số vướng mắc sau:

Về cơ bản mục đích cuối cùng của công tác quản lý quy hoạch là tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong đô thị, tuy nhiên, việc thiếu tiêu chí cụ thể dẫn đến đối tượng về “*phục vụ lợi ích cộng đồng*” có thể được hiểu theo nhiều

cách khác nhau tạo tiền đề cho các xung đột, khiếu nại giữa các bên có liên quan trong quá trình lập phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

Từ khi Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng có hiệu lực cho đến hiện nay, Thành phố đã hoàn thành việc phủ kín quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 ÷ 1/5.000 trên phần diện tích đất xây dựng đô thị (với khoảng 600 đồ án với tổng diện tích khoảng 88.260ha). Số lượng đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 đã thẩm định điều chỉnh tổng thể 23 đồ án với tổng diện tích 2.320,042ha, điều chỉnh cục bộ 81 đồ án với tổng diện tích 628,1848ha, đang rà soát điều chỉnh khoảng 102 đồ án với tổng diện tích 10.486,98 ha. Riêng số liệu trong năm 2022 - 2023, trên địa bàn có 58 đồ án điều chỉnh quy hoạch đã trình thẩm duyệt với các lý do điều chỉnh quy hoạch xoay quanh các nội dung chính sai lệch ranh giới, hướng tuyến giao thông, yêu cầu điều chỉnh mở rộng ranh mảng xanh - công trình công cộng, đề xuất giảm mật độ xây dựng, tăng chỉ tiêu diện tích sàn ở; theo đó các nội dung đều nhằm hướng tới việc nâng cao chất lượng sống, môi trường sinh hoạt, học tập, vui chơi của người dân, giải quyết các vướng mắc về đất đai theo quá trình lịch sử tồn tại và thực tế phát triển. Trong số 05 trường hợp được điều chỉnh quy hoạch theo Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị, trên cơ sở nhận định các nội dung này phù hợp nhất về tính chất của trường hợp "*phục vụ lợi ích cộng đồng*", cơ quan thẩm định đã trình Thành phố phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

Tuy nhiên, qua các buổi tiếp xúc cử tri, ghi nhận ý kiến phản ánh của tổ chức cá nhân và tiếp thu ý kiến kết luận của các cơ quan quản lý cấp trên trong quá trình thanh kiểm tra liên quan đến công tác rà soát điều chỉnh quy hoạch đã cho thấy những nhận định đối với các trường hợp đề xuất điều chỉnh như đã đề cập nêu trên còn mang tính chủ quan, chưa đủ cơ sở lý luận, chưa đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong công tác quản lý quy hoạch. Hiện tại, các đề xuất điều chỉnh quy hoạch tương tự như trước đây không có đủ cơ sở để xem xét thẩm định.

Do vậy, việc có quy định cụ thể điều kiện và tiêu chí đối với quy định "*phục vụ lợi ích cộng đồng*" là một nội dung quan trọng cần phải được bổ sung làm rõ một mặt giúp cơ quan quản lý nhà nước có đủ công cụ pháp lý để xem xét trong quá trình thẩm duyệt, mặt khác giúp các cá nhân, tổ chức có nhu cầu được rõ những yêu cầu cần đáp ứng để có thể được chấp thuận trong quá trình quản lý quy hoạch, giảm thiểu thời gian, chi phí và công sức trong việc thuyết phục và đưa ra các quyết định liên quan.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Đẩy mạnh phân cấp, trách nhiệm trong công tác quản lý quy hoạch; phát huy khả năng tự chủ trong việc giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính khả thi của quy hoạch, tăng hiệu quả đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện; khai thác tiềm năng sử dụng đất, tạo không gian phát triển mới; xây dựng hệ thống đô thị

bền vững, hiện đại; góp phần thúc đẩy sớm thu hút một số dự án đầu tư trọng điểm có tính chất dẫn dắt, lan tỏa, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển.

- Cụ thể hóa quy định về điều kiện điều chỉnh quy hoạch, làm cơ sở phục vụ công tác lập, thẩm định và trình phê duyệt đảm bảo tính khoa học và tuân thủ quy định hiện hành.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Giải pháp 2:

Về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

- Trên cơ sở đề án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo thủ tục, trình tự do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

- Việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị để phục vụ lợi ích cộng đồng theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Tăng chỉ tiêu đất hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật;

+ Giảm mật độ xây dựng;

+ Tăng chỉ tiêu diện tích sàn ở bình quân đầu người nhưng phải bảo đảm kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố, không tăng mật độ xây dựng và không làm quá tải hạ tầng khu vực;

+ Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này;

+ Bổ sung các công trình công cộng hoặc cải thiện cảnh quan đô thị nhằm nâng cao chất lượng, điều kiện sống, sinh hoạt, làm việc của người dân trong khu vực.

c) Phương án 3: sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định trong Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

2.4.1. Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu

2.4.1.1. Về thẩm quyền điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: không có.
- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: kéo dài thời gian thực hiện quy hoạch.
- Người dân, doanh nghiệp: hạn chế cơ hội đầu tư kinh doanh.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: không có.
- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không tạo sự chủ động cho Thành phố.
- Người dân, doanh nghiệp: không tạo sự hấp dẫn cho nhà đầu tư.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: bảo đảm đồng bộ về thẩm quyền phê duyệt quy hoạch lập mới và điều chỉnh quy hoạch.

(ii) Tác động tiêu cực: kéo dài thời gian thực hiện các thủ tục hành chính.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực: không giải quyết được vướng mắc, bất cập.

2.4.1.2. Về điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: không có.
- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Việc thiếu các tiêu chí để xác định trường hợp phục vụ lợi ích cộng đồng khiến cho công tác xem xét các luận cứ về lý do lập điều chỉnh quy hoạch không đảm bảo cơ sở để thẩm định, dẫn đến nội dung tham mưu phê duyệt chưa có tính khoa học và hợp lý.

- Người dân, doanh nghiệp: không tạo sự hấp dẫn cho nhà đầu tư, hạn chế cơ hội đầu tư kinh doanh.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực: không giải quyết được vướng mắc, bất cập.

2.4.2. Giải pháp 2:

2.4.2.1. Về thẩm quyền điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Đẩy nhanh quy trình và giảm thiểu chi phí phát sinh liên quan đến công tác điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Tạo hành lang pháp lý về quy hoạch nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước khai thác tốt quỹ đất hữu hạn, tuân thủ định hướng chiến lược phát triển chung, góp phần thực hiện nhiệm vụ nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tạo sự chủ động cho Thành phố. Chủ động khắc phục những sai sót về mặt kỹ thuật trong quá trình lập - quản lý chuyển tiếp quy hoạch, giải quyết quyền lợi chính đáng của người dân, kiến nghị hợp lý của doanh nghiệp hướng tới xây dựng chính quyền địa phương dám chịu trách nhiệm, gần gũi và sẵn sàng giúp đỡ nhân dân.

- Người dân, doanh nghiệp: giúp tăng cường niềm tin của xã hội, người dân, nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp vào năng lực quản lý, điều hành về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: Không làm phát sinh thủ tục hành chính; góp phần cắt giảm một số bước trong quy trình thủ tục hành chính về trình, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; đồng thời rút ngắn quy trình hoàn thiện hồ sơ, thời gian di chuyển, tiết giảm công tác phí liên quan trong việc trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch; góp phần cắt giảm một số bước trong quy trình thủ tục hành chính về trình, thẩm định, phê duyệt ở các Bộ, ngành Trung ương do Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định, phê duyệt

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật chuyên ngành hiện hành. Tuy nhiên, chính sách vẫn bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của *Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

2.4.2.2. Về điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Thông qua việc bổ sung các quy định cụ thể về lợi ích cộng đồng sẽ tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có cơ sở xây dựng, đánh giá các lý do đề xuất điều chỉnh quy hoạch tại địa phương, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác quy hoạch, các khu chức năng (hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trong việc lập, thẩm định quy hoạch, đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động phát triển, sử dụng tối ưu các nguồn lực đặc biệt về đất đai trong phát triển đô thị tại địa phương), đồng thời giúp cơ quan nhà nước đưa ra các định hướng, hoạch định các cơ chế, chính sách pháp luật về đô thị, xây dựng phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo cân đối cung - cầu, góp phần quản lý, điều tiết dự án công cộng và thương mại hiệu quả.

- Người dân, doanh nghiệp: cung cấp cơ sở để các doanh nghiệp có định hướng, xác định đúng khả năng đóng góp, cân đối bài toán kinh tế tại từng khu vực trên địa bàn địa phương trong từng giai đoạn, từ đó có thể lựa chọn hình thức, quy mô, giải pháp đầu tư phát triển dự án, đảm bảo cân đối cung - cầu hài hòa lợi ích cộng đồng; giúp đảm bảo tiến độ đầu tư, gia tăng hiệu quả đầu tư. Các mục tiêu điều chỉnh quy hoạch rõ ràng thiết thực gắn với nhu cầu thực tiễn, giúp người dân có thể lựa chọn sản phẩm nhà ở phù hợp nhu cầu.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: nâng cao hiệu quả của việc quản lý nhà nước về kiểm soát điều chỉnh quy hoạch, góp phần thực hiện mục tiêu của Đảng và Nhà nước trong việc đảm bảo công bằng xã hội về khả năng tiếp cận quy hoạch của người dân, doanh nghiệp.

- Người dân, doanh nghiệp: Thông qua điều kiện về điều chỉnh quy hoạch, nhà đầu tư xác định đúng mức độ chia sẻ đóng góp cho cộng đồng nơi dự kiến phát triển dự án, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng các loại nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội, đảm bảo kết hợp hài hòa việc phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Mọi tầng lớp người dân được đảm bảo việc điều chỉnh quy hoạch nhằm mục đích nâng cao chất lượng sống, đặc biệt là các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc điều chỉnh quy hoạch... có điều kiện được cải thiện không gian, môi trường học tập, làm

việc và sinh hoạt.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: Không làm phát sinh thủ tục hành chính, chỉ làm rõ về điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: chính sách làm rõ hơn so với quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của *Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

c) Giải pháp 3:

Việc đánh giá tác động chính sách sẽ như Giải pháp 2, tuy nhiên để thực hiện giải pháp này cần có thời gian xây dựng Luật bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (thay thế Luật Quy hoạch đô thị và Chương II Luật Xây dựng) hiện nay đang được Chính phủ đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024), thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2024), nếu được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Trong khi, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023), nếu được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. Do vậy, nếu chờ dự án dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được thông qua sẽ không kịp thời tháo gỡ được vướng mắc, bất cập tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3. Đề xuất về phát triển nhà ở xã hội

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

3.1.1. Về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

Điều 7 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định việc lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch đô thị phải theo trình tự sau: *lập nhiệm vụ quy hoạch đô thị; thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị; lập đồ án quy hoạch đô thị; thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị*. Điều 20 Luật Xây dựng năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14) quy định trình tự lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng như sau: *lập, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng; điều tra, khảo sát thực địa; thu thập bản đồ, tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có liên quan để lập đồ án quy hoạch xây dựng; lập đồ án quy hoạch xây dựng; thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng*.

Theo quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Điều 16 Luật Xây dựng năm 2014 thì cơ quan, chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Việc thực hiện tuần tự các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập nhiệm vụ, lập đồ án quy hoạch chi tiết thì thời gian thực hiện sẽ nhiều hơn so với lập đồng thời nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến cộng đồng dân cư. Nếu thực hiện đồng thời việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến cộng đồng dân cư cùng một lúc thì sẽ rút ngắn thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết so với thực hiện tuần tự theo quy định; giúp đẩy nhanh tiến độ lập dự án đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tăng nguồn cung nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Để làm cơ sở lập và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị, đến nay trên địa bàn Thành phố có 1.334 đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (kể cả bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình tỷ lệ 1/500), với tổng diện tích khoảng 7.421 ha. Qua kinh nghiệm thẩm định và quản lý số lượng lớn các đồ án quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc triển khai lập đồ án có thể thực hiện cùng lúc với công tác lập nhiệm vụ, lấy ý kiến cộng đồng dân cư cùng một lúc vẫn đảm bảo tính liên tục trong nội dung và chủ động rút ngắn tối đa thời gian hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt đồ án ngay sau khi nhiệm vụ được thông qua. Điển hình như đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm phức hợp Sài Gòn - Ba Son (quy mô 25,29ha), đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu phức hợp Tân Cảng

Sài Gòn (quy mô 43,33ha).

3.1.2. Về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở xã hội

Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020 quy định một trong những nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư là: “*Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có)*”. Luật Đầu tư năm 2020 không quy định cụ thể phải phù hợp với cấp độ quy hoạch đô thị nào mà nội dung này chỉ quy định cụ thể trong Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Điểm c khoản 7 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định: “*Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết (nếu có), quy hoạch phân khu (nếu có); trường hợp quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.*”.

Điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, quy định: “*..... Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất lên tối đa 1,5 lần so với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Việc tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất phải đảm bảo sự phù hợp với chỉ tiêu dân số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian, kiến trúc cảnh quan trong phạm vi đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đó phê duyệt điều chỉnh*”.

Thực tế triển khai dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, trường hợp tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 49/2021/NĐ-CP nhằm tăng hiệu quả khai thác quỹ đất, đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội thì phải điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; tuy nhiên, không quy định rõ có phải điều chỉnh trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư hay không. Nếu thực hiện tuân thủ các thủ tục điều chỉnh quy hoạch phân khu, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, chấp thuận chủ trương đầu tư thì sẽ kéo dài thời gian thực hiện thủ tục đầu tư ít nhất 01 năm đến 2 năm.

Theo Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025, Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến phát triển 2,5 triệu m² sàn nhà ở, tương đương khoảng 35.000 căn nhà. Tuy nhiên, trong năm 2021 và năm 2022, thành phố chỉ mới có 01 dự án nhà ở xã hội hoàn thành với số lượng 260 căn; hầu hết các dự án nhà ở xã hội đang thực hiện các thủ tục đầu tư, trong đó có 13 dự án nhà ở xã hội (10ha, 5.800 căn) dự kiến sẽ thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó dự kiến phải điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 để đảm bảo điều kiện áp dụng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo pháp luật về nhà ở xã hội, tăng hiệu quả kinh tế của dự án. Tháo gỡ vướng mắc này khi thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ tạo điều kiện

cho các dự án nhanh chóng triển khai, thu hút thêm các nhà đầu tư đưa quỹ đất vào phát triển nhà ở xã hội trong thời gian tới.

3.1.3. Về bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại

Khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở năm 2014 quy định: “*Tại các đô thị loại đặc biệt, loại 1, loại 2 và loại 3 thì chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ. Đối với các loại đô thị còn lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để yêu cầu chủ đầu tư phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội*” và được cụ thể hóa tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

Quy định nêu trên là chưa phù hợp trong thực tiễn áp dụng, đặc biệt đối với những dự án có quy mô nhỏ vì:

- Việc dành 20% quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại có quy mô sử dụng đất nhỏ sẽ không đủ diện tích tối thiểu để đầu tư được 01 khối nhà ở xã hội độc lập đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, kiến trúc, cảnh quan chung của dự án... Quỹ đất này cũng không khả thi nếu chuyển thành loại hình nhà ở xã hội dạng thấp tầng do các đô thị loại đặc biệt, loại I không khuyến khích loại hình nhà ở này để tiết kiệm quỹ đất, đồng thời nếu phát triển loại hình nhà ở xã hội liền kề này trong các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị có thể tiềm ẩn các tiêu cực, không công bằng.

- Trường hợp người thu nhập thấp vào ở trong các căn hộ nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại cao cấp, siêu cao cấp thì chỉ tính riêng chi phí quản lý vận hành tòa nhà cũng như các dịch vụ thiết yếu khác trong các dự án này cũng là không phù hợp với thu nhập của họ.

- Một số dự án có tính chất đặc thù: về kiến trúc cảnh quan, các dự án nhà ở thương mại cao cấp, du lịch nghỉ dưỡng... nếu bố trí nhà ở xã hội trong dự án không những có thể phá vỡ quy hoạch, kiến trúc và không đạt được mục tiêu đầu tư của dự án.

Thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, qua rà soát 34 dự án nhà ở thương mại phải dành 20% quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, trong đó có 05 dự án (Dự án Khu nhà ở Vạn Phúc 1, 2, 3, Thành phố Thủ Đức do Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc làm chủ đầu tư; dự án Khu nhà ở Công ty Đông Nam, Thành phố Thủ Đức do Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh địa ốc Đông Nam làm chủ đầu tư; dự án Khu nhà ở Công ty Đại Nhân Công ty do Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh

địa ốc Đại Nhân làm chủ đầu tư) với diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội: 6,2ha, số căn hộ dự kiến: 4.336 căn; nằm trong các dự án nhà ở thương mại cao cấp, việc yêu cầu dành quỹ đất nhà ở xã hội tại dự án sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người có thu nhập thấp sở hữu nhà ở xã hội do phải đóng các khoản chi phí quản lý vận hành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, chi phí dịch vụ thiết yếu khác khá cao so với mặt bằng chung thu nhập; ngoài ra còn làm cho kiến trúc, cảnh quan, không gian chung của cả dự án không đồng bộ, thiếu mỹ quan, giảm hiệu quả đầu tư và gây khó khăn trong việc cung cấp các dịch vụ, tiện ích.

3.1.4. Về hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở xã hội

Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở năm 2014 quy định về đất để phát triển nhà ở xã hội, bao gồm: (i) Đất được Nhà nước giao để xây dựng nhà ở cho thuê, cho thuê mua, bán; (ii) Đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng nhà ở cho thuê; (iii) Diện tích đất ở trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư phải dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này; (iv) Đất ở hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân dùng để xây dựng nhà ở xã hội.

Điểm c khoản 2 Điều 57 Luật Nhà ở năm 2014 quy định: “c) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền sử dụng đất hợp pháp, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở, có đủ điều kiện làm chủ đầu tư và có nhu cầu xây dựng nhà ở xã hội thì doanh nghiệp, hợp tác xã đó được giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội”.

Theo đó, nếu nhà đầu tư nhận chuyển nhượng các loại đất khác không phải là đất ở hoặc nhà đầu tư đang có quyền sử dụng đất nhưng không phải là đất ở thì sẽ không đáp ứng được điều kiện để phát triển nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở năm 2014. Trong khi đó, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 57 Luật Nhà ở năm 2014 thì doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền sử dụng đất hợp pháp (tất cả các hình thức sử dụng đất) là được giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố, nhiều nhà đầu tư có nhu cầu làm nhà ở xã hội, trong đó nhà đầu tư đính kèm tài liệu chứng minh nhà đầu tư có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải là đất ở để thực hiện đầu tư dự án nhà ở xã hội hoặc nhà đầu tư có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Quyết định giao đất nhưng mục đích sử dụng đất hiện hữu không phải là đất ở. Trong các trường hợp này khó triển khai việc xây dựng nhà ở xã hội do còn có cách hiểu khác nhau về áp dụng pháp luật tại Điều 56, Điều 57 Luật Nhà ở năm 2014.

Trong khi đó, pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai đã có quy định cho phép thực hiện dự án nhà ở xã hội trong trường hợp nhà đầu tư nhà đầu tư có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở và đất khác không phải là đất ở) hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

+ Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư quy định:

“Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất, trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật và đất đai;

b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;”

+ Khoản 1 Điều 193 Luật Đất đai quy định:

“Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án;”

Căn cứ các quy định nêu trên, Luật Đầu tư và Luật Đất đai cho phép trong trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở hoặc đất có mục đích sử dụng khác không phải là đất ở) hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bao gồm cả đất nông nghiệp) thì có thể sử dụng các đất này để đề xuất thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (bao gồm đầu tư xây dựng nhà ở xã hội).

Để quản lý việc phát triển nhà ở, nhà nước còn công cụ là quy hoạch và kế hoạch, cụ thể như sau:

- Theo quy định tại điểm a và điểm e khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, để thực hiện dự án, Đề xuất dự án phải phù hợp với quy hoạch và mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở. Theo đó, nhà nước dùng công cụ quy hoạch để xác định khu vực nào sẽ được thực hiện dự án nhà ở xã hội và dùng kế hoạch để xác định trong giai đoạn nào sẽ được phát triển bao nhiêu nhà ở xã hội. Như vậy, nhà nước đã có các công cụ phù hợp để thực hiện việc quản lý nhà nước về phát triển nhà ở xã hội.

Bên cạnh đó, tại các vị trí đã được quy hoạch để phát triển nhà ở xã hội và đã được đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nếu nhà nước không chấp thuận cho phép thực hiện dự án nhà ở xã hội do hiện trạng đất không phải là đất ở thì sẽ dẫn tới tình trạng đất đai tại địa điểm đó không được sử dụng một cách hiệu

quả, gây lãng phí đất đai, cụ thể:

- Nếu nhà đầu tư tiếp tục sử dụng đất theo mục đích cũ hoặc phát triển dự án mới phù hợp với mục đích sử dụng đất theo mục đích hiện hữu thì sẽ không được chấp thuận do việc thực hiện theo mục đích cũ sẽ không phù hợp với quy hoạch đã được duyệt cho vị trí đó là để phát triển nhà ở.

- Nếu nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích để phát triển nhà ở thì sẽ không phù hợp với quy định về việc phải có đất ở mới được phát triển nhà ở xã hội nêu trên.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai, khi sử dụng đất để phát triển nhà ở xã hội thì không phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai, nhà đầu tư sẽ được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi phát triển nhà ở xã hội. Do vậy, việc chấp thuận cho nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở và các loại đất khác) hoặc chấp thuận cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải đất ở sẽ không dẫn tới tình trạng thiếu cạnh tranh hoặc không gây thất thoát về nguồn thu của nhà nước.

Việc yêu cầu phải có đất ở mới được thực hiện nhà ở xã hội khiến có các khu đất có đủ điều kiện làm nhà ở xã hội ít đi, làm tăng chi phí đầu vào cho nhà đầu tư trong việc huy động quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, qua đó làm tăng giá nhà ở xã hội.

Như vậy, việc điểm d khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở quy định nhà đầu tư phải có đất ở mới được phát triển nhà ở xã hội đang khiến cho Luật Nhà ở không đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai; không thể hiện rõ mục tiêu quản lý nhà nước, gây lãng phí đất đai, góp phần làm tăng giá nhà ở xã hội và là trở ngại pháp lý dẫn tới làm chậm tiến độ chủ trương thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội của Chính phủ.

Tại điểm 2.3 Phần IV Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao đã xác định: *“Tiếp tục thực hiện cơ chế tự thỏa thuận giữa người dân và doanh nghiệp trong chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện các dự án đô thị, nhà ở thương mại”*. Do đó cần thiết phải bổ sung quy định đất khác ngoài các hình thức sử dụng đất nêu trên để phát triển nhà ở xã hội.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Thực hiện đồng thời việc lập nhiệm vụ, lập đồ án quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến cộng đồng dân cư cùng một lúc; thực hiện song song, đồng thời thủ tục chấp

thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh quy hoạch xây dựng; giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện dự án; đáp ứng nhu cầu về nhà ở xã hội của người dân trên địa bàn, bảo đảm an sinh xã hội.

- Góp phần tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả trong công tác lập quy hoạch.

- Trao quyền chủ động cho thành phố trong việc quy hoạch nhà ở xã hội theo từng khu vực và dự án cụ thể, tạo nguồn vốn để phát triển nhà ở xã hội ở những khu vực tập trung, quy mô lớn, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tăng hiệu quả mục tiêu đầu tư của dự án.

- Tháo gỡ vướng mắc liên quan đến việc áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Nhà ở năm 2014, Điều 23 Luật Nhà ở năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15).

- Thống nhất, đồng bộ với Luật Đầu tư, Luật Đất đai.

3.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: giữ nguyên như quy định hiện hành tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2:

Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được lập đồng thời với việc lập đồ án quy hoạch chi tiết; việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết được thực hiện cùng một thời điểm. Việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải được thực hiện trước, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết.

- Tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chưa phù hợp quy hoạch chung thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung và chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất hoặc mật độ xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở xã hội.

Trường hợp quy hoạch chi tiết chưa phù hợp quy hoạch chung và quy hoạch phân khu thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất hoặc mật độ xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở xã hội.

Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết phải được phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh theo quy định của pháp luật trước khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và triển khai các bước tiếp theo của dự án.

- Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch, bố trí quỹ đất nhà ở xã

hội trong dự án nhà ở thương mại theo quy định hiện hành hoặc phê duyệt quy hoạch, bố trí quỹ đất nhà ở xã hội ở vị trí khác tương đương về quy mô, ngoài phạm vi dự án nhà ở thương mại đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội trên địa bàn theo Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt. Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với quỹ đất được hoán đổi trong dự án nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đất để phát triển nhà ở xã hội bao gồm: các trường hợp theo quy định của pháp luật về nhà ở, các loại đất khác phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giải pháp 3: nội dung tương tự giải pháp 2 nhưng không đề xuất tại Nghị quyết mà đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Đầu tư.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

3.4.1. Giải pháp 1:

3.4.1.1. Về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: không có.
- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: mất nhiều thời gian triển khai lập nhiệm vụ, lập đồ án quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến cộng đồng dân cư.

- Người dân, doanh nghiệp: kéo dài thời gian thực hiện thủ tục đầu tư; đẩy giá nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố tăng cao.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: không có.
- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không tạo sự chủ động cho Thành phố, không thu hút được nhà

đầu tư tham gia, giảm nguồn cung nhà ở xã hội.

- Người dân, doanh nghiệp: không tạo sự hấp dẫn cho nhà đầu tư, người dân khó tiếp cận với nhà ở xã hội.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: bảo đảm trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết theo quy định pháp luật

(ii) Tác động tiêu cực: kéo dài thời gian thực hiện các thủ tục hành chính.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực: không giải quyết được vướng mắc, bất cập.

3.4.1.2. Về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở xã hội

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Đảm bảo việc tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Người dân, doanh nghiệp: Không

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Không thu hút được nhà đầu tư tham gia, giảm nguồn cung sản phẩm nhà ở xã hội, đẩy giá nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố tăng cao.

- Người dân, doanh nghiệp: Kéo dài thời gian thực hiện thủ tục đầu tư, nhà đầu tư khó tiếp cận với chính sách ưu đãi của Nhà nước khi áp dụng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo pháp luật về nhà ở xã hội.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Chính sách ưu đãi đối với nhà ở xã hội không đi vào cuộc sống, do thủ tục còn chồng chéo, kéo dài.

- Người dân, doanh nghiệp: Gây tâm lý chán nản đối với nhà đầu tư khi tham gia phát triển nhà ở xã hội mà thủ tục lại kéo dài hơn do phải chờ điều chỉnh quy hoạch cục bộ phân khu tại khu vực dự án, không thuộc phạm vi dự án của chủ đầu tư.

c) *Tác động về giới*: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) *Tác động của thủ tục hành chính*:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực: Vẫn còn vướng mắc về trình tự thực hiện (trước hoặc sau) các thủ tục hành chính liên quan đến chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh các cấp độ quy hoạch đô thị; kéo dài thời gian thực hiện thủ tục.

e) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực: Chưa đồng bộ giữa pháp luật về nhà ở, pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai.

3.4.1.3. Về bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại

a) *Tác động về kinh tế*

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Đảm bảo tính công bằng của các nhà đầu tư dự án trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước liên quan đến chính sách an sinh xã hội; Nhà nước không phải đầu tư thêm hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ cho đối tượng nhà ở xã hội do các hạng mục này đã được doanh nghiệp đầu tư đồng bộ trong dự án nhà ở thương mại.

- Người dân: Được hưởng lợi ích chung như các đối tượng trong dự án nhà ở thương mại.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Can thiệp vào dự án và hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư, buộc tất cả nhà đầu tư phải xây dựng nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại, không phù hợp với điều kiện dự án và cảnh quan chung khu vực; Từ đó dẫn đến quỹ đất nhà ở xã hội dàn trải, manh mún, nhỏ lẻ theo các dự án nhà ở thương mại; Không phát huy được sự chủ động, linh hoạt của địa phương trong việc quản lý, bố trí quỹ đất nhà ở xã hội nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉ tiêu dân số, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương, đảm bảo an sinh xã hội.

- Người dân, doanh nghiệp:

+ Một số doanh nghiệp thực hiện việc dành quỹ đất 20% nhà ở xã hội theo hình thức đối phó, phân diện tích nhà ở thương mại thì được triển khai xây dựng

nhanh để bán thu được lợi nhuận, còn phần diện tích nhà ở xã hội thì kéo dài chậm triển khai, dẫn đến các mục tiêu phát triển nhà ở xã hội của Nhà nước không thực hiện được.

+ Người lao động thu nhập thấp khi sở hữu nhà ở xã hội tại dự án sẽ phải trả các khoản kinh phí quản lý vận hành khá cao so với thu nhập cũng như khó tiếp cận các dịch vụ, tiện ích khác tại dự án; chi phí sinh hoạt sẽ được đẩy lên cao, người lao động thu nhập thấp khó có điều kiện chi trả.

+ Giá bán nhà ở xã hội tại các khu vực Trung tâm Thành phố có thể được đẩy lên quá cao, không phù hợp với khả năng thanh toán của Người lao động thu nhập thấp. Trong trường hợp giảm giá bán nhà ở xã hội xuống thấp cho phù hợp với thu nhập của người lao động thì doanh nghiệp cần phải cắt giảm chi phí, để hạ tổng mức đầu tư, điều này dẫn đến việc phải cắt bớt các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, tiện ích, không gian sống, chi phí thiết bị...

+ Các dự án nhà ở thương mại có quy mô từ 2 ha đất trở lên nhưng có diện tích đất ở nhỏ sẽ không đủ diện tích tối thiểu để đầu tư được 01 khối nhà ở xã hội độc lập đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, kiến trúc, cảnh quan chung của dự án; việc xây dựng hệ thống hạ tầng, tiện ích cho nhà ở xã hội gặp nhiều khó khăn đến từ quy mô nhỏ của quỹ đất... Quỹ đất này cũng không khả thi nếu chuyển thành loại hình nhà ở xã hội dạng thấp tầng do các đô thị loại đặc biệt, loại I không khuyến khích loại hình nhà ở này để tiết kiệm quỹ đất.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Đảm bảo tính công bằng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội; Người thu nhập thấp và thu nhập cao cùng được hưởng các tiện ích chung của xã hội;

- Người dân: có điều kiện hưởng dụng đối với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đã được doanh nghiệp đầu tư tại các dự án nhà ở thương mại trung, cao cấp.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Việc triển khai nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị trung, cao cấp, nếu không có hướng xử lý phù hợp do có sự chênh lệch trong việc cung cấp các dịch vụ, tiện ích, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại dự án (trong cùng một dự án có hai loại hình chất lượng dịch vụ khác nhau (nhà ở xã hội và nhà ở trung, cao cấp), có khả năng dẫn đến sự phân biệt đối xử, hình thành “trung phân xã hội” về khoảng cách giàu nghèo.

- Người dân, doanh nghiệp:

+ Việc buộc phải dành 20% tổng diện tích đất ở để xây dựng nhà ở xã hội làm

cho kiến trúc, cảnh quan, không gian chung của cả dự án không đồng bộ, thiếu mỹ quan, giảm phần nào hiệu quả đầu tư, sức hút của dự án theo từng phân khúc khách hàng mà doanh nghiệp hướng đến. Đồng thời, doanh nghiệp cũng gặp khó khăn trong việc đảm bảo sự đồng đều khi cung cấp dịch vụ, tiện ích tại dự án.

+ Một số doanh nghiệp e ngại xây dựng nhà ở xã hội đồng thời với nhà ở thương mại trong cùng dự án vì sẽ làm giảm giá trị khai thác thương mại của dự án.

+ Phát sinh tâm lý so bì của người dân do trong cùng một dự án khi có hai loại hình chất xây dựng và chất lượng dịch vụ khác nhau được cung cấp cho nhà ở xã hội và nhà ở trung, cao cấp.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: không có.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: Đảm bảo việc thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật.

(ii) Tác động tiêu cực: Việc bố trí quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội trong tất cả các dự án nhà ở thương mại có thể không phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch đô thị...

3.4.1.4. Về hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở xã hội

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: hạn chế việc các nhà đầu tư mua gom đất nông nghiệp để phát triển nhà ở xã hội; hoặc chuyển mục đích sử dụng đất khác không có đất ở sang đất xây dựng nhà ở, hưởng chênh lệch địa tô;

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không thể hiện rõ mục tiêu quản lý nhà nước, gây lãng phí đất đai, góp phần làm tăng giá nhà ở xã hội và là trở ngại pháp lý dẫn tới làm chậm tiến độ chủ trương thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội của Chính phủ.

- Người dân, doanh nghiệp: Nhà đầu tư có các quỹ đất chuyên dùng, đất thương mại dịch vụ, đất nông nghiệp không đủ điều kiện để đưa vào hưởng ứng với Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: không có.
- Người dân, doanh nghiệp: ngăn chặn việc nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để đầu cơ, chờ thời, người dân không còn kế sinh nhai.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: cần phải đầu tư nhiều hơn cho chính sách phát triển nhà ở xã hội.
- Người dân, doanh nghiệp: hạn chế sự tham gia của các nhà đầu tư, đặc biệt đối với nhà đầu tư đang có quyền sử dụng đất hoặc được nhận chuyển nhượng có mong muốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; hạn chế nguồn cung nhà ở xã hội, người dân khó tiếp cận nhà ở xã hội.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước, doanh nghiệp: Không thể thực hiện thủ tục hành chính về chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao thuê đất, công nhận chủ đầu tư cho các doanh nghiệp trong trường hợp không có diện tích đất ở trong khu đất thực hiện dự án, dẫn đến việc làm sụt giảm nguồn cung sản phẩm nhà ở xã hội.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: không có.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Quy định nhà đầu tư phải có đất ở mới được phát triển nhà ở xã hội, nhà ở thương mại tại Luật Nhà ở không đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai;

- Doanh nghiệp: Sẽ mở rộng ranh giới thực hiện dự án sang quỹ đất có 1 phần diện tích đất ở để đối phó quy định này.

3.4.2. Giải pháp 2:

Đây là giải pháp mang lại tác động tích cực nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tăng nguồn cung nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu của người dân, bảo đảm an sinh xã hội, cụ thể như sau:

3.4.2.1. Về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đối

với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

a) Tác động về kinh tế

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: góp phần giảm chi phí, thời gian lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết.

- Người dân, doanh nghiệp: giảm thời gian thực hiện đầu tư, góp phần giảm chi phí, giá thành nhà ở xã hội; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, tiết kiệm chi phí xây dựng, tận dụng hiệu quả các chính sách ưu đãi đã được pháp luật cho phép.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: tạo sự chủ động cho Thành phố; thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư trong đầu tư, phát triển nhà ở xã hội; tăng nguồn cung nhà ở xã hội.

- Người dân, doanh nghiệp: cải thiện môi trường đầu tư, tạo sự hấp dẫn cho nhà đầu tư; tăng cơ hội tiếp cận nhà ở xã hội với giá cả phù hợp, giải quyết vấn đề an sinh xã hội, ổn định cuộc sống, yên tâm “an cư lạc nghiệp” đối với lượng người lao động đến sinh sống và làm việc ngày càng nhiều trên địa bàn.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: không có.

- Người dân, doanh nghiệp: không có.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Đối với người dân thuộc đối tượng chính sách, người thu nhập thấp còn có cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn với nhà ở xã hội, bảo đảm quyền có chỗ ở, an sinh xã hội.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: Không làm phát sinh thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt (nội dung và thành phần hồ sơ đồ án đã được góp ý, chuẩn bị cùng lúc với bước lập nhiệm vụ), đẩy nhanh công tác kiểm soát thủ tục liên quan trong khâu tiếp nhận, hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ (hướng tới khả năng nhiệm vụ và đồ án có tính thống nhất chính xác cao, được cơ quan thẩm định tiếp

nhận đồng thời, trình duyệt theo thứ tự), tiết kiệm chi phí và đơn giản trong việc lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp của đồ án.

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật chuyên ngành hiện hành. Tuy nhiên, chính sách vẫn bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của *Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

(ii) Tác động tiêu cực: quy định khác với Luật chuyên ngành hiện hành.

3.4.2.2. Về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở xã hội

a) Tác động về kinh tế:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Làm rõ phạm trù quy hoạch cần đánh giá sự phù hợp khi thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư; góp phần đẩy nhanh việc triển khai các dự án nhà xã hội đang rất cấp thiết tại Thành phố Hồ Chí Minh; Tăng nguồn cung nhà ở xã hội;

- Người dân, doanh nghiệp: Giảm thời gian thực hiện thủ tục đầu tư của doanh nghiệp.

(ii) Tác động tiêu cực: Không tuân thủ theo quy hoạch phân khu đã được phê duyệt. Tuy nhiên nội dung đề xuất trong dự thảo Nghị quyết cũng đã yêu cầu nhà đầu tư điều chỉnh các cấp độ quy hoạch cho thống nhất ngay sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực an sinh xã hội của thành phố.

- Người dân, doanh nghiệp: Nhà đầu tư tiếp cận được với cơ chế ưu đãi khi áp dụng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo pháp luật về nhà ở xã hội. Tăng tiếp cận nhà ở xã hội của các đối tượng có nhu cầu; cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho công nhân người lao động, giải quyết vấn đề an sinh xã hội.

(ii) Tác động tiêu cực: Không.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được

áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Đối với người dân thuộc đối tượng chính sách, người thu nhập thấp còn có cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn với nhà ở xã hội, bảo đảm quyền có chỗ ở, an sinh xã hội.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: Xác định được thủ tục thực hiện trước (chấp thuận chủ trương đầu tư) và sau (điều chỉnh quy hoạch phân khu) mà không phải chờ Chính phủ sửa Luật Đầu tư 2020 và Luật Quy hoạch đô thị.

(ii) Tác động tiêu cực: Việc điều chỉnh quy hoạch theo yêu cầu của nhà đầu tư.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Tháo gỡ vướng mắc khi áp dụng pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở xã hội.

- Người dân, doanh nghiệp: Đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, doanh nghiệp tiếp cận được chính sách ưu đãi về nhà ở xã hội.

Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật chuyên ngành hiện hành. Tuy nhiên, chính sách vẫn bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của *Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

(ii) Tác động tiêu cực: Không có.

3.4.2.3. Về bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại

a) Tác động về kinh tế:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại, tránh lãng phí về đất đai khi chưa đưa vào triển khai thực hiện dự án theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phát huy sự chủ động và linh hoạt của địa phương trong việc bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu vực, phù hợp với chương trình và kế hoạch phát triển nhà ở của thành phố.

- Doanh nghiệp: Hạn chế can thiệp của Nhà nước vào hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc chủ động xác định quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội ở vị trí khác theo chương trình và kế hoạch phát triển nhà ở.

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Không đảm bảo sự công bằng của tất cả các nhà đầu tư khi tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội của thành phố.

- Người dân: Không được hưởng dụng hệ thống công trình công cộng, thương mại dịch vụ và các tiện ích chung với cư dân của dự án nhà ở thương mại.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: Tạo sự đồng bộ trong việc thực hiện các dự án nhà ở xã hội và nhà ở thương mại; Thành phố có được quỹ đất tập trung và lớn để xây dựng nhà ở xã hội; không còn hình ảnh tương phản xã hội giữa đối tượng thu nhập thấp và thu nhập cao trong cùng 01 dự án.

- Người dân, doanh nghiệp: Tăng tiếp cận nhà ở xã hội của các đối tượng có nhu cầu, giảm chi phí tiếp cận nhà ở xã hội;

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Không đảm bảo tính công bằng trong thực hiện chính sách an sinh xã hội.

- Người dân: Không hưởng dụng được hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của dự án nhà ở thương mại.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Đối với người dân thuộc đối tượng chính sách, người thu nhập thấp còn có cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn với nhà ở xã hội, bảo đảm quyền có chỗ ở, an sinh xã hội.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: không phát sinh thủ tục hành chính.

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: Góp phần bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ cho hệ thống pháp luật, trong đó có quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai và pháp luật về nhà ở.

Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật chuyên ngành hiện hành. Tuy nhiên, chính sách vẫn bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của *Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản

quy phạm pháp luật năm 2015.

(ii) Tác động tiêu cực: Không có.

3.4.2.4. Về hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở xã hội

a) Tác động về kinh tế:

(i) Tác động tích cực:

- Nhà nước: góp phần đẩy nhanh việc triển khai các dự án nhà xã hội đang rất cấp thiết tại Thành phố Hồ Chí Minh, tránh hoang hóa, lãng phí nguồn tài nguyên đất đai khi chưa đưa vào triển khai thực hiện dự án theo đúng quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tạo ra nguồn cung nhà ở xã hội trên thị trường, góp phần giảm giá nhà trên mặt bằng chung, giải quyết nhu cầu về chỗ ở với giá cả hợp lý cho người dân.

- Doanh nghiệp: Khuyến khích các doanh nghiệp đưa quỹ đất vào xây dựng và phát triển nhà ở xã hội theo quy hoạch của thành phố.

(ii) Tác động tiêu cực: Không có.

b) Tác động về xã hội:

(i) Tác động tích cực: Thu hút các doanh nghiệp tham gia vào phát triển nhà ở xã hội;

(ii) Tác động tiêu cực:

- Nhà nước: Không có

- Người dân, doanh nghiệp: Người dân nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp cho doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, hạn chế đất sản xuất.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Đối với người dân thuộc đối tượng chính sách, người thu nhập thấp còn có cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn với nhà ở xã hội, bảo đảm quyền có chỗ ở, an sinh xã hội.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

(i) Tác động tích cực: Tháo gỡ vướng mắc trong việc thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao thuê đất, công nhận chủ đầu tư cho các doanh nghiệp, tăng nguồn cung sản phẩm nhà ở xã hội, giảm giá thành căn hộ.

(ii) Tác động tiêu cực: không có.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Tác động tích cực: Góp phần bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ cho hệ thống

pháp luật, trong đó có quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai và pháp luật về nhà ở.

Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật chuyên ngành hiện hành. Tuy nhiên, chính sách vẫn bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của *Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Việc đánh giá tác động chính sách sẽ như Giải pháp 2, tuy nhiên để thực hiện giải pháp này sẽ mất thời gian, cụ thể:

- Trường hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Đầu tư thì cần thực hiện quy trình lập đề nghị, soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổng kết tình hình thực hiện pháp luật trên phạm vi toàn quốc; trong khi, các Luật này mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế năm 2020 và chưa có kế hoạch sửa đổi, bổ sung trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Do vậy, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Đầu tư là không khả thi trong giai đoạn hiện nay.

- Dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (thay thế Luật Quy hoạch đô thị và Chương II Luật Xây dựng) hiện nay đang được Chính phủ đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024), thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2024), nếu được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Dự án Luật Nhà ở (sửa đổi) dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023), thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023), nếu được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2024. Trong khi, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023), nếu được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. Do vậy, nếu chờ dự án dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Nhà ở (sửa đổi) được thông qua sẽ không kịp thời tháo gỡ được vướng mắc, bất cập tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Đề xuất về xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất:

4.1. Xác định vấn đề bất cập:

Điều 113 Luật Đất đai quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm một lần đối với từng loại đất, theo từng vùng. Trong thời gian thực hiện khung giá đất mà giá đất phổ biến trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá tối thiểu trong khung giá đất thì Chính phủ điều chỉnh khung giá đất cho phù hợp. Quá trình thực hiện thời gian qua cho thấy khung giá đất không theo kịp biến động giá đất trong thực tế, chưa điều chỉnh kịp thời, biên độ quá rộng. Một số địa phương đề nghị cho phép ban hành bảng giá đất vượt khung giá, có địa phương đề nghị bỏ khung giá đất.

Pháp luật về đất đai đã quy định các nguyên tắc định giá đất, trong đó có nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường; quy định 5 phương pháp định giá đất (so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư và hệ số điều chỉnh giá đất); quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm 01 lần làm căn cứ xây dựng Bảng giá đất; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm 01 lần để sử dụng vào các trường hợp tính thuế, phí, lệ phí...; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể để sử dụng vào các trường hợp giao đất, cho thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất...; quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và trách nhiệm của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định thẩm quyền xác định giá đất cụ thể thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc xác định giá đất cụ thể được xác định theo một trong bốn phương pháp so sánh, thặng dư, thu nhập, chiết trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và điểm a khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định về bảng giá đất và giá đất cụ thể thì: *“Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:*

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất;

c) Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Do đó, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2014/NĐ-CP quy định về 05 phương pháp định giá đất là quy định cách thức tính toán để xác định ra được giá đất còn việc phải thu theo giá đất cụ thể đã được quy định trong luật.

Đối với những thửa đất hoặc khu đất tính theo bảng giá đất có giá trị từ 30 tỷ đồng trở lên (áp dụng 1 trong 4 phương pháp: thặng dư, so sánh, thu nhập, chiết trừ): Tổng thời gian giải quyết hồ sơ thời gian từ 3 đến 6 tháng có trường hợp kéo dài từ một đến vài năm do nhiều nguyên nhân khách quan, trong đó có việc các quy định pháp luật liên quan đến công tác xác định, thẩm định giá đất thay đổi thường xuyên (Trong 05 năm qua, Thành phố có 593 hồ sơ xác định giá đất cụ thể có thời gian thực hiện trên 01 năm).

Mặc dù đã giảm tối đa thời gian thực hiện quy trình xác định giá đất cụ thể nhưng thời gian thực hiện, luân chuyển hồ sơ để thực hiện các bước trong công tác xác định giá đất vẫn kéo dài.

Việc chậm xác định, thẩm định, quyết định giá đất cụ thể dẫn đến chưa kịp thời huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, mất cơ hội đầu tư của nhà đầu tư, làm chậm sự phát triển của kinh tế, xã hội. Do vậy, khi áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá thu tiền sử dụng đất, thuê đất sẽ đảm bảo rút ngắn quy trình thực hiện, vừa tạo điều kiện nâng cao, hiệu quả công tác quản lý nhà nước vừa tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Đó đó, việc ban hành cơ chế để giải quyết những vướng mắc bất cập trên là cần thiết.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Thực hiện chủ trương của Đảng về hoàn thiện cơ chế định giá đất:

+ Bỏ khung giá đất, có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất, thẩm định giá đất.

+ Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm

tra, giám sát việc thực hiện giá đất. Có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: Công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng, không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các vi phạm...

- Hạn chế những bất cập nhằm bảo đảm giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường, cân bằng lợi ích các bên và phát huy hiệu quả trong quản lý, sử dụng đất đai ở Việt Nam.

Thể chế hóa những định hướng trên, Khoản 3 Điều 155 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định: “Điều 155. Giá đất cụ thể

3. Đối với khu vực đã có bảng giá đất tới từng thửa đất theo vùng giá trị đất, giá thửa đất chuẩn thì việc định giá đất cụ thể được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm định giá”.

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm sẽ giải quyết được những bất cập trên. Đảm bảo việc xác định giá đất cụ thể được công bằng giữa các chủ đầu tư trong sử dụng đất; khuyến khích các đơn vị phát huy hiệu quả trong sử dụng đất với các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng được phê duyệt; Cải cách thủ tục hành chính trong xác định giá đất cụ thể đảm bảo công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

4.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua để áp dụng tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tất cả các khu đất, thửa đất (không phân biệt giá trị tính theo bảng giá đất) trong trường hợp Bảng giá đất đã thu thập thông tin thị trường và xây dựng đến từng thửa đất để áp dụng cho các trường hợp sau:

- Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức của hộ gia đình, cá nhân.

- Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với tổ chức, cá nhân trừ trường hợp sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 1, tuy nhiên không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa kịp thời huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, làm chậm sự phát triển của kinh tế, xã hội.

* Tác động về xã hội: mất cơ hội đầu tư của nhà đầu tư.

* Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: đảm bảo rút ngắn quy trình thực hiện, vừa tạo điều kiện nâng cao, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

* Tác động về xã hội: tạo tâm lý dễ người sử dụng đất yên tâm, đẩy mạnh đầu tư vào đất.

* Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** góp phần cắt giảm một số bước trong quy trình thủ tục hành chính, phê duyệt giá đất. Trình tự và thủ tục thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai 2013.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 và nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính

sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Cụ thể như sau:

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định về bảng giá đất và giá đất cụ thể thì: *“Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:*

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất;

c) Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Như vậy, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2014/NĐ-CP quy định về 05 phương pháp định giá đất là quy định cách thức tính toán để xác định ra được giá đất còn việc phải thu theo giá đất cụ thể đã được quy định trong luật, UBND Thành phố xin áp dụng thí điểm phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất như kiến nghị là nhằm giảm tối đa thời gian thực hiện quy trình xác định giá đất cụ thể để kịp thời huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Do vậy, khi áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá thu tiền sử dụng đất, thuê đất sẽ đảm bảo rút ngắn quy trình thực hiện, vừa tạo điều kiện nâng cao, hiệu quả công tác quản lý nhà nước vừa tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Do đó, việc ban hành cơ chế để giải quyết những vướng mắc bất cập trên là cần thiết và thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm sẽ giải quyết được những bất cập. Đảm bảo việc

xác định giá đất cụ thể được công bằng giữa các chủ đầu tư trong sử dụng đất; khuyến khích các đơn vị phát huy hiệu quả trong sử dụng đất với các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng được phê duyệt; Cải cách thủ tục hành chính trong xác định giá đất cụ thể đảm bảo công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3: Tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 1. Mặc dù, các cơ chế chính sách thí điểm này có trong dự thảo Luật đất đai (sửa đổi), cơ quan chủ quản soạn thảo Luật (Bộ Tài nguyên và Môi trường) vẫn còn đang lấy ý kiến góp ý của các ngành, các cấp và các tầng lớp Nhân dân. Do đó, các cơ chế chính sách này có thể:

- (1) Thông qua và có trong Luật đất đai (sửa đổi) ban hành trong thời gian tới.
- (2) Hoặc không thông qua, do còn nhiều ý kiến khác nhau.

Như vậy, sẽ không đánh giá được tính khả thi hay không khả thi của cơ chế chính sách này, nếu không quy định tại dự thảo Nghị quyết cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố để triển khai thí điểm trước khi ban hành Luật đất đai (sửa đổi).

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

5. Đề xuất về nguyên tắc bồi thường về đất

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc trách nhiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân các cấp và có sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Đồng thời, giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương. Người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định thì được bồi thường bằng đất, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền. Giá đất tính tiền bồi thường là giá đất cụ thể theo loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Việc bồi thường về đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Ngoài việc được bồi thường, người có đất thu hồi còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tái định cư và hỗ trợ khác. Đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn. Đã quy định và phân định rõ trách nhiệm các sở, ban, ngành, các đơn vị, tổ chức có liên quan

trong việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhờ đó đã bước đầu khắc phục được tình trạng thu hồi đất tràn lan, lãng phí đất.

Theo quy định của Luật Đất đai (khoản 2 Điều 74), trường hợp có quỹ đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích với loại đất thu hồi. Việc quy định như trên đã làm hạn chế phương thức thực hiện bồi thường bằng đất trong trường hợp địa phương không có quỹ đất có cùng mục đích với loại đất thu hồi nhưng lại có quỹ đất có mục đích khác, trong khi nhu cầu của người có đất thu hồi lại mong muốn được nhận bồi thường bằng đất hoặc nhà, không nhận bồi thường bằng tiền. Luật Đất đai cũng chưa có chính sách cụ thể về cơ chế hỗ trợ đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật mà không có khả năng lao động, sản xuất, là thành viên trong các hộ gia đình có đất thu hồi mà thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo trợ xã hội. Do đó, dẫn đến các đối tượng này chưa có nguồn thu nhập thường xuyên để ổn định cuộc sống khi bị mất đất sản xuất.

Hiện nay, việc tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập của nhiều Dự án được triển khai tại bước thực hiện dự án sau khi đã hoàn thiện các thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư. Do đó, việc chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng dẫn tới kéo dài thời gian thực hiện dự án, tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ làm đội vốn đầu tư, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh dự án, làm chậm tiến độ thực hiện chung của dự án.

Ngoài ra, Thành phố đang triển khai rất nhiều dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đặc biệt có những dự án có chi phí rất cao trên 10.000 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường chiếm tỷ lệ từ 50 - 70%). Để thực hiện các dự án nói trên thì nhu cầu về vốn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là rất lớn, nhưng khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh còn hạn chế do phải điều tiết phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các dự án trọng điểm, cấp thiết khác như Vành đai 3, dự án chống ngập, tuyến Metro số 2, ... Về nguyên tắc, thay vì phải bỏ ra chi phí rất lớn để đầu tư các dự án nêu trên, thì cần dùng đòn bẩy kinh tế bằng cách sử dụng quỹ đất và công cụ quy hoạch để quy hoạch thành các khu đất tái định cư, người dân bị thu hồi đất sẽ được bồi thường bằng cùng loại đất, nếu khác loại đất thì sẽ được hoán đổi theo tỉ lệ tương ứng và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm triển khai dự án.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Khắc phục các vướng mắc trong thực tế triển khai, đảm bảo quyền lợi, tạo sinh kế bền vững cho người có đất thu hồi, bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, góp phần giảm khiếu nại, khiếu kiện về đất đai.

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, góp phần đẩy nhanh thời gian chuẩn bị dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án làm đội vốn đầu tư dự án.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Việc bồi thường về đất bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ;

- Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở và Thành phố có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở. Giao Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc nhà ở phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 1, tuy nhiên không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh các chi phí, thủ tục do không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật.

- Đối với người dân: không được lựa chọn hình thức bồi thường bằng đất sản xuất kinh doanh đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất để phát triển kinh tế gia đình.

* Tác động về xã hội:

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo được sự ổn định của chính sách tránh sự so bì của những người có đất bị thu hồi đã áp dụng chính sách trước đây với người mới bị thu hồi áp dụng chính sách mới.

- Đối với người dân: có thể tác động đến tâm lý của các cá nhân, hộ gia đình, tiềm ẩn nguy cơ khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

* Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: mang lại hiệu quả kinh tế rất cao như: Nhà nước không cần phải chi một số tiền quá lớn để đầu tư xây dựng các công trình trong điều kiện nguồn vốn ngân sách hạn chế không đáp ứng kịp thời cùng lúc thực hiện nhiều công trình thì phương thức bồi thường bằng đất ở hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật là rất cần thiết, điều tiết giá trị tăng thêm cho người có đất bị thu hồi, rút ngắn thời gian thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, giải quyết hài hòa quyền lợi giữa Nhà nước và người dân, khắc phục tình trạng các dự án treo, dự án bị kéo dài. Ngoài ra, đảm bảo quyền lợi cho người có đất nông nghiệp, đất ở thu hồi có thể nhận bồi thường bằng đất sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình.

* Tác động về xã hội:

- Đối với Nhà nước: Tạo điều kiện cho địa phương linh hoạt trong việc thực hiện bồi thường đất, đặc biệt đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất khác phù hợp, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các Dự án đầu tư.

- Đối với người dân: người dân có đất thu hồi có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, đạt mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tránh được lãng phí. Đây cũng là tập quán, thói quen của dân tộc Việt Nam với mong muốn tái định cư tại chỗ sẽ tạo được sự đồng thuận cho người dân có đất thu hồi trong dự án, cũng như trong nhân dân khi triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đề án thí điểm này. Tuy nhiên, việc thay đổi nội dung về hình thức bồi thường có thể phát sinh các khiếu nại, khiếu kiện, so bì giữa người có đất bị thu hồi đã áp dụng chính sách trước đây với người mới bị thu hồi áp dụng chính sách mới.

* Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện,

năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: quy định này chỉ đề ra về mặt nguyên tắc không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện được áp dụng tương tự các quy định theo Luật Đất đai 2013.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến, đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi và không có tác động tiêu cực đến hệ thống pháp luật. Ngoài ra, chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, việc thực thi chính sách đòi hỏi bổ sung nhân lực, chi phí để duy trì thực hiện, đồng thời phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra để bảo đảm tuân thủ Luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và người dân.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “*Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư, để người dân có đất bị thu hồi phải có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống bằng hoặc tốt hơn*”.

Thể chế hóa định hướng trên, Khoản 2, 3 Điều 89 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định:

“Điều 89. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

2. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo thu nhập và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

3. Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở”.

Các giải pháp này mang lại hiệu quả kinh tế rất cao như: Nhà nước không cần phải chi một số tiền quá lớn để đầu tư xây dựng các công trình trong điều kiện nguồn vốn ngân sách hạn chế không đáp ứng kịp thời cùng lúc thực hiện nhiều công trình thì phương thức bồi thường bằng đất ở hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật là rất cần thiết, điều tiết giá trị tăng thêm cho người có đất bị thu hồi, rút ngắn thời gian thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, giải quyết hài hòa quyền lợi giữa Nhà nước và người dân, khắc phục tình trạng các dự án treo, dự án bị kéo dài.

Chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, người dân có đất thu hồi phải có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, đạt mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tránh lãng phí và đây cũng là tập quán, thói quen của dân tộc Việt Nam với mong muốn tái định cư tại chỗ sẽ tạo sự đồng thuận cho người dân có đất thu hồi trong dự án, cũng như trong nhân dân khi triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đề án thí điểm này. Quan điểm xây dựng Đề án là xây dựng cơ chế, chính sách để tạo sự chủ động, thông thoáng, linh hoạt trong triển khai dự án phù hợp với từng đối tượng, loại hình sử dụng đất để khơi dậy tiềm năng, phát huy cao nhất giá trị nguồn lực đất đai.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3: Tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 1. Mặc dù, các cơ chế chính sách thí điểm này có trong dự thảo Luật đất đai (sửa đổi), cơ quan chủ quản soạn thảo Luật (Bộ Tài nguyên và Môi trường) vẫn còn đang lấy ý kiến góp ý của các ngành, các cấp và các tầng lớp Nhân dân. Do đó, các cơ chế chính sách này có thể:

- (1) Thông qua và có trong Luật đất đai (sửa đổi) ban hành trong thời gian tới.
- (2) Hoặc không thông qua, do còn nhiều ý kiến khác nhau.

Như vậy, sẽ không đánh giá được tính khả thi hay không khả thi của cơ chế

chính sách này, nếu không quy định tại dự thảo Nghị quyết cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố để triển khai thí điểm trước khi ban hành Luật đất đai (sửa đổi).

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

6. Đề xuất về thể chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất:

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Đến thời điểm hiện tại, chưa có quy định nào của pháp luật quy định về nội dung này.

Quy định về tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm đã được quy định từ Nghị định số 85-CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được nhà nước giao đất, cho thuê đất; được tiếp tục duy trì tại Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 đã góp phần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có tiềm lực tài chính hạn chế có thể tiếp cận đất đai với chi phí trả tiền thuê đất hàng năm với giá rẻ. Tuy nhiên, sau hơn 25 năm phát triển tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước đã phát triển, thị trường tín dụng có thể cung cấp nguồn tài chính giúp doanh nghiệp chủ động được nguồn vốn, sản xuất kinh doanh. Quy định về cho thuê đất trả tiền hàng năm với hạn chế về quyền sử dụng đất được tham gia giao dịch về chuyển quyền đã xuất hiện những hạn chế để thúc đẩy phát triển thị trường, tạo ra những giao dịch ngầm về quyền sử dụng đất khi bán tài sản gắn liền với đất, có thể gây thất thoát tài sản nhà nước khi Nhà nước cổ phần hóa, thoái vốn tại những doanh nghiệp giữ phương án sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm.

Mặt khác, chính sách mới được ban hành tại Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã có các nhiệm vụ giải pháp có mối liên hệ chặt chẽ với chính sách thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm gồm: “Chủ yếu thực hiện việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất”; “Cơ bản thực hiện hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm, trừ những trường hợp đặc biệt sẽ được trả tiền thuê đất một lần theo quy định của pháp luật..”. Đây là quan điểm mới sẽ phải thể chế trong Luật Đất đai (sửa đổi) nhưng có tác động lớn đến việc “thương mại hoá quyền sử dụng đất” và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nguồn thu ngân sách nhà nước.

Thứ nhất, Nhà nước phải bỏ ra một lượng tiền lớn để thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người dân nhưng lại chỉ thu được một lượng tiền nhỏ được trả hàng năm (Điều 4 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định). Dẫn đến ngân sách nhà nước không đảm bảo, không đảm bảo nguyên tắc thu hồi được vốn đầu tư phát triển quỹ đất.

Thứ hai, theo quy định hiện hành thì người thuê đất trả tiền hàng năm không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi đó các giao dịch bất động sản thương mại, sản xuất kinh doanh sẽ giảm đáng kể. Nhà nước không thu được thuế thu nhập và lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thứ ba, đặt trong mối quan hệ với quan điểm của dự thảo Nghị quyết là “chủ yếu thực hiện việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất” sẽ dẫn đến bất cập về nguồn vốn ban đầu Nhà nước phải bỏ ra lớn về chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chi phí xác định giá đất khởi điểm để đấu giá, đấu thầu, chi phí tổ chức đấu giá đấu thầu là lớn nhưng lại chỉ cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thứ tư, hệ thống tài chính ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng do đối tượng được thế chấp bằng quyền sử dụng đất bị giảm do quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm không được thế chấp.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Thành phố, số lượng các trường hợp tổ chức đang sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm là rất lớn, tuy nhiên các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm tại Điều 175 Luật Đất đai 2013 vẫn hạn chế, chưa cho phép thực hiện đối với quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng “quyền thuê đất” đóng tiền hàng năm. Việc này gây nhiều khó khăn trên thực tế cho các tổ chức sử dụng đất khi muốn thực hiện các quyền trên dẫn đến các tình trạng như:

- Đối với chuyển nhượng là tình trạng “lách luật, né thuế” khi chỉ đăng ký, kê khai việc chuyển nhượng tài sản trên đất nhưng thực tế đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và tài sản trên đất.

- Đối với thế chấp là tình trạng các ngân hàng thẩm định giá trị tài sản thế chấp để cho vay lớn hơn thực tế (gồm cả giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm chứ không chỉ thẩm định riêng tài sản trên đất.

- Đối với cho thuê là việc tổ chức sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm không thể cho thuê được quyền sử dụng đất này mà chỉ cho thuê được tài sản trên đất dẫn đến những hạn chế trong việc khai thác, sử dụng theo nhu cầu, mục đích và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì những lý do trên, có thể nói việc hạn chế, chưa cho phép các tổ chức sử dụng đất thực hiện các quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng “quyền thuê đất” đóng tiền hàng năm đã “kìm hãm” nguồn lực đất đai và chưa hiện thực hóa được chủ trương “xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả” theo tinh thần, định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW. Do đó, cần có cơ chế để tạo điều kiện cho nhà đầu tư chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, kích thích doanh nghiệp

phát triển, đồng thời nhằm đảm bảo đất được tham gia rộng rãi thị trường bất động sản

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế Nghị quyết số 18-NQ/TW về các nội dung liên quan đến phát huy nguồn lực đất đai và đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất.

- Hoàn thiện hơn nữa các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình sử dụng đất.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu, người sử dụng đất chỉ có quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Nội dung quy định về các quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng đối với “quyền thuê đất” trả tiền hàng năm của tổ chức kinh tế sử dụng đất là một trong những chính sách mới của dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), nội dung này đã được Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 như sau:

“Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm

1. Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

....

b) Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam;

c) Bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật này; người mua tài sản gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất theo mục đích đã được xác định;

d) Góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê; người nhận góp vốn bằng tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất theo mục đích đã được xác định”.

Nhằm giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, đặc biệt là việc ngăn chặn các trường hợp giao dịch không đăng ký tại cơ quan nhà nước. Ngoài ra, để có cơ sở hiện thực hóa chủ trương “xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả” theo tinh thần, định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW. Trên cơ sở kết quả đánh giá tác động khi dự thảo quy định trên vào dự thảo Luật Đất đai sửa đổi và ý kiến thống nhất cho phép thí điểm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thành phố kiến nghị

Quốc hội xem xét, cho phép Thành phố được thí điểm thực hiện trước đối với cơ chế, chính sách này làm tiền đề để đánh giá mức độ khả thi của quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Để thể chế được quan điểm nêu trên nhưng vẫn đảm bảo huy động được nguồn lực cho phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần xem xét các giải pháp: cho phép chuyển nhượng, thế chấp “quyền thuê trong hợp đồng thuê đất đối với đất thuê trả tiền hàng năm” đồng thời quy định các tiêu chí điều kiện để đảm bảo quản lý chặt chẽ nhưng cũng tạo hành lang pháp lý cho các giao dịch trong thị trường phát triển. Việc chuyển nhượng này sẽ gắn với tài sản gắn liền với đất như hiện hành để đảm bảo ổn định về thủ tục hành chính (đảm bảo việc sử dụng đất phải có đầu tư gắn với trách nhiệm phải thực hiện ứng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Nhà nước). Các bên tham gia giao dịch phải xác định rõ giá trị quyền thuê trong hợp đồng thuê đất phải nộp các khoản thuế khi thực hiện chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất theo quy định hiện hành như thuế trước bạ, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Cho phép chuyển nhượng, thế chấp “quyền thuê” trong hợp đồng thuê đất đối với đất thuê trả tiền hàng năm.

Do đó, Thành phố đề xuất giải pháp cho phép Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất theo quy định sau đây:

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

- Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận, trừ trường hợp phải thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực thi hành hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra;

- Đất không có tranh chấp;

- Trong thời hạn sử dụng đất;

- Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất phải đảm bảo điều kiện: có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư; có ngành nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư; không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó.

- Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án và phải thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp, chuyển nhượng, cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất; văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm đăng ký đất đai vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai trên cơ sở hợp đồng đã ký kết.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 1, tuy nhiên không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế:

- Đối với Nhà nước: Việc thực hiện theo phương án này không có tác động tích cực về kinh tế do giữ nguyên như quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc thực hiện theo phương án này có thể dẫn đến thiệt hại kinh tế nghiêm trọng do các giao dịch về quyền sử dụng đất trong nền kinh tế bị ngưng trệ do cơ bản chuyển sang thuê đất trả tiền hàng năm.

- Đối với người dân: Việc thực hiện theo phương án này không có tác động tích cực về kinh tế do giữ nguyên như quy định hiện hành, nhưng khiến người dân thuê đất trả tiền hàng năm không có quyền về đất để huy động vốn từ ngân hàng và chuyển nhượng cho chủ thể khác khi cần.

- Đối với doanh nghiệp: Tương tự tác động với người dân, ngoài ra, các tổ chức sử dụng đất vẫn gặp những khó khăn, vướng mắc trong vấn đề này, những nội dung bất cập đã phân tích vẫn tồn tại, ngoài ra “kìm hãm” sự phát triển của nguồn lực đất đai.

* Tác động về xã hội:

- Đối với Nhà nước: không có tác động về xã hội do giữ nguyên như quy định hiện hành.

- Đối với người dân và doanh nghiệp: tạo tâm lý trong xã hội là hệ thống pháp luật đất đai chưa có sự cởi mở, khuyến khích các giao dịch đất đai.

* Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này sẽ không thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 “*Đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất*”. Việc thực hiện theo phương án này tuy giúp pháp luật đất đai có sự phân biệt về quyền giữa các hình thức sử dụng đất song lại làm hạn chế các quyền tài sản của người thuê đất với thời hạn 50 năm, chưa phù hợp với cách thức pháp luật nhiều nước trên thế giới cho phép nhằm phát huy nguồn lực đất đai. Tuy nhiên, có thể làm cho hệ thống pháp luật đất đai có những bất cập nội tại giữa quy định về cơ bản cho thuê đất trả tiền hàng năm nhưng lại không có quyền chuyển nhượng quyền thuê.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế:

- Đối với Nhà nước:

Thể chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW về thương mại hóa quyền sử dụng đất và cơ bản thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm và xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả. Tạo điều kiện khơi thông nguồn lực đất đai, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người sử dụng đất nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai, góp phần phát triển đất nước. Ngoài ra góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng.

- Đối với người dân: Việc thực hiện theo Phương án 1 khuyến khích được các giao dịch đất đai của người dân trong nền kinh tế thị trường; khuyến khích doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào đất; khi người sử dụng đất chuyển nhượng, bản thân giá trị địa tô từ đất đã gia tăng và nhà nước sẽ tiếp tục thu được thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Đối với doanh nghiệp: Việc thực hiện theo Phương án khuyến khích được các giao dịch đất đai của người dân trong nền kinh tế thị trường; khuyến khích doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào đất; khi người sử dụng đất chuyển nhượng, bản thân giá trị địa tô từ đất đã gia tăng và nhà nước sẽ tiếp tục thu được thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

* Tác động về xã hội:

- Đối với Nhà nước: Giúp minh bạch hóa thị trường quyền sử dụng đất, người dân được thỏa thuận đúng giá trị của quyền sử dụng đất, tài sản và các quyền tài sản

gắn liền với đất khi tham gia giao dịch; giúp giá đất phản ánh đúng giá trị thị trường; chống các giao dịch ngầm trong lĩnh vực đất đai.

- Đối với người dân và doanh nghiệp: tạo tâm lý tốt cho người sử dụng đất, đặc biệt là các tổ chức yên tâm, đẩy mạnh đầu tư vào đất (đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị máy móc, áp dụng khoa học kỹ thuật...). Ngoài ra, là cơ sở để các doanh nghiệp hạch toán giá trị quyền sử dụng đất vào tài sản của doanh nghiệp, minh bạch các giao dịch chuyển nhượng, thế chấp... Tuy nhiên, người thuê đất trả tiền hàng năm sẽ phải nộp thuế, phí khi thực hiện quyền chuyển nhượng, thế chấp.

* Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính. Việc đăng ký thế chấp, chuyển nhượng và cho thuê quyền sử dụng đất trả tiền hàng năm thực hiện theo quy định của Điều 95 Luật Đất đai 2013 và theo các biểu mẫu, thủ tục được hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật có liên quan.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, ngoài ra, sẽ thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về “*Đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất*” và việc bổ sung quy định này giúp đảm bảo và tăng cường khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “*bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững*”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Việc bổ sung quy định cho phép chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất đồng thời người sử dụng đất phải nộp các loại thuế khi chuyển nhượng sẽ giúp ổn định nguồn thu từ đất. Tuy nhiên, việc thực hiện theo phương án này Nhà nước sẽ mất một khoản chi phí để sửa đổi các văn bản pháp luật có quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và

tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3: Tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Mặc dù, các cơ chế chính sách thí điểm này có trong dự thảo Luật đất đai (sửa đổi), cơ quan chủ quản soạn thảo Luật (Bộ Tài nguyên và Môi trường) vẫn còn đang lấy ý kiến góp ý của các ngành, các cấp và các tầng lớp Nhân dân. Do đó, các cơ chế chính sách này có thể:

- (1) Thông qua và có trong Luật đất đai (sửa đổi) ban hành trong thời gian tới.
- (2) Hoặc không thông qua, do còn nhiều ý kiến khác nhau.

Như vậy, sẽ không đánh giá được tính khả thi hay không khả thi của cơ chế chính sách này, nếu không quy định tại dự thảo Nghị quyết cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố để triển khai thí điểm trước khi ban hành Luật đất đai (sửa đổi).

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

7. Đề xuất đối với dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT):

7.1. Xác định vấn đề bất cập:

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đã dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 101 của Luật. Tuy nhiên, trên địa bàn thành phố vẫn còn nhiều dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo hình thức Hợp đồng BT đã được Thành phố ký kết Hợp đồng thực hiện dự án với các Nhà đầu tư trúng thầu trước ngày này (Trong hợp đồng đã xác định quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư là các quỹ đất do nhà nước quản lý). Tuy nhiên, do Luật Đất đai 2013 chưa có quy định về việc Nhà nước được thực hiện thu hồi đất để thanh toán quỹ đất cho nhà đầu tư thực hiện Dự án theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) mà chỉ có một số quy định có thể áp dụng như cơ chế Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 đối với quỹ đất thanh toán sử dụng vào mục đích xây dựng khu đô thị mới hoặc khu dân cư nông thôn mới. Đối với các trường hợp còn lại như quỹ đất sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ thì không áp dụng cơ chế nhà nước thu hồi đất được dẫn đến các vướng mắc kéo dài cho đến nay. Các trường hợp cụ thể như sau:

Bảng 8. Các trường hợp quỹ đất nhà nước quản lý dự kiến thanh toán

STT	Tên dự án BT	Quỹ đất nhà nước quản lý	Diện tích (ha)	Thông tin quy hoạch

		dự kiến thanh toán		
1	Dự án Giải quyết ngập do triều	Lô C8A – Khu A – Khu đô thị mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, Quận 7	0.55	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: đất hỗn hợp (dịch vụ công cộng – thương mại – căn hộ). - Mật độ xây dựng khối đế: 60%. - Mật độ xây dựng khối cao tầng: 40%. - Hệ số sử dụng đất tối đa: 10 lần, trong đó chức năng ở 05; chức năng dịch vụ công cộng, thương mại 05.
2	khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố	Khu đất 232 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, Quận 9 (nay thuộc TP Thủ Đức)	1.76	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ. - Mật độ xây dựng tối đa: 40%. - Hệ số sử dụng đất: tối đa 8,0, trong đó, chức năng ở 6,0; chức năng thương mại dịch vụ 2,0.
3	biến đổi khí hậu (giai đoạn 1)	Khu đất tại số 762 Bình Quới, Phường 26, quận Bình Thạnh	0.4298	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: một phần đất giao thông, phần còn lại thuộc quy hoạch đất nhóm ở hiện hữu kết hợp xây dựng mới). - Mật độ xây dựng: 60%. - Hệ số sử dụng đất: 3,0.
4	Dự án đầu tư xây dựng đoạn	Khu đất tại số 234 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1	0.06423	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất phù hợp quy hoạch là nhà ở hoặc nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; - Hệ số sử dụng đất: 7,0; - Mật độ xây dựng: 65%; - Tầng cao: tối đa 12 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD);
5	tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao	Khu đất số 582 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân	1.22403	<p>Có phần lớn diện tích thuộc ô ký hiệu II-42A chức năng đất nhóm nhà ở quy hoạch ngắn hạn; phần diện tích còn lại thuộc quy hoạch đường giao thông.</p> <p>Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của ô phố II-42A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ xây dựng: 40% (trường hợp có bố trí khối đế thì mật độ xây dựng khối đế $\leq 50\%$); - Tầng cao: 2 – 10 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD); - Hệ số sử dụng đất tối đa: 5,0;
6	thông Gò Dưa	Khu đất số 132 đường Đào Duy	1.06185	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng quy hoạch sử dụng đất chung cư kết hợp thương mại dịch vụ. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của

	- Quốc lộ 1, TP Thủ Đức	Từ, Phường 6, Quận 10		ô phố II-B27 như sau: -Diện tích: 10.618,5m ² ; - Cây xanh công cộng: 2.100m ² ; - Đất xây dựng chung cư: 8.518,6m ² ; - Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm nhà ở: 5m ² /người; - Mật độ xây dựng: 40%; - Tầng cao: 25 tầng; - Hệ số sử dụng đất: 8,5 (trong đó chức năng ở: 6,5; chức năng thương mại – dịch vụ: 2).
7		Khu đất số 12 Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3	0.094	- Chức năng sử dụng đất phù hợp quy hoạch là nhà ở hoặc nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; - Hệ số sử dụng đất: 7,0; - Mật độ xây dựng: 65%; - Tầng cao: tối đa 12 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD;

Tổng diện tích của 07 quỹ đất thanh toán là 5,18126ha, tuy không nhiều nhưng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng của Thành phố đã tồn đọng trong thời gian dài. Do đó, việc cần có giải pháp để giải quyết vấn đề này là rất cần thiết.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trình Quốc hội đã có quy định về việc giao đất, cho thuê đất đối với các dự án theo phương thức đối tác công tư như sau:

“Điều 198. Đất sử dụng vào mục đích công cộng; đất để thực hiện dự án hợp tác công tư có sử dụng đất (dự án PPP)

3. Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất đối với nhà đầu tư để thực hiện dự án hợp tác công tư có sử dụng đất theo quy định của Luật này”.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 116 của Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 nêu trên cũng đã quy định về căn cứ để giao đất, cho thuê đất như sau:

“Điều 116. Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

1. Căn cứ giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất là văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Bên cạnh đó, tại khoản 1 Điều 78 của Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 nêu trên cũng đã quy định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau:

“Điều 78. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là các dự án phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thực hiện chính sách về phát triển hạ tầng, đô thị, nông nghiệp, nông thôn; giải quyết các vấn đề chính sách xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản văn hóa, phân bổ công bằng, hài hòa giá trị tăng thêm từ đất, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nhằm phát triển kinh tế của đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng bao gồm:

1. Dự án công trình đầu tư công hoặc dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; dự án do Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án công trình công cộng không nhằm mục đích kinh doanh; dự án tạo quỹ đất do Nhà nước đầu tư; dự án xây dựng trụ sở làm việc của tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao”.

7.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) được ký kết theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng BT trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực mà chưa hoàn thành việc thanh toán cho nhà đầu tư, việc sử dụng quỹ đất do nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện như sau:

- Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện thu hồi đất đối với các quỹ đất do nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được xác định tại Hợp đồng BT.

- Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện thủ tục đầu tư, thủ tục quy hoạch xây dựng và thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định căn cứ Hợp đồng BT đã ký kết, quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời điểm thực hiện giao đất, cho thuê đất để thanh toán thực hiện sau khi công trình dự án BT được nghiệm thu và kiểm toán. Giá tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định tại thời điểm quyết định giao đất, cho thuê đất.

c) Giải pháp 3: Chỉ cho phép thực hiện việc giao, thuê quỹ đất do nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được xác định sử dụng làm quỹ đất thanh toán cho Hợp đồng BT đã ký kết trước đây bằng việc áp dụng

theo nguyên tắc được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) mà không cho phép thực hiện thu hồi đất theo nguyên tắc được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) với các quỹ đất này.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc thực hiện nghĩa vụ đã ký kết tại các Hợp đồng đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Thành phố .

- **Tác động về xã hội:** có thể tác động đến tâm lý của các Chủ đầu tư đã thực hiện dự án BT, chủ thể hợp đồng ký kết với Thành phố, trong đó có nhiều chủ thể là các Nhà đầu tư nước ngoài, tiềm ẩn nguy cơ khiếu nại, khiếu kiện Thành phố nói riêng và Nhà nước nói chung tại các cơ quan tài phán quốc tế liên quan đến nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** hoàn thành nghĩa vụ của Thành phố với vai trò là chủ thể ký kết các hợp đồng đầu tư dự án PPP – Hợp đồng BT (bản chất là các hợp đồng kinh tế) được ký kết với các đối tác trong và ngoài nước. Trực tiếp cải thiện môi trường đầu tư của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

- **Tác động về xã hội:** Tạo tâm lý ổn định cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc tìm hiểu, đẩy mạnh đầu tư tại Thành phố. Giải pháp này không trực tiếp tác động đến quyền lợi của người dân do quỹ đất thanh toán cho các Hợp đồng là quỹ đất do Nhà nước quản lý.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện được áp dụng tương tự các quy định theo Luật Đất đai 2013.

Các Chủ đầu tư thực hiện các dự án BT đều đã trải qua quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền công nhận trúng thầu dự án. Các quỹ đất do nhà nước quản lý dự kiến sử dụng thanh toán cho các nhà đầu tư trúng thầu các dự án PPP (theo hình thức BT) trước đây cũng đã được nghiên cứu và thỏa thuận trong Hợp đồng thực hiện dự án.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Ngoài ra, chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Việc cho phép Thành phố thí điểm áp dụng các quy định trên để giải quyết việc giao, cho thuê đất đối với các quỹ đất do nhà nước quản lý đã được chấp thuận chủ trương sử dụng để thanh toán cho các Nhà đầu tư trúng thầu dự án đầu tư theo hình thức BT trước đây sẽ góp phần giải quyết được các vướng mắc trong thời gian qua, giải tỏa được tâm lý của các Nhà đầu tư đã trúng thầu các dự án BT. Ngoài ra sẽ tối đa hóa được giá trị quyền sử dụng các khu đất dự kiến sử dụng thanh toán theo tinh thần của Nghị quyết 18-NQ/TW, tăng thêm các nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách thành phố nói riêng.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

- **Tác động về kinh tế:** chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc thực hiện nghĩa vụ đã ký kết tại các Hợp đồng đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Thành phố do chưa có quy định về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- **Tác động về xã hội:** có thể tác động đến tâm lý của các Chủ đầu tư đã thực

hiện dự án BT, chủ thể hợp đồng ký kết với Thành phố, trong đó có nhiều chủ thể là các Nhà đầu tư nước ngoài, tiềm ẩn nguy cơ khiếu nại, khiếu kiện Thành phố nói riêng và Nhà nước nói chung tại các cơ quan tài phán quốc tế liên quan đến nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

8. Đề xuất đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện lấn biển

8.1. Xác định vấn đề bất cập:

Đối với các dự án lấn biển, việc giao đất, cho thuê đất, thuê đất có mặt nước vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tuy nhiên, phần đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm, bồi lấp của các dự án lấn biển chưa được quy định về việc áp dụng trình tự giao thuê trong các Luật trên, gây nên những khó khăn bất cập cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc áp dụng căn cứ pháp luật để thực hiện các thủ tục giao thuê. Do đó, việc ban hành quy định để làm rõ việc áp dụng pháp luật trong trường hợp này là rất cần thiết.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Làm rõ hơn các trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Tại điểm k khoản 2 Điều 78 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định:

“Điều 78. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là các dự án phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thực hiện chính sách về phát triển hạ tầng, đô thị, nông nghiệp, nông thôn; giải quyết các vấn đề chính sách xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản văn hóa, phân bổ công bằng, hài hòa giá trị tăng thêm từ đất, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nhằm phát triển kinh tế của đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng bao gồm:

...2. Dự án công trình để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này bao gồm:

...k) Dự án lấn biển".

Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã có ý kiến về nội dung đề xuất này theo hướng thống nhất và trình Quốc hội xem xét quyết định theo thẩm quyền do "Đây là nội dung vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) cũng đã đề xuất nội dung này theo hướng diện tích dự án lấn biển thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất".

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm nội dung này sẽ giúp tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng từ các khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu dự án có sử dụng đất hình thành sau khi thực hiện việc lấn biển thông qua nhận chìm và bồi lấp vật chất tạo quỹ đất.

8.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện lấn biển, Thành phố thực hiện thủ tục về giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Giải pháp 3:

Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố mà bổ sung vào dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

8.4. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc phát triển các dự án lấn biển trên địa bàn Thành phố. Chưa tạo được cơ chế đột phá cho Thành phố trong việc huy động được những nguồn lực tài nguyên sẵn có.

- **Tác động về xã hội:** Hạn chế xu hướng năng động, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố để ứng dụng trong việc đầu tư, phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc phát triển các dự án lấn biển. Là cơ sở để các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh nghiên cứu, tư duy sáng tạo trong đầu tư những ngành nghề mà Nhà nước không cấm. Trực tiếp cải thiện môi trường đầu tư của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

- **Tác động về xã hội:** Tạo tâm lý ổn định cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc tìm hiểu, đẩy mạnh đầu tư tại Thành phố. Giải pháp này không trực tiếp tác động đến quyền lợi của người dân do quỹ đất được hình thành từ việc lấn biển.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

- Đối với phần diện tích mặt nước thì thực hiện việc cho thuê theo Luật Biển Việt Nam và Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm sẽ được thực hiện cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Đồng thời, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới

thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3: tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Mặc dù, các cơ chế chính sách thí điểm này có trong dự thảo Luật đất đai (sửa đổi), cơ quan chủ quản soạn thảo Luật (Bộ Tài nguyên và Môi trường) vẫn còn đang lấy ý kiến góp ý của các ngành, các cấp và các tầng lớp Nhân dân. Do đó, các cơ chế chính sách này có thể:

- (1) Thông qua và có trong Luật đất đai (sửa đổi) ban hành trong thời gian tới.
- (2) Hoặc không thông qua, do còn nhiều ý kiến khác nhau.

Như vậy, sẽ không đánh giá được tính khả thi hay không khả thi của cơ chế chính sách này, nếu không quy định tại dự thảo Nghị quyết cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố để triển khai thí điểm trước khi ban hành Luật đất đai (sửa đổi).

8.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

9. Đề xuất đối với các trường hợp gia hạn sử dụng đất:

9.1. Xác định vấn đề bất cập:

9.1.1. Hiện nay tổ chức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp nếu hết thời hạn thì được gia hạn và phải chuyển sang thuê đất (Khoản 29 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

- Đối với tổ chức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp nếu đất nông nghiệp hết thời hạn sử dụng, pháp luật không quy định việc gia hạn.

- Bên cạnh đó, quy định gia hạn sử dụng đất nông nghiệp chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân (Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) và cơ sở tôn giáo (Khoản 48 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

Trường hợp chủ đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án nhưng chưa hoàn thành

việc chuyển mục đích sử dụng đất (chưa có Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất) thì thời hạn sử dụng đất nông nghiệp đã hết (do đa số các quyền sử dụng đất nông nghiệp được cấp theo Luật Đất đai năm 1993 có thời hạn 20 năm, nay đã hết hạn).

a) Việc không có quy định dẫn tới lúng túng trong việc giải quyết thủ tục đất đai liên quan đến:

- Cho phép nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án (bao gồm chuyển nhượng từ người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân và chủ đầu tư đã nhận chuyển nhượng nay không tiếp tục thực hiện dự án chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư kế tiếp thực hiện dự án).

- Chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Hiện nay rất nhiều vụ việc khi thi hành án (trong đó có trường hợp vụ án bà Hứa Thị Phấn) thì quyền sử dụng đất nông nghiệp đã hết thời hạn sử dụng.

Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân hết thời hạn sử dụng 20 năm khi thực hiện thế chấp bằng quyền sử dụng đất thì Ngân hàng buộc phải thực hiện trước thủ tục gia hạn. Điều này cũng gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

b) Việc không gia hạn gây tác động tiêu cực đến thực hiện các thủ tục hành chính, khó khăn cho cơ quan Nhà nước giải quyết các thủ tục đất đai và cả về phía người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của người có quyền sử dụng đất hợp pháp chỉ vì chưa thực hiện thủ tục gia hạn, trong khi theo Luật Đất đai năm 2013, thời hạn sử dụng đất nông nghiệp nay thống nhất là 50 năm (Khoản 1 Điều 126).

Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân cần phải được Nhà nước bảo hộ trong mọi trường hợp mà không liên quan đến thời hạn sử dụng đất, trừ trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp giao, cho thuê vượt hạn mức.

Thực tế việc sử dụng đất nông nghiệp tại Miền Nam có nguồn gốc do ông, bà để lại, do đó việc buộc phải gia hạn mới thực hiện các quyền là không phù hợp.

Việc thực hiện thủ tục gia hạn trong trường hợp này là không thật sự cần thiết.

9.1.2. Khoản 6 Điều 27 Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư quy định: “Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện gia hạn hoạt động quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nhưng không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo từng năm cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện theo quy định của

pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư chỉ thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án cho năm đầu tiên gia hạn.”

Như vậy, trong trường hợp dự án có sử dụng đất hết thời hạn hoạt động, dự án vẫn đáp ứng được các điều kiện về giao đất, cho thuê đất, môi trường, công nghệ nhưng quy hoạch tại vị trí thực hiện dự án thay đổi thành mục đích khác và nhà nước chưa có nhu cầu thu hồi đất để thực hiện theo quy hoạch (chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện) thì pháp luật về đầu tư cho gia hạn thời hạn hoạt động của dự án hàng năm để dự án vẫn được tiếp tục hoạt động, tránh lãng phí đất đai trong thời gian quy hoạch chưa được thực hiện.

Tuy nhiên, pháp luật về đất đai hiện chưa hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất hàng năm trong trường hợp này -> Có sự không thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai.

Ngày 25/7/2022, Sở KHĐT đã có văn bản số 6241/SKHĐT-KTĐN đề nghị Bộ KHĐT và Bộ TNMT hướng dẫn xử lý vấn đề này. Hai Bộ đã có văn bản trả lời (Số 2434/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 29/9/2022 của Tổng cục quản lý đất đai và số 7575/BKHĐT-PC ngày 21/10/2022) trả lời nhưng 2 Bộ đang đề nghị tham khảo Bộ còn lại và chưa hướng dẫn xử lý.

Do vậy, đề nghị bổ sung để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tránh lãng phí đất đai trong thời gian quy hoạch chưa được thực hiện

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tại khoản 1 Điều 168 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trình Quốc hội đã có quy định như sau:

“Điều 168. Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất

1. Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với loại đất có quy định thời hạn là thời gian sử dụng đất còn lại của thời hạn sử dụng đất trước khi nhận chuyển quyền sử dụng đất. Khi hết thời hạn sử dụng đất, nếu có nhu cầu thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất được Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất.

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức sử dụng của hộ gia đình, cá nhân thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận quyền sử dụng đất trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ, quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành mà hết hạn sử dụng đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì được Nhà nước xem xét cho gia hạn theo thời hạn quy định tại Điều 166 của Luật này”.

Việc cho phép Thành phố thí điểm thực hiện trước cơ chế này sẽ giải quyết được những vướng mắc bất cập hiện tại. Khởi thông tâm lý cho người sử dụng đất

9.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Chủ đầu tư mua tài sản phát mãi là quyền sử dụng đất nông nghiệp từ các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất hoặc chủ đầu tư các dự án đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp đang thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất thì được gia hạn sử dụng đất đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

c) Giải pháp 3:

Nội dung tương tự Giải pháp 1, tuy nhiên không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

9.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** gây tác động khó khăn cho cơ quan Nhà nước giải quyết các thủ tục đất đai và cả về phía người dân, doanh nghiệp. Gián tiếp ảnh hưởng đến việc hạch toán giá trị tài sản, quyền sử dụng đất vào nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, qua đó ảnh hưởng đến việc kiểm tra thuế, tài chính của Nhà nước.

- **Tác động về xã hội:** ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của người có quyền sử dụng đất hợp pháp chỉ vì chưa thực hiện thủ tục gia hạn, trong khi theo Luật Đất đai năm 2013.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** giải quyết được những vướng mắc bất cập hiện tại. Tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất, đặc biệt là các tổ chức hạch toán

được giá trị tài sản, quyền sử dụng đất vào nguồn vốn chủ sở hữu, qua đó cũng tạo được điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về thuế, tài sản.

- **Tác động về xã hội:** Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước bảo hộ trong mọi trường hợp mà không liên quan đến thời hạn sử dụng đất, trừ trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp giao, cho thuê vượt hạn mức.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** thủ tục hành chính thực hiện tương tự công tác đăng ký, gia hạn quyền sử dụng đất đã được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, tăng cường được hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đồng thời, thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3: tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 1. Mặc dù, các cơ chế chính sách thí điểm này có trong dự thảo Luật đất đai (sửa đổi), cơ quan chủ quản soạn thảo Luật (Bộ Tài nguyên và Môi trường) vẫn còn đang lấy ý kiến góp ý của các ngành, các cấp và các tầng lớp Nhân dân. Do đó, các cơ chế chính sách này có thể:

- (1) Thông qua và có trong Luật đất đai (sửa đổi) ban hành trong thời gian tới.
- (2) Hoặc không thông qua, do còn nhiều ý kiến khác nhau.

Như vậy, sẽ không đánh giá được tính khả thi hay không khả thi của cơ chế chính sách này, nếu không quy định tại dự thảo Nghị quyết cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố để triển khai thí điểm trước khi ban hành Luật đất đai (sửa đổi).

9.5. Đề xuất: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

10. Đề xuất về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:

10.1 Xác định vấn đề bất cập

a) Về quy định pháp luật hiện hành

Các công trình công cộng (nhà, sân bãi để xe; nhà vệ sinh công cộng) có thể bố trí tại các vị trí trên đất của đường bộ, đất công viên hoặc đất quy hoạch xây dựng công trình công cộng (nhưng chưa thực hiện dự án, chưa khai thác hết công năng). Tuy nhiên, việc xây dựng công trình này chưa có tiền lệ và cần xem xét đảm bảo đúng quy định.

Theo quy định tại Quy chuẩn 01:2021/BXD về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng có yêu cầu về diện tích đỗ xe tối thiểu mà các công trình (khách sạn, văn phòng cao cấp, trụ sở cơ quan đối ngoại, trung tâm hội nghị, triển lãm, trung bày, trung tâm thương mại, chung cư) phải đáp ứng để bảo đảm việc hoạt động bình thường, 100m² sàn sử dụng cho trung tâm thương mại thì chủ đầu tư công trình phải bảo đảm bố trí tối thiểu 1 chỗ đỗ xe ô tô (diện tích 25m²). Nơi để xe đạp xe máy, xe ô tô tại các cơ quan nhà nước thực hiện theo Tiêu chuẩn số TCVN 4601:2012.

Theo các quy định về đầu tư hiện nay như: Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, các nội dung xem xét thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư hoặc nội dung yêu cầu trong hồ sơ dự án phải đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

Mặt khác, theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14, tại điểm a khoản 2 Điều 1 quy định: “1. Bảo đảm đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch, thiết kế, bảo vệ cảnh quan, môi trường; phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương; bảo đảm ổn định cuộc sống của Nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.”;

Theo các quy định về quy hoạch đối với các công trình để xe công cộng, công trình phục vụ vệ sinh công cộng, loại công trình này chỉ được lồng ghép trong các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, do đó sẽ không thể đáp ứng các yêu cầu sự phù hợp về quy hoạch khi thực hiện đầu tư các công trình nêu trên theo tính chất là dự án, công trình độc lập.

Với tính chất là các công trình có thiết kế mẫu, các kết cấu công trình được chế tạo sẵn, trong thời gian ngắn có thể thực hiện lắp đặt, xây dựng là có thể đưa vào sử dụng đáp ứng yêu cầu, giải quyết các vấn đề bất cập, nhu cầu dân sinh trong khi chờ đầu tư công trình hoàn chỉnh theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tháo dỡ ngay theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Khu vực trung tâm thành phố ngoài việc có nhiều công trình thu hút người dân đến mua sắm, làm việc như các trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng còn là nơi có nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng như: chợ Bến Thành, đường đi bộ Nguyễn Huệ, công viên Bến Bạch Đằng, công viên 23 Tháng 9, công viên 30 Tháng 4, Nhà thờ Đức Bà, Bru điện Thành phố, Thảo Cầm viên, các bảo tàng,... nhu cầu về đỗ xe của người dân tại các công trình, địa điểm này hiện là vấn đề cấp thiết.

Hiện nay, lượng ô tô thành phố quản lý khoảng hơn 850.000 phương tiện, cùng hơn 7,8 triệu xe máy (tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2021), chưa tính xe vắng lai từ địa phương khác. Số liệu ghi nhận từ Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn Quận 1, 3, 5 đang có hơn 21.500 phương tiện ô tô. Trong năm 2022, thành phố đang quản lý **8.812.127** phương tiện xe cơ giới, trong đó có **888.248 xe ô tô** và **7.923.879 xe mô tô** (xe ô tô tăng 8,43%, xe mô tô tăng 3,46% so với năm 2021); trong năm 2022, bình quân mỗi ngày có khoảng 170 ô tô và 665 mô tô đăng ký mới.

Năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh thu hút trên 3,4 triệu lượt khách du lịch quốc tế và trên 31 triệu lượt khách du lịch nội địa, so với cùng kỳ năm 2021, tăng lần lượt là 100% và trên 234%. Tuy nhiên, thời gian vừa qua trên các phương tiện truyền thông có một số tin bài phản ánh tình trạng thiếu nhà vệ sinh công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh¹⁵. Do vậy, việc cải tạo, nâng cao chất lượng phục vụ của các nhà vệ sinh công cộng hiện hữu và đầu tư, bổ sung thêm nhà vệ sinh công cộng kiểu mới, theo tiêu chuẩn hiện đại (thiết kế di động, kiểu dáng hiện đại, thân thiện với môi trường) là cần thiết để đáp ứng nhu cầu vệ sinh của người dân, khách vắng lai cũng như góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, sự hài lòng, thoải mái cho

¹⁵ Hiện nay trên địa bàn Thành phố có khoảng 255 nhà vệ sinh công cộng, tập trung nhiều nhất là ở Quận 5 với 38 nhà vệ sinh công cộng và ít nhất ở Quận Phú Nhuận, huyện Cần Giờ với 02 nhà vệ sinh công cộng, khu vực trung tâm Thành phố như Quận 1, Quận 3 chỉ có khoảng 10-18 nhà vệ sinh công cộng. Bên cạnh số lượng nhà vệ sinh công cộng còn hạn chế thì tại một số nơi nhà vệ sinh công cộng do được đầu tư xây dựng đã lâu nên bị xuống cấp, hư hỏng chưa đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và mỹ quan theo định hướng phát triển của Thành phố.

khách du lịch đến Thành phố Hồ Chí Minh .

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu vận chuyển khách du lịch, mỗi ngày thành phố phải tiếp nhận hàng nghìn lượt xe từ 30 chỗ trở lên và khoảng 6.000 xe dưới 30 chỗ. Đến thời điểm hiện tại, hệ thống bến bãi trên địa bàn Thành phố được chia thành 07 loại hình¹⁶ (tổng diện tích bến bãi hiện có là 225,60 ha với 35 vị trí), trong đó có 02 loại hình hiện nay chưa được bố trí bến bãi là Bến hàng hóa và Bến đậu taxi. Theo quy hoạch hệ thống giao thông tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn sau năm 2030 Quy hoạch 568/QĐ-TTg, thành phố cần phải sắp xếp, bố trí tổng diện tích bến bãi khoảng 1.146 ha, bao gồm:

- Cải tạo, xây dựng mới 17 *bãi kỹ thuật cho xe buýt*¹⁷; bố trí 15 *bãi đậu xe taxi*¹⁸; quy hoạch 42 *bãi đỗ xe ô tô*¹⁹. Tổng diện tích cho các bãi khoảng 602 ha.

- Cải tạo, xây dựng, chuyển công năng bến bãi để hình thành 07 *bến xe khách liên tỉnh*²⁰; bố trí 22 *bến xe buýt*²¹ (gồm 11 bến xe buýt chính và 11 bến xe buýt khu vực); quy hoạch 20 *bến xe ô tô hàng hóa*²²; cải tạo, xây dựng mới 3 *bến hàng hóa*²³. Tổng diện tích cho các bến khoảng 544 ha.

So sánh với chỉ tiêu quy hoạch:

- Về diện tích: với tổng chỉ tiêu diện tích quy hoạch bến bãi theo Quyết định 568/QĐ-TTg là 1.145,88 ha, thì hệ thống bến bãi theo quy hoạch trên địa bàn thành phố hiện có chỉ đạt tỉ lệ khoảng 20% (còn thiếu 918.28 ha).

- Về vị trí: với tổng chỉ tiêu vị trí quy hoạch bến bãi theo Quyết định 568/QĐ-TTg là 126 vị trí, thì hệ thống bến bãi hiện có chỉ đạt tỉ lệ khoảng 28% (còn thiếu 91 vị trí).

Theo quy hoạch sẽ có 4 bãi đỗ xe ngầm kết hợp dịch vụ thương mại và công cộng trong khu vực 930ha tại: Sân khấu Trống Đồng, Công viên Lê Văn Tám, Công viên Tao Đàn và Sân vận động Hoa Lư (tổng công suất dự kiến là 5.708 xe ô tô, 5.793 xe 02 bánh) nhưng đến nay chưa có công trình nào được triển khai và hiện còn đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Do đó, trong giai đoạn hiện nay, việc triển khai các công trình nhà đỗ xe cao tầng lắp ghép, xây dựng tạm thời trong phạm vi đất do nhà nước quản lý là rất cần

¹⁶ 07 loại hình gồm: (1) Bãi kỹ thuật xe buýt (08 vị trí, chiếm 8,36ha); (2) Bến xe buýt (09 vị trí, chiếm 7,97 ha); (3) Bến xe liên tỉnh (04 vị trí, chiếm 14,9ha); (4) Bãi đỗ xe ô tô (4 vị trí, chiếm 2,69ha); (5) Bến xe ô tô hàng (10 vị trí, chiếm 191,68ha); (6) Bến hàng hóa và (7) Bến đậu taxi (hiện nay chưa được xây dựng).

¹⁷ Với diện tích khoảng 51 ha;

¹⁸ Với diện tích khoảng 31 ha;

¹⁹ Với diện tích khoảng 520 ha cho xe tải và xe con, ưu tiên bố trí các bãi đỗ xe ô tô dọc theo đường Vành đai 2, tại các vị trí ra vào nội đô;

²⁰ Với diện tích khoảng 79 ha;

²¹ Với diện tích khoảng 30 ha;

²² Với diện tích khoảng 305 ha, ở cửa ngõ ra vào nội đô và trên đường Vành đai 2 phục vụ tập kết hàng hóa từ các tỉnh đến để sau đó chuyển tiếp vào nội đô hoặc chuyển tiếp ra cảng và ngược lại

²³ Với diện tích 130 ha.

thiết nhằm góp phần giải quyết phần nào nhu cầu đỗ xe của nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thành phố, góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông, tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đồng thời khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Theo Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai nhằm tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

Việc triển khai các công trình công cộng (nhà, sân bãi để xe; nhà vệ sinh công cộng) là rất cần thiết nhằm góp phần giải quyết nhu cầu vệ sinh của khách vãng lai, du khách và nhân dân Thành phố khi tham gia các hoạt động, sự kiện văn hóa, giải trí và phần nào nhu cầu đỗ xe của nhân dân, doanh nghiệp tại khu vực trung tâm thành phố, góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông, tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đồng thời khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng giao thông hiện có trong quá trình thành phố thực hiện các nhiệm vụ xây dựng các bến, bãi theo quy hoạch tại Quyết định 568/QĐ-TTg.

Với tình hình thực tế nêu trên, Thành phố sẽ nghiên cứu thực hiện thí điểm triển khai các công trình công cộng (nhà, sân bãi để xe; nhà vệ sinh công cộng) tại khu vực trung tâm thành phố và một số vị khác có yếu tố tập trung đông người trên cơ sở nhu cầu thực tế, đáp ứng một số tính năng cụ thể:

- Có thiết kế mẫu, các kết cấu công trình được chế tạo sẵn, lắp ghép và tháo dỡ trong thời gian ngắn, một tầng hoặc nhiều tầng cao;
- Vị trí xây dựng trong lộ giới đường, đất hành lang an toàn công trình giao thông hoặc đất công viên, cây xanh;
- Công trình để xe công cộng có thể lắp đặt theo mô-đun với quy mô khoảng 7 tầng, cao khoảng 14m, có thể đến bố trí 12 xe ô tô dưới 09 chỗ ngồi, diện tích mặt bằng chiếm dụng khoảng 50m² (đối với xe ô tô); có thể được cải tiến để đỗ xe 02 bánh với quy mô khoảng 40-50 xe;
- Các công trình dự kiến tập trung tại khu vực tập trung đông người như địa điểm thu hút khách du lịch tham quan (tại các công viên khu vực trung tâm thành phố, xung quanh các trường học, bệnh viện,...) hoặc tại các khu vực cửa ngõ ra, vào thành phố ở nội thành hoặc ngoại thành (các bến xe, sân bay,...);
- Đầu tư theo hình thức xã hội hóa hoặc sử dụng vốn đầu tư công theo pháp luật tùy thuộc vào sự quan tâm của các nhà đầu tư và nhu cầu thực tế của người dân.

10.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: giữ nguyên như quy định hiện hành về Luật Giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành; giữ nguyên quy định về cấp phép xây dựng công trình có thời hạn được quy định tại Điều 94 Luật Xây dựng được sửa đổi bổ sung tại Điều 2 khoản 33 Luật số 62 năm 2020 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng

b) Giải pháp 2: Điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn các công trình công cộng (nhà, sân bãi để xe; nhà vệ sinh công cộng) trên đất do nhà nước quản lý gồm:

- Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Quy mô công trình phù hợp quy chuẩn xây dựng, không làm quá tải hạ tầng và đảm bảo cảnh quan đô thị, thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ. Trường hợp quá thời hạn này mà quy hoạch xây dựng chưa thực hiện được, chủ đầu tư được tiếp tục sử dụng công trình theo thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Các điều kiện khác ngoài điều kiện chung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Giải pháp 3: Sửa Luật số 62 năm 2020 liên quan đến khoản 33 Điều 2 về quy định cấp phép xây dựng công trình có thời hạn, theo đó không còn yêu cầu tại điểm c liên quan đến điều kiện phù hợp với mục đích sử dụng đất được xác định tại Giấy tờ hợp pháp về đất đai của người đề nghị cấp phép xây dựng có thời hạn. Khi đó, điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn các công trình công cộng (nhà, sân bãi để xe; nhà vệ sinh công cộng) trên đất do nhà nước quản lý gồm:

a) Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Quy mô công trình phù hợp quy chuẩn xây dựng, không làm quá tải hạ

tầng và đảm bảo cảnh quan đô thị, thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ. Trường hợp quá thời hạn này mà quy hoạch xây dựng chưa thực hiện được, chủ đầu tư được tiếp tục sử dụng công trình theo thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

10.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** hạn chế khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng, chính sách, quy hoạch chưa điều chỉnh kịp thời, hạn chế khả năng phát huy nguồn lực đầu tư, cũng như khả năng khai thác hiệu quả sử dụng đất do nhà nước quản lý, giảm năng lực cạnh tranh.

Hạn chế khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hạ tầng, hạn chế nhu cầu đậu xe, các hoạt động văn hóa xã hội khác và các hao phí xã hội do thiếu chỗ đậu xe, tạo tâm lý tiêu cực trong xã hội về sự phát triển, đổi mới tư duy trong công tác quản lý.

- **Tác động về xã hội:** không đáp ứng, cung cấp đầy đủ dịch vụ, phát triển hạ tầng, hạn chế nhu cầu đậu xe, các hoạt động văn hóa xã hội khác và các hao phí xã hội do thiếu chỗ đậu xe; không đáp ứng nhu cầu vệ sinh của người dân tại các khu vực công cộng, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

- **Tác động về giới:** Giải pháp này ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của nữ giới là người điều khiển xe cơ giới khi điều kiện về bến, bãi đỗ xe không được thuận lợi; ảnh hưởng đến cơ hội, khả năng thụ hưởng, sử dụng xe ô tô (phương tiện có độ an toàn cao hơn so với xe 02 bánh).

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không thay đổi thủ tục hành chính.

- **Tác động đối hệ thống pháp luật:** không làm thay đổi hệ thống pháp luật

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng. Phát huy tối đa nguồn lực từ sử dụng đất, tổ chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

- **Tác động về xã hội:** tăng khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hoàn thiện đô thị và hạ tầng đô thị, đặc biệt phát triển hạ tầng giao thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu đậu xe và giảm các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông; tạo tâm lý tích cực trong xã hội về sự phát triển, đổi mới tư duy trong công tác quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ; góp phần tạo nguồn thu, tạo sinh kế cho người lao động.

- **Tác động về giới:** Góp phần cải thiện, nâng cao bình đẳng giới trong việc giải quyết nhu cầu tiếp cận và sử dụng phương tiện cơ giới có độ an toàn cao.

- **Tác động về thủ tục hành chính:**

+ Nhà nước: phát sinh thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng tạm công trình nhà, sân bãi để xe công cộng.

+ Người dân, doanh nghiệp: phải thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng tạm công trình nhà, sân bãi để xe công cộng.

- **Tác động đối hệ thống pháp luật:** được bổ sung Nghị định quy định của Chính phủ đối với việc tổ chức áp dụng, triển khai cơ chế, chính sách sau khi Quốc hội thông qua. Về khía cạnh địa phương, thành phố sẽ ban hành các quy định, hướng dẫn nhằm thu hút đầu tư, xây dựng, khai thác các công trình

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, đồng thời nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) **Giải pháp 3:** Sửa Luật số 62 năm 2020 liên quan đến khoản 33 Điều 2 về

quy định cấp phép xây dựng công trình có thời hạn, theo đó không còn yêu cầu tại điểm c liên quan đến điều kiện phù hợp với mục đích sử dụng đất được xác định tại Giấy tờ hợp pháp về đất đai của người đề nghị cấp phép xây dựng có thời hạn.

Do Luật số 62 được ban hành năm 2020 trường hợp chờ sửa Luật này sẽ kéo dài, không giải quyết được yêu cầu cấp bách của thành phố.

10.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

11. Đề xuất về các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

11.1. Xác định vấn đề bất cập

a. Về các quy định pháp luật hiện hành:

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, tại khoản 2 Điều 78, quy định: "Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua **hình thức đấu thầu** theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật".

Trước đó, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, **đặt hàng hoặc đấu thầu** cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Theo khoản 5 Điều 12 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, dịch vụ xử lý rác sinh hoạt nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.

Tuy nhiên, từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, thì việc lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện thông qua **hình thức đấu thầu** theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật". (Luật BVMT 2020 không có Điều, khoản quy định áp dụng riêng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã đi vào hoạt động trước ngày Luật có hiệu lực thi hành, nay thực hiện chuyển đổi công nghệ theo Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Đảng bộ Thành phố lần thứ XI).

Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Tại điểm h, khoản 12 của Chỉ thị 41 có nêu: "**h) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ khẩn trương đầu tư hoặc đưa vào vận hành các nhà máy xử lý rác thải theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; phấn đấu đến hết năm 2025**

giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp xuống dưới 20%".

Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 450/QĐ-TTg về các chỉ tiêu giám sát và đánh giá chiến lược giai đoạn đến năm 2030, số thứ tự 10 có nêu: **"Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải thu gom (%), lộ trình thực hiện 2025 là 30%; năm 2030 là 10%".**

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và góp phần giải quyết vấn đề đảm bảo an ninh rác thải cho Thành phố: **"Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện) và tái chế đạt ít nhất 80% (hướng tới 2030: 100%)."**

b. Thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn Thành phố với khối lượng hiện nay khoảng **10.000 tấn/ngày**.

Hiện đang có **05 cơ sở xử lý** chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận xử lý và các Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nêu trên đã đi vào vận hành trước khi Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành, công nghệ chủ yếu là **"chôn lấp hợp vệ sinh"** và thời hạn còn lại của Hợp đồng ký kết giữa Thành phố với các Nhà đầu tư xử lý rác ít nhất là **09 năm** và nhiều nhất là **34 năm**. Cụ thể như sau:

Bảng 9. Tình trạng hợp đồng các cơ sở xử lý rác thải

STT	Cơ sở xử lý	Diện tích (ha)	Công suất (tấn/ngày)	Công nghệ	Thời hạn Hợp đồng	Thời gian còn lại của Hợp đồng
I	KLH XLCTR Tây Bắc – huyện Củ Chi (tổng diện tích 687 hecta)					
1	Nhà máy xử lý CTRSH - Công ty Cổ phần Vietstar	28	1.800	Sản xuất compost, tái chế nhựa	05/5/2035	12 năm
2	Nhà máy xử lý CTRSH - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát	20	1.000	Sản xuất compost, tái chế nhựa, đốt	18/02/2057	34 năm

STT	Cơ sở xử lý	Diện tích (ha)	Công suất (tấn/ngày)	Công nghệ	Thời hạn Hợp đồng	Thời gian còn lại của Hợp đồng
	triển Tâm Sinh Nghĩa					
3	Bãi chôn lấp số 3 – Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị (<i>dự phòng</i>)	21,6	1.200 (<i>tiếp nhận chất thải sau xử lý của Vietstar và Tâm Sinh Nghĩa</i>)	Chôn lấp hợp vệ sinh	30/9/2032	9 năm
4	Công ty Cổ phần Tasco (<i>Thành phố chưa giao rác do Công ty chưa đầu tư xây dựng nhà máy</i>)	15	500	Công nghệ tái chế nhựa và làm phân hữu cơ vi sinh	06/6/2057	34 năm
II	KLH XLCTR Đa Phước – huyện Bình Chánh (tổng diện tích 614 hecta)					
1	Bãi chôn lấp hợp vệ sinh - Công ty TNHH Xử lý Chất thải Việt Nam (VWS)	128	6.500-7.200	Chôn lấp hợp vệ sinh	27/12/2055	32 năm

Bên cạnh các Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu nêu trên, với khối lượng CTRSH phát sinh ngày càng tăng và để thực hiện chỉ tiêu về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Tại điểm h, khoản 12 của Chỉ thị 41 có nêu: " h) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ khẩn trương đầu tư hoặc đưa vào vận hành các nhà máy xử lý rác thải theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; phấn đấu đến hết năm 2025 giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp xuống dưới 20%". Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 450/QĐ-TTg về các chỉ tiêu giám sát và đánh giá chiến lược giai đoạn đến năm 2030, số thứ tự 10 có nêu: "*Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải thu gom (%)*, lộ trình thực hiện 2025 là 30%; năm 2030 là 10%" và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và góp phần giải quyết vấn đề đảm bảo an ninh rác thải cho Thành phố: "*Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện) và tái chế đạt ít nhất 80% (hướng tới 2030: 100%).*"

Từ năm 2017, Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt phát điện, đã xây dựng quy trình thực hiện đấu thầu theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, các giải pháp thực hiện như sau:

(1) Kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của các nhà máy hiện hữu.

Đến nay, đã có một số nhà đầu tư được cấp Quyết định chủ trương đầu tư với công suất chuyển đổi công nghệ cao hơn công suất trong Hợp đồng đã ký kết với Thành phố (như Công ty Cổ phần Vietstar được cấp chủ trương đầu tư với công suất 2.000 tấn/ngày, công suất trong Hợp đồng là 1.200 tấn/ngày; Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa được cấp chủ trương đầu tư với công suất 2.000 tấn/ngày, công suất trong Hợp đồng là 1.000 tấn/ngày).

Như đã nêu ở trên, thì từ ngày 01/01/2021, "Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua **hình thức đấu thầu** theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật". Luật BVMT 2020 không có quy định áp dụng riêng cho các cơ sở xử lý chất thải đã đi vào hoạt động trước ngày Luật có hiệu lực thi hành, nay thực hiện chuyển đổi công nghệ theo Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Đảng bộ Thành phố mà muốn chuyển đổi công nghệ cao hơn công suất trong Hợp đồng đã ký kết với Thành phố.

Do đó, theo ý kiến của các Sở ngành Thành phố, do Luật BVMT quy định chung nên các cơ sở xử lý CTRSH hiện hữu trên địa bàn Thành phố chỉ chuyển đổi công nghệ theo đúng công suất được quy định trong Hợp đồng đã ký kết giữa Thành phố với các đơn vị xử lý và việc tiếp nhận thêm khối lượng rác để chuyển đổi công nghệ phải thực hiện thông qua hình thức đấu thầu (có thể nêu cụ thể: Nhà máy của Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, công suất trong Hợp đồng là 1.000 tấn/ngày, trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh

Nghĩa mà chuyển đổi công nghệ sang đốt phát điện với công suất 2.000 tấn/ngày, thì 1.000 tấn/ngày còn lại phải tham gia thực hiện thông qua hình thức đấu thầu)

Hơn nữa, Hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các chủ đầu tư dự án xử lý hiện hữu (*công nghệ xử lý chủ yếu là compost, tái chế nhựa, đốt không phát điện, chôn lấp hợp vệ sinh*) vẫn còn thời gian khá dài (ít nhất là 09 năm và nhiều nhất là 34 năm). Nếu chuyển đổi công nghệ xử lý đối với khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng đã ký kết thì không thể khuyến khích nhà đầu tư chuyển đổi công nghệ; vì nhà đầu tư vẫn tiếp tục thực hiện đúng nghĩa vụ Hợp đồng là xử lý theo công suất và công nghệ hiện hữu mà không cần đầu tư khoản kinh phí lớn xây dựng nhà máy chuyển đổi công nghệ sang đốt phát điện

(2) Kêu gọi đầu tư dự án xử lý CTRSH mới theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại Hợp đồng BLT để xử lý khối lượng CTRSH phát sinh của Thành phố và khối lượng sau khi bãi chôn lấp của Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam đóng bãi, tuy nhiên tiến độ hiện nay đang ở bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng dự thảo quy trình chung đấu thầu và dự thảo này cũng cần nhiều thời gian hoàn thiện để có tính hiệu lực, hiệu quả cao vì đây là phương thức mới. Ngoài ra, loại hợp đồng BLT cũng chưa được các Bộ ngành hướng dẫn triển khai thực hiện cũng như chưa được áp dụng trên thực tế.

Với đặc thù và những khó khăn nêu trên, cần có chính sách khuyến khích các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu đề thúc đẩy chuyển đổi công nghệ xử lý rác. Khi đó, Thành phố mới có thể *đưa vào vận hành các nhà máy xử lý rác thải theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; phấn đấu đến hết năm 2025 giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp xuống dưới 20%*. (dự kiến tổng khối lượng rác được xử lý tại các nhà máy chuyển đổi công nghệ là 5.700 tấn/ngày, gồm Nhà máy Vietstar 1.200 tấn/ngày, Nhà máy Tâm Sinh Nghĩa 1.000 tấn/ngày, nhà máy Tasco 500 tấn/ngày và Nhà máy của Công ty VWS 3.000 tấn/ngày). Với khối lượng rác sinh hoạt dự báo phát sinh trong năm 2025 lên tới 12.000 tấn/ngày, khối lượng rác còn lại sẽ thực hiện kêu gọi đầu tư thông qua hình thức đấu thầu theo quy định.

Do đó, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy công tác chuyển đổi công nghệ và nâng công suất xử lý rác của các nhà máy hiện hữu cần được triển khai cấp bách trong thời gian tới là một giải pháp vô cùng quan trọng để giảm rủi ro về an ninh chất thải trên địa bàn Thành phố.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua tương đối ổn định và đảm bảo an toàn trong công tác tiếp nhận và xử lý, các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu đã có đóng góp quan trọng cho Thành phố

trong công tác tiếp nhận và xử lý rác, cũng như khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Thành phố trong sự nghiệp Bảo vệ môi trường nói chung và công tác xử lý rác thải sinh hoạt nói riêng.

Tuy nhiên, do pháp luật thay đổi, chất lượng môi trường ngày càng đòi hỏi cao, quỹ đất cho công tác xử lý rác thải ngày càng hạn hẹp. Chủ trương của Đảng và nhà nước là ứng dụng phát triển công nghiệp theo chiều sâu, ưu tiên các ngành và sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; phát triển vật liệu mới, năng lượng xanh, tái tạo, thân thiện môi trường như Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đồng thời, để phân đấu đạt được chỉ tiêu theo lộ trình Thủ tướng Chính phủ đề ra tại Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn sinh hoạt: " *h) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ khẩn trương đầu tư hoặc đưa vào vận hành các nhà máy xử lý rác thải theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; phấn đấu đến hết năm 2025 giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp xuống dưới 20%.*" và Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: "*Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải thu gom (%), lộ trình thực hiện 2025 là 30%; năm 2030 là 10%*" và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và góp phần giải quyết vấn đề đảm bảo an ninh rác thải cho Thành phố: "*Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện) và tái chế đạt ít nhất 80% (hướng tới 2030: 100%)*"

11.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Giải pháp 2: Nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tự nguyện chuyển đổi toàn bộ công nghệ của dự án sang đốt phát điện được Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức đặt hàng. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình đối với công nghệ được chuyển đổi và điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung, đảm bảo công khai minh bạch.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

11.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp

Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Thành phố không khuyến khích, huy động được nguồn vốn của các đơn vị xử lý hiện hữu để đầu tư chuyển đổi công nghệ mới.

- Tác động về xã hội: Việc không nhanh chóng đầu tư nhà máy chuyển đổi công nghệ có thể dẫn đến việc ùn ứ rác thải không đảm bảo cho tình hình an ninh chất thải, gây ô nhiễm môi trường và dẫn đến tình trạng phản ánh, khiếu nại của người dân.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: không thay đổi thủ tục hành chính.

- Tác động đối hệ thống pháp luật: không làm thay đổi hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Thông qua Chính sách sẽ tạo động lực, thúc đẩy cho các Nhà máy xử lý rác sinh hoạt hiện hữu chuyển đổi công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện). Với việc triển khai giải pháp này, Thành phố áp dụng ngay cho các nhà máy hiện hữu để chuyển đổi công nghệ (cụ thể như: Nhà máy chuyển đổi công nghệ của Công ty Cổ phần Vietstar là 3.414.750.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa là 4.966.639.485.764 đồng (theo Quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp) và nguồn vốn đầu tư 01 Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến, hiện đại ước tính khoảng trên 4.000 tỷ đồng (tương đương với nhà máy chuyển đổi công nghệ 2.000 tấn/ngày nêu trên).

Như vậy, cơ chế Chính sách này rất quan trọng để Thành phố hoàn thành việc chuyển đổi các công nghệ xử lý rác theo lộ trình và chỉ tiêu đã đề ra, góp phần đảm bảo an ninh trong công tác xử lý rác sinh hoạt của Thành phố.

- Tác động về xã hội:

Thành phố đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công nghệ hiện đại, góp phần tạo nên môi trường xanh, sạch, đẹp và mỹ quan đô thị; kiểm soát tốt vấn đề ô nhiễm môi trường trong xử lý rác thải.

Đảm bảo an ninh chất thải, góp phần đảm bảo tình hình trật tự xã hội cho Thành phố.

- Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Tác động đối với hệ thống pháp luật:
- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 nhưng quy định khác với quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do đó, giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhưng hết sức cần thiết nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng và nhà nước là ứng dụng phát triển công nghệ theo chiều sâu, ưu tiên các ngành và sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; phát triển vật liệu mới, năng lượng xanh, tái tạo, thân thiện môi trường mà tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra; đồng thời, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung, cụ thể là Luật Bảo vệ môi trường cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình

thí điểm.

11.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

12. Đề xuất về các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa:

12.1. Xác định vấn đề bất cập:

Số liệu các doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố quản lý đã thực hiện cổ phần hóa trước ngày 01/01/2018 được thống kê đến thời điểm năm 2018 là 1.120 đơn vị (đính kèm Bảng tổng hợp danh sách).

Khoản 2 và 3 Điều 59 Luật Đất đai 2003 có quy định như sau:

“Điều 59. Giá trị quyền sử dụng đất trong tài sản của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất và trong tài sản của doanh nghiệp nhà nước

... 2. Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất, tiền nhận chuyển nhượng đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì số tiền đó được ghi vào giá trị vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp; doanh nghiệp có trách nhiệm bảo toàn quỹ đất.

3. Khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này mà doanh nghiệp cổ phần hoá lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì phải xác định lại giá trị quyền sử dụng đất đó sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường”.

Số lượng đơn vị đã hoàn thành các thủ tục về đất đai theo quy định nêu trên là khoản 400 doanh nghiệp. Số lượng còn lại chưa được giải quyết các thủ tục theo pháp luật cổ phần hóa và Luật Đất đai năm 2013 nên cần phải có một cơ chế đặc thù để giải quyết những tồn tại này.

Một số vướng mắc cụ thể như sau:

Về Phương án sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa:

Việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước bắt đầu thực hiện từ Nghị định số 28-CP ngày 07 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ về chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Đến thời điểm hiện nay, liên quan đến lĩnh vực này, Chính phủ đã ban hành 10 Nghị định (Nghị định số 28-CP, Nghị định số 25/1997/NĐ-CP, Nghị định số 64/2002/NĐ-CP, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP, Nghị định số 109/2007/NĐ-CP, Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, Nghị định số 59/2004/NĐ-CP, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-

CP, không kể Nghị định số 150/2020/NĐ-CP về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần).

Việc lập Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được quy định lần đầu tiên tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Việc hướng dẫn lập Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được hướng dẫn lần đầu tại Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, Thông tư này chỉ hướng dẫn lập phương án sử dụng đất đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

Như vậy, các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trước Nghị định 109/2007-NĐ-CP có hiệu lực thì không phải thực hiện lập Phương án sử dụng đất do không có quy định.

Đến thời điểm hiện tại, hầu hết các doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực đều không lập Phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa như yêu cầu tại Nghị định này.

12.1.2. Một số vướng mắc, khó khăn khi thực hiện thủ tục trao quyền sử dụng đất (cho thuê đất, cấp Giấy Chứng nhận QSDĐ) cho doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa

Theo Điểm m Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị, “doanh nghiệp sau cổ phần hóa phải thực hiện đúng phương án sử dụng đất đã được phê duyệt trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp”.

Theo Khoản 27 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai về sửa đổi, bổ sung Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, theo đó Điểm a Khoản 3 Điều 43 đã sửa đổi, bổ sung quy định “xử lý tồn tại đối với các trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đang sử dụng đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kiểm tra, rà soát việc quản lý sử dụng đất đai theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt để hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho doanh nghiệp cổ phần theo quy định.

Trường hợp phát hiện có vi phạm trong quản lý sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra để xử lý dứt điểm trước khi thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp cổ phần”.

Do không có “*phương án sử dụng đất đã được phê duyệt trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp*” nên khi thực hiện các trình tự, thủ tục hành chính về đất đai liên quan đến doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường **không có cơ sở** thực hiện Điểm m Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 82/2019/QH14 về kiểm tra “*doanh nghiệp sau cổ phần hóa phải thực hiện đúng phương án sử dụng đất*”.

Hiện tại chỉ vướng mắc đối với trường hợp cổ phần hóa sau ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực vì sau thời điểm này Nghị định yêu cầu phải lập phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa; các trường hợp không lập phương án sử dụng đất là thực hiện sai quy định của Nghị định 109/2007/NĐ-CP và như vậy, không có cơ sở thực hiện tiếp thủ tục về đất đai.

Đối với trường hợp cổ phần hóa trước ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực, do pháp luật không yêu cầu phải lập phương án sử dụng đất nên khi doanh nghiệp thuộc diện này đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất, Sở TNMT vẫn tiến hành thủ tục về đất đai theo đề nghị của doanh nghiệp, **không có vướng mắc với các trường hợp cổ phần hóa trước ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực.**

Cụ thể, các quy định về cổ phần hóa trước đây **không quy định** doanh nghiệp cổ phần hóa phải lập phương án sử dụng đất, cho đến Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ (hiệu lực ngày 01 tháng 8 năm 2007) mới quy định doanh nghiệp cổ phần hóa lập phương án sử dụng đất. Do vậy, **đối với doanh nghiệp cổ phần hóa trước ngày 01 tháng 8 năm 2007 (thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP) không có quy định về lập phương án sử dụng đất.**

+ Ngày 12 tháng 5 năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; theo đó, Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT chỉ quy định chi tiết về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp nay cổ phần hóa, để cổ phần hóa; không quy định và áp dụng cho doanh nghiệp đã cổ phần hóa. Về phê duyệt phương án sử dụng đất cho doanh

nghiệp đã cổ phần hóa thì hiện nay không có quy định, không có căn cứ và không thể lập, thẩm định, trình phê duyệt phương án sử dụng đất.

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhằm thống nhất hướng xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa xin chuyển mục đích sử dụng đất; quy định cơ chế, chính sách đối với các trường hợp này.

12.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Đối với các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp:

- Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện các thủ tục về quyết toán, chuyển thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa; Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền theo hiện trạng.

- Việc giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai quy định tại điểm a khoản này chỉ được xem xét khi doanh nghiệp sau cổ phần hóa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và tuân thủ quy định pháp luật về đất đai.

c) Giải pháp 3: thực hiện sửa đổi các luật có liên quan như Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai và Luật Đầu tư.

12.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Việc giữ như hiện trạng khiến cho các dự án thuộc diện này không thể triển khai thực hiện do các vướng mắc về pháp lý do đó không đem lại hiệu quả về kinh tế.

- Tác động về xã hội:

+ Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

+ Chưa phát huy được tối đa nguồn lực để giải quyết các vấn đề về tắc nghẽn giao thông, cải tạo môi trường, áp lực lên hệ thống y tế, giáo dục; chưa tạo động lực, điều kiện để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, không giải quyết được các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”.

- **Tác động về giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

Việc giữ như hiện trạng khiến cho các dự án thuộc diện này không thể triển khai thực hiện do các vướng mắc về pháp lý. Do đó, có tác động tiêu cực tới cả kinh tế, xã hội, và khiến hệ thống pháp luật cũng không đảm bảo được sự đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: Tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, linh hoạt và áp dụng quy định để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục có liên quan đến khu đất đã được nhà nước giao/cho thuê.

- Tác động về giới: không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hữu, không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, đồng thời nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

Cần có quy định cụ thể để doanh nghiệp cổ phần hoá chủ động thực hiện các thủ tục có liên quan để thực hiện dự án đối với khu đất đã được nhà nước giao/cho thuê.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế

mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi các Luật về Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu tư sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh (Luật Đất đai đang trong quá trình sửa chữa, tuy nhiên cũng chưa đưa nội dung có liên quan đến vấn đề này vào dự thảo).

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung, cụ thể là các văn bản Luật nêu trên cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

12.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

13. Đề xuất về thực hiện chuẩn bị thu hồi đất của một số dự án tại Thành phố:

13.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng là “điểm nghẽn” rất lớn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đối với tất cả các loại dự án có yêu cầu thu hồi và sử dụng đất. Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng là công tác rất khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, nơi ở và sinh kế của người dân có đất bị thu hồi, tiềm tàng các nguy cơ về trật tự, an toàn xã hội. Đối với dự án đầu tư kinh doanh sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do đặc thù của loại dự án này là đã có sẵn mặt bằng sạch (theo hình thức đấu giá) hoặc việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công. Trong khi đó, để đẩy mạnh tiến độ, quá trình phục hồi và phát triển kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh sau đại dịch COVID-19, rất cần triển khai sớm các công trình, dự án lớn, nhất là về hạ tầng kỹ thuật (giao thông) và hạ tầng khu đô thị mới như Dự án cải tạo Rạch Xuyên Tâm, Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4, Dự án Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2, Dự án khu Bình Quới – Thanh Đa, Dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao Quốc gia Rạch Chiếc, Dự án Công viên khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Dự án Khu công viên – Hồ điều tiết

– Khu dân cư Tam Phú; đây cũng là mong muốn của các nhà đầu tư có năng lực, có cam kết đầu tư tư lâu dài tại Thành phố. Tuy nhiên, trình tự thực hiện công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013 mất rất nhiều thời gian khi phải thông qua các bước: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ Điều 40 Luật Đất đai (sửa đổi tại Điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch Thành phố và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND Thành phố phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch thành phố được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai.

Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300ha trở lên. Do đó, rất cần cơ chế đặc thù để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi; từ đó sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các Nhà đầu tư trong việc triển khai dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ phục hồi kinh tế tăng trưởng GRDP của Thành phố.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Thành phố, tình hình biến động đất đai rất lớn và hết sức phức tạp trong đó bao gồm biến động về ranh giới và chủ thể sử dụng đất, do đó việc trích lục sẽ không đảm bảo việc ban hành Thông báo thu hồi đất đúng ranh giới, đúng đối tượng sử dụng.

Việc Thông báo thu hồi đất không đúng ranh giới, đối tượng sử dụng sẽ dẫn đến việc phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Thông báo thu hồi và ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ thực hiện dự án.

Đồng thời, đối với những dự án lớn trên địa bàn Thành phố nêu trên, số lượng người dân bị ảnh hưởng nhiều thì sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất mới thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm sẽ không đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

13.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, trong đó tại khoản 2 Điều 5 đã có quy định cho phép tỉnh Khánh hòa thí điểm thực hiện công tác kiểm đếm trước khi ban hành Thông báo thu hồi đất đối với một số dự án như sau:

“Điều 5. Quản lý đất đai

2. Việc thực hiện chuẩn bị thu hồi đất tại Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm được quy định như sau:

a) Đối với dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và có quy mô từ 300 ha trở lên, căn cứ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành danh mục các dự án được tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này;

b) Căn cứ danh mục dự án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, ban hành thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được gửi đến từng người sử dụng đất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư;

c) Trên cơ sở thông báo tại điểm b khoản này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai được phép triển khai việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo thu hồi đất và sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và ban hành trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này”.

Theo đó, Quốc hội đã chấp thuận cho tỉnh Khánh Hòa được thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm là biện pháp kỹ thuật nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án. Dự kiến trong thời gian thực hiện đo đạc, kiểm đếm, cơ quan có thẩm quyền sẽ chấp thuận chủ trương đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; sau khi lựa chọn được nhà đầu tư sẽ sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để cập nhật, làm cơ sở ban hành Thông báo thu hồi đất cũng như để chuẩn bị cho công tác lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Các trình tự, thủ tục sau khi đã lựa chọn được nhà đầu tư, ra thông báo thu hồi đất được tiếp tục thực hiện theo quy định của điều 69 Luật Đất đai (nhưng không thực hiện lại thủ tục khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đã thực hiện trước đó). Việc đo đạc, kiểm đếm theo chính sách này không ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của người dân cũng như có ý kiến thực tiễn, vì rút ngắn thời gian thực hiện khoảng 5-6 tháng so với quy định.

Do đó, Thành phố kiến nghị Chính phủ và Quốc hội cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành đo đạc, kiểm đếm ngay sau khi chủ trương đầu tư thực hiện dự án được phê duyệt mà không chờ đến Thông báo thu hồi đất được ban hành mới thực hiện nhằm đảm bảo công tác ban hành Thông báo thu hồi đất đúng ranh giới, đúng đối tượng sử dụng, tránh bỏ sung, điều chỉnh nhiều lần, mất thời gian ảnh hưởng đến tiến độ chung dự án. Đặc biệt, đối với những dự án

lớn, trọng điểm, cấp bách nêu trên cần hoàn thành sớm công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng.

13.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo quy định hiện hành, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Việc thực hiện chuẩn bị thu hồi đất của một số dự án tại Thành phố được thực hiện như sau:

- Đối với các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, địa phương, giao thông, khu văn hóa thể thao vui chơi giải trí cộng đồng thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và có quy mô từ 300 ha trở lên hoặc có từ 1.000 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị thu hồi đất trở lên, các dự án đầu tư công độc lập thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này, căn cứ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục các dự án tổ chức thực hiện trước điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này;

- Căn cứ danh mục dự án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, ban hành thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được gửi đến từng người sử dụng đất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư;

- Trên cơ sở thông báo tại gạch đầu dòng thứ hai nêu trên, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai được phép triển khai việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư;

- Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo thu hồi đất và sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và ban hành trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết này mà bổ sung vào dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

13.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Việc Thông báo thu hồi đất không đúng ranh giới, đối tượng sử dụng sẽ dẫn đến việc phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Thông báo thu hồi, làm chậm tiến độ thực hiện dự án, sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố.

- Tác động về xã hội:

Dự án kéo dài sẽ tạo bức xúc cho người dân, dẫn đến người dân không đồng thuận thực hiện dự án.

- Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không đáp ứng thời gian về trình tự thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với nhà nước: Rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư và việc triển khai này cũng gắn với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó, góp phần làm tăng tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; tăng vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng... Qua rà soát, thống kê thì nếu thực hiện theo quy trình này sẽ rút ngắn thời gian thực hiện khoảng 5-6 tháng so với quy định hiện hành, nên sẽ tiết kiệm được chi phí thời gian thực hiện thủ tục của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, sẽ tăng thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát huy nguồn lực đất đai của Thành phố.

+ Đối với doanh nghiệp: được hưởng lợi về kinh tế thông qua việc rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án.

- Tác động về xã hội:

+ Đối với nhà nước:

Về mặt tích cực: khi triển khai chính sách, tiến độ thực hiện dự án được đẩy nhanh, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội. góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các quy hoạch đã được cấp thẩm quyền thông qua tránh tình trạng “quy hoạch treo”.

Về mặt tiêu cực: Việc thực hiện các thủ tục điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất trước khi lựa chọn nhà đầu tư có thể dẫn đến gây tác động, xáo trộn đối với cuộc sống của người dân do chưa có thông báo thu hồi đất (tuy nhiên quyền và lợi ích hợp pháp của người dân vẫn thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật Đất đai).

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Việc thực hiện các thủ tục điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đồng thời với công việc chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có thể sẽ ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; tiềm ẩn rủi ro về tăng giá đất (tuy nhiên giá đất tăng khi có quy hoạch được duyệt **chứ không theo các nhóm dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất áp dụng chính sách này**).

- Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này sẽ dẫn đến thay đổi về thủ tục hành chính về thu hồi đất. Trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính này do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đất đai nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Chính sách đảm bảo Theo Khoản 3 Điều 9 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất và phù hợp với thực tiễn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (biến động nhiều về ranh giới và chủ thể sử dụng đất).

+ Trong thực tiễn khi thực hiện các Dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 3 thì người dân rất đồng thuận cho đo đạc, kiểm đếm trước khi ban hành Thông báo thu hồi đất, làm cơ sở cho việc đẩy nhanh và đáp ứng yêu cầu tiến độ theo Nghị Quyết 57/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị Quyết 105/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

+ Trong quá trình sửa đổi Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị đưa nội dung này vào để thực điều chỉnh nhằm hoàn thiện quy định và phù hợp với thực tiễn.

13.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu bổ sung vào dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

14. Đề xuất về kiểm soát khí thải phương tiện giao thông

14.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về quy định pháp luật hiện hành

- Theo khoản 3 Điều 55 Luật Giao thông đường bộ 2008 về Bảo đảm quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ, quy định: “3. **Xe ô tô và rơ móc, sơ mi rơ móc được kéo bởi xe ô tô tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm tra định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm định).**”.

Theo quy định này, chỉ có các phương tiện xe ô tô và rơ móc, sơ mi rơ móc được kéo bởi xe ô tô phải kiểm định định kỳ. Đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không thuộc đối tượng quy định phải kiểm định.

- Theo Điều 65 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 đối với bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải:

Tại khoản 1 quy định: “1. **Phương tiện giao thông vận tải phải được cơ quan đăng kiểm kiểm định, xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.**”

Tại khoản 7 quy định “7. **Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.**”. Hiện Chính phủ chưa ban hành nội dung nêu trên.

Như vậy, theo các nội dung quy định tại 02 Luật nêu trên chưa có quy định về kiểm định khí thải định kỳ cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy đang lưu hành. Đồng thời, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật đối với công tác kiểm tra khí thải chưa được ban hành như: quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với người điều khiển xe máy tham gia giao thông đường bộ không thực hiện kiểm định, xe không đảm bảo tiêu chuẩn khí thải cũng chưa có... Thành phố chưa có cơ sở triển khai chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông cơ giới đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải.

- Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố” của Chính phủ ban hành tại Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010, đến nay chưa thể thực hiện.

b) Thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tính đến tháng 2 năm 2023, thành phố đang quản lý 8.861.234 phương tiện (trong đó, có 896.129 xe ô tô và 7.965.105 xe mô tô). So với cùng kỳ năm 2022, tổng số phương tiện đang quản lý tăng 4,33% (ô tô tăng 7,88%, mô tô tăng 3,95%); trong 02 tháng đầu năm 2023, bình quân mỗi ngày có khoảng 130 ô tô và 637 mô tô đăng ký mới.

Thời gian qua tình hình ô nhiễm môi trường không khí trong cả nước nói chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng diễn biến phức tạp, nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí có xu hướng tăng. Ô nhiễm không khí trong đô thị do nhiều nguồn gây ra như công nghiệp, giao thông thông vận tải, sinh hoạt... trong đó hoạt động của các loại xe cơ giới nói chung và xe mô tô, xe gắn máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch (sau đây gọi chung là xe máy) nói riêng là một trong những nguồn phát thải trực tiếp một số chất có ảnh hưởng nguy hại đến sức khỏe của con người. Các kết quả quan trắc trên địa bàn thành phố và các nghiên cứu cho thấy hoạt động giao thông vận tải phát thải các chất độc hại gây ô nhiễm không khí thành phố. Trong các loại hình phương tiện giao thông tại thành phố thì xe máy đóng góp lượng phát thải lớn vào môi trường. Để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường, cần thiết ban hành quy định, chế tài quản lý về phát thải đối với các các phương tiện cơ giới trong đó có xe máy.

14.2 Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045:

“Hàng năm giảm 5 - 10% ba tiêu chí: số vụ, số người chết và bị thương do tai nạn giao thông đường bộ một cách bền vững, tiến tới xây dựng một xã hội có hệ thống giao thông an toàn, thông suốt, thuận tiện, hiệu quả và thân thiện môi trường; thể chế quản lý về an toàn giao thông phù hợp, hiệu lực và hiệu quả; kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông an toàn, hiện đại, thân thiện môi trường; người tham gia giao thông có kiến thức, kỹ năng, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, hình thành văn hóa giao thông an toàn; trong đó mục tiêu kiểm soát phát thải khí thải xe mô tô, xe gắn máy có động cơ tham gia giao thông được thực hiện trong giai đoạn 2021-2025”

Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tăng cường đảm bảo trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022-2025; theo đó điểm b và c khoản 15 Mục II về Nhiệm vụ giải pháp cụ thể có nội dung:

Ủy ban nhân dân các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh

a) Nghiên cứu xây dựng Đồ án phân vùng hạn chế hoạt động của xe máy phù

hợp với cơ sở hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng, tiến tới lộ trình hạn chế hoặc dừng hoạt động của xe máy trên một số địa bàn các quận sau năm 2030;

b) Nghiên cứu xây dựng, triển khai Đồ án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực trên địa bàn thành phố có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường để hạn chế số lượng xe cơ giới đi vào;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, theo đó tại Điều 75 quy định cụ thể như sau:

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều này xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường với các nội dung chính như sau:

a) Chuyển đổi phương tiện giao thông cơ giới sử dụng nhiên liệu hóa thạch có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí và phát thải khí nhà kính;

b) Loại bỏ phương tiện giao thông cơ giới sử dụng nhiên liệu hóa thạch không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải theo quy định; phương tiện giao thông cơ giới cũ, đã sử dụng nhiều năm gây ô nhiễm môi trường;

c) Hạn chế và tiến tới loại bỏ xe máy hai bánh, ba bánh sử dụng nhiên liệu hóa thạch tham gia giao thông trong nội đô các đô thị lớn để giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và bảo vệ sức khỏe nhân dân;

d) Tổ chức phân luồng giao thông tại các đô thị để kiểm soát, hạn chế ô nhiễm môi trường không khí do phương tiện giao thông gây ra;

Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 về Phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải; mục tiêu tổng quát: “Phát triển hệ thống giao thông vận tải xanh hướng tới mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính về “0” vào năm 2050”; Lộ trình: “Đến năm 2050: 100% phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy thi công tham gia giao thông chuyển đổi sang sử dụng điện, năng lượng xanh, toàn bộ các bến xe, trạm dừng nghỉ đạt tiêu chí xanh; chuyển đổi toàn bộ máy móc, trang thiết bị xếp, dỡ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh.”

Mục tiêu đạt được khi thực hiện kiểm soát khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

“Kiểm soát khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành góp phần cải thiện chất lượng môi trường không khí, thực hiện “Chiến lược quốc

gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ”, “Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải” và phù hợp với định hướng hạn chế phương tiện cá nhân trong tương lai trên địa bàn thành phố”.

14.3 Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Giải pháp 2: đề xuất xây dựng một số cơ chế, chính sách về kiểm soát khí thải phương tiện giao thông:

- Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch để giảm ô nhiễm môi trường; sử dụng phương tiện giao thông công cộng để hạn chế ùn tắc giao thông.

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và ban hành tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này.

- Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ các chính sách quy định tại khoản a, khoản b điều này để tổ chức triển khai thực hiện việc hạn chế hoạt động phương tiện cơ giới đường bộ sử dụng nhiên liệu hóa thạch tham gia giao thông theo phân vùng khu vực trên địa bàn Thành phố và tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp không chấp hành theo quy định.

c) Giải pháp 3: sửa đổi, bổ sung Luật Giao thông đường bộ và Luật bảo vệ môi trường để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện kiểm soát khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

14.4 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Thành phố Hồ Chí Minh chưa thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, chưa tận dụng tiềm lực sẵn có của Thành phố Hồ Chí Minh trong việc thực hiện các giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường.

- Tác động về xã hội:

Chưa phát huy tối đa nguồn lực để giải quyết các vấn đề về tắc nghẽn giao

thông, cải tạo môi trường; chưa tạo động lực, điều kiện để người dân góp phần bảo vệ môi trường, không giải quyết được các bức xúc của người dân về việc giảm ô nhiễm môi trường, giảm ùn tắc giao thông và giảm tai nạn giao thông.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này ảnh hưởng điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

b) Giải pháp 2:

- Tác động kinh tế

(i) Tác động tích cực

- Chính sách này có phát sinh chi phí đối với phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch không đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và môi trường phải chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện. Tuy nhiên, Nhà nước thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho việc chuyển đổi phương tiện; bên cạnh đó, lợi ích thu được từ việc chuyển đổi phương tiện là lớn hơn, do bảo toàn được sức khỏe và tiết kiệm được chi phí nhiên liệu, kéo dài thời gian sử dụng của phương tiện. Phương tiện đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và môi trường góp phần kéo giảm tai nạn giao thông đường bộ.

- Nâng cao trách nhiệm của chủ phương tiện trong việc chuyển đổi phương tiện sử dụng điện; đảm bảo phương tiện tham gia giao thông an toàn, giảm thiểu phát thải khí thải ra môi trường góp phần cải thiện môi trường chất lượng không khí.

* Đối với nhà nước:

- Chi ngân sách giai đoạn 2023-2028: **1.779,280 tỷ đồng** (Phụ lục đính kèm).

- Giảm gánh nặng ngân sách trong việc đầu tư cho dịch vụ y tế và chi phí bảo vệ môi trường do kiểm soát được khí thải từ phương tiện giao thông và an toàn kỹ

thuật phương tiện, nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng tính hấp dẫn cho các thành phố về khả năng thu hút du lịch và đầu tư.

* Đối với doanh nghiệp: Thực hiện chính sách chuyển đổi phương tiện, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sẽ được hưởng lợi từ việc thay thế, thu hồi xe cũ (người dân sẽ mua xe mới).

(ii). Tác động tiêu cực:

Xe mô tô, xe gắn máy vẫn là phương tiện giao thông chủ yếu chưa thể thay thế trong tương lai gần, đặc biệt với nhóm người lao động tự do và thu nhập thấp. Việc triển khai thực hiện hạn chế hoạt động phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng nhiên liệu hóa thạch tham gia giao thông theo phân vùng khu vực trên địa bàn Thành phố dẫn đến phải chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện. Do vậy nếu không có những cơ chế chính sách hợp lý cho nhóm đối tượng này có thể sẽ làm phát sinh mâu thuẫn xã hội.

Để thực hiện tốt chính sách về kiểm soát khí thải nhà nước cần phải bỏ kinh phí để tuyên truyền, vận động cộng đồng xã hội thực hiện; đào tạo và tăng cường năng lực tuần tra, kiểm soát trên đường cho các lực lượng chức năng, hỗ trợ kinh phí cho người dân thay thế xe máy trong khu vực hạn chế.

- Tác động về xã hội

i). Tạo hiệu ứng và thói quen tốt cho người dân Thành phố trong việc chuyển đổi phương tiện sử dụng điện nhằm giảm ô nhiễm không khí, nâng cao an toàn kỹ thuật phương tiện khi tham gia giao thông.

ii). Luật pháp chưa có chế tài cấm xe máy cũ, không đảm bảo an toàn kỹ thuật, môi trường lưu thông nên thực hiện việc hạn chế hoạt động phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng nhiên liệu hóa thạch tham gia giao thông theo phân vùng khu vực trên địa bàn Thành phố sẽ có thể hạn chế bớt xe máy cũ.

- Tác động đối với môi trường

Dựa vào kết quả tính toán lượng phát thải, trong trường hợp thành phố không thực hiện kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy thì hàng năm lượng khí thải gia tăng thêm từ loại hình phương tiện này là 68.479 tấn CO/năm; 4.435 tấn HC/ năm.

Nếu thực hiện kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy thì lượng khí thải giảm sẽ là 56.403 tấn CO/ năm và 4.808 tấn HC/năm.

Như vậy nếu thực hiện kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy thì lượng khí thải độc hại thải ra môi trường sẽ giảm nhiều. Chất lượng môi trường không khí của thành phố sẽ được cải thiện.

- Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ

hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính:

Trong trường hợp quy định thực hiện hạn chế hoạt động phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng nhiên liệu hóa thạch tham gia giao thông theo phân vùng khu vực trên địa bàn Thành phố sẽ phát sinh thủ tục hành chính đối với trường hợp chuyển đổi phương tiện sử dụng điện. Dự kiến như sau:

(1) Căn cứ pháp lý: Khoản 14 Điều 6 của Dự thảo nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Tên thủ tục hành chính:

+ Ban hành Quy định khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch; ban hành tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện quy định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện.

+ Quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này

+ Quyết định ban hành về tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện quy định.

Xác định phạm vi của thủ tục là Quy định về khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch; Quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi, thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch.

(3) Cơ quan giải quyết

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố;

+ Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Công an Thành phố.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái

với quy định của Hiến pháp năm 2013, quy định pháp luật, đồng thời thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

Chi ngân sách giai đoạn 2023-2028: **1.779,280 tỷ đồng** (Phụ lục đính kèm) để triển khai chính sách.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

- Tác động về kinh tế:

Phương tiện giao thông cá nhân tăng theo hàng năm không được bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế sẽ không đảm bảo an toàn kỹ thuật khi lưu thông trên đường và môi trường không khí bị ô nhiễm; ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, gia tăng tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và giảm tính hấp dẫn cho thành phố về khả năng thu hút du lịch và đầu tư.

- **Tác động về xã hội:** Chưa tạo thói quen tốt cho người dân Thành phố trong việc chuyển đổi phương tiện xanh góp phần giảm ô nhiễm không khí, giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông.

- **Tác động về giới:** không ảnh hưởng và Tác động về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không thay đổi thủ tục hành chính.

- **Tác động đối hệ thống pháp luật:** không làm thay đổi hệ thống pháp luật

14.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Từ các phân tích đánh giá giải pháp nêu trên, kiến nghị lựa chọn giải pháp chính sách theo **Giải pháp 2** vì đây là giải pháp mang lại tác động tích cực nhằm góp phần cải thiện chất lượng môi trường không khí, thực hiện “Chiến lược quốc

gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ” và phù hợp với định hướng hạn chế phương tiện cá nhân trong tương lai trên địa bàn thành phố.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

V. Chính sách về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh

Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh có các nội dung cụ thể như sau:

1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1. Về pháp lý:

a) Về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư:

Điều 18 Luật Đầu tư 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 quy định Hình thức hỗ trợ đầu tư:

“1. Các hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm: a) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; b) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; c) Hỗ trợ tín dụng; d) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; đ) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; e) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; g) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

2. Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.”

Điều 20 Luật Đầu tư 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt:

“1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong

thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.”

Điều 6 Quyết định số 29/2021/TTg-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 về thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: “1. Miễn thuế 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 10 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.”

Chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư, gồm các hình thức hỗ trợ như: Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án; Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển... Thực tiễn việc hỗ trợ không thể thực hiện được khi đàm phán với các nhà đầu tư nước ngoài về các chính sách hỗ trợ để thu hút các dự án công nghệ cao, cụ thể như:

- Về Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án: khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020 có quy định hình thức hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư. Việc hỗ trợ hạ tầng nếu thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương hoặc ngân sách địa phương cần tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư công. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án đầu tư không thuộc đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; do đó, không có cơ sở thực hiện.

- Về Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển không thuộc các khoản chi theo Luật ngân sách nhà nước và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương.

- Về Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vận dụng... phải vận dụng hình thức chi theo đề tài, dự án theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 về Quy chế quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đối với các nhà đầu tư công nghệ cao lớn sẽ không phù hợp.

- Về thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) sẽ không còn hấp dẫn với các doanh nghiệp công nghệ khi hiện nay Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu do Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) công bố ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Paris có hiệu lực từ 2023, có nghĩa là dù Việt Nam cho nhà đầu tư FDI miễn thuế TNDN, nhà đầu tư FDI vẫn phải đóng tối thiểu 15% tại quốc gia mẹ (đặc biệt Hoa Kỳ đang muốn giữ chân các công ty công nghệ lớn tiếp tục mở rộng đầu tư tại nước mình), do đó chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt tại Quyết định số 29/2021/TTg-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ không còn là lợi thế cạnh tranh để thu hút đầu tư các tập đoàn công nghệ cao.

b) Về hình thức lựa chọn nhà đầu tư:

- Khoản 1 Điều 29 Luật Đầu tư quy định:

"1. Lựa chọn nhà đầu tư được tiến hành thông qua một trong các hình thức sau đây:

- a) Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;*
- b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;*
- c) Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này."*

- Luật Đất đai năm 2013:

+ Khoản 1 Điều 118 quy định:

"1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

- a) Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê hoặc cho thuê mua;*
- b) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê;*
- c) Sử dụng quỹ đất để tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;*
- d) Sử dụng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;*
- đ) Cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối;*

e) *Giao đất, cho thuê đất đối với đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước;*

g) *Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân;*

h) *Giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất”.*

+ Khoản 2 Điều 118 quy định:

“2. Các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất bao gồm: ...i) Các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.”

+ Khoản 1 Điều 119 quy định:

“ 1. Điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất:

a) *Đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;*

b) *Đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản thuộc sở hữu nhà nước;*

c) *Có phương án đấu giá quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.*

Điều 140 quy định:

- “Điều 140. Đất có mặt nước ven biển

1. *Đất có mặt nước ven biển được Nhà nước cho thuê đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, phi nông nghiệp.*

2. *Việc sử dụng đất có mặt nước ven biển theo quy định sau đây:*

a) *Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;*

b) *Bảo vệ đất, làm tăng sự bồi tụ đất ven biển;*

c) *Bảo vệ hệ sinh thái, môi trường và cảnh quan;*

d) *Không cản trở việc bảo vệ an ninh quốc gia và giao thông trên biển.”*

- Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ

+ Điều 46 quy định chi tiết trình tự đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất:

+ Điều 73 quy định Trình tự thẩm định, phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

“1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề xuất áp dụng phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

2. Trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

3. Căn cứ hồ sơ đề xuất của người có thẩm quyền và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.”

+ Điều 74 quy định Hồ sơ đề xuất áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

“1. Văn bản đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin cơ bản của dự án;

b) Lý do đặc thù, riêng biệt của dự án mà không thể áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Điều 20 và Điều 22 của Luật Đấu thầu và Điều 10 của Nghị định này;

c) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (bao gồm các bước thực hiện lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được tính đặc thù, riêng biệt của dự án được đề xuất để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án).

2. Các văn bản pháp lý có liên quan.

3. Các tài liệu cần thiết khác để giải trình (nếu có).”

1.2. Về thực trạng của Thành phố Hồ Chí Minh

a) Về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư:

- Với đặc thù của Thành phố là trung tâm kinh tế - văn hoá - sáng tạo của cả nước, Thành phố cần phát triển kinh tế dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, nhà máy thông minh, tiêu tốn ít lao động... việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lĩnh vực công nghệ cao có vai trò quan trọng. Song, thời gian qua, Thành phố đã mất nhiều cơ hội thu hút đầu tư dự án công nghệ cao có quy mô lớn do không có cơ sở và thẩm quyền áp dụng cơ chế ưu đãi do nhà đầu tư đề xuất.

Hiện nhiều quốc gia trên thế giới đang có các gói ưu đãi đầu tư thuận lợi để mời gọi các dự án đầu tư lớn, nhất là đầu tư ngành sản xuất chip, vi mạch bán dẫn,

như: Châu Âu có gói ưu đãi 15 tỉ Euro (EU Chip Act), Hoa Kỳ có gói ưu đãi 50 tỉ đô-la Mỹ (US Chip Act), Nhật Bản có gói kích thích sản xuất Chip trị giá 6,8 tỉ đô-la Mỹ, Ấn Độ lập Quỹ ưu đãi 10 tỉ đô-la Mỹ Do đó, Thành phố cần có gói ưu đãi linh hoạt để thu hút các dự án công nghệ cao, nhất là đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D), chế tạo và thiết kế sản phẩm bán dẫn công nghệ cao và lĩnh vực công nghệ thuộc Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Các doanh nghiệp FDI chưa tạo ra được nhiều lan toả về công nghệ, kỹ thuật và chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp trong nước.

Mặc dù Thành phố đã có nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút các dự án FDI công nghệ cao và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp nội địa, tuy nhiên những kết quả đạt được vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu và nhu cầu của quá trình phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, quỹ kế giải ngân vốn đầu tư nước ngoài còn thấp, chỉ đạt khoảng 46% tổng vốn đăng ký. Đầu tư FDI từ khu vực công nghệ nguồn của thế giới như EU và Mỹ vào Thành phố còn hạn chế. Các đối tác đầu tư lớn từ khu vực châu Á, ngoại trừ Nhật Bản và Hàn Quốc đa số có trình độ công nghệ ở mức trung bình, không cao hơn nhiều so với công nghệ sẵn có trong nước.

- Sự hội nhập quốc tế Thành phố nói riêng và cả nước nói chung ngày càng sâu rộng, độ mở của nền kinh tế Việt Nam rất cao, chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp trước các biến động của tình hình quốc tế, việc tăng giá đồng USD; tăng lãi suất chung trên thị trường và tình trạng trì trệ của các nền kinh tế lớn... dễ bị ảnh hưởng và tổn thương hơn do sự thay đổi trong cấu trúc thương mại, cung ứng trên thế giới.

- Dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh, cạnh tranh thương mại, ... có thể sẽ vẫn tiếp diễn, do vậy Thành phố đều có những cách thích ứng của mình để tồn tại và phát triển, nhất là những quốc gia có quy mô nền kinh tế còn nhỏ, còn bị phụ thuộc vào bên ngoài, vào dòng vốn đầu tư toàn cầu khi dòng vốn này cũng đang biến động.

- Môi trường đầu tư của Thành phố đang chịu sự cạnh tranh, lực hút đầu tư của các tỉnh, thành, quốc gia khác có môi trường đầu tư thuận lợi hơn, đây là thách thức to lớn cho các nhà quản lý Thành phố, đơn cử về 197 dự án có thể kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài của Thành phố, tuy nhiên, thực tế chưa có dự án nào để nhà đầu tư nước ngoài sẵn sàng ký cam kết, nghiên cứu triển khai thực hiện.

- Tỷ lệ lấp đầy của Khu Công nghệ cao, các Khu chế xuất - Khu Công nghiệp luôn ở mức cao, quỹ đất để thu hút các dự án phục vụ cho sản xuất công nghiệp không còn nhiều. Do đó, có một số Nhà đầu tư đã phải chuyển hướng đầu tư sang địa phương khác mặc dù trước đó đã có nguyện vọng đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong những năm gần đây một số tỉnh như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Phòng, ... đã thành công trong việc thu hút những tập đoàn đa quốc gia

đúng đầu chuỗi cung ứng (Samsung, LG, Apple ...) Nhờ đó, các địa phương nêu trên liên tục thu hút được các nhà cung cấp cấp I, II .. của các tập đoàn này tiếp tục dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng thời gian qua chưa thu hút thêm được các nhà đầu tư thuộc diện này nên không thu hút được các nhà đầu tư trong chuỗi cung ứng vào đầu tư tại Thành phố.

- Thành phố chưa có hành lang pháp lý mạnh mẽ, vượt trội so với mặt bằng chung của cả nước hoặc đủ cạnh tranh với các nhà đầu tư trong khu vực. Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nếu qua quy trình thông thường, thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì thường các tập đoàn lớn không tham gia do không xác định được lộ trình triển khai, thời gian thực hiện rất dài, nguy cơ ảnh hưởng đến thương hiệu và giá trị doanh nghiệp nếu không được lựa chọn. Đồng thời, các nhà đầu tư chiến lược thường cân nhắc nhiều địa điểm tại nhiều quốc gia khác nhau để triển khai dự án và tổ chức đàm phán các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, thời gian triển khai và địa điểm triển khai. Do đó, nếu không có cơ chế đủ mạnh thì Thành phố không thể cạnh tranh với các địa phương ở các quốc gia khác.

b) Dự án Đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ

Thành phố đang dự kiến thu hút đầu tư vào Dự án Đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ với một số thông tin như sau:

Bến cảng dự kiến dài 7,2km, trong đó cầu bến chính dài khoảng 6,8km tiếp nhận tàu mẹ trọng tải tới 250.000 DWT (24.000 Teu) và tàu feeder tàu trọng tải 10.000 - 65.000 DWT và bến sà lan dài 1,9km tiếp nhận tàu feeder có trọng tải 10.000 DWT và sà lan trọng tải lên đến 8.500 T (356 TEU);

Tổng diện tích bến dự kiến: 571 ha;

Công suất cảng dự kiến: 16,9 triệu TEU;

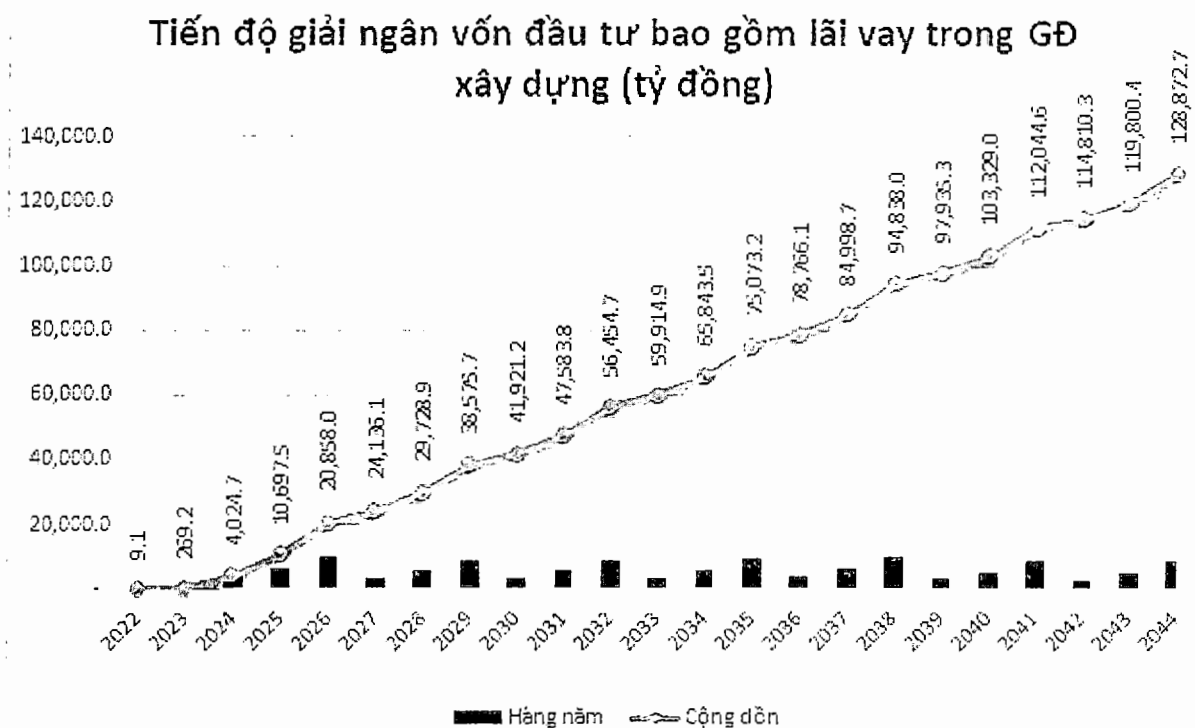
Tổng mức đầu tư dự kiến: 5,3 tỷ USD.

Dự án Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ là dự án cảng biển thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Theo Phụ lục II – nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư). Dự án có quy mô vốn đầu tư rất lớn (vốn đầu tư toàn bộ dự án là 125,9 ngàn tỷ đồng. Riêng vốn đầu tư cho Giai đoạn 1 – dự kiến giải ngân trong vòng 03 năm – là 15,7 ngàn tỷ đồng), được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại điều 19 – Luật đầu tư 61/2020/QH14. Theo đó sẽ miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê mặt nước... Theo điều 110 và 118, Luật đất đai 45/2013/QH13, dự án rơi vào trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất (khoản b, mục 2, điều 118).

Tuy nhiên, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Để lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược đủ tầm thì Thành phố phải tích cực tham gia đàm phán và phải có cơ chế đẩy nhanh các thủ tục về đầu tư, quy hoạch và xác định các ưu đãi có thể đưa ra để đàm phán. Do đó, nếu không có cơ chế quyết định chủ trương đầu tư đồng thời với lựa chọn nhà đầu tư mà buộc phải đấu giá đất hoặc đấu thầu dự án thì hãng tàu MSC hoàn toàn có thể chuyển hướng sang đầu tư phát triển cảng trung chuyển quốc tế ở một quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, và chúng ta sẽ bỏ lỡ cơ hội.

Hình 2. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư bao gồm lãi vay trong giai đoạn xây dựng (tỷ đồng)



*** Về tiến độ giải ngân dự kiến của Dự án Cảng Trung chuyển Quốc tế Cần Giò:**

Nếu tính từ giai đoạn bắt đầu dự án tới khi giải ngân được 65.000 tỷ là 12 năm.

Nếu tính từ giai đoạn sau khi được giao đất tới khi giải ngân được 65.000 tỷ thời gian khoảng 10 năm.

Như vậy, thời hạn 10 năm như đề xuất của dự thảo là phù hợp với tiến độ dự kiến tại Đề xuất dự án Cảng Cần Giò của Nhà đầu tư.

Tuy nhiên, hiện dự án mới chỉ ở bước nghiên cứu tiền khả thi. Trong quá trình đi vào nghiên cứu sâu hơn, Tổng vốn đầu tư của dự án sẽ có thể bị thay đổi, nếu so

với bước nghiên cứu tiền khả thi, sai số khoảng 30-35%, nêu so với bước nghiên cứu khả thi sai số khoảng 10-15%. Ngoài ra, trong trường hợp dự án được hưởng các ưu đãi đặc biệt, chi phí của dự án cũng sẽ giảm làm giảm tổng mức đầu tư so với mức đề xuất nêu trên. Do vậy, nếu đề ra mức 60.000 tỷ là một mức dự kiến có thể rủi ro cho dự án nếu tổng vốn đầu tư trong các bước nghiên cứu tiếp theo cần điều chỉnh giảm trong phạm vi sai số nêu trên. Do vậy, trường hợp điều kiện này được điều chỉnh thành 50.000 tỷ giải ngân trong 10 năm kể từ ngày được giao đất thì sẽ tăng tính khả thi của Dự án, giúp các nhà đầu tư thuận lợi hơn trong việc thực hiện một dự án có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Có cơ chế vượt trội trong việc lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược vào các ngành, lĩnh vực mà Thành phố có ưu thế, phù hợp với xu hướng thời đại, có tác động lớn, lan tỏa đến kinh tế của Thành phố, vùng Đông Nam bộ và cả nước.

3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2:

- Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố:

+ Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

+ Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

+ Đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng trở lên;

- Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

- Nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Có vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và có kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

+ Có vốn điều lệ từ 5.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và có

kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

+ Có vốn điều lệ từ 9.000 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và có kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

- Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 7 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng ưu đãi đầu tư và có nghĩa vụ quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này.

- Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định tại khoản 7 Điều này.

- Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư được thực hiện như sau:

+ Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 6 Điều này, Cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của Thành phố công bố thông tin dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

+ Căn cứ nội dung thông tin được công bố quy định tại điểm a khoản này, nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

+ Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của Thành phố tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Người có thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà đầu tư quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản này;

+ Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó chỉ có 01 nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó có từ 02 nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hoặc chọn áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số những nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

+ Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

- Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi sau đây:

+ Được hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố. Tiêu chí, điều kiện, mức hỗ trợ, nội dung, hình thức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

+ Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán;

+ Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

- Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau đây:

+ Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

+ Nhà đầu tư chiến lược phải giải ngân vốn đầu tư trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. Trong thời gian này, nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng dự án.

+ Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

- Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên, không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Đầu tư.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Việc giữ các quy định như hiện nay không tạo ra đột phá để Thành phố có thể thu hút được nhà đầu tư chiến lược, không đáp ứng được các yêu cầu và mục tiêu phát triển mà Trung ương đã đề ra, không tạo được hành lang pháp lý để Thành phố cạnh tranh với các trung tâm kinh tế khác của khu vực và thế giới trong việc thu hút vốn và nâng cao trình độ phát triển của Thành phố và cả nước.

- **Tác động về giới:** Không có tác động do không ban hành chính sách.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính do không ban hành chính sách.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không có tác động do không ban hành chính sách.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** thu hút được nhà đầu tư cho một số dự án lớn mà Thành phố đang đàm phán trong lĩnh vực sản xuất chip, hạ tầng cảng biển với tổng vốn đầu tư thu hút thêm dự kiến khoảng 8,6 tỷ đô-la Mỹ. Ngoài các dự án lớn đang đàm phán này, với các cơ chế chính sách này, Thành phố sẽ thu hút thêm 1 loạt các dự án lớn vào Khu công nghệ cao Thành phố hiện hữu và giai đoạn 2 đang chuẩn bị đầu tư, cũng như các nhà đầu tư trong hệ sinh thái của nhà đầu tư chiến lược (công nghiệp phụ trợ, logistics,...) đến đầu tư tại Thành phố. Theo mục tiêu Thành phố đề ra, các chính sách trên nếu được thực hiện sẽ góp phần nâng tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mà Thành phố có thể thu hút được trong giai đoạn 2021-2025 khoảng từ 27-36 tỷ đô-la Mỹ (5,4-7,2 tỷ đô-la Mỹ/năm), giai đoạn 2026-2030 khoảng 36-54 tỷ đô-la Mỹ (7,2-10,8 tỷ đô-la Mỹ/năm).

Qua việc thu hút nhà đầu tư chiến lược như dự án Intel giai đoạn 1 với vốn đầu tư 4,1 tỷ USD (qua 3 lần điều chỉnh tăng vốn), ngân sách Thành phố đã chi hỗ trợ cho dự án khoảng 3.776 tỷ đồng. Dự án đã có những đóng góp cho nền kinh tế, như:

+ Đóng góp vào giá trị xuất khẩu: Từ 2010 đến quý 3/2022, tổng giá trị xuất khẩu đạt 72 tỉ đôla Mỹ đóng góp vào nguồn thu ngoại tệ quốc gia trong bối cảnh giai đoạn hiện nay khi thế giới đang đối mặt với tình trạng lạm phát cao, nguy cơ suy thoái kinh tế, các tập đoàn đang có sự dịch chuyển sản xuất, tác động của chiến tranh, Covid và tình trạng sụt giảm sức mua trên toàn cầu.

+ Phát triển chuỗi cung ứng nội địa: Số lượng nhà cung ứng nội địa đã tăng lên đáng kể, trong năm 2016 Intel chỉ có 20 nhà cung ứng thì năm 2022 đã tăng lên trên 220 nhà cung ứng. Giai đoạn 2014 - 2019, Intel đã chi khoảng 3.900 tỷ đồng (tương đương khoảng 165 triệu USD) cho hàng hóa, dịch vụ trong nước và mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp trong nước tham gia cung ứng dịch vụ và hàng hóa cho Intel. Từ 2020 đến nay Intel đã tăng mức mua hàng, dịch vụ với các công ty trong nước hơn 200% về cả số lượng và ngân sách. Chi tiêu cho cung ứng nội địa từ năm 2020 tới nay đạt trên 2.000 tỉ đồng (tương đương 90 triệu USD)/năm.

Thành phố sẽ thu hút nhà đầu tư đủ tầm vào Dự án Đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ.

Sự có mặt của nhà đầu tư chiến lược đóng vai trò gián tiếp thu hút và kêu gọi các nhà đầu tư tiềm năng, mở rộng hoạt động đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

- Tác động về xã hội:

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố, Dự án Intel đã góp phần đào tạo trên 9.000 giảng viên/chuyên gia quản lý được đào tạo tại Hoa Kỳ và Việt Nam; 40 chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn AUN khu vực ASEAN; 06 chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn ABET (4 HEEAP và 2 BUILD-IT); cấp hơn 1.000 suất học bổng cho sinh viên nữ học giỏi ngành kỹ thuật.

Nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ tác động nhanh hơn việc ứng dụng khoa học và công nghệ đặc biệt là các ngành công nghệ phục vụ CM4.0. Thúc đẩy phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của Thành phố.

- Tác động về giới: không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư hiện hữu, không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Không tác động đến hệ thống quy định pháp luật do vẫn vận dụng các quy định hiện hữu, chỉ bổ sung các tiêu chí và điều kiện lựa chọn nhà đầu tư. Phạm vi áp dụng trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và có tính chất thí điểm.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, không tác động đến hệ thống quy định pháp luật do vẫn vận dụng các quy định hiện hữu, chỉ bổ sung các tiêu chí và điều kiện lựa chọn nhà đầu tư. Phạm vi áp dụng trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và có tính chất thí điểm. Đồng thời, thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 thì sẽ gia tăng công việc cho chính quyền và cán bộ, công chức Thành phố nên Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

Giải quyết tình trạng chông chéo cơ chế tài chính, nhiệm vụ chi và mục chi ngân sách Thành phố đối với nội dung hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Đầu tư sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh, có nguy cơ đánh mất khả năng thu hút các nhà đầu tư chiến lược lớn mà Thành phố đang đàm phán trong lĩnh vực sản xuất chip, hạ tầng cảng biển.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về đầu tư cũng không thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

5. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Căn cứ vào các nội dung nêu trên, để đảm bảo tận dụng được thời cơ thu hút những các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đứng đầu chuỗi cung ứng trong trường hợp thành phố chưa hoàn tất việc đầu tư xây dựng mới các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao; khai thác được tối đa quỹ đất do Thành phố quản lý; đảm bảo điều kiện quốc phòng, an ninh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án (trong trường hợp dự án Cảng trung chuyển quốc tế được thực hiện tại huyện biên giới biển Cần Giò), Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Quốc hội xem xét, chấp thuận không áp dụng hình thức đấu giá mà thực hiện thủ tục như quy định tại Khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị quyết.

- Theo đó, tại quá trình công bố yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ bổ sung các điều kiện sàng lọc nhà đầu tư liên quan công nghệ, điều kiện chuyển giao công nghệ, vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác với nhà đầu tư chiến lược trong đó đặc biệt là điều kiện quốc phòng, an ninh đối với những dự án thực hiện tại các địa bàn nhạy cảm về quốc phòng an ninh như các khu vực ven biển, xã đảo.

- Sau khi dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc công bố dự án và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 điều 7 dự thảo Nghị định.

- Theo đó, sẽ không thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá, không ưu tiên tiêu chí số tiền nhà nước thu về mà ưu tiên các tiêu chí khác để nhà đầu tư được thu hút thực sự có khả năng tạo ra thay đổi đáng kể, mang lại hiệu quả lớn hơn và là động lực để thúc đẩy các hoạt động kinh tế, xã hội tại Thành phố phát triển chứ không chỉ dừng lại ở việc đóng góp vào ngân sách nhà nước.

VI. Chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

Về hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của Thành phố, đề xuất 02 nội dung. Cụ thể như sau:

1. Đề xuất về hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố:

1.1. Xác định vấn đề bất cập

1.1.1. Về quy định pháp luật

a) Về chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhà đầu

tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược Phát triển KHCN&ĐMST đến năm 2030, điểm a Khoản 1 Mục IV: “...*Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...*”

Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi “***Cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại Trung tâm***” “*được hưởng các ưu đãi cao nhất về thuế được quy định tại pháp luật về thuế*”, tuy nhiên chưa có mức quy định cụ thể cũng như chưa có chính sách dành cho các tổ chức trung gian này, trong khi đó đây là các tổ chức quan trọng là nơi ươm mầm và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng là nơi kết nối và liên kết các nguồn lực trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Vì vậy cần có chính sách ưu đãi về thuế cho nhóm đối tượng này tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, tại điểm d Khoản 11 mục III Điều 1: “*Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về: ... Cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ*”.

b) Chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư là cá nhân, doanh nghiệp

Quyết định số 844/QĐ-TTg, tại Khoản 11, Mục III, Điều 1: “*Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về: ”... “Cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ*”; “*Cơ chế hỗ trợ thoái vốn của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*”.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Điều 18 quy định “*Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*”... “*Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp*

sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tuy Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có quy định miễn thuế TNDN đối với: *“Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế theo quy định”*, tuy nhiên chưa có chính sách ưu đãi về thuế cho nhà đầu tư khi họ thực hiện việc chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp. Thực tiễn cho thấy 99% nhà đầu tư chưa thu lợi nhuận từ các thương vụ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, vì vậy cần có chính sách ưu đãi về thuế để tạo động lực thu hút nguồn vốn các nhà đầu tư đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp.

c) Đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố

+ Luật thuế thu nhập cá nhân.

+ Tham khảo Khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: *“Trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt làm việc tại các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được miễn thuế thu nhập cá nhân trong 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại thành phố Buôn Ma Thuột.”*

+ Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi *“Cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại Trung tâm” “được hưởng các ưu đãi cao nhất về thuế được quy định tại pháp luật về thuế”*,

+ Quyết định số 844/QĐ-TTg quy định tại Khoản 11, Mục III, Điều 1 *“Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về...” “ Cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ”*.

Nhà nước đã có chủ trương về các chính sách ưu đãi cho các đối tượng là cá nhân khởi nghiệp sáng tạo và chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tuy nhiên chưa được cụ thể hóa về tỷ lệ và hạn mức hỗ trợ. Do đó, rất cần thiết để đề xuất các chính sách ưu đãi chi tiết cho các đối tượng này.

d) Về chính sách cho phép các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới

- Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị xác định: *“thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao.”*

- Quyết định số 2407/QĐ-TTg Ngày 31/12/2014 của Thủ tướng chính phủ ban hành về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, có đưa ra nhiệm vụ và giải pháp: *Hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các khu công nghệ thông tin tập trung; đẩy mạnh việc trao đổi, kết hợp các hoạt động sản xuất và nghiên cứu giữa các khu công nghệ thông tin tập trung và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo..*

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, *quy định về việc phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm: Đầu tư nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm phần cứng, tích hợp hệ thống mà Việt Nam có lợi thế hoặc vì yêu cầu an toàn an ninh; các sản phẩm vi mạch, điện tử, bán dẫn; phát triển công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực phần cứng - điện tử. Đầu tư phát triển các sản phẩm CNTT trọng điểm, sản phẩm an toàn thông tin, sản phẩm CNTT phục vụ các hệ thống thông tin quốc gia, an ninh, quốc phòng.*

Việc nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới ở một số lĩnh vực đang vướng quy định. Cụ thể: đối với việc thực hiện nghiên cứu thiết bị bay. Theo quy định tại Thông tư số 35/2017/TT-BQP ngày 12/2/2017 của Bộ Quốc phòng thì thẩm quyền cấp phép cho các cơ sở thiết kế, thử nghiệm phương tiện bay thuộc trách nhiệm của Cục Tác chiến sau khi có ý kiến đồng ý của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu và thực hiện các thủ tục theo quy định (Điều 8). Việc này gây khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ chỉ tập trung cho lĩnh vực nghiên cứu. Khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo tại TP. HCM tập trung nhiều doanh nghiệp R&D và các chuyên gia muốn tập trung nghiên cứu thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới, nhưng do vướng quy định hoặc quy định quá phức tạp nên không thực hiện được.

Các chính sách về khoa học và công nghệ hiện nay đang tập trung chủ yếu cho giai đoạn hoạt động R&D, trong khi đó các giai đoạn còn lại bao gồm: tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc (giai đoạn thương mại hóa) chưa cụ thể và đầy đủ so với thực tiễn phát triển của các startup tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Về cơ chế tài chính trong hoạt động hỗ trợ ươm tạo từ ngân sách nhà

nước cho các dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo

+ Quy định hiện nay chỉ hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, trong khi đó các cá nhân và nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (cũng là đối tượng được hỗ trợ trong đề án 844) tại các cơ sở ươm tạo, tại các trường đại học đang trong giai đoạn ươm tạo và chưa thành lập doanh nghiệp thì không được xem xét hưởng ưu đãi từ chính sách này, trong khi đây là nhóm đối tượng tiềm năng để phát triển thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thực tế cho thấy phải ươm từ 7 đến 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo mới ra được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Cụ thể tại Điều 10 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính về quy định quản lý tài chính thực hiện đề án “hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” có nêu Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

“Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ và tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài. Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế

...

a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm;

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 80.000.000 đồng/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm”.

+ Ngoài ra để được hỗ trợ thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng một trong số các điều kiện quy định tại Điều 14, 15 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng

dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong khi thực tiễn số lượng doanh nghiệp đạt các yêu cầu trên không nhiều, các doanh nghiệp đã có quỹ đầu tư tham gia thường không cần sự hỗ trợ của nhà nước. Ngoài ra nếu đã là doanh nghiệp KHCN hoặc doanh nghiệp công nghệ cao thì đã có các chính sách ưu đãi hiện hành và không cần đến chính sách hỗ trợ này.

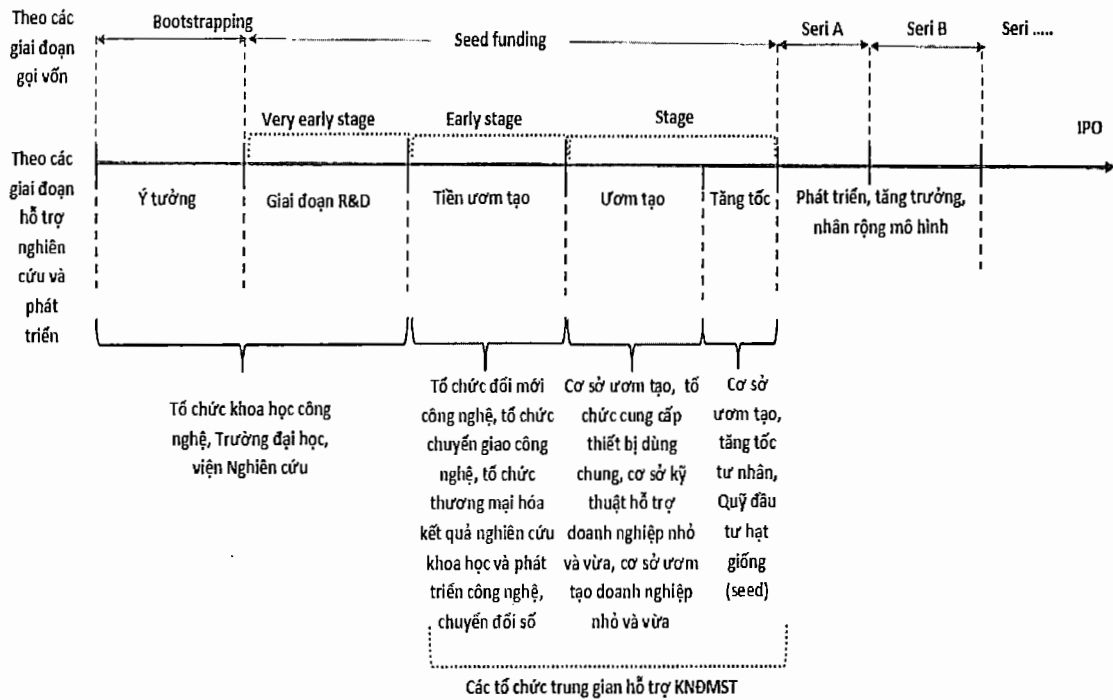
1.1.2. Về thực tiễn

a) Về chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Hiện chưa có quy định pháp luật hướng dẫn chi tiết các tiêu chí để xác định một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (KNST). Tuy nhiên, theo khái niệm nêu trên, một số điểm khác biệt cơ bản giữa doanh nghiệp KNST so với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trước hết nằm ở việc doanh nghiệp KNST phát triển trên nền tảng tài sản trí tuệ, nghiên cứu công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Đó có thể là việc phát triển mới một nền tảng công nghệ mới (như trường hợp Công ty Axie Infinity tạo tựa game NFT trên nền tảng block chain) hay sáng tạo ra một mô hình kinh doanh mới (như trường hợp công ty Vbee phát triển hệ sinh thái các giải pháp về giọng nói trí tuệ nhân tạo như Vbee AI Call Center, Vbee AI Callbot). Ngoài ra, khả năng tăng trưởng nhanh cũng là điểm khác biệt giữa doanh nghiệp KNST và doanh nghiệp nhỏ và vừa (ví dụ trường hợp của công ty OpenCommerce Group đã tăng trưởng gấp 13,8 lần trong 02 năm đầu ra mắt)

Với những đặc trưng trên, cần chính sách ưu đãi để thúc đẩy doanh nghiệp KNST tạo ra những giá trị mới, có nhiều giá trị gia tăng cho xã hội, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở ra một mô hình kinh doanh mới cho nền kinh tế; mặc dù tiềm ẩn nhiều rủi ro mất vốn, nhưng nếu thành công loại hình doanh nghiệp này có tác động rất lớn đến xã hội và nền kinh tế khi có thể tạo ra một thị trường mới, sản phẩm dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới dựa trên việc ứng dụng công nghệ. Hiện nay, trong số 10 tập đoàn có số vốn hóa lớn nhất thế giới thì có đến 8 tập đoàn là về công nghệ. Đây cũng là lý do lý giải việc doanh nghiệp KNST luôn được các nước khuyến khích phát triển thông qua việc ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, cụ thể là chính sách ưu đãi về thuế.

Hình 3. Các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup)



Quá trình phát triển của một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) thông thường đều phải trải qua các giai đoạn sau: theo các giai đoạn gọi vốn gồm: Bootstrapping – Seed funding – seri A – seri B – seri C ... – private equity – IPO, Tương ứng với các giai đoạn hỗ trợ nghiên cứu và phát triển gồm: Ý tưởng – giai đoạn nghiên cứu và phát triển (R&D) – tiên ươm tạo – ươm tạo – tăng tốc – Phát triển và tăng trưởng, nhân rộng mô hình (như hình vẽ). Ở giai đoạn Seed funding tương ứng với giai đoạn R&D đến hết giai đoạn tăng tốc, chủ yếu chỉ có các tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia, đây là giai đoạn các quỹ thường không tham gia vào nhiều do tính rủi ro cao, các tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức trung gian này đều chưa nhận được bất kỳ chính sách ưu đãi nào từ nhà nước.

Các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, tổ chức đổi mới công nghệ, tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp) là các tổ chức hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ về ươm tạo, tăng tốc, hỗ trợ thương mại hóa, chuyển giao công nghệ, cung cấp các giải pháp đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Đây là các tổ chức có vai trò quan trọng trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, là nền tảng ban đầu để hình thành các sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ,

cũng là nơi kết nối và liên kết các nguồn lực trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rất cần sự ưu đãi từ Nhà nước, đặc biệt là thuế.

Chủ trương ưu đãi về thuế cho nhóm đối tượng này đã được nêu tại Điều 45 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 “*Tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*”, tuy nhiên, chưa được cụ thể hóa về tỷ lệ và thời gian hỗ trợ. Thực tiễn cho thấy, phần kinh phí, doanh thu các tổ chức này nhận được tập trung chủ yếu cho hoạt động ươm tạo và phát triển các sản phẩm đổi mới sáng tạo hiện nay được xem như là nguồn thu của doanh nghiệp, phần thu đơn vị phải đóng theo quy định là 20% và do đó cần có ưu đãi thuế cho các nhóm đối tượng này.

b) Chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư là cá nhân, doanh nghiệp

Bên cạnh các nhà đầu tư là quỹ đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp thì số lượng nhà đầu tư cá nhân cũng chiếm phần lớn trong việc đầu tư các doanh nghiệp KNST, do đó cũng cần miễn thuế thu nhập cá nhân cho các nhà đầu tư cá nhân này để khuyến khích cho việc đầu tư, phát triển doanh nghiệp KNST vốn cần nguồn vốn lớn để phát triển.

Theo dõi tình hình và tốc độ phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay cho thấy hơn 10 năm phát triển Việt Nam tính đến thời điểm này chỉ có 04 startup kỳ lân (unicorn) cho thấy khả năng sinh lời trong lĩnh vực này rất thấp. Thực tế việc đầu tư vào các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam từ 2016 đến nay cho thấy 99% Nhà đầu tư chưa thu lợi nhuận từ các thương vụ đầu tư cho doanh nghiệp KNST; Nhà đầu tư cá nhân đầu tư thường ít ai muốn khai báo vào Mã số thuế cá nhân, nên thường bị áp 0.1% thuế trên giá trị giao dịch, vì vậy họ thường ký Hợp đồng không đúng giá trị giao dịch và làm lệch lạc thông tin đầu tư.

c) Đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố

Tuy Nhà nước đã có chủ trương nhưng hiện nay chưa có chính sách cụ thể ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân tham gia vào các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Theo Thống kê của Crunchbase – thông tin kinh doanh về các công ty tư nhân và công cộng, từ năm 2004 (đánh dấu năm mà IDG bắt đầu vào VN) đến nay Việt Nam có khoảng hơn 4500 doanh nghiệp, trừ đi số doanh nghiệp ko còn hoạt động con số này hiện tại còn khoảng hơn 4000 doanh nghiệp, đây phần lớn là các

techstartup, trên thực tế rất nhiều các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như nông nghiệp công nghệ cao, hóa dược, công nghệ sinh học, điện , điện tử, cơ khí, tự động hóa...chưa được liệt kê trên nền tảng này. Tại Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 2.000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trong đó 65% thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

Trong doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin luôn có sự hợp tác làm việc chặt chẽ giữa các cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, nhà khoa học và chuyên gia để triển khai phát triển các sản phẩm và dịch vụ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Bản chất thật sự của hoạt động này là các mô hình đổi mới sáng tạo mở, nhằm liên kết nhiều nguồn lực cho các hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

Trong quá trình phát triển một sản phẩm và dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ngoài các thành viên chính tham gia xây dựng dự án thì còn có sự tham gia đặc lực của nhóm các chuyên gia tư vấn, cố vấn và các nhà khoa học, đây cũng là nguồn nhân lực chất lượng cao, có đóng góp tích cực và rất lớn vào hiệu quả, chất lượng của một sản phẩm đổi mới sáng tạo vì họ đem đến cho các Doanh nghiệp KNST không chỉ có một phần kinh phí và còn mang đến mạng lưới đối tác, thị trường tiêu thụ, chiến lược và những kinh nghiệm vô cùng giá trị cũng như những kiến thức chuyên môn rất sâu cho các doanh nghiệp này trong quá trình phát triển. Mạng lưới chuyên gia tư vấn, cố vấn khởi nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện có gần 300 người, đang là các cá nhân hợp tác rất chặt chẽ với các Doanh nghiệp KNST. Mặc dù có nhiều đóng góp cho hoạt động đổi mới sáng tạo, nhưng các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo vẫn chưa được hưởng bất kỳ chính sách ưu đãi nào đặc biệt là ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân.

d) Về chính sách cho phép các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới

Trong các năm qua, mô hình liên kết 3 nhà đã được Bộ, ngành từ Trung ương tới địa phương, các tổ chức, đơn vị nghiên cứu và sản xuất triển khai rộng khắp đất nước. Qua đó, đã có những thành công, hiệu quả rất ấn tượng, thúc đẩy phát triển công - nông nghiệp, dịch vụ phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Trong lĩnh vực nông nghiệp đã có những mô hình điển hình của liên kết 3 nhà hay 4 nhà, tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, giá thành cạnh tranh đã đưa nông sản Việt Nam ra thị trường quốc tế. Tuy nhiên, đối với những công nghệ mới, tiên tiến trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao hiện nay, kết quả từ mỗi liên kết 3 nhà chưa đạt được như mong đợi. Mặc dù luôn nhận được sự quan tâm và đã có nhiều cơ chế, chính sách được ban hành, tuy nhiên quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn, rào cản, vướng mắc và có những điểm nghẽn làm cản trở

việc thực thi hợp tác mỗi liên kết 3 nhà. Vì vậy cần được triển khai thí điểm tại các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo để tháo gỡ những rào cản từ đó đề xuất xây dựng các cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy hiệu quả mô hình hợp tác nhằm sớm đưa các công nghệ mới, tiên tiến và ứng dụng trong thực tế.

đ) Về cơ chế tài chính trong hoạt động hỗ trợ ươm tạo từ ngân sách nhà nước cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Trong quá trình phát triển, một doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startup) cần trải qua rất nhiều giai đoạn, gồm: Ý tưởng – giai đoạn nghiên cứu và phát triển (R&D) – tiền ươm tạo – ươm tạo – tăng tốc – Phát triển và tăng trưởng, nhân rộng mô hình. Trong đó ở các giai đoạn nghiên cứu và phát triển (R&D) – tiền ươm tạo – ươm tạo hầu hết các nhóm đều là các dự án khởi nghiệp sáng tạo và chưa thành lập doanh nghiệp, đây cũng là giai đoạn mà hầu như các nguồn lực tư nhân không tham gia vào do rủi ro lớn, tuy nhiên đây lại là giai đoạn vô cùng quan trọng để tạo ra nguồn dự án khởi nghiệp sáng tạo là đầu vào cho các chương trình của các tổ chức hỗ trợ tư nhân. Các chính sách về khoa học và công nghệ hiện nay đang tập trung chủ yếu cho giai đoạn hoạt động R&D, trong khi đó các giai đoạn còn lại bao gồm: tiền ươm tạo, ươm tạo (giai đoạn thương mại hóa) chưa cụ thể và đầy đủ so với thực tiễn phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Thông tư số 45/2019/TT-BTC chỉ ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế; Số lượng hỗ trợ không quá 10 doanh nghiệp/năm

Thực tiễn cho thấy 99% doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông thường họ không cần sự hỗ trợ của nhà nước vì hầu hết các doanh nghiệp này đã có sản phẩm hoàn thiện, mô hình kinh doanh phù hợp và được thị trường chấp nhận, các nhà đầu tư tư nhân sẵn sàng đầu tư cho họ. Trong khi đó các doanh nghiệp còn lại đang trong giai đoạn hoàn thiện sản phẩm, xây dựng mô hình kinh doanh phù hợp đang rất cần sự hỗ trợ của nhà nước thì lại không được ưu tiên. Trên thực tế để có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chưa nói đến việc có sản phẩm tốt đã được thị trường kiểm chứng, chúng ta phải ươm tạo được gấp 10 lần con số này, nghĩa là phải ươm tạo và hỗ trợ 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo thì mới có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Ngoài ra, để có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện tiếp cận với các Nhà đầu tư thì các tổ chức ươm tạo và tăng tốc tư nhân phải tiếp tục hỗ trợ cho 10 đến 15 doanh nghiệp trong vòng 4 tháng đến 6 tháng trước khi tiếp cận với các quỹ đầu tư mạo hiểm.

Đồng thời theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo muốn được hỗ trợ phải đáp ứng một trong số các điều kiện quy định tại Điều 14, 15 như đã nêu trên. Trong khi thực tiễn số lượng doanh nghiệp đạt các yêu cầu trên không nhiều, các doanh nghiệp đã có quỹ đầu tư tham gia thường không cần sự hỗ trợ của nhà nước. Ngoài ra số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các điều kiện tại Điều 15 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT thực tế chỉ chiếm tỷ lệ rất ít khoảng 5-10% tổng số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hiện nay. Nghĩa là 90% còn lại (40% ở giai đoạn dự án, 50% là các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang tiếp tục hoàn thiện sản phẩm) chưa có chính sách hỗ trợ. Ngoài ra nếu đã là doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp công nghệ cao thì đã có các chính sách ưu đãi hiện hành và không cần đến chính sách hỗ trợ này. Do đó, cần xác định rõ ràng vai trò hỗ trợ của nhà nước trong hoạt động này, Nhà nước chỉ nên tập trung chính vào các giai đoạn mà khu vực tư nhân hầu như không tham gia vào, giai đoạn rủi ro cao, là giai đoạn của các dự án khởi nghiệp sáng tạo, mà ưu tiên tại các Trường đại học.

Kinh nghiệm của các quốc gia khác như Singapore, Israel, New Zealand,... đã chứng minh rằng ở giai đoạn dự án khởi nghiệp sáng tạo hay dự án đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa đều cần hoàn thiện sản phẩm và mô hình kinh doanh thì nhà nước là nguồn lực quan trọng đóng vai trò hỗ trợ chính cho các dự án được ươm tạo và phát triển. Do đó, Nhà nước ta cần phát huy vai trò chính trong giai đoạn đầu (giai đoạn ươm tạo) của các hoạt động thương mại hóa các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu nhằm tạo ra sự thay đổi tích cực về mặt tư duy, ý thức xã hội về hoạt động đổi mới sáng tạo cũng như tạo nguồn dự án khởi nghiệp sáng tạo nhiều hơn để kết nối với thị trường của khu vực tư nhân và thu hút nguồn vốn từ nước ngoài. Nói cách khác, Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo cần sự phát triển bền vững và lâu dài dựa trên việc tập trung phát triển các hoạt động nghiên cứu và thương mại hóa từ các trường đại học (85% các dự án khởi nghiệp sáng tạo thuộc khu vực này), nơi mà nguồn lực về đổi mới sáng tạo là vô hạn và rất tiềm năng. Việt Nam có thể đi chậm nhưng không thể không đi đúng hướng bởi hướng phát triển này đã được kiểm chứng từ các mô hình thành công trên thế giới tại các nước như Trung Quốc, Ấn độ, Mỹ, Israel, Đức...khi mà 90% doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của họ đều được ươm tạo từ Trường đại học.

1.1.3. Về thực trạng của Thành phố hiện nay:

a) Về chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có gần 2.000 doanh nghiệp KNST, trong đó 65% tập trung ở lĩnh vực công nghệ thông tin. Hơn 44 cơ sở ươm tạo và tăng tốc khởi nghiệp (cả nhà nước và tư nhân). Các cơ sở ươm tạo nhà nước hầu hết tập trung

vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ cao hay công nghệ sinh học, cơ khí tự động hóa, đây là các lĩnh vực cần thời gian ươm tạo dài, vốn đầu tư lớn, nhưng chính các lĩnh vực này mới tạo ra được các công nghệ lõi cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đây là yếu tố quan trọng để hệ sinh thái khởi nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phát triển bền vững và có lợi thế cạnh tranh. Trong khi đó, các cơ sở ươm tạo tư nhân phần lớn tập trung ươm tạo và tăng tốc cho các doanh nghiệp KNST trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, thương mại điện tử và công nghệ tài chính,... do chi phí đầu tư không lớn, thời gian ươm tạo ngắn và thoái vốn nhanh - đây là các nhóm đối tượng quan trọng trong việc ươm mầm và phát triển các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo cho Thành phố.

Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hơn 95% đồng nghĩa với việc rủi ro cho đầu tư vào khởi nghiệp cao nên nếu không có chính sách này thì không khuyến khích được vốn tư nhân cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Đồng hành với các cơ sở ươm tạo, tăng tốc nêu trên là các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, tổ chức đổi mới công nghệ, tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, đây là các tổ chức thúc đẩy việc phát triển doanh nghiệp KNST ngày càng hiệu quả và có chất lượng hơn. Kết quả khảo sát của 297/371 tổ chức khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ (trong đó có 82 tổ chức KH&CN công lập) cho thấy có 64,8% ý kiến đề nghị được miễn hoặc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương tự như chính sách dành cho doanh nghiệp KH&CN. Đồng thời, kết quả khảo sát về tổng doanh thu của 297 tổ chức KH&CN là 465.658.000.000 đồng, (trong đó tổng doanh thu của các tổ chức KH&CN công lập là 283.256.000.000 đồng). Tổng chi thường xuyên là 379.084.000.000 đồng. Như vậy, tổng tiền thuế tổ chức KH&CN phải nộp là 17.314.800.000 đồng.

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có hơn 100 tổ chức trung gian hỗ trợ KNST (cả nhà nước và tư nhân). Các cơ sở nhà nước hầu hết tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ cao hay công nghệ sinh học, cơ khí tự động hóa, đây là các lĩnh vực cần thời gian ươm tạo dài, vốn đầu tư lớn, nhưng chính các lĩnh vực này mới tạo ra được các công nghệ lõi cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đây là yếu tố quan trọng để hệ sinh thái khởi nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phát triển bền vững và có lợi thế cạnh tranh. Trong khi đó, các cơ sở tư nhân

phần lớn tập trung ươm tạo và tăng tốc cho các doanh nghiệp KNST trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, thương mại điện tử và công nghệ tài chính,... do chi phí đầu tư không lớn, thời gian ươm tạo ngắn và thoái vốn nhanh. Đây là các nhóm đối tượng quan trọng trong việc ươm mầm và phát triển các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo cho Thành phố. Thực tiễn cho thấy, phần kinh phí, doanh thu các tổ chức này nhận được tập trung chủ yếu cho hoạt động ươm tạo và phát triển các sản phẩm đổi mới sáng tạo hiện nay được xem như là nguồn thu của doanh nghiệp, phần thu đơn vị phải đóng theo quy định là 20% và do đó cần có ưu đãi thuế cho các nhóm đối tượng này.

Hiện Thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế trực tiếp đánh vào tài chính của doanh nghiệp nên sự hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối doanh nghiệp KNST chủ yếu là sắc thuế này. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) 2017: “1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp KNST này sẽ được tham chiếu pháp luật chung về thuế thu nhập doanh nghiệp mà chưa có quy định cụ thể về mức thuế suất áp dụng cho DNNVV. Nói cách khác, ưu đãi này vẫn chưa được cụ thể hóa riêng cho doanh nghiệp KNST trên thực tế, các doanh nghiệp KNST phải áp dụng theo những ưu đãi của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo ngành nghề kinh doanh, doanh thu cũng như địa bàn hoạt động để hưởng ưu đãi.

b) Chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư là cá nhân, doanh nghiệp

Việc đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startup) được xem là đầu tư mạo hiểm do rủi ro đầu tư trong lĩnh vực này là rất cao. Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các startup là hơn 95% do các các doanh nghiệp đang trong giai đoạn phát triển khá sớm, nhân sự mỏng, kiêm nhiệm nhiều vị trí cùng lúc, chưa có sản phẩm hoàn chỉnh và vẫn đang hoàn thiện sản phẩm và tìm kiếm mô hình kinh doanh phù hợp. Hoạt động đầu tư và góp vốn vào các doanh nghiệp này mang tính giàn trải cho nhiều doanh nghiệp cùng lúc. Về quy định pháp luật chưa có sự phân biệt giữa Quỹ đầu tư mạo hiểm và Quỹ đầu tư thông thường, do đó, trong quá trình chuyển nhượng hoặc thoái vốn, theo quy định nhà nước thuế thu nhập đối với giao dịch chuyển nhượng được tính như sau:

+ Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty đại chúng gọi là chuyển nhượng chứng khoán, áp dụng thuế 0.1% cho nhà đầu tư cá nhân/tổ chức nước ngoài và cá nhân trong nước. Tổ chức trong nước đóng thuế 25% trên lợi tức.

+ Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty cổ phần không đại chúng gọi là chuyển nhượng vốn, đóng thuế như sau:

+ Nhà đầu tư là tổ chức (Việt Nam hoặc nước ngoài): áp dụng thuế suất thuế

TNDN là 25% trên lợi tức (giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan) ;

+ Nhà đầu tư cá nhân Việt nam: áp dụng thuế suất 20% trên lợi tức (theo Luật thuế thu nhập cá nhân).

+ Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài: áp dụng thuế suất 0.1% trên giá bán (tổng số tiền được từ việc chuyển nhượng phân vốn)

Như vậy hiện nay các Nhà đầu tư mạo hiểm (nhà đầu tư cá nhân và Quỹ đầu tư mạo hiểm) vẫn chịu thuế theo dạng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tất cả các thương vụ đầu tư vào doanh nghiệp KNST dù thất bại hay thành công đều phải đóng thuế khi chuyển nhượng hoặc góp vốn. Trong khi đó, rủi ro trong đầu tư mạo hiểm là hơn 95% và các đối tượng này chưa được nhà nước xem xét hỗ trợ. Các nước khác như Singapore, Úc, New Zealand,... đều có chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho Nhà đầu tư mạo hiểm do tính rủi ro lớn, ngược lại, nếu thành công sẽ tạo ra nhiều tác động rất lớn cho xã hội về hiệu quả của hoạt động đổi mới sáng tạo.

Thực tế cho thấy các nhà đầu tư khi đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp không ngại việc đóng thuế nếu có lợi nhuận, tuy nhiên bản chất của đầu tư mạo hiểm là việc đầu tư vào các giai đoạn rất sớm của doanh nghiệp, tính đến nay, hầu hết đều là các thương vụ thất bại. Các Nhà đầu tư chỉ cần miễn thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nghĩa là được miễn thuế trên mỗi doanh nghiệp KNST mà họ đầu tư.

c) Đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố

Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại TPHCM là 1.926 doanh nghiệp, chiếm gần 50% của cả nước. Ngoài Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo TP.HCM đang được xây dựng, một số trung tâm là đơn vị sự nghiệp công của Thành phố cũng có hoạt động đổi mới sáng tạo – đều là loại hình các trung tâm đổi mới sáng tạo, ươm tạo, tăng tốc, thương mại hóa. Theo đó:

+ Trong các trung tâm này đang có rất nhiều các cá nhân hoặc nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khả thi và có tiềm năng phát triển đang được ươm tạo để đưa vào các Chương trình ươm tạo và tăng tốc của tư nhân, đây là các dự án đã được tuyển chọn và đánh giá từ các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc từ các chương trình ươm tạo. Do đó, cần có chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập đối với các cá nhân khởi nghiệp sáng tạo này để tạo nguồn lực họ tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, tiếp cận nguồn vốn đầu tư và thị trường.

+ Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các Trung tâm đổi mới sáng tạo có thể là các cố vấn chiến lược, chuyên gia tư vấn, kết nối,

huấn luyện hoặc các nhà đầu tư chiến lược tài chính cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các chuyên gia này sẽ được ưu đãi nếu tham gia vào các lĩnh vực được Thành phố ưu tiên phát triển tại các Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong 5 năm đầu hầu như không có lợi nhuận, họ hoạt động nhờ nguồn vốn từ các nhà đầu tư thiên thần và một số quỹ đầu tư ở giai đoạn hạt giống, các sáng lập viên và đồng sáng lập thường ký hợp đồng với nhà đầu tư để nhận tiền và phải đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập này. Do đó, trong giai đoạn đầu các cá nhân này rất cần sự chính sách hỗ trợ và ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân từ nhà nước để tạo nguồn lực họ tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, tiếp cận nguồn vốn đầu tư và thị trường. Trong 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trong 5 năm đầu tiên hoạt động, số lượng nhân sự chỉ giao động từ 5 - 15 người, các cá nhân được miễn thuế tập trung chủ yếu là người sáng lập (founder), đồng sáng lập (Co-founder) nhóm cá nhân thực hiện R&D phát triển sản phẩm (nhóm tech/R&D sản phẩm). Để triển khai được chính sách này đơn vị thực hiện sẽ tham mưu tiêu chí cụ thể về nhân sự được miễn thuế trong Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời sẽ có số lượng giới hạn các cá nhân được miễn thuế từ 3-5 người/doanh nghiệp, không phải tất cả các cá nhân làm việc trong doanh nghiệp đều được miễn thuế thu nhập cá nhân.

d) Về cơ chế tài chính trong hoạt động hỗ trợ wom tạo từ ngân sách nhà nước cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nhìn lại giai đoạn phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2016-2021 có thể dễ nhận ra một thực tế là: Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố nói riêng và Việt nam nói chung phát triển chưa bài bản và chưa có chiều sâu. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do 95% các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam không phải xuất phát từ các trường đại học, trong khi đó, các nước có hệ sinh thái phát triển thì 90% các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của họ đều từ trường đại học phát triển lên. Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam dù tăng nhanh về số lượng nhưng đang giảm dần về chất lượng bởi họ không có công nghệ lõi, không có công nghệ chuyên sâu mà chỉ đang khai thác nhu cầu thị trường hiện hữu bằng các giải pháp công nghệ đã có mô hình tương tự ở nước ngoài. Về lâu dài hướng phát triển này sẽ không bền vững, Việt Nam nếu không tự tạo được lợi thế cạnh tranh từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D), tương lai sẽ có thể trở thành một thị trường tiềm năng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nước ngoài khai thác và tận dụng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có hoạt động R&D, có các dự án đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có các dự án đổi mới sáng tạo cũng mong muốn nhận được các chính sách hỗ trợ từ nhà nước vì trong quá trình phát triển các dự án này họ cũng phải trải qua các giai đoạn tương tự như các dự án khởi nghiệp sáng tạo.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ chế đặc thù để hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo động lực thu hút nguồn vốn từ bên ngoài, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Để đạt được mục tiêu tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025:...***hỗ trợ được 800 dự án... Đến năm 2025: Hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*** Xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động hiệu quả và có lợi thế cạnh tranh trong khu vực.

- Thúc đẩy các cá nhân khởi nghiệp sáng tạo tích cực tham gia vào các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong phạm vi là trong doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin trên địa bàn Thành phố.

- Hoàn thành được nhiệm vụ hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các khu công nghệ thông tin tập trung theo Quyết định số 2407/QĐ-TTg Ngày 31/12/2014 của Thủ tướng chính phủ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao theo Nghị quyết số 31-NQ/TW.

- Tạo cơ chế chính sách hỗ trợ ươm tạo cho các cá nhân và nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các cơ sở ươm tạo, tại các trường đại học đang trong giai đoạn ươm tạo góp phần thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2:

Hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố.

- Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng

tạo.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố.

Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tiêu chí, điều kiện chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo.

- Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, Trung tâm Đổi mới sáng tạo.

Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, lĩnh vực thử nghiệm giải pháp công nghệ mới và nội dung hỗ trợ (nếu có).

- Hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố chi phí ươm tạo dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo bao gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại điểm này.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật hiện hành như Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Chưa tạo cơ chế để tạo động lực thu hút nguồn vốn từ bên ngoài, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên, không thúc đẩy được hiệu quả hoạt động xuất khẩu, gia tăng sản phẩm nội địa sản xuất trong nước hoặc phát triển khoa học và công nghệ.

Chưa tạo cơ chế để hỗ trợ ươm tạo cho nhóm đối tượng tiềm năng để phát triển thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là các cá nhân và nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các cơ sở ươm tạo, tại các trường đại học đang trong giai đoạn ươm tạo.

- Tác động về xã hội:

Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hơn 95% đồng nghĩa với việc rủi ro cho đầu tư vào khởi nghiệp cao nên theo Giải pháp này thì không khuyến khích được vốn tư nhân cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Nếu không có chính sách này hệ sinh thái KNST của Thành phố sẽ vẫn tiếp tục phát triển nhưng không có định hướng rõ ràng, không khuyến khích được các nguồn lực xã hội quan tâm đến các hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong trường Đại học, không thể tạo ra các doanh nghiệp KNST với công nghệ lõi và chuyên sâu từ hoạt động nghiên cứu bài bản trong các trường Đại học, về lâu dài Thành phố sẽ khó có nguồn lực ổn định và lâu dài cho hệ sinh thái.

- Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế

Giảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước (dự kiến khoảng 30 tỷ đồng/năm).

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sẽ được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Số tiền được ưu đãi này sẽ tạo nguồn lực để đầu tư phát triển cho doanh nghiệp.

Thông qua ưu đãi thuế sẽ tạo động lực thu hút nguồn vốn từ bên ngoài, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên; khuyến khích tạo việc làm; thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên; khuyến khích tạo việc làm; thúc đẩy xuất khẩu,

gia tăng sản phẩm nội địa sản xuất trong nước; hoặc phát triển khoa học và công nghệ,... Trong thời gian ngắn hạn sẽ giảm nguồn thu ngân sách, nhưng về dài hạn sẽ giúp các doanh nghiệp KNST nâng cao năng lực tích lũy, năng lực cạnh tranh qua đó thúc đẩy kinh tế phát triển và tạo ra “hiệu ứng lan tỏa” khác cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, chính sách này sẽ thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố. Đây sẽ là nguồn lực quan trọng để phát triển các giải pháp đổi mới sáng tạo trong tương lai để phục vụ cho các Chương trình lớn của Thành phố.

- Về chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư cá nhân sẽ tạo điều kiện cho Thành phố xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có lợi thế cạnh tranh trong khu vực. Thành phố sẽ tạo được nguồn lực quan trọng về đổi mới sáng tạo, giúp tạo ra rất nhiều các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong 5 năm hoặc 10 năm tới dựa trên các nguồn tài chính huy động từ hệ sinh thái và các quỹ đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư trong lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu tại các Chương trình lớn Thành phố đang triển khai trong dài hạn như: Chương trình đô thị thông minh, chuyển đổi số, xây dựng Thành phố thành Trung tâm tài chính trong khu vực,...

- Việc tạo ra ngày càng nhiều lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sẽ có tác động tích cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh, tạo ra được nhiều sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng khoa học và công nghệ tốt chính là nền tảng vững chắc cho một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bền vững và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

- Về chính sách cho phép các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới sẽ hỗ trợ việc nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới nhằm thúc đẩy việc tìm kiếm và đưa ra thị trường các sản phẩm công nghệ mới mang thương hiệu Việt Nam có khả năng cạnh tranh với các giải pháp công nghệ tiên tiến trên thế giới, cung cấp cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, người dân các sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao với giá thành phù hợp, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất của người lao động, giảm chi phí, tạo lợi thế cạnh tranh không chỉ ở thị trường trong nước mà cả thị trường ngoài nước.

Khoa học và công nghệ là nguồn lực quan trọng của phát triển kinh tế. Các sản phẩm KH-CN đặc biệt là sản phẩm từ công nghệ mới, tiên tiến đang đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GDP. Thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần cho sự phát triển KH-CN và gián tiếp có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế.

- Về cơ chế tài chính trong hoạt động hỗ trợ ưu tiên từ ngân sách nhà nước

cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Thành phố sẽ xây dựng được một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có nền tảng ổn định và lâu dài, kinh nghiệm của các quốc gia có hệ sinh thái phát triển thì hầu hết các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startups) đều xuất phát từ các nghiên cứu của trường đại học, và ở giai đoạn ươm tạo, nhà nước đóng vai trò là nhà đầu tư thiên thần cho các dự án ở giai đoạn sớm. Chính sách này cũng sẽ thúc đẩy hình thành các công nghệ lõi, các công nghệ chuyên sâu trong các lĩnh vực là thế mạnh của Thành phố từ đó tạo lợi thế cạnh tranh cho hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

b) Tác động về xã hội

Nhà nước cần phát huy vai trò hỗ trợ ban đầu cho các doanh nghiệp KNST, các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố. Từ đó, liên kết và hợp tác với các thành phần khác trong hệ sinh thái thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho Thành phố Hồ Chí Minh

Về ưu đãi đối với nhà đầu tư cá nhân, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố hiện đang hoạt động với gần 2.000 Doanh nghiệp KNST (gần 50% của cả nước) tập trung vào lĩnh vực chính là công nghệ thông tin (chiếm hơn 65%), là một hệ sinh thái năng động Thành phố đang có hơn 150 quỹ đầu tư mạo hiểm đang hoạt động. Tuy nhiên, các quỹ đầu tư này khi xem xét đầu tư vào Doanh nghiệp KNST có xu hướng đưa các doanh nghiệp này qua nước khác đăng ký thành lập công ty để được hưởng các ưu đãi từ chính quyền các nước có các chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư, rất nhiều doanh nghiệp KNST Việt Nam qua Singapore thành lập công ty để nhận vốn đầu tư. Nếu không có chính sách ưu đãi cho Nhà đầu tư mạo hiểm sẽ khó giữ chân và thu hút các nguồn vốn lớn từ khu vực tư nhân hoặc từ nước ngoài cho việc phát triển các Doanh nghiệp KNST tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó khó phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo có ưu thế trong khu vực và quốc tế. Ngoài ra, chính sách ưu đãi cụ thể sẽ giúp minh bạch các thông tin về đầu tư hơn

Chính sách giúp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các cá nhân khởi nghiệp sáng tạo tham gia ngày càng nhiều vào lĩnh vực này, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Thành phố.

- Về chính sách cho phép các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới giúp phát triển các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực tin học viễn thông, các giải pháp cho nhà thông minh, làng thông minh, đô thị thông minh sẽ góp phần tác động lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội. Việc thử nghiệm và đưa ra được thị trường các sản phẩm, giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần tăng giao lưu xã hội làm cho đời sống tinh thần người dân

phong phú hơn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Sự phát triển KHCCN trong cuộc CMCN 4.0 đặc biệt là công nghệ mới, tiên tiến luôn hình thành và phát triển đã tác động rõ rệt đến mọi mặt đời sống xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người. Tuy nhiên để KHCCN mới, tiên tiến được đi vào thực tế để phục vụ con người thì cần thời gian triển khai, thử nghiệm. Do đó nếu có những mô hình thử nghiệm có kiểm soát tại KCNC hay Khu CNTT tập trung sẽ giúp rút ngắn thời gian nghiên cứu thử nghiệm và sớm đem lại kết quả

- Nhà nước cũng là một thành phần trong hệ sinh thái, cần có sự liên kết và hợp tác với các thành phần khác trong hệ sinh thái và với chính sách này sẽ giúp thu hút các nguồn lực khác trong xã hội tham gia cùng với nhà nước thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời sẽ là nơi hỗ trợ phát triển cho các hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các địa phương khác

c) Tác động về bình đẳng giới

Có tác động tích cực đến bình đẳng giới do có rất nhiều các quỹ đầu tư ưu tiên cho nhóm Doanh nghiệp KNST do nữ làm chủ và các sản phẩm và dịch vụ cho những đối tượng yếu thế trong xã hội.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Do đó, Giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Theo Giải pháp này, các cơ quan thuế và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức khoa học

và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sẽ thực hiện các thủ tục miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Do đó, Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức của Thành phố.

- Về chính sách cho phép các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới. Khu CNC và khu CNTTTP TP. Hồ Chí Minh là các khu đặc thù phục vụ cho việc nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới, tuy nhiên chưa có cơ chế, chính sách mở để các doanh nghiệp, chuyên gia tại đây có thể thực hiện các nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới nên do đó, Thành phố Hồ Chí Minh cần có khung chính sách riêng cho Khu CNC và Khu CNTTTP để khuyến khích thực hiện mục tiêu này.

Luật CNC ra đời năm 2008 và đến nay vẫn còn hiệu lực. Tại điều 31 của Luật CNC 2008 có quy định về các hoạt động KHCCN tại KCNC, tuy nhiên chưa làm rõ nội dung KHCCN về việc thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới, đặc biệt là thử nghiệm các cơ chế thúc đẩy hiệu quả hợp tác 03 nhà. Do đó trong quá trình thử nghiệm sẽ đề xuất những cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển KHCCN đặc biệt là lĩnh vực CNC góp phần xây dựng hoàn chỉnh hành lang pháp lý đảm bảo KHCCN luôn là trọng tâm ưu tiên phát triển.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế. Tuy nhiên, cần dự liệu xu hướng trong thời gian tới để bảo đảm tính ổn định của chính sách khi các quốc gia sẽ tích cực tham gia Quy tắc Thuế tối thiểu toàn cầu, tiến tới hạn chế áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế ở các nước.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung các Luật liên quan

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi các Luật liên quan sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về thuế hay chính sách hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách cũng chưa thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm

quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Đề xuất về chính sách thu hút và giữ chân nguồn nhân lực cho khoa học và công nghệ

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Về pháp lý

Tuy khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 54/2017/NQ-CP: “*Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định*”, nay đề xuất điều chỉnh cụ thể hơn cho đối tượng là các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tương tự Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: “*Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định chính sách ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng, môi trường làm việc, trang thiết bị làm việc, quy hoạch, bổ nhiệm, tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách khác đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt; tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại thành phố Buôn Ma Thuột*”.

- Về thực tiễn

Việc thu hút nhân tài vào một số chức danh lãnh đạo trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cần thiết trong bối cảnh tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị quyết số 19, tuy nhiên tiền lương, tiền công của các chức danh lãnh đạo này hiện nay áp dụng theo quy định ngạch, bậc chung của viên chức.

Bên cạnh đó việc giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học) để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố là cần thiết trong bối cảnh thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng theo quy định thống nhất cả nước.

- Về thực trạng tại Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện có 14 tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố. Các tổ chức này có chức năng chính là nghiên cứu khoa học, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố (tham mưu cơ chế chính sách, nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ để phục vụ phát triển sản phẩm đặc thù của địa phương, ...). Các tổ chức KH&CN này đóng vai trò cốt lõi trong hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố góp phần nâng cao tính sáng tạo, làm chủ công nghệ và phát triển bền vững cho

Thành phố, được đầu tư nhiều công nghệ, cơ sở vật chất tiên tiến. Tuy nhiên, thu nhập bình quân của cá nhân làm nghiên cứu khoa học tại các tổ chức này dưới 10.000.000 đồng/tháng. Mức thu nhập như vậy khó giữ chân nhân lực, đặc biệt là nhân lực có trình độ cao và chuyên môn tốt trong những lĩnh vực trọng điểm như: công nghệ sinh học, vi mạch, công nghệ thông tin, ... Thực tế, khi thực hiện khảo sát thực trạng hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ này cho thấy cứ 10 người có trình độ tiến sĩ được du học ở những nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Pháp, Mỹ, ... thì gần 90% rời khỏi các tổ chức này với lý do mức thu nhập không tương xứng với trình độ bên cạnh môi trường làm việc và sẵn sàng làm thuê cho những công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

Năng suất lao động của Thành phố luôn ở mức cao hơn so với trung bình cả nước, đặc biệt là năng suất lao động các ngành thâm dụng khoa học và công nghệ như thông tin và truyền thông; tài chính, ngân hàng; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế... Theo báo cáo nghiên cứu thị trường lương năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh của các công ty nhân sự như Navigos, Adeco cho thấy để thu hút nhân sự cho các ngành công nghệ cao đòi hỏi mức lương cao hơn gấp nhiều lần so với định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Ví dụ mức lương hàng tháng của giám đốc công nghệ (CTO) là 250 - 400 triệu đồng; chuyên gia phân tích dữ liệu là 40-80 triệu đồng; chuyên gia thiết bị y tế là 25-40 triệu đồng; quản lý quỹ đầu tư là 350-400 triệu đồng

Báo cáo đánh giá kết quả 15 năm kể từ khi triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhận định: chính sách thu hút phát triển nguồn nhân lực từ đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học tuy được quan tâm, triển khai thực hiện nhưng chưa thực sự phát huy hiệu quả như mong đợi. Số lượng chuyên gia, nhà khoa học đã và đang làm việc có số lượng rất hạn chế và mới chỉ tập trung vào một số ngành nghiên cứu trên phạm vi hẹp; nhiều ngành công nghiệp mũi nhọn cũng như một số lĩnh vực đang cần nhân lực chất lượng cao nhưng chưa có chính sách thu hút chuyên gia đặc thù. Một trong những nguyên nhân hạn chế đó là: so với các thành phần ngoài khu vực công, mức ưu đãi đang áp dụng cho các chuyên gia vẫn chưa đủ sức cạnh tranh và giữ chân chuyên gia ở lại làm việc ổn định, lâu dài. Đồng thời, việc đảm bảo mức thu nhập cao, ổn định cho các chuyên gia, nhà khoa học trong các khu vực công của Thành phố cũng là phải gắn chặt với đổi mới cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế của Thành phố. Đồng thời, việc huy động nguồn nhân lực phải gắn liền với việc thực hiện chương trình phát triển Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, đặc biệt là Chương trình đột phá phát triển nhân lực Thành phố Hồ Chí

Minh hướng đến mục tiêu “xây dựng Thành phố thông minh”.

Vì vậy cần có ưu đãi về tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với lực lượng hoạt động nghiên cứu khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố để giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học) để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố là cần thiết trong bối cảnh tiền lương, tiền công, thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng theo quy định thống nhất cả nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thể chế hóa các chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư “*yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, ...*”, “*Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ tốt của thế giới*”; Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có đề ra nhiệm vụ “*có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế.*”

Thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc, nghiên cứu sẽ góp phần thay đổi mô hình quản trị tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2:

Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định:

- Tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc.

- Thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai nêu trên.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật hiện hành như Luật

Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách.

2.4. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Không giải quyết được vấn đề bất cập

- Tác động về kinh tế:

Không tạo cơ chế để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập cũng như thay đổi mô hình quản trị của các tổ chức này, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của tổ chức, gián tiếp tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Tác động về mặt xã hội:

Không thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố, góp phần giải quyết các vấn đề của Thành phố.

- Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Việc thu hút nhân tài vào một số chức danh lãnh đạo trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cần thiết trong bối cảnh tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị quyết số 19 thành các trung tâm nghiên cứu ứng dụng và đổi mới sáng tạo phục vụ cho các ưu tiên phát triển kinh tế - kỹ thuật của Thành phố, góp phần thay đổi mô hình quản trị tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Với chính sách ưu đãi thù lao trong nghiên cứu khoa học sẽ thu hút các chuyên gia, nhà khoa học chất lượng cao làm việc, nghiên cứu, ươm tạo, thương mại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố, hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố.

- Tác động về xã hội:

Giữ chân các nhà khoa học chất lượng cao đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố, góp phần giải quyết các vấn đề của Thành phố mà còn tận dụng các nguồn lực, cơ sở vật chất đã đầu tư, khai thác hiệu quả máy móc thiết bị, đào tạo tập huấn cho cán bộ nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu và mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế, tham gia mạng lưới nghiên cứu tiên tiến trên thế giới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước.... Do đó, Giải pháp này ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của một số luật hiện hành là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Theo Giải pháp này thì sẽ thay đổi chế độ tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc; thay đổi mô hình quản lý, sử dụng thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Do đó, Giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của Thành phố.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung các Luật liên quan

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi các Luật liên quan sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Hồ Chí Minh trong một văn bản luật chung về ngân sách hay khoa học và công nghệ cũng chưa thực sự phù hợp; hơn nữa, nội dung này lại được xác định là đang trong quá trình thí điểm.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

VII. Chính sách về tổ chức bộ máy của Thành phố

Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy Thành phố đề xuất 07 nội dung. Một số nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 tiếp tục đề xuất thực hiện bao gồm Khoản 3, 5 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Về thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1.1. Xác định vấn đề

Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh là mô hình hoạt động thí điểm qua 02 giai đoạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ²⁴. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành²⁵ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm. Với sự nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ sau gần 06 năm hoạt động thí điểm, Ban Quản lý An toàn thực phẩm bước đầu đã xây dựng được một mô hình cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm²⁶. Tuy nhiên, do là mô hình thí điểm nên trong quá trình hoạt động Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhiều khó khăn chủ yếu là do **chưa có các**

²⁴ Quyết định số 2349/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2020 về việc kéo dài thời gian thí điểm hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

²⁵ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

²⁶ Ban Quản lý đã thực hiện sơ kết 01 năm (Báo cáo số 267/BC-BQLATTP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố về việc sơ kết 01 năm thí điểm thành lập), tổng kết 03 năm (Báo cáo số 176/BC-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố) và tổng kết 06 năm (Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố) hoạt động thí điểm.

quy định pháp luật dành riêng cho cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Hiện nay, trên cơ sở các chủ trương trong đó có chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị 17-CT/TW về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, các cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn, đặc biệt qua kết quả đạt được sau quá trình thí điểm mô hình Ban Quản lý An toàn thực phẩm (từ năm 2017 đến nay), Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang tiến hành xây dựng Đề án thành lập Sở An toàn thực phẩm Thành phố là cơ quan đầu mối phụ trách công tác quản lý về an toàn thực phẩm. Thông qua đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đã nhận được sự quan tâm và góp ý từ các Bộ, Ngành đối với dự thảo Đề án thành lập Sở An toàn thực phẩm²⁷. Sau quá trình rà soát, Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy Đề án thành lập Sở An toàn thực phẩm đang vướng rất nhiều khó khăn, vướng mắc do một số chức năng, nhiệm vụ đang được xây dựng cho Sở An toàn thực phẩm **không đúng thẩm quyền thực hiện theo các quy định của Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y**. Cụ thể:

(1) Chức năng thanh tra về an toàn thực phẩm

- Cơ sở pháp lý:

Căn cứ khoản 1 Điều 66 Luật An toàn thực phẩm có quy định: “1. *Thanh tra về an toàn thực phẩm là thanh tra chuyên ngành. Thanh tra an toàn thực phẩm do ngành y tế, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngành công thương thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.*”;

Căn cứ Khoản 2 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thẩm quyền thanh tra chuyên ngành bao gồm: *Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra Cục Hàng không, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải, Chánh thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Chánh Thanh tra Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục về bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc trung tâm Tàn số khu vực.*

- Thực tiễn thi hành tại Thành phố Hồ Chí Minh

Do quy định về thanh tra an toàn thực phẩm trong Luật An toàn thực phẩm và Luật xử lý vi phạm hành chính **không có quy định** cho cơ quan thuộc ngành an toàn thực có chức năng thanh tra chuyên ngành nên hiện nay hệ thống Đội Quản lý An toàn thực phẩm thuộc phòng Thanh tra của Ban Quản lý An toàn thực phẩm đang

²⁷ Bộ Nội vụ (Công văn số 5333/BNV-TCBC ngày 26 tháng 10 năm 2022), Bộ Y tế (Công văn số 6228/BYT-ATTP ngày 02 tháng 11 năm 2022), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 7756/BNN-TCCB ngày 18 tháng 11 năm 2022), Bộ Công Thương (Công văn số 6814/BCT-KHCN ngày 31 tháng 10 năm 2022), Bộ Tư pháp (Công văn số 4514/BTP-PLHSHC ngày 14 tháng 11 năm 2022), Thanh tra Chính phủ (Công văn số 2121/TTCP-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022)

thực hiện nhiều chức năng nhiệm vụ vượt quá chức năng nhiệm vụ của phòng Thanh tra như: Thành viên đại diện cho Ban Quản lý trong Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm của quận - huyện để tham gia các hoạt động của địa phương, thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, kiểm dịch sản phẩm động vật ra khỏi thành phố, kiểm tra truy xuất nguồn gốc thịt heo, thịt và trứng gia cầm, phối hợp các phòng chức năng của Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong thẩm định cấp phép, lấy mẫu giám sát nguy cơ, xử lý ngộ độc thực phẩm, giám sát chợ, thức ăn đường phố trên địa bàn...

(2) Chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm

- Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 1 Điều 68 Luật An toàn thực phẩm có quy định về trách nhiệm kiểm tra an toàn thực phẩm do cơ quan quản lý an toàn thực phẩm thuộc Bộ quản lý ngành thực hiện việc kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại các điều 61, 62, 63, 64 của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Khoản 2 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), trong đó không có chức danh cụ thể liên quan đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Thực tiễn thi hành tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việc xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm trước đây Ban Quản lý áp dụng theo chức danh tương đương. Tuy nhiên, hiện nay do các Văn bản quy phạm pháp luật thay đổi không còn chức danh tương đương nên công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở pháp lý. Hiện nay, trong các Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không có quy định thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính cho “Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” như Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm hoặc chức danh tương đương mà chỉ quy định chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là “Chánh thanh tra Sở Y tế; Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chánh Thanh tra Sở Công Thương...” và các công chức, viên chức thuộc các ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương... có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Do đó, về công tác thanh kiểm tra trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thì hiện nay Ban Quản lý mới chỉ thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, chưa có chức năng thanh tra hành chính.

(3) Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn Thành phố

- Cơ sở pháp lý:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 38 của Luật Thú y quy định việc cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do **cơ quan quản lý chuyên ngành thú y** nơi xuất phát thực hiện

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 6 Luật Thú y có quy định: “*Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh)*”;

- Thực tiễn thi hành tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn số 4038/UBND-VX về việc cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tại các cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh, vận chuyển ra khỏi địa bàn Thành phố, chỉ đạo: “**1. Giao Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố là cơ quan chủ trì thực hiện thủ tục hành chính: “Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tại các cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh, vận chuyển ra khỏi địa bàn thành phố” kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017**”. Qua quá trình thực hiện nhiệm vụ về cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật, Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã thực hiện công tác kiểm tra 276.219.878 kg sản phẩm động vật, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật 411.206 bản gốc, 368.776 bản sao, tổng số tiền thu được là 48.821.300.000 đồng và có 145 tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn thành phố. Tuy nhiên, do không được quy định về thẩm quyền trong Luật Thú y nên dẫn đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, xin ý kiến hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn do vướng phải các quy định của Luật không có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho cơ quan chuyên ngành an toàn thực phẩm và trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6: “**trường hợp đặc biệt cần tăng thêm đầu mối từ cấp vụ, cục hoặc tương đương trở lên phải có ý kiến của Bộ Chính trị**”. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội cơ chế cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm để tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung sau: Đảm bảo cơ sở để xây dựng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở An toàn thực phẩm Thành phố không được quy định trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y. Tạo điều kiện thuận lợi, đặc thù để triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở An toàn thực phẩm Thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khi chưa được quy định trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Từ khi triển khai thực hiện thí điểm qua 02 giai đoạn đến nay, hoạt động của Ban Quản lý đã đạt được nhiều hiệu quả như: giải quyết hạn chế về cơ chế phối hợp giữa các sở ngành và đầu mối chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý an toàn thực phẩm; tạo sự tin nhiệm và thuận lợi cho người dân trong giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm; tăng tỷ lệ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ hành chính công về an toàn thực phẩm; là đầu mối thống nhất tiếp nhận và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh liên quan đến an toàn thực phẩm, phát huy vai trò trong định hướng dư luận; đầu mối thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm cấp Thành phố, tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở với tần suất theo quy định, tránh chồng chéo và tình trạng mỗi năm một cơ sở, doanh nghiệp phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của quá nhiều cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phát huy vai trò trong công tác tập huấn nâng cao kiến thức an toàn thực phẩm cho cán bộ quản lý các cấp và doanh nghiệp với nhiều đợt tập trung hoặc theo yêu cầu của đơn vị trên cả 03 lĩnh vực Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngoài ra, Ban Quản lý còn phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn Thành phố và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho Thành phố; qua đó, cung cấp cho người dân Thành phố thực phẩm an toàn và có nguồn gốc truy xuất rõ ràng”.

Nhằm phát huy hơn nữa các hiệu quả đạt được từ mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm, thông qua các kết quả hoạt động trong thời gian gần 6 năm qua nhận thấy việc thành lập Sở An toàn thực phẩm mang tính tất yếu trong giai đoạn hiện nay. Thông qua đó, việc thành lập một cơ quan chuyên môn về an toàn thực phẩm (Sở) thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ tạo điều kiện nhằm phát huy tối đa các hiệu quả mà mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã đạt được thông qua việc khắc phục những hạn chế về mặt pháp lý của mô hình Ban Quản lý. Do là một mô hình thí điểm nên chưa được quy định trong hệ thống văn bản pháp luật vì vậy trong quá trình hoạt động đã gặp một số vướng mắc về pháp lý (thẩm quyền thanh tra, ra quyết định xử phạt) cũng như tổ chức nhân sự (tuyển dụng, chuyển đổi công chức - viên chức). Mặc dù, tất cả các khó khăn đã được Thành phố tạm tháo gỡ để bảo đảm hoạt động của Ban trong thời gian hoạt động thí điểm, nhưng nếu được chính thức hóa thành mô hình Sở thì sẽ giải quyết được tận gốc những khó khăn trong quá trình hoạt động của mô hình thí điểm Ban, cụ thể:

(1) Giải quyết hạn chế về cơ chế phối hợp giữa các Sở - ngành và đầu mối chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý an toàn thực phẩm: hình thành một cơ quan chuyên môn (Sở) thường trực của Ban chỉ đạo liên ngành Thành phố về an toàn thực phẩm, là đầu mối thống nhất tổng hợp tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

(2) Việc thành lập một cơ quan cấp sở tập trung cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm cũng nói lên tầm quan trọng, nâng cao vai trò, vị thế của công tác đảm bảo an toàn thực phẩm với người dân Thành phố: về phối hợp với Sở - ban - ngành, quận - huyện và các đơn vị trên địa bàn Thành phố; về liên kết, phối hợp với các tỉnh; về hợp tác quốc tế...

(3) Tập trung đầu mối thanh tra, kiểm tra thuận lợi cho người dân khi chỉ có một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp Thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở với tần suất theo qui định, tránh chồng chéo và tình trạng mỗi năm một cơ sở, doanh nghiệp phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của quá nhiều cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

(4) Trong cải cách hành chính, thông tin truyền thông và cấp phép: tạo sự tin nhiệm và thuận lợi cho người dân trong giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm; việc đơn giản hóa, hợp lý hóa thủ tục hành chính từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp phép, quản lý, hậu kiểm, thanh tra... làm tăng tỷ lệ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ hành chính công về an toàn thực phẩm.

(5) Tạo điều kiện, trao quyền chính thống cho Đội Quản lý An toàn thực phẩm liên quận - huyện và Chợ đầu mối từ đó tác động tích cực đến hiệu quả quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn thông qua việc xây dựng các Đội Quản lý An toàn thực phẩm đa chức năng: vừa thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm an toàn thực phẩm, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất tỉnh, vừa tham gia giám sát, truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ quận - huyện ứng phó kịp thời với các tình huống nghi ngờ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn quản lý, đồng thời là lực lượng thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Thủ Đức và quận - huyện.

Theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 quy định: ***“trường hợp đặc biệt cần tăng thêm đầu mối từ cấp vụ, cục hoặc tương đương trở lên phải có ý kiến của Bộ Chính trị”***, Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy việc đề xuất thành lập Sở An toàn thực phẩm Thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh²⁸ cần có ý kiến của Bộ Chính trị. Đồng thời, khi thực hiện mô hình Sở An toàn thực phẩm sẽ vướng rất nhiều **quy định của Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y** do không có quy định cho cơ quan thuộc ngành an toàn thực phẩm vì vậy Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy cần thiết đưa vào Nghị quyết của Quốc hội để có cơ sở triển khai thực hiện, cũng như việc bổ sung các Luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Ngoài ra, quy định này nếu được thông qua sẽ tiết kiệm về thời gian, chi phí do không phải gửi lấy ý kiến các

²⁸ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực thuộc Trung ương tương đương cấp vụ theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở.

Bộ ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết thành lập.

1.3. Giải pháp đề xuất:

Căn cứ Chỉ thị 17-CT/TW của Ban Bí thư và trên cơ sở đánh giá hiệu quả đạt được sau thời gian thí điểm hoạt động, nhằm bắt kịp nhịp độ phát triển của Thành phố, góp phần ổn định và phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất như sau:

a) Giải pháp 1: thông qua các hiệu quả đạt được của mô hình thí điểm và các nhiệm vụ của Ban Quản lý An toàn thực phẩm, đề xuất thành lập Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

b) Giải pháp 2: Chuyển chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn Thành phố từ Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương để thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Giải pháp 3: trên cơ sở các hiệu quả đạt được của mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất Chính phủ cho phép thành lập chính thức Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

1.4 Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1:

Tác động về kinh tế:

Thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố sẽ giúp UBND Thành phố triển khai thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất tỉnh, vừa tham gia giám sát, truy xuất nguồn gốc tại các chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ ngày càng được nâng cao, tăng chất lượng hàng hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Tác động về xã hội:

Tập trung đầu mối thanh tra, kiểm tra thuận lợi cho người dân khi chỉ có một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp Thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở với tần suất theo qui định, tránh chồng chéo và tình trạng mỗi năm một cơ sở, doanh nghiệp phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của nhiều cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Đồng thời, Sở An toàn thực phẩm là cơ quan hỗ trợ thành phố Thủ Đức và quận - huyện ứng phó kịp thời với các tình huống nghi ngờ độc thực phẩm xảy ra

trên địa bàn quản lý, thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Thủ Đức và quận - huyện.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính:

Tạo thuận lợi cho người dân trong giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm; hợp lý hóa thủ tục hành chính từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp phép, quản lý, hậu kiểm, thanh tra... làm tăng tỷ lệ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ hành chính công về an toàn thực phẩm.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Hình thành một cơ quan chuyên môn (Sở) là đầu mối thống nhất tổng hợp tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ cho phép thành lập cần phải đề xuất sửa đổi bổ sung các quy định tại Luật An toàn thực phẩm, Luật Thú y, Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do đó, thời gian để Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh được có đầy đủ cơ sở pháp lý để thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ sẽ kéo dài do đợi điều chỉnh, sửa đổi các Luật có liên quan.

b) Giải pháp 2:

Tác động về kinh tế:

Thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố sẽ giúp UBND Thành phố triển khai thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất tỉnh, vừa tham gia giám sát, truy xuất nguồn gốc tại các chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ ngày càng được nâng cao, tăng chất lượng hàng hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác động về xã hội:

Tập trung đầu mối thanh tra, kiểm tra thuận lợi cho người dân khi chỉ có một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp Thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở với tần suất theo qui định, tránh chồng chéo và tình trạng mỗi năm một cơ sở, doanh nghiệp phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của nhiều cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Đồng thời là cơ quan hỗ trợ thành phố Thủ Đức và quận - huyện ứng phó kịp thời với các tình huống nghi ngờ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn quản lý, thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Thủ Đức và quận - huyện.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính:

Tạo thuận lợi cho người dân trong giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm; hợp lý hóa thủ tục hành chính từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp phép, quản lý, hậu kiểm, thanh tra... làm tăng tỷ lệ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ hành chính công về an toàn thực phẩm.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Hình thành một cơ quan chuyên môn (Sở) là đầu mối thống nhất tổng hợp tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thành phố đề xuất thành lập Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tổ chức của Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh sau thời gian thực hiện thí điểm. Khi thành lập Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được nhiều thuận lợi do được hoạt động trên nền công việc, nhân sự được chuyển từ Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố theo nguyên tắc nguyên trạng (nhiệm vụ, bộ máy và biên chế). Trên cơ sở đó, Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đảm bảo, phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được của mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn Thành phố.

c) Giải pháp 3:

Tác động về kinh tế:

Thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm là cơ sở để triển khai thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm, việc giám sát, truy xuất nguồn gốc tại các chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ ngày càng được nâng cao, tăng chất lượng hàng hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác động về xã hội:

Tập trung đầu mối thanh tra, kiểm tra thuận lợi cho người dân khi chỉ có một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp Thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở với tần suất theo qui định, tránh chồng chéo và tình trạng mỗi năm một cơ sở, doanh nghiệp phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của nhiều cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Đồng thời là cơ quan hỗ trợ thành phố Thủ Đức và quận - huyện ứng phó kịp thời với các tình huống nghi ngờ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn quản lý, thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Thủ Đức và quận - huyện.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính:

Tạo thuận lợi cho người dân trong giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm; hợp lý hóa thủ tục hành chính từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp phép, quản lý, hậu kiểm, thanh tra... góp phần tăng tỷ lệ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ hành chính công về an toàn thực phẩm.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Việc thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm giúp tập trung một đầu mối thực hiện công tác an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, do các quy định tại Luật An toàn thực phẩm, Luật Thú y, Luật Xử lý vi phạm hành chính không có quy định cho cơ quan chuyên ngành an toàn thực phẩm nên khi được chính thức thành lập thì hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm vẫn gặp phải nhiều khó khăn, chưa thực sự giải quyết triệt để trong việc kiểm tra, xử phạt, kiểm soát an toàn thực phẩm của Ban Quản lý.

1.5. Kiến nghị

Để đảm bảo sớm thống nhất một đầu mối quản lý về an toàn thực phẩm, Thành phố kiến nghị lựa chọn giải pháp 2, đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội cơ chế cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm để làm cơ sở pháp lý xây dựng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở An toàn thực phẩm Thành phố mà không phải chờ điều chỉnh sửa đổi quy định trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y.

Trên cơ sở Nghị quyết được thông qua; Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua việc thành lập Sở An toàn thực phẩm trực thuộc UBND Thành phố theo trình tự thực hiện của Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

2. Ủy ban nhân dân huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có không quá ba Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có từ 50.000 dân trở lên có không quá ba Phó Chủ tịch

2.1. Xác định vấn đề

Việc đề xuất tăng thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã từng được Thành phố thực hiện tại nhiệm kỳ 2011 - 2016 theo Công văn số 3533-CV/VPTW ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Trung ương Đảng về chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền của Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, từ nhiệm kỳ từ nhiệm kỳ 2016 - 2021 chủ trương tăng thêm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã đang tạm ngừng thực hiện, nên các địa phương có dân

số đông, tính chất phức tạp trong quản lý nhà nước và có tình hình đô thị hóa cao đang thiếu nguồn lực cán bộ quản lý.

- Hiện tại, theo phân loại đơn vị hành chính cấp huyện Thành phố còn 03 huyện (Cần Giờ, Hóc Môn, Nhà Bè) là huyện loại 2, được bố trí 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và 48 phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 dân trở lên là phường, xã, thị trấn loại 1, được bố trí 02 Phó Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn. Tuy nhiên, theo ghi nhận từ quá trình điều hành, quản lý nhà nước tại 03 huyện và 48 phường, xã, thị trấn, số lượng 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chưa đảm bảo được nguồn nhân lực lãnh đạo, điều hành, tham mưu giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quản lý nhà nước trên các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Với mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố và đặc điểm là một đô thị đặc biệt là địa phương có mật độ dân số cao nhất nước, mật độ dân số **4.292 người/km² (tăng gần 26% so với năm 2009)**; đặc biệt trong 48 phường có dân số từ 50.000 dân trở lên có 06 phường có dân số trên 100.000 dân, trong đó có những phường có mật độ dân số cao **37.710 người/km²**. Trong đó, bình quân dân số trên 01 đơn vị hành chính cấp huyện của Thành phố cao hơn so với bình quân dân số trên 01 đơn vị hành chính cấp huyện của cả nước là 239.015 người; bình quân dân số trên 01 đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố cao hơn so với bình quân dân số trên 01 đơn vị hành chính cấp xã của cả nước là 18.902 người.

- Áp lực tăng dân số cơ học thực tế tăng tại Thành phố từ năm 2009 đến năm 2019 đã tăng 1.830.218 người, bình quân tăng 183.000 người/năm. Tỷ lệ tăng dân số bình quân trong giai đoạn này là 2,28%/năm (trong đó thành thị tăng 1,77%, **nông thôn tăng 4,46%**) cao gấp 2 lần mức tăng bình quân chung của cả nước là 1,14%. Mặt khác, trong giai đoạn 2021 - 2025, Thành phố đang thực hiện xây dựng Đề án chuyển huyện thành quận hoặc Thành phố trong Thành phố đối với 05 huyện của Thành phố.

- Theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13²⁹, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13³⁰ và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15³¹ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính: dân số (từ 15.000 người trở lên đối với phường thuộc quận; 8.000 người trở lên đối với xã thuộc huyện); diện tích (5.5km² đối với phường thuộc quận; 30km² đối với xã thuộc huyện); cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

²⁹ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị

³⁰ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

³¹ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH17 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

nhưng không quy định định mức tiêu chí phường, xã, thị trấn đông dân. Thành phố hiện có 48/312 phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 người trở lên (hơn gấp 3 lần với quy định về quy mô dân số theo tiêu chuẩn của phường là 15.000 dân trở lên của NQ 1211/2016/UBTVQH về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính), đặc biệt có những phường, xã có số dân gần 100.000 người như: phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức (dân số 101.452 người; diện tích 6,46 km²), phường Hiệp Thành, Quận 12 (dân số 99.910 người; diện tích 5,42 km²); phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (dân số 124.000 người; diện tích 4,65 km²); xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (dân số 125.267 người; diện tích 19,66 km²), xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (dân số 122.142 người; diện tích 17,44 km²). Theo đó, đối với những phường, xã, thị trấn đông dân đang có tốc độ đô thị hóa cao, địa hình phức tạp cũng là áp lực tác động đến công tác quản lý nhà nước về: quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội, phục vụ Nhân dân sinh sống trên địa bàn đòi hỏi phải tăng cường nguồn lực đảm bảo.

- Tại các huyện và các phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 dân trở lên có tỷ lệ người di cư cao, vì tại đây có các khu vực có các khu công nghiệp, khu chế xuất. Với tốc độ đô thị hóa cao, trong quá trình quản lý nhà nước phát sinh nhiều các giải quyết an sinh xã hội, quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng, đảm bảo các cơ sở hạ tầng để Nhân dân sinh sống trên địa bàn. đòi hỏi phải tăng cường nguồn lực đảm bảo.

- Tình trạng xây dựng trên đất nông nghiệp, đất không phù hợp quy hoạch được duyệt, vi phạm các quy định liên quan đến lĩnh vực đất đai ở các huyện ngoại thành diễn biến rất phức tạp, việc cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm còn kéo dài, dẫn đến công trình hoàn thành, mua bán, chuyển nhượng, gây khó khăn trong công tác xử lý vi phạm hành chính. Tổng số công trình vi phạm trong thời gian từ tháng 07 năm 2019 đến tháng 07 năm 2021 là 1.919 công trình, bình quân 2,6 vụ/ngày, tính phức tạp trong quản lý xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Đảng trong giai đoạn 2021 – 2030 đã xác định nhiệm vụ trọng tâm: “(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. **Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...**”;

Tại Nghị quyết 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ ra nhiệm vụ: “- Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình

chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả;...”;

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã nhấn mạnh nhiệm vụ: “- **Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tổ chức các bộ, các cơ quan chuyên môn đa ngành, đa lĩnh vực; giảm hợp lý số lượng các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.**”;

Do đó, thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và từ thực tiễn Thành phố đã thực hiện tại nhiệm kỳ 2011 - 2016, Thành phố kiến nghị “**Ủy ban nhân dân huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có không quá ba Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có từ 50.000 dân trở lên có không quá ba Phó Chủ tịch**”.

2.3 Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Vẫn giữ nguyên số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính quy định hiện tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Giải pháp 2:

Ủy ban nhân dân huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có không quá ba Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có từ 50.000 dân trở lên có không quá ba Phó Chủ tịch.

c) Giải pháp 3: Thành phố kiến nghị Chính phủ đề xuất Quốc hội điều chỉnh, bổ sung Luật tổ chức chính quyền địa phương thì Thành phố kiến nghị xin tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có số dân từ 50.000 dân trở lên.

2.4 Đánh giá tác động

a) **Giải pháp 1:**

Tác động về kinh tế:

Thiếu nguồn lực lãnh đạo quản lý để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương tại những nơi có quy mô dân số đông và tốc độ đô thị hóa cao. Do đó, tại 02 huyện và các phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 dân trở lên sẽ tiếp tục tồn tại những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân. Các vấn đề tồn tại, chậm trễ trong thực

hiện quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội sẽ là rào cản để phát triển - kinh tế của địa phương.

Tác động về xã hội:

Việc thiếu nguồn nhân lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các vấn đề an sinh - xã hội, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, cung cấp dịch vụ công sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các yêu cầu của người dân, gây chậm trễ hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân của người dân khi xử lý các công việc khẩn thiết hoặc cấp bách.

Như vậy, những khó khăn vướng mắc trong việc thiếu nguồn lực tại địa phương vẫn tiếp tục tồn tại và làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức quản lý tại địa phương phải đảm bảo việc thực hiện các công việc quản lý nhà nước với một áp lực lớn phát sinh từ tốc độ đô thị hóa cao, đòi hỏi cần phải nhanh chóng xử lý các vấn đề an sinh xã hội, quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng, đảm bảo các cơ sở hạ tầng để Nhân dân sinh sống trên địa bàn. Đây là một trong những nguyên nhân quá tải trong công việc làm giảm năng suất lao động, nghiên cứu, tham mưu các công tác, nhiệm vụ từ đó không giữ chân, thu hút được đội ngũ cán bộ, công chức về địa phương, cơ sở công tác.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính: không có

Tác động đối với hệ thống pháp luật: không có.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế

Với các điều chỉnh về tổ chức lại địa bàn và tổ chức cơ cấu bộ máy, nguồn lực cho bộ máy quản lý hành chính tại các phường/xã đông dân được bổ sung, từ đó cải thiện công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế trên địa bàn, hỗ trợ tốt hơn cho các doanh nghiệp, từ đó gián tiếp tác động tích cực đến phát triển kinh tế. Đồng thời, chất lượng thông tin từ cấp cơ sở sẽ được cải thiện, phản ánh kịp thời, đúng và đủ tình hình trên các địa bàn, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành các cấp tốt hơn, sát hơn với các nhu cầu của doanh nghiệp, của kinh tế Thành phố.

Tác động về xã hội

Tăng nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước tại địa phương góp phần triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được xuyên suốt. Thông qua đó, đảm bảo được việc thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội; nâng cao

chất lượng công tác quản lý nhà nước và góp phần nâng cao sự hài lòng của Nhân dân.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Điều chỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền năm 2019, theo đó sẽ giải quyết được những bất cập trong bố trí nguồn lực cán bộ phụ trách, đảm nhiệm vai trò, nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước. Từ đó, hoàn thiện hệ thống chính trị, hệ thống pháp luật tạo điều kiện để Thành phố phát triển kinh tế, nhanh chóng giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình ra quyết định và tham mưu tại các huyện và tại các phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 dân trở lên.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế:

Thiếu nguồn lực lãnh đạo quản lý để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương tại những nơi có quy mô dân số đông và tốc độ đô thị hóa cao. Do đó, tại 02 huyện và các phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 dân trở lên sẽ tiếp tục tồn tại những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân. Các vấn đề tồn tại, chậm trễ trong thực hiện quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội sẽ là rào cản để phát triển - kinh tế của địa phương.

Để giải quyết những hạn chế này thì Thành phố sẽ kiến nghị Chính phủ đề xuất Quốc hội điều chỉnh, bổ sung Luật tổ chức chính quyền địa phương thì Thành phố kiến nghị xin tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có số dân từ 50.000 dân trở lên.

Đối với phương án này cần có thời gian thực hiện lấy ý kiến các tỉnh thành trên cả nước và thời gian thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung Luật phải dựa trên các chương trình đăng ký xây dựng ban hành các văn bản pháp luật của Quốc hội. Mặt khác, do tính chất quy mô dân số của Thành phố và các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở đang cần bổ sung nguồn lực cán bộ quản lý cấp huyện và cấp xã cần phải đáp ứng các nhiệm vụ quản lý nhà nước, việc chờ bổ sung, điều chỉnh các quy định sẽ vẫn là rào cản cho sự phát triển, đột phá của Thành phố.

Tuy nhiên, trong thời gian chờ Quốc hội điều chỉnh Luật thì các quy định vẫn bố trí theo số lượng như cũ. Do đó, nguồn lực lãnh đạo quản lý thực tế vẫn chưa được bổ sung.

Tác động về xã hội:

Việc thiếu nguồn nhân lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các vấn đề an sinh - xã hội, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, cung cấp dịch vụ công sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các yêu cầu của người dân, gây chậm trễ hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân của người dân khi xử lý các công việc khẩn thiết hoặc cấp bách.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính: không có

Tác động đối với hệ thống pháp luật: Khi kiến nghị được tiếp thu sẽ điều chỉnh tại Khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền năm 2019, theo đó sẽ giải quyết được những bất cập trong bố trí nguồn lực cán bộ phụ trách, đảm nhiệm vai trò, nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước. Từ đó, hoàn thiện hệ thống chính trị, hệ thống pháp luật tạo điều kiện để Thành phố phát triển kinh tế, nhanh chóng giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình ra quyết định và tham mưu tại các huyện và tại các phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 dân trở lên.

2.5. Kiến nghị

Thành phố kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

3. Việc bầu, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã, thị trấn***3.1. Xác định vấn đề***

- Thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố theo quy định tại Nghị quyết số 131/2020/QH14, công chức làm việc tại 249 phường thuộc biên chế công chức của Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và do quận, thành phố quản lý, sử dụng và được tính vào biên chế hành chính giao hàng năm của Ủy ban nhân dân quận và thành phố thuộc Thành phố. Tuy nhiên, cũng theo mô hình chính quyền đô thị thì cán bộ làm việc tại 249 phường thì vẫn thực hiện giao số lượng theo cán bộ cấp xã giống như cán bộ, công chức làm việc tại 63 xã thị trấn. Theo đó, việc được giao số lượng, tuyển dụng, quản lý cán bộ 249 phường và cán bộ, công chức 63 xã, thị trấn thực hiện theo các quy định về cán bộ, công chức cấp xã. Như vậy, cùng trong 1 phường việc thực hiện các quy định giữa công chức và cán bộ phải áp dụng 2 hệ thống văn bản pháp lý khác nhau; giữa công

chức phường và cán bộ làm việc tại 249 phường, cán bộ, công chức làm việc tại 63 xã thị trấn cũng áp dụng hệ thống văn bản pháp lý khác nhau.

- Bên cạnh đó, đối chiếu hình thức tuyển dụng của công chức phường và công chức xã, thị trấn đều thực hiện bằng hình thức thi tuyển và xét tuyển giống nhau. Tuy nhiên, khi đơn vị có nhu cầu điều động, luân chuyển công tác đối với các trường hợp này để đáp ứng vị trí cần bổ trí thêm nhân lực phụ trách tại phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, hoặc về các Sở, ngành trực thuộc Thành phố... thì chỉ thực hiện điều động được trường hợp công chức làm việc tại phường; còn các trường hợp cán bộ phường và cán bộ, công chức xã, thị trấn phải thực hiện lại quy trình xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên. Theo đó, việc bổ sung nhân sự sẽ không kịp thời, mặt khác, đối với các trường hợp chưa đảm bảo các điều kiện về thời gian công tác, thời gian xếp lương theo trình độ chuyên môn nên không được xem xét tiếp nhận, mặc dù năng lực công tác, bằng cấp theo trình độ chuyên môn là phù hợp.

- Về tiêu chuẩn tuyển dụng đối với công chức xã, thị trấn theo quy định tại số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ yêu cầu trình độ chuyên môn từ đại học trở lên. Như vậy tương ứng với quy định tại Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP cũng yêu cầu cán bộ, công chức cấp xã phải đạt trình độ đại học trở lên và có thời gian tham gia công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định từ đủ 60 tháng để thực hiện xét thành công chức cấp huyện trở lên (không tính thời gian tập sự). Do đó, nếu tiếp tục duy trì sự khác biệt trong quản lý, tuyển dụng, sử dụng giữa công chức phường và cán bộ phường, cán bộ phường, cán bộ, công chức xã, thị trấn sẽ là rào cản, tạo sự phân biệt và làm ảnh hưởng đến tâm lý đội ngũ cán bộ, công chức; bên cạnh đó còn gây khó khăn trong công tác bố trí, quy hoạch, điều động và không tạo được động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn phấn đấu.

- Hiện nay, tại Thành phố đang triển khai thực hiện thống nhất việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phường và cán bộ, công chức xã, thị trấn như công chức phường, theo đó có trên 94% có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên; đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của công chức từ cấp huyện trở lên, đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Đồng thời khối lượng công việc, mức độ và chất lượng phục vụ của công chức xã, thị trấn có tính chất tương đồng. Một số xã, thị trấn phát sinh khối lượng công việc của cán bộ, công chức xã, thị trấn tăng gấp nhiều lần so với công chức phường; địa bàn rộng hơn phường; phức tạp hơn; nhiều xã, thị trấn dân số đông hơn phường (03 xã trên 100.000 dân, 09 xã trên 50.000 dân, 15 xã, thị trấn trên 30.000 đến 50.000 dân).

- Về chế độ, chính sách, khen thưởng, đào tạo đối với cán bộ phường và cán bộ, công chức xã, thị trấn tại các phường, xã, thị trấn của Thành phố đang hướng tương đương nhau không có sự phân biệt giữa phường hay xã, thị trấn. Do đó, việc duy trì sự khác biệt trong quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị

trần và cán bộ phường đối với công chức phường hiện tại không phù hợp với đặc điểm tình hình phát triển của 312 phường, xã, thị trấn.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Căn cứ Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; ... vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn*” - Thống nhất việc bầu tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện theo quy định về bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức được giao hằng năm. Thống nhất trong các quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng, kỷ luật, khen thưởng, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức; không phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã để tạo sự liên thông, đồng bộ trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động và bố trí nguồn lực nhân sự phục vụ công tác xây dựng, tham mưu quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.

- Đồng thời, trong thời gian hiện tại Thành phố đang nghiên cứu, xây dựng Đề án đầu tư xây dựng huyện thành quận hoặc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030 nên việc thực hiện liên thông công chức (công chức xã, thị trấn là công chức từ cấp huyện trở lên) đảm bảo định hướng của Trung ương, định hướng của Thành phố về xây dựng Đề án; đảm bảo đồng bộ trong việc thực thi công chức, công vụ; đảm bảo cho công tác bố trí cán bộ được kịp thời, hiệu quả.

3.3. Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Vẫn giữ nguyên số lượng việc quy định cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng, tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã.

b) Giải pháp 2: Việc bầu, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường thực hiện theo quy định về bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức hành chính được giao hằng năm. Giao Chính phủ quy định chi tiết điểm này.

c) Giải pháp 3: Thành phố kiến nghị Chính phủ đề xuất Quốc hội điều chỉnh, bổ sung Luật cán bộ, công chức không phân biệt quy định giữa công chức hành chính và cán bộ, công chức cấp xã, để thực hiện liên thông giữa cán bộ, công chức cấp xã và công chức hành chính.

3.4. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1

Tác động về kinh tế:

Thiếu nguồn lực lãnh đạo quản lý để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương tại những nơi có quy mô dân số đông và tốc độ đô thị hóa cao. Do đó, nguồn lực nhân sự vẫn không đáp ứng được với điều kiện và tốc độ phát triển của địa phương, từ đó những tồn tại vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân. Các vấn đề tồn tại, chậm trễ trong thực hiện quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội sẽ là rào cản để phát triển - kinh tế của địa phương.

Tác động về xã hội:

Việc thiếu nguồn nhân lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các vấn đề an sinh - xã hội, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, cung cấp dịch vụ công sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các yêu cầu của người dân, gây chậm trễ hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân của người dân khi xử lý các công việc khẩn thiết hoặc cấp bách.

Như vậy, công chức phường tại Thành phố sẽ thực hiện quản lý, tuyển dụng, sử dụng và các vấn đề có liên quan đến chế độ, chính sách theo công chức hành chính cấp huyện trở lên quy định tại Nghị quyết số 131/2020/QH14; cán bộ phường và cán bộ, công chức tại xã, thị trấn sẽ áp dụng các quy định về quản lý cán bộ, công chức cấp xã tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Do đó, tại Thành phố trên 312 phường, xã, thị trấn sẽ tồn tại đồng thời 02 hệ thống quy định khác nhau giữa công chức phường và cán bộ phường, cán bộ, công chức tại xã, thị trấn. Mặc dù, về chế độ, chính sách giữa các đối tượng này tại Thành phố được hưởng tương đương nhau. Nếu duy trì sự khác biệt đối với công chức phường với cán bộ phường, cán bộ, công chức xã, thị trấn sẽ làm cho các điều kiện phát triển bị ràng buộc, tạo sự phân biệt qua đó, làm ảnh hưởng đến tâm lý đội ngũ cán bộ, công chức và gây khó khăn trong công tác bố trí, quy hoạch không tạo ra động lực cho đội ngũ công chức xã, thị trấn.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính: không có

Tác động đối với hệ thống pháp luật: không có.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế

Thực tiễn phát triển của Thành phố đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải có sự ổn định và liên thông để liên tục đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công tác theo yêu cầu

nhiệm vụ, tuy nhiên số biên chế công chức thực có tại các phường, xã, thị trấn của Thành phố hiện nay còn thiếu rất nhiều so với biên chế được Trung ương giao hàng năm. Trong thời gian qua, dù đã rất cố gắng thực hiện tinh giản biên chế, tạm ngừng tuyển dụng mới công chức để giảm tối đa biên chế và thực hiện xã hội hóa, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp theo chỉ đạo của Trung ương, nhưng do tốc độ tăng dân số cơ học và yêu cầu phát triển Thành phố, nhằm đảm bảo tốt nhiệm vụ chính trị, công tác phục vụ Nhân dân, nhất là các công việc liên quan đến quản lý sản xuất, kinh doanh, đất đai, giáo dục và đào tạo, y tế...tăng qua các năm nên rất cần tuyển dụng công chức mới thay thế số công chức đã nghỉ hưu, thôi việc nhằm đáp ứng yêu cầu công tác, thực hiện nhiệm vụ chính trị của các phường, xã, thị trấn. Do đó khi Thành phố được chủ động tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức được giao hàng năm sẽ kịp thời bổ sung nhân lực giải quyết, thực hiện nhiệm vụ tại những địa phương, đơn vị chuyên môn còn thiếu. Thông qua đó, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế.

Tác động về xã hội

Áp lực tăng dân số cơ học thực tế tăng tại Thành phố từ năm 2009 đến năm 2019 đã tăng 1.830.218 người, bình quân tăng 183.000 người/năm. Tỷ lệ tăng dân số bình quân trong giai đoạn này là 2,28%/năm (trong đó thành thị tăng 1,77%, nông thôn tăng 4,46%) cao gấp 2 lần mức tăng bình quân chung của cả nước là 1,14%. Từ thực tiễn Thành phố cho thấy, việc xây dựng, phân bổ số lượng cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn chỉ áp dụng mức quy định dân số tối thiểu là chưa phù hợp. Với vị trí, vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, nhiệm vụ thực hiện phát triển kinh tế - xã hội là một trong những trọng tâm cần tập trung thực hiện. Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đòi hỏi Thành phố phải có bước đột phá trong việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phù hợp với tiềm năng và lợi thế của Thành phố, gắn với phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mà việc xác định, phân bổ số lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố là một nhiệm vụ rất quan trọng. Đội ngũ đó chính là nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương trên toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, an sinh xã hội, phục vụ Nhân dân.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

Tác động đối với hệ thống pháp luật.

Về nội dung này khi được thông qua sẽ mở ra một quy định mới trong quản lý, tuyển dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường được thực hiện theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức hành chính. Cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường khi có yêu cầu, nhiệm vụ công tác cần điều động, luân chuyển từ chính quyền cơ sở về các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ rút ngắn thời gian, quy trình thực hiện các bước vì đây là một quy định về liên thông trong tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, công chức tại Thành phố.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế: Để giải quyết những hạn chế này thì Thành phố sẽ kiến nghị Chính phủ đề xuất Quốc hội điều chỉnh, bổ sung Luật cán bộ, công chức không phân biệt quy định giữa công chức hành chính và cán bộ, công chức cấp xã, để thực hiện liên thông giữa cán bộ, công chức cấp xã và công chức hành chính. Khi thực hiện liên thông cán bộ phường và cán bộ, công chức xã, thị trấn có thể thực hiện điều động, luân chuyển, bố trí ngay vào các vị trí đang cần nhân lực phụ trách để đảm bảo tiến độ, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

Tác động về xã hội:

Việc thiếu nguồn triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các vấn đề an sinh - xã hội, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, cung cấp dịch vụ công sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các yêu cầu của người dân, gây chậm trễ hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân của người dân khi xử lý các công việc khẩn thiết hoặc cấp bách.

Đối với phương án này cần có thời gian thực hiện lấy ý kiến các tỉnh thành trên cả nước và thời gian thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung Luật phải dựa trên các chương trình đăng ký xây dựng ban hành các văn bản pháp luật của Quốc hội. Mặt khác, do tính chất quy mô dân số của Thành phố và các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở đang cần bổ sung nguồn lực cán bộ quản lý cấp huyện và cấp xã cần phải đáp ứng các nhiệm vụ quản lý nhà nước, việc chờ bổ sung, điều chỉnh các quy định sẽ vẫn là rào cản cho sự phát triển, đột phá của Thành phố.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính: không có

Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Khi kiến nghị được tiếp thu sẽ điều chỉnh tại Khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền năm 2019, theo đó sẽ giải quyết

được những bất cập trong bố trí nguồn lực cán bộ phụ trách, đảm nhiệm vai trò, nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước. Từ đó, hoàn thiện hệ thống chính trị, hệ thống pháp luật tạo điều kiện để Thành phố phát triển kinh tế, nhanh chóng giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình ra quyết định và tham mưu tại các huyện và tại các phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 dân trở lên.

3.5. Kiến nghị

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

4. Về việc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

4.1. Xác định vấn đề

Theo khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019 (đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015) như sau: “1. Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản**”. Theo quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (quận/huyện, thành phố Thủ Đức) thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể và phải được thể hiện bằng văn bản.

Ngoài cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Thành phố còn có các cơ quan hành chính khác (như: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, các Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng...), các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (như: Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư, Lực lượng thanh niên xung phong, Ban Quản lý Công viên Lịch sử - Văn hóa dân tộc, Đài tiếng nói nhân dân, các Trường Đại học, cao đẳng...) nhưng theo quy định hiện hành, không có quy định việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác và đơn vị sự công lập thuộc

Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong khi thực tiễn người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cũng có nhu cầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền, nhất là trong lĩnh vực nội vụ. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là cần thiết.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để góp phần giảm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp khi cần liên hệ giải quyết công việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do không phải trình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết mà các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết, người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn; góp phần cải cách hành chính, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết.

Nâng cao vai trò chủ động cho người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; giảm tải áp lực công việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong khi một số nhiệm vụ thì người đứng đầu cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có thể thực hiện được không phải qua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết.

4.3. Giải pháp đề xuất

Thành phố nhận thấy các phương án thực hiện như sau:

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ được ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (*không ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập*).

b) Giải pháp 2: Đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.

c) Giải pháp 3: Điều chỉnh, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo hướng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.

4.4 Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1

Tác động về kinh tế: Không có.

Tác động về xã hội: Không có.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính

Đảm bảo thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính theo quy định hiện hành. Tuy nhiên không tạo được tính chủ động cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập Thành phố, cần thời gian trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định. Chưa đáp ứng được mục tiêu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền như hiện nay.

Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế

Giảm chi phí, thời gian do không phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố mà các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết.

Tác động về xã hội

Đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tiễn tại Thành phố là đô thị tập trung đông dân. Đồng thời, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn.

Phương án này đáp ứng được mục tiêu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được chủ động xác định những nội dung cần thiết ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện để giảm thời gian thực hiện và tăng tính chủ động, chịu trách nhiệm của người đứng đầu; khi Nghị quyết ban hành sẽ triển khai thực hiện được ngay và sau thời gian thí điểm sẽ tổng kết, làm cơ sở để đưa vào Luật sửa đổi bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương để áp dụng trên toàn quốc.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính

Góp phần cải cách hành chính, nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Khi thực hiện ủy quyền đảm bảo thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật, khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố. Khi Nghị quyết ban hành có thể triển khai thực hiện được ngay và làm cơ sở để đánh giá, xem xét, đề xuất điều chỉnh bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương sau thời gian thí điểm.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế

Giảm chi phí, thời gian thực hiện do không phải trình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố mà các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết.

Tác động về xã hội

Đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tiễn tại Thành phố là đô thị tập trung đông dân. Đồng thời, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính

Góp phần cải cách hành chính, nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Điều chỉnh, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương sẽ được áp dụng trên toàn quốc và đáp ứng được mục tiêu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được chủ động xác định những nội dung cần thiết ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện để giảm thời gian trình và tăng tính chủ động, chịu trách nhiệm của người đứng đầu. Tuy nhiên, đối với phương án này cần nhiều thời gian để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các Luật mới thực hiện được.

4.5. Kiến nghị

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

5. Đề xuất về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân:

5.1. Về quyết định cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn

5.1.1. Xác định vấn đề

a) Khoản 5 Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Khoản 1, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Thành phố đề xuất cơ chế chính sách giao thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện (**khác với khoản 5 Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 do Chính phủ quy định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã**) và để cụ thể hóa chủ trương của Bộ Chính trị theo Nghị quyết số 31-NQ/TW)

Trong quá trình phát triển Thành phố vẫn gặp nhiều trở ngại, bất cập, chưa phát huy hết tiềm năng của mình do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân cần xem xét đánh giá là cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn chưa tương xứng, phù hợp với đặc điểm, tình hình phát triển của một đô thị đặc biệt. Mật độ dân số của Thành phố theo kết quả điều tra Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là **4.292 người/km² (tăng gần 26% so với năm 2009)** và cũng là Thành phố có mật độ dân số cao nhất của cả nước. Với quy mô dân số và mật độ dân cư cao nhất nước cùng với quy mô kinh tế và cường độ hoạt động kinh tế lớn nhất cả nước, yêu cầu đặt ra là các quyết định quản lý hành chính của chính quyền Thành phố phải được triển khai đến chính quyền cơ sở, đến người dân, doanh nghiệp nhanh và chính xác, kịp thời, đồng bộ, hạn chế được cấp trung gian. Bên cạnh đó, do hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố có tính chất liên thông, liên kết và phát triển mở rộng giữa các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trong Thành phố nói riêng và các vùng, miền khác của đất nước. Do đó, yêu cầu cấp thiết cần có một đội ngũ cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn đủ năng lực đáp ứng, đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13³² và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13³³ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính: dân số (từ 15.000 người trở lên đối với phường thuộc quận; 8.000 người trở lên đối với xã thuộc huyện); diện tích (5.5km² đối với phường thuộc quận; 30km² đối với xã thuộc huyện); cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị nhưng không quy định định mức tiêu chí phường, xã, thị trấn đông dân.

Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn được phân bổ theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24

³² Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị

³³ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

tháng 4 năm 2019 của Chính phủ trên cơ sở phân loại đơn vị hành chính phường, xã, thị trấn. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng thực tế tại Thành phố đã phát sinh những vướng mắc, khó khăn do số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn được phân bổ theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP chưa phù hợp với các phường, xã, thị trấn đông dân và có địa hình rộng, tính chất phức tạp và đang trong quá trình đô thị hóa. Thành phố hiện có 48/312 phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 người trở lên (hơn gấp 3 lần với quy định về quy mô dân số theo tiêu chuẩn của phường là 15.000 dân trở lên của NQ 1211/2016/UBTVQH về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính), đặc biệt có những phường, xã có số dân gần 100.000 người như: phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức (dân số 101.452 người; diện tích 6,46 km²), phường Hiệp Thành, Quận 12 (dân số 99.910 người; diện tích 5,42 km²); phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (dân số 124.000 người; diện tích 4,65 km²); xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (dân số 125.267 người; diện tích 19,66 km²), xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (dân số 122.142 người; diện tích 17,44 km²).

Theo đó, đối với những phường, xã, thị trấn đông dân đang có tốc độ đô thị hóa cao, địa hình phức tạp cũng là áp lực tác động đến công tác quản lý nhà nước về: quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội, phục vụ Nhân dân sinh sống trên địa bàn đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải tăng cường độ làm việc để hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt trong năm 2020, 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp, lây lan nhanh, số lượng người lây nhiễm cao, gây tổn hại lớn về tính mạng, sức khỏe và đời sống của Nhân dân Thành phố. Vì vậy, để từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - an sinh xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân là yếu tố tiên quyết cần đánh giá, xác định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức công tác tại phường, xã, thị trấn đặc biệt là đối với phường, xã, thị trấn đông dân tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ khối trực thuộc trung ương giai đoạn 2022-2026, theo đó quy định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022 - 2026. Do đó, nếu Thành phố không được quyền chủ động trong xây dựng cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn thì việc thực hiện tăng số lượng theo như dự thảo các Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP vẫn sẽ nằm trong tổng số đã được Bộ Chính trị giao. Tại các cuộc họp Ban biên soạn trước đây đã phân tích rất sâu nội dung này và chủ trương của Bộ Chính trị cho Thành phố được “cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn” tại Nghị quyết số 31-NQ/TW là để tạo cơ chế phát triển hệ thống chính trị cơ sở của Thành phố đảm

bảo tổ chức bộ máy, cơ cấu vị trí việc làm, số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đáp ứng các nhiệm vụ cần triển khai ngay, đồng bộ hóa khi Nghị quyết thay thế được thông qua. Mặt khác, khi phân cấp thẩm quyền về cho Thành phố thực hiện chủ động xây dựng cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn, Thành phố sẽ chủ động xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn để tuyển dụng, bố trí đội ngũ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ vị trí đảm nhận.

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, giáo dục, y tế của vùng và cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất nước cũng là vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn Nam Bộ và cả nước theo chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thành phố đã và đang thực hiện công nghiệp hóa theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về mọi mặt trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển Thành phố ghi nhận những khó khăn vướng mắc phát sinh từ áp lực gia tăng dân số cơ học ở một số quận - huyện cao; cơ sở hạ tầng và quy hoạch đô thị tại các địa phương có dân số đông gặp nhiều bất cập trong quản lý, chỉ đạo điều hành; công tác quản lý trật tự xây dựng vẫn còn diễn biến phức tạp...

Thành phố xác định số lượng phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố dự báo sẽ tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo do tỷ lệ tăng dân số cơ học, nên đề giải quyết áp lực trong công tác quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân rất cần thiết xây dựng mô hình cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn được chuyên hóa. Xây dựng, tổ chức bộ máy cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn đảm bảo về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước các cấp chính quyền, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn vừa hồng vừa chuyên.

Do đó, từ cơ sở thực tiễn, yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương, Thành phố cần chủ động xây dựng tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá, xác định các tiêu chí của phường, xã, thị trấn đông dân trên địa bàn Thành phố. Các tiêu chí cần bám sát theo từng quy mô phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với đặc điểm, tình hình từng địa phương. Từ đó là cơ sở để xây dựng Đề án cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn đông dân, góp phần định hướng tổ chức, bộ máy đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế, an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng và phục vụ Nhân dân tại địa phương.

5.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Căn cứ Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:

- Chỉ đạo tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi để tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị thành phố đoàn kết, gương mẫu, trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, trình độ cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; phát huy dân chủ, đồng thuận xã hội, ý chí tự lực, tự cường, truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết, nghĩa tình của Đảng bộ và nhân dân thành phố.

- Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; cho phép Hội đồng nhân dân thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn.

Do đó, để đảm bảo số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn đông dân và có địa hình rộng, tính chất phức tạp, đang trong quá trình đô thị hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh cần được xem xét, phân bổ phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn để nâng cao chất lượng thực hiện công tác quản lý nhà nước tại cơ sở được sâu sát, hiệu quả. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện bố trí điều động, biệt phái, luân chuyển cán bộ, công chức cấp huyện về nhận công tác tại phường, xã, thị trấn; cán bộ, công chức của khối Đảng, Đoàn thể sang Chính quyền hoặc giữa quận - phường, đảm bảo việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức được thống nhất, nhất quán và đảm bảo chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức. Tạo sự chuyển biến trong hệ thống công vụ; tạo điều kiện, môi trường để rèn luyện, phát triển, quy hoạch tạo nguồn cán bộ, công chức làm việc phường, xã, thị trấn.

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Xây dựng các chương trình đào tạo theo yêu cầu chức danh cán bộ, công chức phục vụ công tác tham mưu quản lý nhà nước tại địa phương.

- Xây dựng chính sách khuyến khích người có trình độ đại học, trên đại học công tác tại phường, xã, thị trấn; chính sách hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn; chính sách thu hút tạo điều kiện hỗ trợ cán bộ, công chức khi về nhận nhiệm vụ tại phường, xã, thị trấn. Nâng cao chế độ, chính sách tiền lương, chính sách thu hút cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách về phường, xã, thị trấn.

- Xây dựng phương án cơ cấu, phân bổ, bố trí số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phù hợp với từng đặc điểm tình hình của từng địa phương dựa trên các tiêu chí đã đánh giá, xác định theo quy mô từng nhóm phường, xã, thị trấn đông dân trên địa bàn Thành phố. Trên cơ sở quy định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố, đối với phường, xã, thị trấn có từ 30.000 dân trở lên được bố trí tăng thêm số lượng để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo tính chất phức tạp của địa phương. Xây dựng cơ chế cho Ủy ban nhân dân quận, huyện có xã, thị trấn đông dân có thể ký hợp đồng làm nhiệm vụ trong cơ quan hành chính từ nguồn kinh phí địa phương tiết kiệm. Đề xuất Chính phủ ủy quyền cho phép Thành phố được thực hiện bố trí số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn theo từng chức danh, đáp ứng nhu cầu thực hiện công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

5.1.3. Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên theo số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn được Chính phủ giao theo quy định tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

b) Giải pháp 2. Căn cứ quy mô dân số, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, quyết định cơ cấu số lượng cán bộ, công chức tại các phường, xã, thị trấn; quyết định số lượng, chức danh, chế độ chính sách của người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy và không vượt quá tổng số lượng cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của Chính phủ. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn.

c) Giải pháp 3: Thành phố kiến nghị Chính phủ đề xuất Quốc hội điều chỉnh, bổ sung các quy định về cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn

5.1.4 Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1

Tác động về kinh tế:

Tại phương án này, giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố. Theo đó nguồn lực lãnh đạo quản lý và nguồn nhân sự thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương vẫn không đảm bảo để đáp ứng theo quy mô dân số và tốc độ đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt, tại 117/213 phường xã có dân số từ 30.000 dân trở lên. Do đó, nguồn lực nhân sự vẫn không đáp ứng được với điều kiện và tốc độ phát triển của địa phương, từ đó những tồn tại vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân. Các vấn đề tồn tại, chậm trễ trong thực hiện quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội sẽ là rào cản để phát triển - kinh tế của địa phương.

Tác động về xã hội:

Thiếu nguồn nhân lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các vấn đề an sinh - xã hội, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, cung cấp dịch vụ công sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các yêu cầu của người dân, gây chậm trễ hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân của người dân khi xử lý các công việc khẩn thiết hoặc cấp bách.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính: không có

Tác động đối với hệ thống pháp luật: không có.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế:

Nguồn lực lãnh đạo quản lý và nguồn nhân sự đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương đảm bảo để đáp ứng theo quy mô dân số và tốc độ đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn Thành phố, đặc biệt tại 117/213 phường xã có dân số từ 30.000 dân trở lên.

Tác động về xã hội

Việc đảm bảo nguồn nhân lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các

vấn đề an sinh - xã hội, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, cung cấp dịch vụ công sẽ làm giải quyết kịp thời các yêu cầu của người dân, lợi ích cá nhân của người dân, nhất là khi xử lý các công việc khẩn thiết hoặc cấp bách.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tác động đến khoản 5 Điều 61 của Luật cán bộ, công chức năm 2008.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế:

Để giải quyết những hạn chế này thì Thành phố kiến nghị Chính phủ đề xuất Quốc hội điều chỉnh, bổ sung các quy định về cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn. Như vậy trong quá trình chờ Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh thì nguồn nhân lực tại cơ sở của Thành phố vẫn tiếp tục chưa phù hợp với quy mô phát triển kinh tế - xã hội của một Thành phố đô thị đặc biệt.

Tác động về xã hội:

Việc thiếu nguồn triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các vấn đề an sinh - xã hội, quản lý đất đai, quản lý xây dựng, cung cấp dịch vụ công sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các yêu cầu của người dân, gây chậm trễ hoặc ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân của người dân khi xử lý các công việc khẩn thiết hoặc cấp bách.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính: không có

Tác động đối với hệ thống pháp luật: không có

5.1.5. Kiến nghị: lựa chọn giải pháp 2.

Số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn dự kiến bố trí như sau:

- Đối với phường, xã, thị trấn có dân số từ 15.000 dân trở xuống sẽ bố trí bình quân 8 cán bộ và 15 công chức; sau đó cứ 5.000 dân trở lên sẽ bổ sung thêm 01 công chức xã, phường, thị trấn; đối với phường, xã, thị trấn có từ 50.000 dân trở lên có số lượng đảng viên lớn sẽ bổ sung thêm 01 cán bộ chuyên trách công tác Đảng. Như vậy, số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn có thể cần bổ sung dự kiến khoảng 985 người.

- Đối với phường, xã, thị trấn có dân số từ 15.000 dân trở xuống sẽ bố trí 14 người hoạt động không chuyên trách; sau đó cứ 5.000 dân sẽ bổ sung thêm 01 người

hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn. Như vậy, số lượng người hoạt động không chuyên trách cần bổ sung dự kiến 945 người.

- Nguồn ngân sách Thành phố cần đảm bảo để bổ sung các chế độ, chính sách đối với số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn hằng năm dự kiến 225.000.000.000 đồng/năm.

5.2. Về quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn, người lao động

5.2.1. Xác định vấn đề

Tại khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định:

“Hội đồng nhân dân Thành phố được quyền quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với các mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ...”

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 76/2022/QH15. Tại khoản 7 quy định:

“7. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 54/2017/QH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất. Riêng về chính sách thu nhập tăng thêm, Thành phố Hồ Chí Minh được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 nhưng cần tính toán, cân đối để không vượt mức tối đa theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”.

Việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 là chính sách đúng đắn, đã và đang hỗ trợ một phần cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn ổn định về tài chính để tập trung cống hiến, phát triển, gắn kết, gắn bó, ổn định với công việc.

Tuy nhiên, từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 đến nay, do ảnh hưởng đại dịch COVID-19 và khả năng cân đối tài chính, nên Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ mới quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình

quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt mức cao nhất là 1,2 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ.

Như vậy, công chức bậc 1, hệ số 2,34 khi được chi trả thu nhập tăng thêm với hệ số chi thu nhập tăng thêm hệ số 1,2 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ chỉ nhận thêm được 4,18 triệu đồng/tháng; cộng với lương theo bậc 1 thì một tháng chỉ nhận được 8,54 triệu đồng. Trong khi theo số liệu của Tổng Cục Thống kê thì trong 9 tháng đầu năm 2022, lao động làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh có mức tăng thu nhập bình quân đạt 9,2 triệu đồng.

Vì vậy, số lượng cán bộ, công chức, viên chức thôi việc theo nguyện vọng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh là rất lớn (nhất là lực lượng y bác sĩ, giáo viên): 676 cán bộ, công chức và 5.501 viên chức, cụ thể:

Bảng 10. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức thôi việc theo nguyện vọng

Thời gian Đối tượng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022 (đến tháng 6/2022)	TỔNG CỘNG
Cán bộ, công chức	246	269	161	676
Viên chức	2.019	2.110	1.372	5.501
TỔNG CỘNG	2.265	2.379	1.533	6.177

Mặc dù Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII cho định hướng thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản. Về quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 như sau:

“Thiết kế cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương). Bổ sung tiền thưởng (quỹ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm, không bao gồm phụ cấp)”.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 có nêu:

“1. Chưa thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII trong năm 2023...”.

Đến nay, việc xây dựng cơ cấu tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW chưa được thực hiện nên Thành phố chưa có cơ sở xác định quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để làm cơ sở so sánh hệ số chi thu nhập tăng thêm theo mức đề xuất không quá 1,8 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ với quy định không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Ước tính hiện nay, bình quân dân số Thành phố gấp 7 lần dân số các tỉnh, thành phố khác trên cả nước. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước của Thành phố phục vụ 700 người dân (so với trung bình cả nước chỉ phục vụ khoảng 350 người dân). Năng suất lao động của Thành phố Hồ Chí Minh cao khoảng 2,7 lần năng suất lao động của cả nước, công chức Thành phố phục vụ gấp 2 lần so với mức trung bình công chức của cả nước. Ngoài ra, với khối lượng công việc rất lớn, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải sắp xếp thời gian làm thêm buổi tối mỗi ngày, kể cả ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật để giải quyết hồ sơ, giảm ách tắc công việc của người dân đảm bảo thời gian giải quyết theo quy định.

Để tiếp tục tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn bó, cống hiến, cơ bản đáp ứng mức sống tại Thành phố, góp phần hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đề xuất chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn, người lao động thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và đề xuất bổ sung thêm một số Hội có tính chất đặc thù tại Thành phố Hồ Chí Minh, một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố (tùy theo nguồn ngân sách của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố sẽ quyết định cụ thể cho một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố được hưởng thu nhập bình quân tăng thêm cho phù hợp với việc cân đối ngân sách của Thành phố) theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ. So với Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố đề xuất bổ sung thêm đối tượng người lao động, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn; một số hội có tính chất đặc thù và một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố do Thành phố quyết định, cụ thể như sau:

- Bổ sung đối tượng là người lao động, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn, người lao động do trong Nghị quyết 54/2017/QH14 chưa quy định đối tượng này.

- Đối với một số hội có tính chất đặc thù: hiện nay Thành phố có 26 hội có tính chất đặc thù, không phải tất cả các hội này đều sẽ được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm với mức không quá 1,8 lần mức lương mà căn cứ vào sự cần thiết, chức

năng, nhiệm vụ, tính chất, quy mô hoạt động của Hội và của ngân sách, **Thành phố sẽ quyết định chỉ một số Hội đặc thù** được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm (như: *Hội Chữ thập đỏ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Liên minh Hợp tác xã Thành phố... do cán bộ, người làm việc tại các hội này là cán bộ, công chức, viên chức từ các cơ quan đảng, chính quyền điều động sang làm việc chuyên trách, còn trong độ tuổi lao động, ngoài mức lương theo hệ số không còn được hưởng chế độ khác*).

- Hiện nay, có các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị trung ương, ngành dọc như: Sở ngoại vụ, Quản lý thị trường,... hoạt động và thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố, phục vụ người dân tại Thành phố và góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Tuy nhiên, theo Nghị quyết 54/2017/QH14 các đối tượng này không được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm như các cơ quan thuộc, trực thuộc Thành phố. Do đó, Thành phố đề xuất cho phép Thành phố được căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, sự cần thiết, tính chất hoạt động của các đối tượng khác và ngân sách của Thành phố để quyết định cơ quan được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm khi hoạt động trên địa bàn Thành phố có đóng góp tích cực vào phát triển của Thành phố.

5.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nghị quyết 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu: *“Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển. Giữ tỉ lệ điều tiết ngân sách Thành phố theo mức hiện nay đến hết năm 2025 và tiếp tục giữ ở mức không thấp hơn trong các năm tiếp theo, tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm và nâng cao phúc lợi của người dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.”*

Nhằm tiếp tục tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, đáp ứng được mức sinh hoạt tại Thành phố, yên tâm công tác.

5.2.3. Giải pháp đề xuất

Tiếp tục kế thừa Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố đề xuất các phương án như sau:

a) Giải pháp 1: Căn cứ ngân sách của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ cho đến khi Nghị quyết số 27-NQ/TW được triển khai thực hiện trên thực tế thì áp dụng mức thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

b) Giải pháp 2: Quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên

trách phường, xã, thị trấn, người lao động thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội có tính chất đặc thù và một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố, theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ. Quy định chi trả thu nhập tăng thêm tại khoản này được thực hiện cho đến khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định chế độ tiền lương mới.

c) Giải pháp 3: Căn cứ ngân sách của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ cho đến khi Nghị quyết số 27-NQ/TW được triển khai thực hiện trên thực tế thì Hội đồng nhân dân Thành phố căn cứ ngân sách Thành phố để quyết định mức thu nhập tăng thêm phù hợp với đặc thù của Thành phố.

5.2.4 Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1

Tác động về kinh tế

Việc quy định không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để quy định trong Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14 chưa có cơ sở để triển khai thực hiện trong thời điểm hiện nay.

Theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII cho định hướng thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần **quỹ lương cơ bản** (không phải 0,8 lần **mức lương ngạch bậc, chức vụ**).

Ngoài ra, Nghị quyết số 27-NQ/TW có nêu **“Bãi bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương hiện nay, xây dựng mức lương cơ bản bằng số tiền cụ thể trong bảng lương mới”**. Tuy nhiên, hiện nay **chưa có hướng dẫn đối với quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết 27-NQ/TW**.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 nêu: **“1. Chưa thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII trong năm 2023...”**.

Đến nay, việc xây dựng cơ cấu tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW chưa được thực hiện nên **chưa có cơ sở xác định quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW** để làm cơ sở so sánh hệ số chi trả thu nhập tăng thêm theo mức

đề xuất không quá 1,8 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ với quy định không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Do đó, việc quy định không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để quy định trong Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14 chưa có cơ sở để triển khai thực hiện trong thời điểm hiện nay.

Tác động về xã hội:

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương.

Tác động về giới:

Về tổng thể, thu nhập thấp gây ảnh hưởng lớn đến quyết định gắn bó công việc, đặc biệt là người phải gánh vác yêu cầu nuôi dưỡng gia đình.

Tác động về thủ tục hành chính: không có

Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: ...b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế

Tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn, đáp ứng mức sinh hoạt, tạo điều kiện yên tâm công tác. Quy định cụ thể đối tượng, hệ số thu nhập tăng thêm bằng hệ số được quy định theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 và thời gian thực hiện Nghị quyết.

Tác động về xã hội:

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương.

Tác động về giới: Không có

Tác động về thủ tục hành chính:

Chất lượng nhân lực bảo đảm nên việc đề xuất, triển khai các chính sách, cơ chế tiệp cận với yêu cầu đề ra.

Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: ...b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế

Tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn, đáp ứng mức sinh hoạt, tạo điều kiện yên tâm công tác.

Việc quy định không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để quy định trong Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14 chưa có cơ sở để triển khai thực hiện trong thời điểm hiện nay.

Trường hợp Nghị quyết số 27-NQ/TW được áp dụng quy định hệ số thấp hơn 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ thì Hội đồng nhân dân Thành phố không có cơ sở để thực hiện với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ.

Tác động về xã hội:

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương.

Tác động về giới: Về tổng thể, thu nhập thấp gây ảnh hưởng lớn đến quyết định gắn bó công việc, đặc biệt là người phải gánh vác yêu cầu nuôi dưỡng gia đình.

Tác động về thủ tục hành chính:

Chất lượng nhân lực bảo đảm nên việc đề xuất, triển khai các chính sách, cơ chế tiệm cận với yêu cầu đề ra.

Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: ...b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”.

5.2.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

5.3. Về quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố

5.3.1. Xác định vấn đề

Tại khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định: Mức thu nhập cho chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Gạch đầu dòng thứ nhất, điểm đ khoản 3.1 mục 3 Phần II Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách tiền lương có quy định: “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao” (không giới hạn cụ thể). Đồng thời, các quy định hiện hành cũng không khống chế mức thu nhập tối đa đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt. Lực lượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt là nguồn chất xám có giá trị và tầm quan trọng đặc biệt, có vai trò dẫn dắt và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Đội ngũ nhân lực này không đông đảo về số lượng và luôn được các quốc gia, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp tập trung chiêu mộ, mời gọi. Do đó, muốn thu hút và giữ chân nhân tài thì Thành phố Hồ Chí Minh phải có chính sách đãi ngộ hấp dẫn để có thể cạnh tranh với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

5.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thành phố đề xuất tiếp tục thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14: “Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định” để đảm bảo ổn định về hành lang pháp lý, tạo động lực thực hiện hiệu quả 03 đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Đây cũng là cơ sở để Thành phố tiếp tục là địa phương đi đầu trong thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

5.3.3. Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội giữ nguyên như Nghị quyết 54/2017/QH14: “*Mức thu nhập cho chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định*”.

b) Giải pháp 2: Đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố; Quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách khác để tuyển dụng công chức, viên chức từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của Thành phố.

c) Giải pháp 3: Đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định mức thu nhập cho chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt và người có trình độ cao vào làm việc trong hệ thống chính trị Thành phố.

5.3.4. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1

Tác động về kinh tế

Đội ngũ nhân tài khi được thu hút, trọng dụng sẽ phát huy vai trò tiên phong, tiêu biểu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hàm lượng giá trị gia tăng cao; đồng thời nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và tăng hiệu quả công tác quản lý nhà nước; cũng như góp phần chuyên nghiệp hóa, bồi dưỡng năng khiếu, nhân lực lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao của Thành phố. Chính sách đãi ngộ hấp dẫn sẽ giúp Thành phố cạnh tranh được với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

Tác động về xã hội

Ưu điểm: Không thay đổi so với quy định cũ, đảm bảo sự ổn định và bền vững của chính sách.

Hạn chế: Chính sách cũ chỉ cho phép thẩm quyền ban hành mức chi cho chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt, không có đối tượng khác như: sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhân sĩ, trí thức, người có trình độ cao, người có năng lực quản trị tổ chức chuyên nghiệp vào làm việc trong hệ thống chính trị Thành phố. Như vậy, Thành phố không có cơ sở pháp lý để tiếp tục mời gọi thu hút nhân lực chất lượng cao về bổ sung và phát triển cho Thành phố. Việc thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt có ý nghĩa quan trọng, vừa khắc phục tình trạng “chảy máu chất xám”, vừa tận dụng được tri thức, kinh nghiệm, chưa có đối tượng thu hút là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế

Đội ngũ nhân tài khi được thu hút, trọng dụng sẽ phát huy vai trò tiên phong, tiêu biểu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hàm lượng giá trị gia tăng cao; đồng thời nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và tăng hiệu quả công tác quản lý nhà nước; cũng như góp phần chuyên nghiệp hóa,

bồi dưỡng năng khiếu, nhân lực lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao của Thành phố. Chính sách đãi ngộ hấp dẫn sẽ giúp Thành phố cạnh tranh được với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

Tác động về xã hội

Phương án này có ưu điểm nhiều nhất và là cơ hội để thí điểm các chính sách để làm nền tảng xây dựng chiến lược thu hút nhân tài quốc gia mà Trung ương và Chính phủ đang triển khai nghiên cứu, thực hiện.

Việc thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao có ý nghĩa quan trọng, vừa khắc phục tình trạng “chảy máu chất xám”, vừa tận dụng được tri thức, kinh nghiệm.

Thành phố sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ trí thức; thực hiện tốt chính sách trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức; thu hút nguồn nhân tài trên các lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao, trong đó có nguồn chất xám trong và ngoài nước phục vụ xây dựng và phát triển Thành phố nhanh và bền vững.

Chính sách sử dụng và phát huy nguồn chất xám khoa học từng bước tạo sự chủ động cho đơn vị cũng như góp phần củng cố niềm tin, tạo động lực cho các chuyên gia yên tâm công tác. Đồng thời, chính sách này có ý nghĩa lớn trong việc phát huy sức mạnh tri thức của Thành phố, bổ sung thêm tri thức mới, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế

Đội ngũ nhân tài khi được thu hút, trọng dụng sẽ phát huy vai trò tiên phong, tiêu biểu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hàm lượng giá trị gia tăng cao; đồng thời nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và tăng hiệu quả công tác quản lý nhà nước; cũng như góp phần chuyên nghiệp hóa, bồi dưỡng năng khiếu, nhân lực lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao của Thành phố. Chính sách đãi ngộ hấp dẫn sẽ giúp Thành phố cạnh tranh được với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

Tác động về xã hội

Mở rộng đối tượng so với phương án 1, tạo hành lang pháp lý cho công tác thu hút và phát triển nhân lực chất lượng cao cho Thành phố. Đồng thời kế thừa

được nội dung quy định trước đây. Tuy nhiên, Thành phố chỉ được quy định mức thu nhập, các nội dung về quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện tham dự tuyển dụng (trường hợp tuyển dụng vào biên chế trong hệ thống chính trị) thì vẫn phải tuân thủ theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Như vậy, việc thu hút nhân lực chất lượng cao sẽ chưa đồng bộ, khiến cho việc khuyến khích, đãi ngộ bị ảnh hưởng vì người tham dự phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện về bằng cấp theo quy định pháp luật và quy trình tuyển dụng bị kéo dài; trong khi nhu cầu thu hút đòi hỏi phải khẩn trương, hoàn thành sớm để giảm bớt thủ tục phiền hà và tối ưu được thời gian để phát huy năng lực người dự tuyển.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

5.3.5. Kiến nghị Đề xuất chọn giải pháp 2.

6. Đề xuất về một số quyền hạn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

6.1. Về quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

6.1.1. Xác định vấn đề

- Điểm c khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ: “10. *Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định thành lập hội đồng, Ủy ban hoặc ban khi cần thiết để giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành*”.

- Điều 19 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

“Điều 19. Thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể: Đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành.

2. Thủ tướng Chính phủ

a) *Phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác);*

b) *Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể: Đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định này (trừ đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật.”*

- Điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2020/NĐ-CP quy định: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), gồm: a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập:

Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành); một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại.

Như vậy, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Thành phố đề xuất cơ chế chính sách giao thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (được quy định trong Luật Tổ chức chính phủ) cho Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) *Thực trạng:* Trước yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và đẩy mạnh tính đổi mới, sáng tạo, tích cực, chủ động của Thành phố lớn, đi đầu trong cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh cần được phân cấp mạnh mẽ một số thẩm quyền đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp của Thành phố như tự xem xét, quyết định thành lập mới hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố không còn phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Do đó, việc phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ giải quyết được các khó khăn, bất cập hiện nay như: giảm bớt các quy trình, thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho cơ quan nhà nước và đơn vị đề xuất; phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tế của địa phương; tăng tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của Thành phố.

6.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Trước yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và đẩy mạnh tính đổi mới, sáng tạo, tích cực, chủ động của Thành phố lớn, đi đầu trong cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh rất mong được phân cấp mạnh mẽ một số thẩm quyền đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp của Thành phố như: tự xem xét, quyết định thành lập mới hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố không còn phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Do đó, việc phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ giải quyết được các khó khăn, bất cập hiện nay như:

+ Giảm bớt các quy trình, thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho cơ quan nhà nước và đơn vị đề xuất do không phải gửi lấy ý kiến các Bộ ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định.

+ Đảm bảo việc phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tế của địa phương. Giải quyết nhanh chóng sắp xếp bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với quy hoạch ngành và thực tiễn của Thành phố góp phần cung cấp kịp thời các dịch vụ công cho xã hội, tinh gọn bộ máy khi đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, không còn chức năng, nhiệm vụ hoặc phải bổ sung chức năng, nhiệm vụ.

+ Tăng tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của Thành phố.

6.1.3. Giải pháp đề xuất

Để tăng tính chủ động cho Thành phố trong việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đáp ứng được công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu nhân dân Thành phố kịp thời, đảm bảo an sinh - xã hội trong giai đoạn hiện nay; Thành phố nhận thấy có các phương án như sau:

a) Giải pháp 1: Chính phủ vẫn quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố như quy định của Luật Tổ chức chính phủ hiện nay.

b) Giải pháp 2: Đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù cho Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đảm bảo các tiêu chí, điều kiện theo quy định pháp luật.

c) Giải pháp 3: Điều chỉnh Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo hướng giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

6.1.4. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1

Tác động về kinh tế: Không có.

Tác động về xã hội: Không có.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phương án này đảm bảo việc thực hiện theo thẩm quyền quy định của Luật Tổ chức chính phủ. Tuy nhiên, chưa tăng được tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của Thành phố, chưa đáp ứng được nhu cầu cấp bách của Thành phố hiện nay trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng nhu cầu, an sinh xã hội cho người dân Thành phố.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế

Đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế qua từng giai đoạn. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực, chủ động tổ chức lại, giải thể sáp nhập những đơn vị sự nghiệp công lập không còn phù hợp và kịp thời thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập cho sự phát triển của ngành, lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác động về xã hội: Không có.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính

Về thẩm quyền giải quyết: thay đổi từ Thủ tướng Chính phủ sang Ủy ban nhân dân Thành phố giúp cho Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động quyết định và giảm thời gian thực hiện.

Tác động đối với hệ thống pháp luật Phương án này đáp ứng được mục tiêu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, giao thẩm quyền của Chính phủ cho Ủy ban nhân dân Thành phố được chủ động quyết định và có thể thực hiện được ngay; sau thời gian thí điểm sẽ tổng kết, làm cơ sở để đưa vào Luật sửa đổi bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế

Đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế qua từng giai đoạn. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực, chủ động tổ chức lại, giải thể sáp nhập những đơn vị sự nghiệp công lập không còn phù hợp và kịp thời thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập cho sự phát triển của ngành, lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác động về xã hội: Không có.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính

Về thẩm quyền giải quyết: thay đổi từ Thủ tướng Chính phủ sang Ủy ban nhân dân Thành phố giúp cho Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động quyết định và giảm thời gian thực hiện.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Điều chỉnh Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương đảm bảo thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng được mục tiêu đầy mạnh phân cấp, phân quyền, giao thẩm quyền của Chính phủ cho Ủy ban nhân dân Thành phố được chủ động quyết định. Tuy nhiên, đối với phương án này cần chờ thời gian để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các Luật mới thực hiện được

6.1.5. Kiến nghị

Kiến nghị giải pháp 2.

Khi được thông qua, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Nội vụ, các cơ quan rà soát để sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đảm bảo tinh gọn, phù hợp với nhiệm vụ, tình hình phát triển kinh tế từng giai đoạn; đảm bảo khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố khi tổ chức thực hiện.

6.2. Về chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức, các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện

6.2.1. Xác định vấn đề

Căn cứ khoản 29 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “*Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; quy định việc tổ chức công tác tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã*”. Như vậy, việc quy định chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Thành phố đề xuất cơ chế giao thẩm quyền của Chính phủ cho Thành phố được chủ động quyết định giao chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho các cơ quan chuyên môn khác, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành

phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức; giao chức năng nhiệm vụ của UBND quận huyện, thành phố Thủ Đức cho cơ quan hành chính khác (*khác với quy định của Chính phủ theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương*)

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy tại đô thị đặc biệt như Thành phố Hồ Chí Minh có một số chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn theo quy định của Chính phủ có thể giao Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ quan hành chính khác thực hiện sẽ giúp tăng cường công tác quản lý sâu sát, kịp thời, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hiện nay Ủy ban nhân dân Thành phố không thể chủ động thực hiện việc giao chức năng nhiệm vụ do Luật Tổ chức chính phủ quy định thẩm quyền của Chính phủ, nên vẫn còn một số hạn chế trong quá trình thực hiện như:

Trong quá trình thực thi quy định³⁴ và trong thực tiễn quản lý điều hành, một số cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ chưa phù hợp (*như: lĩnh vực quản lý công trình giao thông, quản lý đầu tư xây dựng, du lịch, tài chính...*) Thành phố đề xuất giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố được giao một số chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn với nhau và giữa cơ quan chuyên môn cho cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và giữa Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức với cơ quan hành chính khác để phù hợp với đặc điểm của Thành phố, đặc biệt là trong công tác quản lý đô thị để đáp ứng vai trò là một đô thị đặc biệt của cả nước.

Cụ thể:

(1) Trong lĩnh vực quản lý các công trình giao thông, Thành phố Hồ Chí Minh gặp vướng mắc như sau:

(a) Trong quản lý nhà nước theo Điều 8 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP:

- Việc quản lý nhà nước về quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị được quy định thuộc chức năng nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải. Việc quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sỹ; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị) thuộc chức năng nhiệm vụ của Sở Xây dựng.

(b) Trong quản lý dự án đầu tư xây dựng theo Khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP: - Sở Xây dựng thực hiện quản lý đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công

³⁴ Điều 8 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ có quy định về có quy định về chức năng nhiệm vụ của các sở, ngành chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị).

- Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này).

Như vậy, trong việc quản lý nhà nước một tuyến đường giao thông của Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bao gồm quản lý nhiều lĩnh vực bao gồm quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì... (thuộc Sở Giao thông vận tải) và quản lý cấp nước, thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị... (thuộc Sở Xây dựng), Thành phố Hồ Chí Minh cần có cơ chế để thực hiện giao nhiệm vụ quản lý nhà nước cho một Sở chuyên môn làm đầu mối để thực hiện công tác quản lý nhà nước xuyên suốt trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác, duy tu, bảo trì trên phạm vi toàn bộ một tuyến đường giao thông (bao gồm cả hệ thống cấp nước, thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị...).

(2) Trong lĩnh vực du lịch, Thành phố Hồ Chí Minh gặp vướng mắc sau:

(a) Cơ sở pháp lý:

- Theo quy định tại Điều 50 Luật Du lịch năm 2017 về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch thì các loại hình cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 1 đến 5 sao theo tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch. Đối với các khách sạn phải đáp ứng các tiêu chí tương ứng theo tiêu chuẩn bộ TCVN 4391:2015 xuất bản lần thứ 3 năm 2015 do Tổng cục Du lịch biên soạn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị, Tổng cục đo lường chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố về lĩnh vực khách sạn - xếp hạng thì được xếp hạng sao tương ứng, một trong số các tiêu chí để xếp hạng sao là tiêu chí về *số lượng phòng ngủ (1 sao phải có 10 phòng ngủ trở lên; 2 sao có 20 phòng trở lên (trừ loại hình khách sạn nghỉ dưỡng); 3 sao có 50 phòng trở lên; 4 sao 80 phòng trở lên; 5 sao có 100 phòng trở lên)*.

- Theo quy định tại Điều 49 của Luật Du lịch năm 2017 thì cơ sở lưu trú du lịch khi đi vào hoạt động kinh doanh phải đảm bảo có giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, an toàn về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và phải đáp ứng **“điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch”**.

- Theo khoản 2 Điều 51 Luật Du lịch năm 2017 quy định: **“Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh công bố danh sách cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng theo thẩm quyền; tổ chức kiểm tra chất lượng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn”**

- Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch cũng quy định cơ quan

có thẩm quyền kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch:

“Căn cứ kế hoạch công tác được phê duyệt hoặc trong trường hợp đột xuất theo quy định của pháp luật, Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có cơ sở lưu trú du lịch có trách nhiệm tổ chức kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch.”

(b) Cơ sở thực tiễn

- Trong những năm qua với sự phát triển chung của Thành phố thì số lượng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố tăng nhanh cả về số lượng và quy mô các cơ sở lưu trú du lịch. Tính đến thời điểm hiện nay, tổng số cơ sở lưu trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là 4.565, trong đó số cơ sở lưu trú đã xếp hạng là 1.533/4.565 với 44.232 phòng. Dự kiến trong thời gian tới, số lượng cơ sở lưu trú du lịch sẽ tiếp tục tăng so với những năm trước với những cơ sở lưu trú cao cấp gia nhập vào nguồn cung khách sạn của thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, các loại hình cơ sở lưu trú du lịch có quy mô nhỏ sẽ tiếp tục được đầu tư xây dựng để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

- Luật Du lịch năm 2017 quy định cơ sở lưu trú du lịch khi đi vào hoạt động kinh doanh phải đảm bảo có giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự, an toàn về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và phải đáp ứng điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ tối thiểu đối với mọi cơ sở lưu trú du lịch. Với số lượng rất lớn cơ sở lưu trú du lịch quy mô nhỏ chưa được thẩm định, xếp hạng hiện có, cùng với dự báo tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới, công tác tổ chức kiểm tra điều kiện tối thiểu tại các cơ sở lưu trú du lịch đòi hỏi phải có sự phối hợp của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành với vai trò quản lý địa bàn của Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại địa bàn.

- Tuy nhiên, theo Luật Du lịch năm 2017 hiện nay, việc đăng ký công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch là tự nguyện. Thực tế có một số cơ sở lưu trú lợi dụng quy định thông thoáng này đã tự nhận hạng sao/tự quảng cáo sai so với thứ hạng thực tế, không đảm bảo sự công bằng, cạnh tranh giữa các cơ sở lưu trú du lịch. Bên cạnh đó, với số lượng cơ sở lưu trú du lịch được dự báo ngày càng tăng nhưng lực lượng quản lý nhà nước chuyên ngành nghiệp vụ tại Sở Du lịch mỏng nên gặp rất nhiều khó khăn cho công tác kiểm tra, giám sát điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, kỹ thuật dịch vụ phục vụ khách du lịch của các cơ sở. Trong khi đó Ủy ban nhân dân quận, huyện có nhiều lực lượng như đội quản lý trật tự đô thị, công an, dân quân tự vệ, Phòng Kinh tế, Ủy ban nhân dân các phường, xã... nhưng chưa phát huy hết thế mạnh và trách nhiệm quản lý tại địa bàn. Bên cạnh đó, cơ sở để phối hợp quản lý, nâng cao chất lượng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố chưa được xây

dụng, các quy định pháp luật hiện hành chưa cho phép việc thực hiện phân cấp/ủy quyền kiểm tra giám sát điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ đối với cơ sở lưu trú du lịch cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng phần nào gây khó khăn trong triển khai công tác quản lý chuyên ngành. Do đó, việc giao Ủy ban nhân dân quận, huyện kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ đối với khách sạn dưới 20 phòng từ chức năng, nhiệm vụ của Sở Du lịch (còn các cơ sở lưu trú khác sẽ do Sở Du lịch thực hiện) sẽ đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, giúp cho công tác quản lý nhà nước về du lịch được hiệu quả hơn.

(3) Trong lĩnh vực môi trường:

Theo điểm b khoản 2 Điều 168 của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định:

“1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: ...b) Cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường theo thẩm quyền;”

Hiện nay, trên địa bàn các quận huyện thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có các khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố đang hoạt động. Tuy nhiên, theo Luật Bảo vệ môi trường việc thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, không thể phân cấp, phân quyền cho cơ quan hành chính khác (như Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố) thực hiện để đảm bảo chế độ một cửa tại chỗ và phù hợp theo địa bàn quản lý.

Do đó, để đảm bảo thống nhất một đầu mối hiện cơ chế hành chính “*một cửa, tại chỗ*”, góp phần xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh trong khu chế xuất và khu công nghiệp, tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng chính quyền đô thị, cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp”, Thành phố đề xuất cơ chế cho Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định việc giao chức năng, nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho cơ quan hành chính khác để thực hiện hiệu quả.

(4) Một số lĩnh vực khác như: Giao một số nhiệm vụ về quản lý trật tự đô thị thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao thực hiện nhằm đảm bảo công tác quản lý được sâu sát, giải quyết kịp thời các vấn đề, đạt hiệu quả hơn. Giao một số nhiệm vụ về quản lý môi trường thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý

Khu công nghệ cao thực hiện nhằm đảm bảo công tác quản lý một cửa, sâu sát địa bàn quản lý.

6.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Được chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố với nhau; giữa cơ quan chuyên môn cho các Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các cơ quan hành chính khác để phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn tại địa phương nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ, không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ theo quy định và hiệu quả công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực ở địa phương.

6.2.3. Giải pháp đề xuất

Thành phố đề xuất cơ chế để chủ động thực hiện việc giao chức năng, nhiệm vụ khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này giao cho cơ quan khác phù hợp với đặc thù địa bàn. Qua ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Thành phố tiếp thu và đề xuất 03 phương án như sau:

a) Giải pháp 1:

Quy định về cơ chế và có lĩnh vực cụ thể: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao chức năng, nhiệm vụ ở các lĩnh vực nội vụ, tài nguyên và môi trường, thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao và du lịch, y tế, xây dựng, khoa học và công nghệ, lao động - thương binh và xã hội, kế hoạch và đầu tư, tài chính theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức, các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện; Giao chức năng, nhiệm vụ ở các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, xây dựng, khoa học và công nghệ, lao động - thương binh và xã hội theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức cho cơ quan hành chính khác thực hiện.

b) Giải pháp 2: Chỉ quy định về cơ chế chung Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

c) Giải pháp 3: Liệt kê cụ thể chức năng, nhiệm vụ chuyển giao giữa các cơ quan với nhau như:

1. Giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước hạ tầng kỹ thuật đô thị giữa Sở Xây dựng và Sở Giao thông vận tải nhằm đảm bảo việc quản lý thống nhất hệ thống

kết cấu hạ tầng giao thông đô thị được tập trung, thống nhất, phù hợp với tính chất, quy mô, đặc thù tại Thành phố.

2. Giao thực hiện kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ đối với khách sạn dưới 20 phòng giữa Sở Du lịch và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện nhằm đảm bảo công tác thực hiện nhanh, kịp thời, thống nhất quản lý tại địa phương.

3. Giao một số nhiệm vụ về quản lý đô thị thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao thực hiện nhằm đảm bảo công tác quản lý được sâu sát, giải quyết kịp thời các vấn đề, đạt hiệu quả hơn.

4. Giao một số nhiệm vụ về quản lý môi trường giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao thực hiện nhằm đảm bảo công tác quản lý một cửa, sâu sát địa bàn quản lý.

6.2.4. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1

Tác động về kinh tế

Đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được phù hợp với đặc thù của Thành phố, thống nhất một đầu mối các nhiệm vụ có liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tác động về xã hội

Rút ngắn thời gian phối hợp giữa các ngành, các cấp chính quyền địa phương góp phần giảm bớt các thủ tục hành chính liên quan phát sinh trong quá trình phối hợp giữa các ngành, các cấp như hiện nay, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính

Khi thực hiện việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ quan hành chính khác có thể làm thay đổi mẫu tờ khai, thẩm quyền giải quyết.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Thay đổi một số chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đã được giao trong văn bản quy định pháp luật, giúp tăng cường đảm bảo việc sắp xếp chức năng, nhiệm vụ phù hợp thực tiễn của Thành phố.

b) Giải pháp 2

Tác động về kinh tế

Đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được phù hợp với đặc thù của Thành phố, thống nhất một đầu mối các nhiệm vụ có liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tác động về xã hội

Rút ngắn thời gian phối hợp giữa các ngành, các cấp chính quyền địa phương góp phần giảm bớt các thủ tục hành chính liên quan phát sinh trong quá trình phối hợp giữa các ngành, các cấp như hiện nay, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Tác động về giới: Không có.

Tác động về thủ tục hành chính Khi thực hiện việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ quan hành chính khác có thể làm thay đổi mẫu tờ khai, thẩm quyền giải quyết.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Thay đổi một số chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đã được giao trong văn bản quy định pháp luật, giúp tăng cường đảm bảo việc sắp xếp chức năng, nhiệm vụ phù hợp thực tiễn của Thành phố ở một số lĩnh vực.

c) Giải pháp 3

Tác động về kinh tế, về xã hội, về giới, về thủ tục hành chính, về hệ thống pháp luật cơ bản giống Phương án 2

Tuy nhiên, việc liệt kê cụ thể sẽ có những bất cập như: Trong thời gian tới, các quy định có thể sẽ còn sửa đổi, bổ sung. Ngoài các chức năng, nhiệm vụ như nêu trên, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những chức năng, nhiệm vụ khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này giao cho cơ quan khác, Thành phố không thể chủ động để giao về một cơ quan đầu mối cho phù hợp với đặc thù địa phương.

6.2.5. Kiến nghị

Thành phố đề xuất xin cơ chế chung về nguyên tắc thực hiện như giải pháp 2 để tăng tính chủ động cho Thành phố.

Khi được thông qua, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ rà soát để giao một số chức năng nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ quan hành chính khác để phù hợp với nhiệm vụ và thực tiễn công tác quản lý điều hành tại Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Đề xuất về hoàn thiện cơ chế “một cửa tại chỗ” tại Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

7.1. Vấn đề bất cập:

7.1.1. Về quy định pháp luật:

(1) Khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020): “Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Khoản 3 Điều 35, Điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: Thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

“Điều 35 Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường...

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án phải thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của mình.”

“Điều 36. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

2. Trừ dự án đầu tư liên quan đến bí mật nhà nước, cơ quan thẩm định gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án đầu tư và cơ quan có liên quan theo quy định sau đây:

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án đầu tư và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với dự án đầu tư thực hiện trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Khoản 3 Khoản 4 Điều 41 và Khoản 1 Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: Cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường thuộc

thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tùy theo đối tượng.

“Điều 41. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này:

a) Dự án đầu tư nhóm II quy định tại Điều 39 của Luật này;

b) Dự án đầu tư nhóm III quy định tại Điều 39 của Luật này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

c) Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

“Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường: 1. Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định, cấp giấy phép môi trường; cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở; chịu trách nhiệm về nội dung của giấy phép môi trường; quản lý, lưu giữ hồ sơ, dữ liệu về giấy phép môi trường; đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, thu hồi giấy phép môi trường.”

(2) Khoản 3 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định:

“3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại khu công nghiệp, khu kinh tế và các giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận khác trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

b) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế đã được phê duyệt; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi, hủy Giấy phép xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình đối với dự án, công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

c) Nhận báo cáo về việc cho thôi việc nhiều người lao động; tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được;

d) Tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế »

Tuy nhiên, một số nhiệm vụ trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thể phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp do vướng mắc các Luật liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương và Luật chuyên ngành.

(2) Theo Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: "**Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác**".

- Về lĩnh vực quy hoạch xây dựng: Căn cứ điểm b khoản 7 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020: "**3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**"

- Về Lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố:

+ Căn cứ khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định: “3. Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh** tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án phải thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của mình”

+ Căn cứ khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định: “3. Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh** cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này...”

- Về Lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (UBND Thành phố Thủ Đức là chính quyền đại phương cấp huyện và Khu CNC Thành phố thuộc phạm vi địa giới hành chính của Thủ Đức).

+ Căn cứ khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định: “4. Ủy ban nhân dân **cấp huyện** cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.”

- Điểm b khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định trách nhiệm: “Ủy ban nhân dân **cấp huyện** cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường theo thẩm quyền”.

Như vậy, ngoài UBND các cấp và các Sở chuyên môn là cơ quan hành chính thuộc UBND.TP, thì UBND.TP còn có các cơ quan hành chính trực thuộc khác (trong đó có Ban Quản lý là 01 trong 03 Khu CNC quốc gia- là khu kinh tế - kỹ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định và nằm trong phạm vi địa giới hành chính của Thành phố Thủ Đức). Ban Quản lý không phải là cấp chính quyền địa phương và không phải là sở/ngành chuyên môn, do đó, các Sở chuyên môn và UBND thành phố Thủ Đức (UBNDTP.Thủ Đức) không thể phân quyền/phân cấp cho Ban Quản lý như quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa Phương, Luật Tổ chức chính phủ và Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị.

7.1.2. Đối với nhiệm vụ Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng:

Nhiệm vụ trên thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận, huyện được quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020): “3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019): “*Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản*”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ được ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, không được ủy quyền cho cơ quan hành chính khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp).

7.1.3. Đối với nhiệm vụ: thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp

(1) Đối với nhiệm vụ: thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố (quy định tại Khoản 3 Điều 35, Điểm b khoản 2 Điều 36, Khoản 3 Điều 41 và Khoản 1 Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020):

+ Khoản 8 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, tổ chức khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp):

“Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

8. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

+ Tuy nhiên Điểm b Khoản 3 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm của Ban Quản lý khu công nghiệp phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, không quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường:

“3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường và thực hiện công tác bảo vệ môi trường khác của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;

d) Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật;

g) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Do đó, việc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp còn vướng mắc tại Luật Bảo vệ môi trường.

(2) Đối với nhiệm vụ: cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (quy định tại Khoản 4 Điều 41 và Khoản 1 Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020):

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019): Ủy ban nhân dân quận, huyện có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, không được ủy quyền cho cơ quan hành chính khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp)

7.1.4. Các bất cập tại Khu Công nghệ cao

Ngoài Ủy ban nhân dân các cấp và các Sở chuyên môn là cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, thì Ủy ban nhân dân Thành phố còn có các cơ quan hành chính trực thuộc khác. Trong đó, Ban Quản lý Khu công nghệ cao là một trong 03 Khu Công nghệ cao quốc gia, là khu kinh tế - kỹ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định và nằm trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố Thủ Đức.

Khu CNC thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương (thuộc Tp.Thủ Đức), nhưng Ban Quản lý thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý các hoạt động của Khu CNC theo quy định của pháp luật; Ban Quản lý chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong địa bàn Khu CNC, bao gồm: đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, lao động, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, tài chính, thuế, ... nhưng gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác tổ chức triển khai vì thực tế quy định pháp lý chưa có đầy đủ thẩm quyền cho Ban Quản lý để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý; vai trò quản lý nhà nước của Ban Quản lý tại các văn bản chuyên ngành còn mờ nhạt. Việc chuyển giao một số chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương (UBNDTP.Thủ Đức) và việc ủy quyền của UBNDTP cho Ban Quản lý nhằm phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ, không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ theo quy định và đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực ở địa bàn TP.Thủ Đức.

- Theo quy định hiện hành thì cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (TP.Thủ Đức) không có cơ chế để có thể phân cấp, phân quyền cho Ban Quản lý để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong khi thực tiễn các Ban Quản lý này cũng có nhu cầu được UBNDTP.Thủ Đức ủy quyền, nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, môi trường vì thực tế công tác triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật gặp khó khăn do Khu CNC nhiều lần phải điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (kể cả điều chỉnh cục bộ) cho phù hợp với yêu cầu của các nhà đầu tư và thực tế triển khai dự án gắn với đòi hỏi cập nhật từ thực tiễn.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện cơ chế “một cửa tại chỗ” đang thực hiện tại Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao. Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính; từ đó tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng đưa dự án vào hoạt động và đầu tư mở rộng sản xuất.

Để có thể tăng tính tự chủ về quản lý nhà nước cho Ban Quản lý, cần thiết phải chuyển một số chức năng nhiệm vụ của UBNDTP, UBNDTP.Thủ Đức; tăng cường thẩm quyền của Ban Quản lý Khu CNC; tiến tới minh bạch hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính hướng tới nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động Khu CNC, cải thiện môi trường đầu tư Khu CNC; góp phần tạo nền tảng liên kết, hợp tác quốc tế và hình thành chuỗi giá trị gia tăng từ R&D, thương mại hóa sản phẩm công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao đến sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Đưa Khu CNC hướng đến mô hình hoạt động mở, tiến tới mô hình thông minh, xanh, sạch và bền vững.

- Nâng cao vai trò chủ động trong xử lý công việc của người đứng đầu Ban Quản lý trong phạm vi Khu CNC có ranh giới xác định; giảm tải áp lực công việc cho UBNDTP, UBNDTP.Thủ Đức.

- Với số lượng dự án được thực hiện trên địa bàn Khu CNC tương đối lớn, là địa điểm tiềm năng thu hút đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời, Khu CNC cũng đang tập trung triển khai xây dựng phát triển và kêu gọi đầu tư. Do đó, việc giao cho Ban Quản lý thẩm quyền về lĩnh vực quy hoạch, môi trường của UBNDTP, UBNDTP.Thủ Đức để Ban Quản lý có đủ thẩm quyền, chức năng thực hiện quản lý nhà nước theo quy định pháp luật sẽ tạo sự thuận lợi về đầu tư trên địa bàn Khu CNC, giúp đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả khi thực hiện thủ tục đầu tư trên địa bàn. Từ đó thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư từ nhân trong và ngoài nước, là cơ sở, tiền đề để Khu CNC sớm đạt được mục tiêu Đổi mới mô hình quản lý, quản trị, vận hành Khu CNC gắn với chuyển đổi số; nâng cấp và mở rộng Khu CNC hiện hữu - là khu vực nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao và ứng dụng CNC hội tụ với công nghệ số; đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp trong Khu CNC với cộng đồng doanh nghiệp, các trường, viện trong khu vực; phấn đấu đến năm 2030, Khu CNC trở thành một tiểu Đô thị khoa học, công nghệ, một Trung tâm đổi mới sáng tạo, là hạt nhân của Khu Đô thị sáng tạo tương tác cao phía Đông Thành phố.

7.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong phạm vi khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý.

c) Giải pháp 3:

Nội dung tương tự giải pháp 2 nhưng không đề xuất tại Nghị quyết mà điều chỉnh quy định hiện hành:

- Điều chỉnh Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020:

+ Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường trong phạm vi khu chế xuất, khu công nghiệp theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Điều chỉnh Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giao chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) **Giải pháp 1:** Không giải quyết được vấn đề bất cập.

- Tác động về kinh tế:

Chưa tạo cơ sở để đảm bảo cơ chế “một cửa tại chỗ” đang thực hiện tại Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; dẫn đến chưa tạo được điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính; từ đó ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của Thành phố.

- Tác động về xã hội:

Cơ chế “một cửa tại chỗ” của Thành phố chưa thật sự hiệu quả, ảnh hưởng đến các chỉ số PCI (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh), PAPI (Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh), PAR INDEX (Chỉ số cải cách hành chính) của Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không có

-Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: chồng chéo của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, Ban Quản lý Khu công nghệ cao.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 1 giữ nguyên các quy định hiện hành, cho nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** đảm bảo cơ chế “một cửa tại chỗ” trong lĩnh vực quy hoạch và môi trường đang thực hiện tại Ban Quản lý theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính; từ đó tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng đưa dự án vào hoạt động và đầu tư mở rộng sản xuất.

+ Một trong những yếu tố quan trọng góp phần quyết định cho sự phát triển của các khu chế xuất (KCX), khu công nghiệp (KCN) của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung là cơ chế quản lý “một cửa, tại chỗ”. Cơ chế này ra đời và vận hành lần đầu tiên tại Việt Nam cùng với việc ra đời và phát triển của KCX Tân Thuận và Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Lần đầu tiên trong phạm vi cả nước, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho cơ quan quản lý đặc thù ở địa phương là Ban Quản lý các Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh con dấu quốc huy và chỉ đạo các Bộ ủy quyền cho Ban Quản lý để xử lý tại chỗ những vấn đề phát sinh tại KCX.

+ Với những bước tiến đột phá trong thu hút đầu tư vào các KCX, KCN, cơ chế quản lý “một cửa, tại chỗ” đã được nhân rộng, áp dụng rộng rãi và trở thành nguyên tắc hoạt động của các Ban Quản lý KCN, KCX, KKT trong cả nước từ đó đến nay. Trong đó, Ban Quản lý các KCN, một cơ quan quản lý nhà nước về KCN, KCX, được trao quyền quyết định nhiều hơn trong việc thực thi quyền quản lý nhà nước, giải quyết nhanh thủ tục hành chính, giảm bớt sự đi lại, chi phí và thời gian cho việc thực hiện các thủ tục hành chính của nhà đầu tư trong các lĩnh vực đầu tư, môi trường, xây dựng, lao động..., qua đó giảm bớt phiền hà cho các nhà đầu tư, được các nhà đầu tư đánh giá cao.

+ Quá trình ra đời các văn bản pháp quy liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các KCX, KCN đã ngày càng xác định rõ cơ chế quản lý “một cửa tại chỗ” đối với các KCX, KCN, đó là: Nghị định số 322-HĐBT ngày 18/10/1994 về Quy chế KCX; Nghị định số 194-CP ngày 28/12/1994 về Quy chế KCN; Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 về Quy chế KCN, KCX; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008, Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 và nay là Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý KCN và KKT.

+ Hiện nay, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao đã được các Bộ ngành Trung ương, Ủy ban

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp, ủy quyền giải quyết hầu hết các thủ tục hành chính trong KCX, KCN trên các lĩnh vực: đầu tư, thương mại, xây dựng, môi trường, lao động; thực hiện một cách hiệu quả cơ chế quản lý “một cửa, tại chỗ”, góp phần cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của doanh nghiệp nên được các nhà đầu tư đánh giá cao, chứng minh trong thực tiễn một chủ trương phù hợp của mô hình quản lý này.

- Áp dụng cơ chế chính sách nêu trên sẽ có tác động kinh tế mạnh mẽ, kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp hoạt động tại Khu CNC, tích hợp và rút ngắn được thời gian trong giải quyết các thủ tục hành chính, chủ động giải quyết được các vấn đề lĩnh vực quy hoạch, môi trường từ đó giúp TP. Thủ Đức nói chung và Khu CNC nói riêng sẽ là khu vực thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài đến hợp tác và đầu tư nhờ sự chủ động trong thẩm quyền quyết định các nội dung quản lý nhà nước.

- Giảm chi phí, thời gian đi lại cho doanh nghiệp khi cần liên hệ giải quyết công việc tại nhiều cơ quan hành chính, do không phải trình lên UBNDTP, UBND.TP Thủ Đức giải quyết mà thực hiện tại một đầu mối tại Ban Quản lý từ các lĩnh vực từ đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường,... và doanh nghiệp chủ động đề xuất, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Tác động về xã hội:** nhà đầu tư đánh giá cao về cơ chế “một cửa tại chỗ” thực hiện tại Ban Quản lý, từ đó tăng chỉ số cải thiện môi trường đầu tư (PCI) tại Ban Quản lý và Thành phố.

- Giúp làm rõ và tăng cường tối đa vai trò, thẩm quyền của Ban Quản lý trên tất cả lĩnh vực nhằm quản lý tốt hoạt động của Khu CNC, hướng tới thực hiện cơ chế “một cửa” trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, dự án đầu tư trong Khu CNC; tạo sự chủ động cho Ban Quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo, vai trò người đứng đầu trong công tác quản lý điều hành; nâng cao tinh thần trách nhiệm của công chức khi thực thi nhiệm vụ làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả công việc ngày càng thực chất hơn; nhất là kịp thời giải quyết thủ tục, hồ sơ hành chính trong các lĩnh vực có liên quan, góp phần phục vụ tốt hơn cho doanh nghiệp, nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp đối với cơ quan, tổ chức của Thành phố.

- Giải pháp nêu trên sẽ góp phần giải quyết một trong những vướng mắc chính trong việc đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (*bao gồm điều chỉnh*), lĩnh vực môi trường, đầu tư xây dựng và phát triển Khu CNC mà Ban Quản lý và UBNDTP, UBNDTP. Thủ Đức và các Sở/ngành đã tham mưu xử lý từ năm 2019 (*kể từ khi Luật số 35/2018/QH, Luật Xây dựng sửa đổi 2020 và Luật Môi trường 2020 có hiệu lực đến nay*).- Thể hiện tính thực tiễn và tính khoa học về

giao chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan hành chính tại Thành phố – việc UBND.TP giao một số chức năng, nhiệm vụ của UBNDTP, UBNDTP.Thủ Đức cho Ban Quản lý càng mạnh thì hiệu quả trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, thu hút đầu tư càng lớn, góp phần ý nghĩa trong việc thực hiện kỳ vọng xây dựng UBNDTP.Thủ Đức trở thành "hạt nhân", một “cực” tăng trưởng mới thúc đẩy kinh tế Thành phố và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như tạo ra sự đột phá trong phát triển Tp.Hồ Chí Minh, hướng tới xây dựng đô thị theo hướng phát triển kinh tế tri thức dựa trên nền tảng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, đô thị xanh và thân thiện với môi trường, nâng cao đời sống nhân dân.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** + Không phát sinh thêm thành phần hồ sơ hoặc kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính, chỉ thay đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thiện cơ chế “một cửa tại chỗ” đang thực hiện tại Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao.

+ Giải quyết thủ tục pháp lý về môi trường tập trung một đầu mối tại Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Quản lý trong công tác kiểm tra, giám sát doanh nghiệp trong KCX, KCN trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Đối với KCN nằm trên địa bàn từ 2 quận, huyện trở lên (như KCN Vĩnh Lộc thuộc địa bàn huyện Bình Chánh, quận Bình Tân và huyện Hóc Môn), việc phân cấp cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi KCX, KCN sẽ thuận lợi cho chủ đầu tư dự án trong thực hiện thủ tục hành chính trên cơ sở một đầu mối tiếp nhận và xử lý.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Giải pháp 2 không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhưng quy định khác với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bảo vệ Môi trường; đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất. Tuy nhiên, việc quy định chính sách đặc thù này dành cho thành phố Hồ Chí Minh, khác với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bảo vệ Môi trường là cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về việc “bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững”; đồng thời, bảo đảm đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết

để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp này sẽ làm thay đổi một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức ở cơ quan này.

+ Tăng tính đồng bộ của pháp luật chuyên ngành về quy hoạch, xây dựng, môi trường, tổ chức chính quyền địa phương với quy định pháp luật về quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp.

+ Đề cao tính phân cấp, phân quyền mạnh mẽ. Các nội dung kiến nghị sẽ tạo hành lang cơ sở pháp lý để Ban Quản lý có thẩm quyền hướng dẫn, thực hiện công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và phát triển Khu CNC.

+ Đề cao vai trò chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của chính quyền địa phương được giao cho Ban Quản lý, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

+ Đảm bảo thực hiện thống nhất hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Tp. Hồ Chí Minh và quy chế tổ chức, hoạt động của Khu CNC. Đảm bảo khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của cơ quan hành chính thuộc UBND.TP khi tổ chức thực hiện.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

c) Giải pháp 3:

- **Tác động về kinh tế:** điều chỉnh Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 mất nhiều thời gian, không giải quyết được ngay bất cập của cơ chế “một cửa tại chỗ” tại Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao. Nhà đầu tư vẫn phải đến “nhiều cửa”, thay vì “một cửa” tại các Ban Quản lý.

- **Tác động về xã hội:** cơ chế “một cửa tại chỗ” của Thành phố chưa thật sự hiệu quả, ảnh hưởng đến các chỉ số PCI (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh), PAPI (Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh), PAR INDEX (Chỉ số cải cách hành chính) của Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: chưa kịp thời đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Ban Quản lý Khu công nghệ cao. Khả năng thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: Giải pháp 2 sẽ làm thay đổi một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, giải pháp này sẽ có tác động nhất định đến khả năng thi hành pháp luật của các cán bộ, công chức ở cơ quan này.

+ Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giải pháp này không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên không ảnh hưởng đến khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế.

7.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

VIII. Chính sách về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức

Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức, đề xuất 03 nội dung. Cụ thể như sau:

1. Đề xuất về quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

1.1. Xác định vấn đề bất cập

* *Về quy định pháp luật:*

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015: “... Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản”.

* *Về thực tiễn:*

Hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức đang điều hành quản lý nhà nước

trong phát triển kinh tế - xã hội với cơ chế, thẩm quyền cấp quận huyện, chưa phát huy hết vai trò chủ động, tính tự chủ, dám làm dám chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố để phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Để phát huy hơn nữa tính chủ động sáng tạo, dám làm dám chịu trách nhiệm của thành phố Thủ Đức trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền đô thị kiểu mới đầu tiên trong cả nước cũng như khắc phục triệt để tình trạng tốn khá nhiều thời gian qua các khâu trung gian trong giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức, từ đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trên các lĩnh vực, đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải có một cơ chế đặc thù để đẩy mạnh thẩm quyền, tăng tính chủ động cho thành phố Thủ Đức để tổng hợp thế mạnh và có đầy đủ năng lực điều phối, phát huy tối đa các nguồn lực nội trội của khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố.

Bên cạnh đó, trước khi có Nghị định số 33/2021/NĐ-CP, cơ chế phân cấp, ủy quyền tổ chức chính quyền đô thị về cơ bản chỉ là quy định chung: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, quận, thành phố Thủ Đức và Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan. Do vậy thực tế cơ chế phân cấp ủy quyền thời gian qua chủ yếu vẫn theo Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố và Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố.

Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đã tạo ra cơ chế để phân cấp ủy quyền chung cho thành phố để triển khai thực hiện để triển khai tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị quyết 1111/NQ-UBTVQH tuy nhiên cơ chế phân cấp ủy quyền giữa thành phố và thành phố Thủ Đức vẫn là quy định chung nên khi áp dụng vào thực tiễn sẽ có những thuận lợi khó khăn và thách thức.

Hiện nay, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đã có một số quy định về phân cấp, ủy quyền chung cho thành phố nhưng chưa có quy định cụ thể về việc phân cấp ủy quyền giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức nên phát sinh các khó khăn và thách thức sau:

Thứ nhất, việc triển khai các nội dung phân cấp, ủy quyền giữa Thành phố và thành phố Thủ Đức là vấn đề mới chưa có tiền lệ nên phải thực hiện thận trọng nghiên cứu kỹ đảm bảo quy trình và thẩm quyền. Do vậy quá trình triển khai mất nhiều thời gian, công sức chưa đảm bảo đúng tiến độ công việc, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của người dân khi có những kỳ vọng phát triển vượt bậc của mô hình “thành phố trong thành phố”.

Thứ hai, hệ thống thể chế chưa hoàn thiện vì lần đầu có chính quyền thành phố Thủ Đức, mặc dù đã có Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14. Do vậy thực tiễn vẫn còn nhiều bất cập chưa

giải quyết được các vấn đề cần thiết của việc phân cấp, ủy quyền giữa Thành phố và thành phố Thủ Đức cụ thể:

Một là, khoản 2, điều 4 Nghị quyết số 131/2020/QH14 quy định UBND quận làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên Luật Đất đai năm 2013 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đều thuộc thẩm quyền tập thể UBND. Như vậy Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định chủ tịch UBND quận ký với tư cách là người đứng đầu cơ quan ban hành và thành phố Thủ Đức cũng được xem như thẩm quyền như quật nên thực tế có nhiều lúng túng khi triển khai.

Hai là, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định về phân cấp, ủy quyền ở một số lĩnh vực tuy nhiên các quy định này lại chưa bao quát vấn đề nên thực tiễn áp dụng có nhiều lúng túng do hiểu chưa phù hợp hoặc quy định thuật ngữ chưa chính xác cụ thể:

Thực tiễn áp dụng còn nhiều lúng túng do cách hiểu chưa phù hợp: Khoản 5, Điều 18 quy định Chủ tịch phường được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực. Nhưng theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì thẩm quyền chứng thực được Chính phủ phân cấp trực tiếp cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký trực tiếp (không cần ủy quyền của Chủ tịch) nhưng Nghị định số 33/2021/NĐ-CP không quy định Phó Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực. Điều này dẫn đến lúng túng (do trình độ áp dụng luật của cán bộ, công chức): Phó Chủ tịch UBND phường có được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực hoặc Phó Chủ tịch UBND phường có thẩm quyền ký trực tiếp chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP hay không.

Quy định thuật ngữ chưa chính xác: Điều 15, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân thành phố thuộc thành phố có thanh tra quận là chưa chính xác mà phải dùng thuật ngữ “thanh tra thành phố” vì đây là thành phố Thủ Đức, cơ quan chuyên môn của nó thuộc thành phố Thủ Đức.

Thứ ba, công tác kiểm tra giám sát vẫn chủ yếu theo các quy định pháp luật chung chưa có các hướng dẫn hoặc quy định đặc thù cho cơ chế phân cấp, ủy quyền giữa thành phố và thành phố Thủ Đức nên gặp nhiều khó khăn cho việc triển khai tạo nên tâm lý e ngại và tính minh bạch tính công tâm của chính quyền.

Thứ tư, hiện nay thành phố Thủ Đức chỉ thẩm quyền ngang với quận, huyện, mô hình tổ chức và các chức năng nhiệm vụ của Thành phố Thủ Đức về cơ bản vẫn là một đơn vị hành chính cấp huyện. Điều này một mặt chưa phát huy được vai trò của một chính quyền đô thị đúng nghĩa, mặt khác chưa tạo được tính chủ động, khuyến

khích được tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm từ chính quyền thành phố Thủ Đức.

Thứ năm, khoản 3, Điều 16 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tuy nhiên thành đặc thù của thành phố Thủ Đức là đơn vị hành chính “cấp huyện khổng lồ” với tổng cộng số lượng công việc của 03 quận gộp lại nhưng biên chế lại giảm tạo ra sự quá tải về công việc, gây áp lực thời hạn giải quyết hồ sơ, quy định nêu trên vẫn mang tính chung, vẫn là “cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định”, không có quy định về chính sách đãi ngộ cụ thể đặc biệt nào cho những người làm việc bằng ba người, từ đó làm giảm hiệu lực hiệu quả của bộ máy hành chính thành phố thuộc thành phố.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo điều kiện cho thành phố Thủ Đức chủ động trong giải quyết các thủ tục hành chính, các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 19, Điều 21 và Điều 22 Luật Tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015. Cơ chế này tạo ra sự chủ động trong quản lý điều hành, hỗ trợ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức dưới sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, trong đó bao gồm 2 mục tiêu cụ thể sau:

- Cụ thể hóa nội dung định hướng, chỉ đạo theo Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị.

- Tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong giải quyết các nội dung công việc từ thực tiễn quản lý nhà nước và phát triển kinh tế trên địa bàn;

- Tăng thẩm quyền, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức để tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trong điều kiện mô hình chính quyền đô thị mới.

- Đề xuất Trung ương cho phép Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường một số nhiệm vụ, quyền hạn, trừ những nội dung đã được Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp cơ sở, đảm bảo yêu cầu phát triển của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong các lĩnh vực: quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý kinh tế; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; quản lý văn hóa xã hội; tổ chức bộ máy quản lý hành chính của chính quyền đô thị và cán bộ, công chức, viên chức.

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường một số nhiệm vụ, quyền hạn, trừ những nội dung đã được Thành phố ủy quyền.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Trường hợp thành phố Thủ Đức tiếp tục vận hành theo cơ chế quận, huyện mà không có bước đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội thì việc thành lập thành phố Thủ Đức không đạt kỳ vọng theo mục tiêu của Đề án số 591/ĐA-CP ngày 11/11/2020 của Chính phủ về thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Thủ Đức sẽ không phát huy hết tiềm năng, thế mạnh, khơi thông điểm nghẽn trong quản lý, vận hành, từ đó không đáp ứng được là một động lực tăng trưởng mới của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

- **Tác động về xã hội:** Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH-14 và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thủ Đức và Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:**

Áp dụng cơ chế chính sách nêu trên sẽ có tác động kinh tế mạnh mẽ, rút ngắn được thời gian trong giải quyết các thủ tục hành chính, chủ động giải quyết được các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó giúp thành phố Thủ Đức

sẽ là địa phương thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài đến hợp tác và đầu tư nhờ sự chủ động trong thẩm quyền quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức ước thực hiện năm 2022 là 19.818 tỷ đồng và bằng 185,64% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2022 là 6.030,288 tỷ đồng, đạt 199,26% so tổng dự toán 2022 (3.026,29 tỷ đồng) và bằng 94,39% so với cùng kỳ năm trước (6.389,002 tỷ đồng). Tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố Thủ Đức ước thực hiện năm 2022 là 2.969,101 tỷ đồng, đạt 98,11% so tổng dự toán 2022 (3.026,29 tỷ đồng) và bằng 52,70% so với cùng kỳ năm trước (5.634,410 tỷ đồng).

Dự kiến, sau khi được giao thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực: quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý kinh tế; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; quản lý văn hóa xã hội; tổ chức, bộ máy quản lý hành chính của chính quyền đô thị và cán bộ, công chức, viên chức thì hoạt động đầu tư, kinh doanh, phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức sẽ thu hút được rất nhiều nguồn vốn, nguồn lực cả trong và ngoài nước, từ đó nguồn thu ngân sách nhà nước sẽ tăng cao, là cơ sở quan trọng đáp ứng mục tiêu ước tính đóng góp đến 30% GRDP của Thành phố Hồ Chí Minh và chiếm 7% GDP cả nước.

Tạo điều kiện cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban dân thành phố Thủ Đức, UBND phường và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ. Việc phân cấp, ủy quyền sẽ giúp nâng cao trách nhiệm quyền hạn của các phòng ban chuyên môn, UBND phường tạo điều kiện thuận lợi chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình rút ngắn thời gian giải quyết, giảm khâu trung gian vì không phải trình qua Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hoặc có ý kiến của các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân phường.

- Tác động về xã hội:

+ Thể hiện tính thực tiễn và tính khoa học về tổ chức chính quyền địa phương – việc giao thẩm quyền của Thành phố Hồ Chí Minh cho thành phố Thủ Đức càng mạnh thì hiệu quả trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, thu hút đầu tư càng lớn, góp phần ý nghĩa trong việc thực hiện kỳ vọng xây dựng thành phố Thủ Đức trở thành "hạt nhân", một "cực" tăng trưởng mới thúc đẩy kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như tạo ra sự đột phá trong phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, hướng tới xây dựng đô thị theo hướng phát triển kinh tế tri thức dựa trên nền tảng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, đô thị xanh và thân thiện với môi trường, nâng cao đời sống nhân dân.

+ Việc ủy quyền các nội dung thuộc nhiệm vụ của thành phố Thủ Đức cho cấp phường nêu trên tạo điều kiện thuận lợi hơn, giúp cho bộ máy quản lý hành chính thành phố Thủ Đức vận hành tốt hơn trong phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan đơn vị nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân về những lĩnh vực đã được ủy quyền. Giảm thiểu chi phí hành chính của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi có thủ tục hành chính cần được giải quyết do tập trung về một đầu mối của cơ quan được ủy quyền. Đẩy mạnh việc nâng cao chỉ số cải cách hành chính và chỉ số quản trị hành chính công của thành phố Thủ Đức, giảm khâu trung gian rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tăng hiệu quả thực hiện cũng như trách nhiệm của các cơ quan đơn vị UBND phường trong triển khai một số nhiệm vụ UBND thành phố.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015 và các Luật chuyên ngành nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “*Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021*” và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trường hợp ví dụ cụ thể: Công tác thu hồi đất đối với các dự án đầu tư, dự án phát triển nhà ở trên địa bàn.

- Theo Khoản 1 Điều 13 Luật tổ chức chính quyền địa phương: “*Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”.

- Theo Khoản 1, Điều 59 và Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013 thì Sở Tài

nguyên và Môi trường là cơ quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 59, Luật Đất đai.

Như vậy, đối với quy định nêu trên, do có sự chồng chéo giữa quy định của 2 luật khác nhau dẫn đến việc phân cấp giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức cần có văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bởi Quốc hội để đảm bảo pháp lý thực hiện.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật tổ chức chính quyền địa phương sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Thủ Đức trong một văn bản luật chung về tổ chức chính quyền địa phương là khá bất cập.

1.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2

(Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Đề xuất về quyết định sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của thành phố Thủ Đức

2.1. Các vấn đề bất cập

Thứ nhất, sau khi sát nhập 03 quận và thành lập thành phố Thủ Đức, khối lượng công việc cũng như số lượng đầu việc của chính quyền thành phố Thủ Đức tăng gấp 03 lần so với các đơn vị hành chính quận, huyện khác trong Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các đơn vị hành chính cấp huyện trên cả nước nói chung. Tuy nhiên việc giảm nhân sự theo chủ trương về tinh giản biên chế tại Nghị quyết số 37-NQ/TW và Đề án số 591/ĐA-CP ngày 11/11/2020 của Chính phủ về thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức đã, đang và sẽ ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương khi sự quá tải về công việc là không tránh khỏi. Áp lực về thời hạn giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính có thể làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố Thủ Đức và ảnh hưởng tâm lý, tư tưởng, quyền lợi của cán bộ, công chức.

Thực hiện theo Đề án 591 đến ngày 31/12/2022, số biên chế công chức và người lao động trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức là 459 người, số lượng biên chế công chức, người lao động trong các cơ quan chuyên môn phải sắp xếp (giảm) là 227 biên chế (686 biên chế - 459 biên chế), tỷ lệ 33%. Số lượng biên chế viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Thủ Đức đến ngày 31/12/2022 là 165 người, số lượng biên chế viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập phải sắp xếp là 81 biên chế, tỷ lệ 33%.

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp phường trên địa bàn thành phố cũng đang gặp phải những khó khăn, thách thức rất lớn khi số lượng dân cư trên địa bàn ngày càng đông tỷ lệ nghịch với nhân sự hạn chế. Hiện thành phố Thủ Đức có 02 phường có dân số trên 100 nghìn dân, nhiều phường có dân số trên 80 nghìn dân trong khi tiêu chuẩn của phường được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì “Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương từ 7.000 người trở lên”. Việc dân cư ngày càng gia tăng sẽ đặt ra nhiều thách thức cho thành phố Thủ Đức trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh trong thời gian tới.

Thứ hai, việc tổ chức cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và tổ chức Ủy ban nhân dân ở các phường không có sự khác biệt cơ bản với các quận trong Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay khung pháp lý về tổ chức các cơ quan chuyên môn được ấn định cụ thể trong Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Với cơ cấu tổ chức như hiện nay ngoài 12 cơ quan chuyên môn tổ chức thông nhất ở cấp quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thì thành phố Thủ Đức có thêm 01 cơ quan chuyên môn là Phòng Khoa học và Công nghệ. Như vậy, kỳ vọng xây dựng, quản lý, phát triển thành phố Thủ Đức thành một khu đô thị sáng tạo, công nghệ - kỹ thuật cao tương tác đa chiều, phát triển theo hướng nền kinh tế tri thức, đóng góp khoảng 7% GDP của cả nước sẽ rất khó khăn.

Thứ ba, việc tăng số lượng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hiện chưa có quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành mặc dù nhu cầu về bổ sung các phòng chuyên môn của thành phố Thủ Đức để giảm tải đầu mối công việc cho các phòng hiện nay cũng như tập trung chuyên môn sâu cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức là yêu cầu cấp thiết. Trong đó, Thành phố đề xuất thành lập phòng Giao thông công chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Theo Khoản 3 Điều 23 Luật Tổ chức chính phủ năm 2015: "*Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc*

trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện)".

Việc đề xuất chuyển thẩm quyền của Chính phủ (theo Luật tổ chức chính phủ) về cho HĐND TPHCM quyết định số lượng quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường phù hợp tình hình tại thành phố Thủ Đức phải được điều chỉnh bằng Luật/Nghị quyết của Quốc hội vì thẩm quyền đã được quy định bằng luật.

Chính phủ không thể thực hiện nội dung trái luật và nội dung này đã được Bộ Chính trị thống nhất chủ trương tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó *"cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn"*.

Hiện nay, khối lượng đầu mỗi công việc tập trung đến các phòng chuyên môn là tương đối lớn (**34 phường và 168 đơn vị sự nghiệp công lập**), do đó, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức vẫn còn nhiều bất cập.

Điển hình của nội dung đề xuất nêu trên là việc thành lập phòng Giao thông công chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Lý do:

Phòng Quản lý đô thị thành phố Thủ Đức hiện nay đang thực hiện chức năng, lĩnh vực của 03 đơn vị (Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải) với số lượng nhân sự là 56 cán bộ, công chức và người lao động với khối lượng công việc rất lớn. Năm 2022, phòng Quản lý đô thị đã xử lý 7.979 hồ sơ hành chính và nhiều nội dung khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức..

Hiện nay, thành phố Thủ Đức được phân cấp quản lý nhiều tuyến đường, hẻm, hệ thống thoát nước, công viên, cây xanh..., cụ thể như sau:

+ Hệ thống đường giao thông trên địa bàn thành phố Thủ Đức có tổng số 6.139 tuyến đường, hẻm và 177 cầu (trong đó tổng số tuyến đường phân khu vực là 1.033 tuyến, tổng số tuyến đường hẻm là 5.106 tuyến) với tổng chiều dài đường và cầu là 915.237m (trong đó chiều dài đường phân khu vực là 622.126m, chiều dài đường hẻm là 293.110m), diện tích mặt đường là 6.963.091m² (trong đó diện tích đường phân khu vực là 5.485.726 m², diện tích đường hẻm là 1.447.366 m²). Trong đó, Trung tâm quản lý đường bộ quản lý: 58 tuyến đường phân khu vực với chiều dài 182,108km, diện tích

2.356.130 m² và 154 cầu đường bộ chiều dài 20,442km, diện tích 271.903 m², còn lại đã phân cấp về thành phố Thủ Đức quản lý.

+ Hệ thống tuyến công thoát nước được phân cấp quản lý là 231,7km bên cạnh 64 công viên với tổng diện tích hơn 354km², 5.220 cây xanh (chưa bao gồm diện tích mảng xanh).

Ngoài ra, trong thời gian sắp tới, thành phố Thủ Đức sẽ được thành lập Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức. Đây là cơ quan chịu trách nhiệm là đầu mối, thống nhất việc tiếp nhận và quản lý chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng thủy lợi và hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Qua đó, có thể nhận thấy nhu cầu thành lập các phòng chuyên môn theo đặc thù phát triển của thành phố Thủ Đức là xu hướng tất yếu. Hiện nay, việc thành lập mới các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp quận huyện là chưa được quy định bởi quy định pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, qua quá trình hoạt động từ khi thành lập thành phố Thủ Đức đến nay cho thấy một số cơ quan như Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Đội Thanh tra trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Thủ Đức... cần tổ chức lại với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu phát triển thành phố Thủ Đức. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp để phù hợp yêu cầu phát triển đô thị thông minh, sáng tạo, tương tác cao, đảm bảo tinh gọn bộ máy, giao thành phố Thủ Đức thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

*** Đối với việc thành lập Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức:**

Theo Điều 24 Luật Đất đai 2013 và Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, trong đó đã quy định cụ thể Văn phòng đăng ký đất đai do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tổ chức lại trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong năm 2022, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức đã giải quyết tổng cộng **141.116** hồ sơ, trong đó: (1) **95.311** hồ sơ đăng ký biến động và cấp giấy chứng nhận, trong đó đúng hạn là 75.262 hồ sơ (**đạt tỷ lệ 80,8%**); (2) **18.418** hồ sơ kỹ thuật địa chính; và (3) **27.387** hồ sơ cung cấp thông tin, hồ sơ lưu trữ. Trong đó, lĩnh vực chậm trễ nhiều nhất là chuyển quyền; tách thửa do chuyển quyền; thu hồi 1 phần chiếm tỷ lệ trễ hạn cao nhất với hơn 11.674 hồ sơ (12,5%) và ngay cả các thủ tục đơn giản như: Thế chấp, xóa thế chấp; Xử lý nợ; Cấp đổi; Đăng ký thay đổi theo Điều 84, 85 Nghị định số 43 chiếm tỷ lệ 1,4% tương đương 1.303 hồ sơ.

Nguyên nhân chính của sự trễ hạn nêu trên là do cơ cấu, tổ chức bộ máy hiện nay chỉ là chi nhánh văn phòng đăng ký thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, cơ cấu theo quy định hiện nay chỉ được bố trí 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc (có thẩm quyền ký văn bản), không được thành lập các phòng chuyên môn.

Đây chỉ mới là số lượng hồ sơ phục vụ khoảng 1,2 triệu dân trong giai đoạn hiện nay. Theo quy hoạch chung thành phố Thủ Đức thì đến năm 2030 thành phố Thủ Đức sẽ có 2,2 triệu dân và đến năm 2040 sẽ là 3 triệu dân, việc vận hành theo mô hình hiện nay sẽ không đáp ứng được yêu cầu phát triển của thành phố Thủ Đức trong giai đoạn tới.

Để phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp, đáp ứng nhiệm vụ chính trị quan trọng của thành phố Thủ Đức, việc thành lập Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai thành phố Thủ Đức có các ưu điểm sau:

+ Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức sẽ được bổ sung nhân sự lãnh đạo cấp phó theo cơ cấu phòng ban của thành phố Thủ Đức tại Mục 2 Điều 10 của Dự thảo Nghị quyết (01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc) và được phép thành lập các phòng chuyên môn để triển khai công tác ủy quyền giải quyết hồ sơ như giao dịch đảm bảo, thế chấp, xóa thế chấp, thay đổi nội dung thế chấp, xử lý nợ, đăng ký thay đổi theo Điều 84, 85 Nghị định 43... (nội dung đề xuất thành lập Phòng để ủy quyền ký hồ sơ cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9444/STNMT-VP ngày 07/11/2022).

+ Thành phố Thủ Đức sẽ đảm bảo biên chế cho Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai thành phố Thủ Đức (giúp giảm tải cho Sở Tài nguyên và Môi trường) cũng như có thể chủ động hỗ trợ biệt phái nhân sự của các phòng ban, đơn vị (phòng Tài nguyên môi trường, Ban Bồi thường GPMB...) sang hỗ trợ khi cần thiết.

+ Cơ sở vật chất, kho lưu trữ, thiết bị phục vụ công tác sẽ do thành phố Thủ Đức đảm bảo từ nguồn ngân sách thành phố Thủ Đức, giúp đội ngũ cán bộ, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức yên tâm công tác.

+ Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức sẽ phối hợp với các phòng ban liên quan của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Đây là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng trong thời gian tới khi thành phố Thủ Đức đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án như Đường Vành đai 3 và các dự án trọng điểm trên địa bàn.

+ Việc thành lập Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức không ảnh hưởng đến quá trình vận hành hiện nay vì vẫn thực hiện theo quy trình thủ tục hiện hành, liên thông dữ liệu toàn hệ thống theo chỉ đạo chuyên môn thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, sẽ giúp giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn và hướng đến rút ngắn thêm thời gian giải quyết hồ sơ công việc, nhằm phục vụ tốt nhất cho sự phát triển của thành phố Thủ Đức. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ chịu trách nhiệm toàn diện trong việc giải quyết hồ sơ hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai tại thành phố Thủ Đức.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy việc thành lập Văn phòng đăng ký đất

đai thành phố Thủ Đức là hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "*Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao*", cụ thể:

+ Về quan điểm: đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai. Hiện đại hoá công tác quản lý, dịch vụ công về đất đai. Củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý đất đai tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tập trung, đồng bộ, thống nhất.

+ Về mục tiêu: Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông. Hoàn thành kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất; loại bỏ khâu trung gian, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp, kèm theo cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

+ Về giải pháp: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; bố trí nguồn lực hợp lý để xây dựng, hoàn thiện đúng tiến độ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; bảo đảm quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Kiện toàn, hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý đất đai ở Trung ương và địa phương bảo đảm tinh gọn, ổn định, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý đất đai. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thống nhất quản lý theo hướng nâng cao trách nhiệm của địa phương và kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ của Trung ương; giảm đầu mối, giảm trung gian, gắn với cải cách hành chính, giảm phiền hà, tiêu cực.

Qua các nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 18-NQ/TW, có thể thấy Trung ương đã định hướng, chỉ đạo thực hiện việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, giảm khâu trung gian nhằm đẩy lùi tiêu cực, nhũng nhiễu, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp đi kèm với cơ chế kiểm tra giám sát và hoàn toàn phù hợp với nội dung của Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó "cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn" và cũng như để thành phố Thủ Đức phát triển đúng định hướng là "cực" tăng trưởng mới của Thành phố, là "hạt nhân" liên kết, thúc đẩy kinh tế Thành phố và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy khi chuyển sự quản lý từ Sở Tài nguyên và Môi trường về Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với các chủ trương của Đảng, tạo điều kiện thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo hiệu quả, hiệu lực trong thực thi nhiệm vụ quản lý về đất đai, đô thị tại thành phố Thủ Đức cũng như đáp ứng được mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, là thành phố đầu tiên và duy nhất thuộc loại hình đơn vị hành chính thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương với định hướng phát triển trở thành "cực" tăng trưởng mới, là đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông của Thành phố Hồ Chí Minh; là "hạt nhân" thúc đẩy kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam bộ, phát triển trên nền tảng kinh tế tri thức, ứng dụng khoa học công nghệ, năng suất lao động cao; là thành phố xanh, thông minh, hạ tầng kỹ thuật và quản lý xã hội hiện đại, hội nhập quốc tế; nơi đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

*** Đối với việc thành lập Thanh tra xây dựng thành phố Thủ Đức:**

Hiện nay, công tác quản lý về trật tự xây dựng đô thị do Đội Thanh tra địa bàn thành phố Thủ Đức (được thành lập theo Quyết định số 96/QĐ-SXD-TCCB ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Sở Xây dựng trên cơ sở sáp nhập Đội Thanh tra địa bàn Quận 2, Đội Thanh tra địa bàn Quận 9, Đội Thanh tra địa bàn quận Thủ Đức. Đội Thanh tra địa bàn thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành xây dựng) và Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị thành phố Thủ Đức (được thành lập theo Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trên cơ sở tổ chức lại Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 2, Đội Quản lý trật tự đô thị Quận 9, Đội Quản lý trật tự đô thị quận Thủ Đức. Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Thủ Đức là bộ phận tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, thi hành các quyết định hành chính và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức giao).

Qua 02 năm vận hành, Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy có sự chông chéo giữa 02 đơn vị, số lượng các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, trật tự đô thị vẫn có chiều hướng gia tăng. Việc thành lập Thanh tra xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhằm thống nhất trong quản lý, điều hành, đảm bảo tinh gọn bộ máy, số lượng biên chế, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo quy định của Trung ương và Chính phủ, cụ thể:

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ngày 01/02/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ về các đột phá chiến lược ... " (1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống

luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công - tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật".

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nêu: "... Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực".

*** Đối với việc thành lập Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thủ Đức:**

Theo Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT- BTNMT-BNV-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có hiệu lực đến nay, do tình hình thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh nên Thành phố chưa thực hiện việc tổ chức lại theo đúng quy định về việc thành lập các Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hội nghị lần thứ sáu ngày 25 tháng 10 năm 2017, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, tại Tiết 4, Điểm 2.7, Khoản 2, Mục I Nghị quyết số 19-NQ/TW quy định: "*Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Chuyển các trung tâm phát triển quỹ đất về trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý*".

Ngày 21/12/2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 7221/BTNMT-TCQLĐĐ đề nghị các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp góp ý kiến đối với dự thảo văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trả lời Văn phòng Chính phủ, tại Khoản 2 trong dự thảo văn bản có nêu: "... Trong quá trình xây dựng hoàn thiện chính sách pháp luật về đất đai đang nghiên cứu, rà soát, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan đưa định hướng củng cố, hoàn thiện tổ chức, cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong đó có Trung tâm Phát triển quỹ đất vào Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thống nhất trên toàn quốc cũng như tại Thành phố Hồ Chí Minh".

Việc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thực hiện thí điểm tổ chức lại Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận –huyện

thành Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Ủy ban nhân dân quận – huyện là phù hợp với nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 36-KL/TW và Nghị quyết số 08/NQ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị cho phép Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh thí điểm tổ chức lại Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận – huyện thành Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Ủy ban nhân dân quận – huyện thuộc một số địa bàn thí điểm (do Thành phố đề xuất, xây dựng đề án), sau đó Thành phố sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá báo cáo Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở nhân rộng cho các địa bàn tiếp theo. Việc kiện toàn các Tổ chức Phát triển quỹ đất phải đáp ứng yêu cầu theo Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thành phố Thủ Đức được chủ động trong sắp xếp, tổ chức bộ máy các phòng ban chuyên môn phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề nghị Trung ương cho phép thành phố Thủ Đức được quyết định về biên chế cấp phường, các phòng chuyên môn theo hướng dựa trên quy mô dân số để bố trí con người. Cần quy định số cán bộ, công chức trên số dân tối thiểu và cứ tăng bao nhiêu dân thì được bố trí thêm bao nhiêu cán bộ, công chức. Trao quyền tự chủ cho thành phố Thủ Đức trong việc bố trí nguồn tài chính trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức.

- Đề xuất trao cho Thành phố Hồ Chí Minh những quyền hạn thực hiện chính sách đãi ngộ đặc thù cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Thủ Đức như nhân hệ số lương, phụ cấp ưu đãi... để phù hợp với phạm vi, quy mô, tính chất công việc của đơn vị hành chính thành phố thuộc Thành phố trực thuộc trung ương đầu tiên và duy nhất trên cả nước.

- Việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất, Thanh tra xây dựng và Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức nhằm thống nhất trong quản lý, điều hành, nhằm đáp ứng khối lượng công việc của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

- Các đơn vị sau khi được Thành phố Hồ Chí Minh thành lập thì thành phố Thủ Đức sẽ quản lý toàn diện về tổ chức bộ máy, nhân sự lãnh đạo, số lượng biên chế, đảm bảo cơ sở vật chất... để thực hiện nhiệm vụ. Việc phối hợp công tác, liên thông dữ liệu của toàn hệ thống vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách

đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm của thành phố Thủ Đức. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra, Luật Đất đai.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

+ Không tạo đủ cơ chế đột phá để thành phố Thủ Đức phát triển theo đúng kỳ vọng của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh khi ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không tạo bước đột phá về phát triển kinh tế. Không đạt được mục tiêu phát triển thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Việc chậm trễ trong giải quyết các thủ tục về đất đai, nhà đất trong thời gian đã có ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức của các nhà đầu tư, gây thất thu nguồn tiền sử dụng đất. Bên cạnh đó, nguồn lực về đất đai để phát triển của thành phố Thủ Đức là rất lớn nhưng chưa có cơ quan chuyên môn thực thi nhiệm vụ phát triển nguồn lực này. Hiện nay, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức chỉ cơ bản đáp ứng nhu cầu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức, chưa thật sự phát huy hết tiềm năng nguồn quỹ đất của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về xã hội: Hiện nay, thành phố Thủ Đức được đánh giá chưa có nội dung gì mới về thẩm quyền mà vẫn vận hành theo mô hình quận huyện và như vậy sẽ khó đạt được mục tiêu tăng trưởng về kinh tế - xã hội.

- Tác động về giới: Không phát sinh vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Thành phố Thủ Đức chủ động trong quyết định số lượng, cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ tác động tích cực đến phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức sẽ có tác động tích cực về kinh tế, giúp việc điều hành công việc sẽ thuận lợi hơn với quy mô dân số và diện tích của thành phố Thủ Đức, giúp tác đẩy nhanh thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Tác động về xã hội:

+ Tác động tích cực về xã hội vì sau khi được thành lập, các phòng chuyên môn chuyên sâu về quản lý nhà nước sẽ giúp công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố Thủ Đức được hoàn chỉnh. Đây là điểm mới, phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm của thành phố Thủ Đức trong phục vụ người dân một cách tốt nhất, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, hướng tới mô hình thành phố phát triển toàn đô thị.

+ Tác động tích cực về xã hội vì giúp hiệu quả công việc tốt hơn, giúp vấn đề giải quyết các thủ tục hành chính nhanh hơn, tạo tác động tích cực cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của thành phố Thủ Đức. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý toàn diện về cơ cấu tổ chức bộ máy, chủ động đảm bảo số lượng biên chế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo cơ sở vật chất của các đơn vị. Bên cạnh đó, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức, Thanh tra Xây dựng thành phố Thủ Đức sẽ được thành lập các phòng chuyên môn (hiện nay là các Tổ nghiệp vụ) để đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục về nhà, đất trên địa cũng như sẽ giảm gánh nặng biên chế cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Xây dựng. Việc này không ảnh hưởng đến quá trình vận hành liên thông dữ liệu toàn hệ thống đất đai và quy trình thực hiện các thủ tục nhà, đất hiện hành vì Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh vẫn quản lý về quy trình, thủ tục, liên thông dữ liệu toàn hệ thống theo ngành dọc.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Tác động tích cực về giải quyết các thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và

đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với pháp luật hiện hành nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới trưng tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra, Luật Đất đai sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Thủ Đức.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Thủ Đức trong nhiều văn bản luật chung về tổ chức chính quyền địa phương là khá bất cập.

2.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2

(Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

3. Đề xuất về cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức:

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo Khoản 4 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015:

" 4. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân".

Theo quy định hiện nay, Ban đô thị của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giao thông, xây dựng, môi trường, tổ chức cung cấp dịch vụ

công trên địa bàn thành phố trực thuộc trung ương.

Theo Khoản 3 Điều 46 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 về cơ cấu tổ chức Hội đồng nhân dân quận:

"3. Hội đồng nhân dân quận thành lập Ban pháp chế và Ban kinh tế - xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân quận gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân quận quyết định. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách".

Ngoài ra, theo Khoản 14 Điều 2 Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015:

"14. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

"Điều 44. Chính quyền địa phương ở quận

Chính quyền địa phương ở quận là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương.

Cấp chính quyền địa phương ở quận gồm có Hội đồng nhân dân quận và Ủy ban nhân dân quận."

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 46 như sau:

"1. Hội đồng nhân dân quận gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở quận bầu ra.

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân quận được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

a) Quận có từ một trăm nghìn dân trở xuống được bầu ba mươi đại biểu; có trên một trăm nghìn dân thì cứ thêm mười lăm nghìn dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá ba mươi lăm đại biểu;

b) Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở quận có từ ba mươi phường trực thuộc trở lên do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, nhưng tổng số không quá bốn mươi đại biểu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quận gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận. Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách."

Theo Khoản 3 Điều 23 Luật Tổ chức chính phủ năm 2015: "*Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện)*".

Việc đề xuất chuyển thẩm quyền của Chính phủ (theo Luật tổ chức chính phủ) về cho HĐND TPHCM quyết định số lượng quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường phù hợp tình hình tại thành phố Thủ Đức phải được điều chỉnh bằng Luật/Nghị quyết của Quốc hội vì thẩm quyền đã được quy định bằng luật.

Chính phủ không thể thực hiện nội dung trái luật và nội dung này đã được Bộ Chính trị thống nhất chủ trương tại Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó "*cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn*".

Thành phố Thủ Đức với diện tích 211,56 km² và quy mô dân số 1.013.795 người, gồm 34 phường trực thuộc là trung tâm miền Đông Nam Bộ với hệ thống giao thông được đầu tư phát triển đồng bộ, thuận lợi để kết nối, hợp tác phát triển kinh tế với các tỉnh lân cận như tuyến metro số 1 từ Suối Tiên (Quận 9) đến Bến Thành (Quận 1) sẽ đi vào hoạt động từ năm 2023, tuyến đường Vành đai 3 (Mỹ Phước – Tân Vạn – Nhơn Trạch), tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 1K, Xa lộ Hà Nội và các tuyến giao thông đường thủy trên sông Sài Gòn – sông Đồng Nai... và là một trong những địa phương dẫn đầu về tốc độ đô thị hóa, phát triển dự án...

Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực đô thị trên địa bàn thành phố Thủ Đức còn nhiều vấn đề bất cập, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (đất đai, giải phóng mặt bằng, dự án đầu tư xây dựng, vấn đề rác thải, ngập úng...). Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động thuộc lĩnh vực đô thị hiện nay của thành phố Thủ Đức vẫn đang còn một số hạn chế nhất định, một trong những nguyên nhân là thiếu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan giám sát độc lập sau khi Thành phố Hồ Chí Minh không tổ chức Hội đồng nhân dân Phường theo Nghị quyết 131/2020/QH14 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có 03 Phó Chủ tịch UBND và 13 cơ quan chuyên môn có không quá 03 Phó Trưởng phòng. Với quy định “03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố” như hiện nay là chưa phù hợp tình hình thực tế quản lý hành chính nhà nước tại thành phố Thủ Đức, vì khối lượng của mỗi vị trí việc làm là rất lớn do quy mô dân số hơn 1,2 triệu dân (ngoài ra có 400 đến 500 ngàn người tạm trú), 34 đơn vị hành chính cấp phường, 600 cơ sở giáo dục, 154 cơ sở tín ngưỡng, 285 cơ sở tôn giáo, trên địa bàn Thành phố Thủ Đức đã và đang triển khai 300 dự án... Khối lượng công việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (tính theo khối lượng công việc của 03 quận 2, 9, Thủ Đức gộp lại) năm 2020 cao hơn gần gấp đôi so với khối lượng công việc tại các Ủy ban nhân dân quận - huyện khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và chiếm gần 15% trong tổng số khối lượng công việc cần phải xử lý tại khối quận - huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo khoản 1 Điều 48 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 "**Điều 48. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận**

1. Ủy ban nhân dân quận gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

Ủy ban nhân dân quận loại I có không quá ba Phó Chủ tịch; quận loại II và loại III có không quá hai Phó Chủ tịch".

Do đó, việc đề xuất 04 Phó Chủ tịch cho UBND TPTĐ phải được quy định bằng Luật/Nghị quyết của Quốc hội vì Nghị định của Chính phủ không thể quy định vượt khung của Luật mặc dù số lượng Phó Chủ tịch UBND các cấp được quy định tại Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNV ngày 22/7/2022 của Bộ Nội vụ ban hành Nghị định quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân

Bên cạnh đó, do yêu cầu công việc nhiều, áp lực lớn với đầu mối quản lý 34 đơn vị hành chính cấp phường, 600 cơ sở giáo dục, 154 cơ sở tín ngưỡng, 285 cơ sở tôn giáo, trên địa bàn Thành phố Thủ Đức đã và đang triển khai 300 dự án... như đã nêu trên đòi hỏi tính trách nhiệm cao của đội ngũ quản lý và đặc biệt thành phố Thủ Đức là đơn vị có nhiều chương trình, đề án của Thành ủy - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên việc tăng thêm phụ cấp chức vụ các chức danh lãnh đạo là phù hợp với thực tình hình thực tiễn của địa phương, tránh tâm lý cào bằng như các địa phương khác với tính chất, quy mô công việc đơn giản hơn, đây cũng là chủ trương của Đảng và nhà nước trong việc chăm lo đời sống cho cán bộ, công chức.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phát huy vai trò giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy cần thiết phải thành lập Ban đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để thực hiện công tác giám sát về lĩnh vực đô thị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về các vấn đề

khó khăn, bức xúc của cử tri, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để xử lý, từ đó nâng cao vai trò, vị thế của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.

Đề xuất Trung ương tăng số lượng biên chế cấp phó của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và chấp thuận mức phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền của thành phố Thủ Đức nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, công chức trong thực hiện công vụ, đáp ứng khối lượng công việc của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức. Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức có không quá 02 Phó Chủ tịch và có không quá 08 đại biểu chuyên trách. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có không quá 04 Phó Chủ tịch.

Phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền của thành phố Thủ Đức thực hiện theo Phụ lục 1 kèm theo.

c) Giải pháp 3: Nội dung tương tự Giải pháp 2, tuy nhiên không quy định tại dự thảo Nghị quyết mà sửa đổi, bổ sung quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 24/12/2004, Quyết định số 275-QĐ/TW ngày 04/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/09/2004.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Việc thiếu nhân sự lãnh đạo của Hội đồng nhân dân và thiếu cơ quan kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về lĩnh vực đô thị ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư công, các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Bên cạnh đó, hiện nay với 03 nhân sự Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cũng chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tác động về xã hội:

+ Có thể ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội khi chưa phản ánh kịp thời ý kiến phản ánh, bức xúc của cử tri trong lĩnh vực xây dựng, đô thị.

+ Với số lượng hồ sơ hiện nay, cán bộ công chức của thành phố Thủ Đức phải

tăng cường mật độ làm việc, không kể ngày nghỉ, ngoài giờ để đáp ứng việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhưng hiện nay mức đãi ngộ về phụ cấp là chưa tương xứng. Do đó đã phần nào tác động tâm lý không hiệu quả đến tiến độ trong việc thực thi công vụ.

- **Tác động về giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Tác động tích cực về kinh tế vì việc tăng thêm 01 lãnh đạo là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và thành lập Ban Đô thị hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ góp phần nâng cao chất lượng đối với các quyết sách về phát triển đô thị, hạ tầng... cũng như tăng cường giám sát, chất vấn, phản biện, giúp đảm bảo mục tiêu về kinh tế, tài chính cho các dự án đầu tư của thành phố Thủ Đức.

+ Khi tăng cường nhân sự cấp quản lý (tăng thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố), việc điều hành công việc sẽ thuận lợi hơn với quy mô dân số và diện tích của thành phố Thủ Đức, giúp tác đẩy nhanh thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Với khối lượng công việc lớn, cùng với yêu cầu đề cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý, được sự quan tâm của cấp thẩm quyền về chế độ đãi ngộ trong phụ cấp chức vụ, chế độ công tác sẽ giúp đội ngũ cán bộ công chức chuyên tâm công tác, phấn đấu nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao sẽ góp phần giúp nâng cao hiệu quả tiến độ công việc, giúp việc giải quyết hồ sơ hành chính nhanh hơn, góp phần vào sự phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức.

Về tài chính: Trường hợp được áp dụng hệ số phụ cấp chức vụ theo phụ cấp của cấp sở, nhu cầu kinh phí chi lương, phụ cấp và các chế độ bảo hiểm xã hội sẽ **tăng lên 389 triệu/năm**. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ cân đối ngân sách địa phương để đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh phí tăng (*cụ thể theo bảng số liệu*).

Bảng 11. Phụ cấp chức vụ đối với chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

ĐVT: ngàn đồng

ST T	CHỨC DANH	HIỆN HƯỞNG	ĐỀ XUẤT	HỆ SỐ CHÊNH	TỔNG SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
---------	-----------	---------------	------------	----------------	-----------------	-------------	---------------	------------

				LỆCH	CHÊNH LỆCH			
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	
	TỔNG CỘNG	4.20	5.60	1.40	37,173	93	388,984	
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TPTĐ	2.10	2.80	0.70	18,586	5	22,569	
1	Chủ tịch HĐND TPTĐ	0.80	1.00	0.20	5,310	1	5,310	Kiểm nhiệm
2	Phó Chủ tịch HĐND TPTĐ	0.65	0.80	0.15	3,983	1	3,983	
3	Trưởng các Ban chuyên trách HĐND	0.40	0.60	0.20	5,310	1	5,310	Kiểm nhiệm
4	Phó Trưởng Ban chuyên trách HĐND	0.25	0.40	0.15	3,983	2	7,966	
II	ỦY BAN NHÂN DÂN TPTĐ	2.10	2.80	0.70	18,586	88	366,415	
1	Chủ tịch UBND TPTĐ	0.80	1.00	0.20	5,310	1	5,310	
2	Phó Chủ tịch UBND TPTĐ	0.65	0.80	0.15	3,983	3	11,948	
3	Chánh Thanh tra, Trưởng các cơ quan chuyên môn	0.40	0.60	0.20	5,310	11	58,414	
4	Phó Chánh Thanh tra, Phó Trưởng cơ quan	0.25	0.40	0.15	3,983	73	290,742	

chuyên môn							
------------	--	--	--	--	--	--	--

Qua phân tích nêu trên, việc đề xuất chế độ công tác của các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức không có tác động đáng kể đối với nguồn quỹ lương của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về xã hội: Tác động tích cực về mặt xã hội.

+ Với khối lượng công việc rất lớn như hiện nay, việc tăng thêm 01 biên chế Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và việc thành lập Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ phát huy vai trò giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy cần thiết phải thành lập Ban đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để thực hiện công tác giám sát về lĩnh vực đô thị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về các vấn đề khó khăn, bức xúc của cử tri, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để xử lý, từ đó nâng cao vai trò, vị thế của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức. Trong thời gian tiếp theo, sau khi được cấp thẩm quyền xem xét, ban hành cơ chế chính sách mới để phát triển thành phố Thủ Đức, với khối lượng công việc tăng cao, phạm vi, lĩnh vực được phân cấp và ủy quyền được mở rộng, việc thành lập Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng để giúp sức, tham mưu kịp thời cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.

+ Việc tăng thêm 01 biên chế Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân sẽ giúp công tác chỉ đạo, điều hành được vận hành tốt với số lượng đầu mối đơn vị hành chính như hiện nay.

+ Tăng chế độ công tác, phụ cấp chức vụ sẽ giúp cho bộ máy quản lý hành chính thành phố Thủ Đức vận hành tốt hơn, hiệu quả hơn sau khi sáp nhập, phần nào động viên đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ mới hết sức áp lực, trách nhiệm nặng nề hơn rất nhiều so với các địa phương khác và nỗ lực phấn đấu nhiều hơn trước, nâng cao hiệu quả làm việc, bên cạnh đó, khắc phục tình trạng “chảy máu chất xám”, vừa tận dụng được tri thức, kinh nghiệm cũng như tăng mức đãi chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có thể tác động rất nhỏ lên mức thu nhập của cán bộ, công chức nhưng sẽ tác động rất tích cực về mặt xã hội, đây là cơ chế khuyến khích, động viên, tạo động lực phấn đấu, tăng cao hiệu quả công việc trong thi hành công vụ.

- Tác động về giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “*Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021*” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Giải pháp 3:

Giải pháp 3 tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và giới tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 sẽ không ảnh hưởng đến tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tuy nhiên:

- Nếu sửa đổi Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 24/12/2004, Quyết định số 275-QĐ/TW ngày 04/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/09/2004 sẽ không bảo đảm tính kịp thời để xử lý các vướng mắc, điểm nghẽn cho thành phố Thủ Đức.

- Việc quy định về chính sách đặc thù, áp dụng riêng cho thành phố Thủ Đức trong nhiều văn bản luật chung về tổ chức chính quyền địa phương là khá bất cập.

3.5. Đề xuất: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2

(Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

PHẦN THỨ BA: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

I. Ý kiến và tham vấn

Báo cáo đánh giá tác động đã được lấy ý kiến của các bộ, ngành Trung ương, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước. Cơ quan đánh giá tác động đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động.

II. Giám sát và đánh giá

Sau khi Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành:

1. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành nghị định của Chính phủ cụ thể hóa tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với Thành phố cải cách thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố;

b) Trình Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh; thí điểm cơ chế chính sách đặc thù phát triển liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (SaiGon Coop) hoạt động theo mô hình Liên đoàn Hợp tác xã;

c) Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thành phố, trên nguyên tắc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm. Mở rộng việc phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố so với các quy định hiện hành trên lĩnh vực quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức. Ưu tiên bố trí nguồn lực để hoàn thiện kết cấu hạ tầng có tính chất liên vùng, đảm bảo vai trò hạt nhân của Thành phố trong vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ;

d) Chỉ đạo Thành phố định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Quốc hội;

đ) Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa Bộ ngành Trung ương với Thành phố trong tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động xây dựng quy định, quy trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này trên cơ sở các quy định, quy trình đã được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, trường hợp cần thiết thì tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan.

3. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

PHỤ LỤC 1. PHỤ CẤP CHỨC VỤ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CƠ QUAN ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, CHÍNH QUYỀN CỦA THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

STT	CHỨC DANH	MỨC PHỤ CẤP
I	Đối với các chức danh cơ quan Đảng, đề nghị Ban Tổ chức Trung ương có hướng dẫn riêng	
II	MẶT TRẬN TỔ QUỐC, ĐOÀN THỂ	
1	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Thủ Đức	0.8
2	Chủ tịch, Bí thư các đoàn thể.	0.7
3	Phó Chủ tịch Ủy ban Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Thủ Đức Phó Chủ tịch, Phó Bí thư các đoàn thể	0.5
4	Ủy viên chuyên trách Mặt trận và các đoàn thể	0.4
III	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.	1.0
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.	0.8
3	Trưởng các Ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.	0.6
4	Phó Trưởng Ban chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.	0.4
IV	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC	
1	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.	1.0
2	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.	0.8

3	Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.	0.6
4	Phó Chánh Thanh tra, Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND phường thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.	0.4
5	Phó Chủ tịch UBND phường thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.	0.3

PHỤ LỤC 2. BẢNG TỔNG HỢP DOANH NGHIỆP DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ ĐÃ CỔ PHẦN HÓA ĐẾN NĂM 2016

STT	TÊN TỔ CHỨC	TC	ĐỊA CHỈ KHU ĐẤT	CƠ QUAN CHỦ QUẢN	TỔNG DIỆN TÍCH (đơn vị tính: m ²)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	54 ĐẶNG DUNG	TCTY BẾN THÀNH	511.2
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	294 HAI BÀ TRUNG	TCTY BẾN THÀNH	143
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN THÀNH	TKT	298 HAI BÀ TRUNG	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	78.5
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN THÀNH	TKT	190E TRẦN QUANG KHẢI	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	82.7
5	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	342-344-346 HAI BÀ TRUNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	254.5
6	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	296 HAI BÀ TRUNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	142
7	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH	TKT	312 HAI BÀ TRUNG	TCTY BẾN THÀNH	73
8	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH	TKT	312 HAI BÀ TRUNG	TCTY BẾN THÀNH	71
9	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH	TKT	86-88 NGUYỄN HỮU CẦU	TCTY BẾN THÀNH	108
10	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CÀ TRE	TKT	7 NGUYỄN THÀNH Ý	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	345.4

11	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	333
12	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH	TKT		TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	713.2
13	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	TKT	75 NGUYỄN BÌNH KHIÊM	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	1141
14	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN THÀNH	TKT	107 ĐIỆN BIÊN PHỦ	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	53.3
15	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN III	TKT	140 NGUYỄN VĂN THỦ	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	724
16	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	428.9
17	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	398.3
18	CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC	TKT	104/5 MAI THỊ LỰU	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	2182.4
19	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TỔNG HỢP BẾN THÀNH	TKT		TCTY BẾN THÀNH	136.8
20	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIỆT NAM	TKT	36 NGUYỄN THỊ MINH KHAI	TCTY HÀNG HẢI VIỆT NAM	431
21	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	93-95-97 ĐÔNG KHÔI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	160
22	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	56-66 NGUYỄN HUỆ	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	1096.1
23	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	24/24 ĐÔNG DU	TCTY DU LỊCH	202.1

				SÀI GÒN	
24	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	4 NGUYỄN THIỆP	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	70.3
25	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	11 NGUYỄN THIỆP	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	71.4
26	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	131-133 ĐỒNG KHỞI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	198.9
27	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	113-115-117-119-121- 123 ĐỒNG KHỞI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	1032.1
28	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN	TKT	61-63 HAI BÀ TRUNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	267.9
29	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	TKT	180 PASTEUR	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	439.3
30	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ	TKT	35 LÊ LỢI	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	342.4
31	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT	68-70 ĐÔNG DU	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	149
32	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT	136 NAM KỶ KHỞI NGHĨA	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	614
33	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ BẾN THÀNH	TKT	9 CÔNG TRƯỜNG LAM SON PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	393.8
34	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ BẾN THÀNH	TKT	16 HỒ HUẤN NGHIỆP PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	90

35	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH	TKT	111 NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	75.3
36	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	72 ĐỒNG KHỞI PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	107
37	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	84 NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	159.6
38	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	105 ĐỒNG KHỞI PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	146.9
39	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	66B NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	53.5
40	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	85 NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	94.9
41	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	26A LÊ LỢI PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	116
42	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	115 ĐỒNG KHỞI PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	48.4
43	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	115-117 HỒ TÙNG MẬU PHƯỜNG BẾN	TCTY BẾN THÀNH	2102

			NGHÉ QUẬN 1		
44	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	89 NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	82
45	CÔNG TY CỔ PHẦN EDEN	TKT	104-106 NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	735.8
46	CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ THƯƠNG MẠI VINA	TKT	27-29 HAI BÀ TRUNG PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	123.5
47	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SÀI GÒN	TKT	160 PASTEUR PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	916.3
48	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	1A PHẠM NGỌC THẠCH PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	658
49	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆP ẢNH VÀ DỊCH VỤ VĂN HOÁ THÀNH PHỐ	TKT	66A NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	77.6
50	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	56-60-62 LÊ LỢI PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	327.75
51	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐẠY SÀI GÒN	TKT	11 CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	2220

52	CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ KỶ 21	TKT	41 NGUYỄN THỊ MINH KHAI PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	BÁO TUỔI TRẺ	712
53	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐIỆN ẢNH SÀI GÒN	TKT	77-79 HAI BÀ TRUNG PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	379
54	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TỔNG HỢP BẾN THÀNH	TKT	142 PASTEUR PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	84
55	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TỔNG HỢP BẾN THÀNH	TKT	48 NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	71
56	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIỆT NAM	TKT	12BIS NGUYỄN HUỆ PHƯỜNG BẾN NGHÉ QUẬN 1	TCTY HÀNG HẢI VIỆT NAM	523.8
57	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM	TKT	32 THỦ KHOA HUÂN	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	93
58	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	92-94-96 LÊ LỢI	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	308.9
59	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	76-78 LÊ LỢI	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	161.2
60	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	120-122 LÊ LỢI	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	45.6
61	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	18 LƯU VĂN LANG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	82.7

62	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	2/9 NGUYỄN TRUNG TRỰC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	9
63	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	35 LƯU VĂN LANG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	85
64	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	277-279 LÝ TỰ TRỌNG	TCTY BẾN THÀNH	450
65	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CÔNG ĐOÀN	TKT	81-83 CMT8	LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TP	1842
66	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN THÀNH	TKT	63 NGUYỄN THỊ MINH KHAI	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	396.5
67	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM THẠCH	TKT	86 LÊ THỊ RIÊNG	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	73.6
68	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	52 BÙI THỊ XUÂN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	409
69	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	246 LÊ THÁNH TÔN	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	73
70	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	5-7-9 NGUYỄN TRUNG TRỰC	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	227.7
71	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	175-177-179-181/1-181/2 LÝ TỰ TRỌNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	711.9
72	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN 1	TKT	123 LÊ THỊ RIÊNG	TCTY BẾN THÀNH	44
73	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT NHẬP	TKT	231-233 LÊ THÁNH TÔN	TCTY BẾN THÀNH	181

	KHÂU QUẬN 1				
74	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN 1	TKT	123H LÊ THỊ RIÊNG	TCTY BẾN THÀNH	67.5
75	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	27-29-31-33 PHAN CHU TRINH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	332.4
76	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	103-105 NGUYỄN THỊ MINH KHAI	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	340.5
77	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	40-42 PHAN BỘI CHÂU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	380
78	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	1A LÊ THỊ RIÊNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	100.2
79	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG	TKT	110-112 LÝ TỰ TRỌNG	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	90.2
80	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TỔNG HỢP BẾN THÀNH	TKT	47 PHAN CHU TRINH (Ô. PHÙNG TÍN NGHĨA THUÊ LẠI)	TCTY BẾN THÀNH	117
81	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TỔNG HỢP BẾN THÀNH	TKT	64 LÝ TỰ TRỌNG	TCTY BẾN THÀNH	189
82	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH	TKT	178-180-182 LÊ THÁNH TÔN	TCTY BẾN THÀNH	259
83	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH	TKT	7 PHAN CHU TRINH	TCTY BẾN THÀNH	91
84	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ	TKT	166 LÊ THÁNH TÔN	TCTY BẾN	22

	BẾN THÀNH			THÀNH	
85	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT	267-269 LÊ THÁNH TÔN (HOTEL TÂN HẢI LONG 2)	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	144
86	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH	TKT	200-202-204 LÝ TỰ TRỌNG	TCTY BẾN THÀNH	285
87	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SÀI GÒN TOURIST	TKT	72 LÊ LỢI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	209.9
88	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ	TKT	76 SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	782
89	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	214 LÊ THÁNH TÔN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	273
90	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÂN THỌ MIỀN NAM	TKT	11 BẾN CHƯỜNG DƯƠNG	BỘ TÀI CHÍNH	382.2
91	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	57-59 HÀM NGHI	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	87
92	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	01-05 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	173
93	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN M&C	TKT	34 TÔN ĐỨC THẮNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	6672.2
94	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH	TKT	50 CALMETTE	TCTY BẾN THÀNH	75.8
95	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH	TKT	75 - 77 CALMETTE	TCTY BẾN THÀNH	155.8

96	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	05 HÀM NGHI	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	114.9
97	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	68 NAM KỶ KHỞI NGHĨA	TCTY BẾN THÀNH	276
98	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	12 CALMETTE	TCTY BẾN THÀNH	79.1
99	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	48 NAM KỶ KHỞI NGHĨA	TCTY BẾN THÀNH	117
100	CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX	TKT	194 NGUYỄN CÔNG TRÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	428
101	CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX	TKT	02 PHÓ ĐỨC CHÍNH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	78.1
102	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	98 BẾN CHUÔNG DƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	76.7
103	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	74 - 76 NGUYỄN CÔNG TRÚ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	101
104	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	94 CALMETTE	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	74.2
105	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIẾP ẢNH VÀ DỊCH VỤ VĂN HOÁ THÀNH PHỐ	TKT	108 - 110 LÊ THỊ HỒNG GẮM	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	135.5
106	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	39 NAM KỶ KHỞI NGHĨA	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	202.3
107	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	129 - 131 - 133 HÀM NGHI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	220.6

108	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	184 CALMETTE	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	1672.2
109	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	104 YERSIN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1349
110	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	168 CALMETTE	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	92.5
111	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST	TKT	25 PASTEUR	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	95.2
112	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	TKT	9 NGUYỄN CÔNG TRÚ	TCTY CƠ KHÍ GTVT	528
113	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH	TKT	35 PHẠM NGŨ LÃO	TCTY BẾN THÀNH	94.3
114	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT TƯ XÂY DỰNG (CBM)	TKT	91 - 93 NGUYỄN CÔNG TRÚ	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	147.9
115	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG CÔNG NGHIỆP	TKT	194 Trệt - lầu 1 - lầu 2 NGUYỄN CÔNG TRÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	409.3
116	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN PHỤ SẢN QUỐC TẾ SÀI GÒN	TKT	63 BÙI THỊ XUÂN , PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO , QUẬN 1	SỞ Y TẾ	850.1
117	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ BẾN THÀNH	TKT	104 CÔNG QUỲNH , PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO , QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	120
118	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	10A TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY BẾN THÀNH	149
119	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG	TKT	83D BÙI THỊ XUÂN	TCTY BẾN	87

	HỢP SÀI GÒN			THÀNH	
120	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN THÀNH	TKT	122 BUI THỊ XUÂN	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	47.6
121	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	265 PHẠM NGŨ LÃO	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	644.4
122	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	187 ĐỀ THÁM	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	117.3
123	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	187-191 PHẠM NGŨ LÃO	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	359
124	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	12 LƯƠNG HỮU KHÁNH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	179.9
125	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	63-65 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	596
126	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH	TKT	390 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	67.4
127	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH	TKT	137 BẾN CHƯƠNG DƯƠNG, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1, TPHCM	TCTY BẾN THÀNH	121.9
128	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH	TKT	45/4 NGUYỄN THÁI HỌC, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	154.6
129	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH	TKT	290 NGUYỄN THÁI HỌC, PHƯỜNG CẦU	TCTY BẾN THÀNH	35.1

			ÔNG LÃNH QUẬN 1		
130	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	95B TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY BẾN THÀNH	43
131	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	97-99 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY BẾN THÀNH	89
132	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ	TKT	169 BẾN CHUÔNG DƯƠNG,	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	98.6
133	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	17D NGUYỄN THÁI HỌC	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	620
134	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	7-9 PHAN VĂN TRƯỜNG	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	811
135	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	190-192 ĐỀ THÁM	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	157.2
136	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	185 BẾN CHUÔNG DƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	97
137	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	383-385 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1, TPHCM	HUYỆN CẦN GIỜ	98
138	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TỔNG HỢP BẾN THÀNH	TKT	183 BẾN CHUÔNG DƯƠNG	TCTY BẾN THÀNH	306

139	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH	TKT	33 YERSIN, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	576.4
140	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH	TKT	35-37 YERSIN, PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH, QUẬN 1	TCTY BẾN THÀNH	119.2
141	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	TKT	3-5/1 PHAN VĂN TRƯỜNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	147.4
142	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN	TKT	208 CÔ BẮC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	588.7
143	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT	215-217 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	273
144	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	42 TRẦN ĐÌNH XU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	920.2
145	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ BẾN THÀNH	TKT	166 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY BẾN THÀNH	65.3
146	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	114 TRẦN ĐÌNH XU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	242.4
147	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	180 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	90.1
148	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	TKT	367 NGUYỄN TRÃI	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	976.3
149	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	TKT	353/8 NGUYỄN TRÃI	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	92

150	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	148 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	1360.9
151	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	117 CÔNG QUỲNH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	542
152	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	GÓC TRẦN HUNG ĐẠO - NGUYỄN CƯ TRINH	TCTY CƠ KHÍ GTVT	308.9
153	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	25/20 CÔNG QUỲNH	TCTY CƠ KHÍ GTVT	77
154	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	11 CAO BÁ NHẠ	TCTY CƠ KHÍ GTVT	194
155	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	156 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY CƠ KHÍ GTVT	144
156	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	85 NGUYỄN CƯ TRINH	TCTY CƠ KHÍ GTVT	73
157	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	555 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY BẾN THÀNH	158
158	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	525 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	58.4
159	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	55 TRẦN ĐÌNH XU	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	246.2
160	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO SÀI GÒN	TKT	385 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	197.7
161	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP 1	TKT	69 TRẦN ĐÌNH XU	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	254

162	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SÀI GÒN TOURIST	TKT	19/45 TRẦN ĐÌNH XU	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	4227.4
163	CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN	TKT	720 QUỐC LỘ 1A KHU PHỐ 3B	TCTY CƠ KHÍ GTVT	27694.1
164	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	KHU PHỐ 3	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	2295.8
165	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	387A KHU PHỐ 2, PHƯỜNG HIỆP THÀNH, QUẬN 12	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1908
166	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TINH HOA	TKT	LÔ 8 CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG, PHƯỜNG TÂN CHÁNH HIỆP, Q12		7935
167	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	2/7A Tô Ký, phường Tân Chánh Hiệp, QUẬN 12	HUYỆN HÓC MÔN	773
168	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY SÀI GÒN	TKT	331 QUỐC LỘ 1A,	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	8628.6
169	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	75/1 QUỐC LỘ 1A, PHƯỜNG TÂN THỚI HIỆP, QUẬN 12, TP HCM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3789.5
170	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	16A QUỐC LỘ 22 , PHƯỜNG TRUNG MỸ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	642.4

			TÂY QUẬN 12.		
171	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BAO BÌ PHƯƠNG ĐÔNG	TKT	1/147A NGUYỄN VĂN QUÁ, KHU PHỐ 5, PHƯỜNG ĐÔNG HUNG THUẬN, QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		6685
172	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	TKT	1/67, KHU PHỐ 5,	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	10543.6
173	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT PHƯỚC THỊNH	TKT	6 TÂN THỜI NHẤT 17, PHƯỜNG TÂN THỜI NHẤT, QUẬN 12		5726
174	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ỐC SÀI GÒN CHỢ LỚN	TKT	65/5 QUỐC LỘ 1A,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	13676
175	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN KIỀU	TKT	102 PHAN VĂN HỚN	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	149685.2
176	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG	TKT	22/14 PHAN VĂN HỚN, PHƯỜNG TÂN THỜI NHẤT, QUẬN 12	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM	18431
177	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	126/11 KHU PHỐ 1, PHƯỜNG TÂN THỜI NHẤT, QUẬN 12	HUYỆN HÓC MÔN	159.1
178	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	183/4 ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG TÂN HUNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	110.4

			THUẬN, QUẬN 12		
179	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY LINH XUÂN	TKT	34 đường 9,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	35792.1
180	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY LINH XUÂN	TKT	51/5 KHU PHỐ 5,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	653.39
181	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ	TKT	66/5 QUỐC LỘ 1K,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	196.9
182	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ	TKT	66/5 Quốc lộ 1K,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	40272.8
183	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY XUÂN ĐỨC	TKT	Khu phố 2,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	7792.7
184	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN	TKT	215 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	SỞ CÔNG THƯƠNG	22078.9
185	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	27 đường 9, khu phố 5, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	7654.6
186	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	707A Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, Quận	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	951.9

			Thủ Đức		
187	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	TKT	27B Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	TCTY CƠ KHÍ GTVT	39919
188	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	TKT	27B Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	TCTY CƠ KHÍ GTVT	4295
189	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	Quốc lộ 1K, Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	TCTY CƠ KHÍ GTVT	2292.8
190	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN III	TKT	ĐƯỜNG NGÔ CHÍ QUỐC KP 2	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	11401
191	CÔNG TY CỔ PHẦN BOO	TKT	Xa lộ Hà Nội, Khu phố 5, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức	UBND THÀNH PHỐ	65008.5
192	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU	TKT	2A, Đường số 15,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	1644.7
193	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU	TKT	920A, QL 1A,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	25137.6
194	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU	TKT	9, Đường số 13,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	14732.3

195	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	5/159, Xa lộ Hà Nội, Khu phố 5, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	602.5
196	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	PHƯỜNG TAM BÌNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY BẾN THÀNH	19688.6
197	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	PHƯỜNG TAM BÌNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	4890
198	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	PHƯỜNG TAM BÌNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	2685
199	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	PHƯỜNG TAM BÌNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	1642
200	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	PHƯỜNG TAM BÌNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	1461
201	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	PHƯỜNG TAM BÌNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	2008
202	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	PHƯỜNG TAM BÌNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	2021
203	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN III	TKT	47 ĐƯỜNG SỐ 17	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	31954
204	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SÀI GÒN	TKT	22 KHU PHỐ 6 - ĐƯỜNG HIỆP BÌNH -	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	14691.4
205	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	KHU PHỐ 3 - QUỐC LỘ 13 CŨ -	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	188
206	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	KHU PHỐ 3 - QUỐC LỘ 1A -	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	122.6

207	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	QUỐC LỘ 13	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	558.3
208	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU INDIRA GANDHI	TKT	SỐ 2 KHU PHỐ 3 - QUỐC LỘ 1A -	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	42318.2
209	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHƯ NGỌC	TKT	22 KHU PHỐ 6 - ĐƯỜNG HIỆP BÌNH - PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TCTY BẾN THÀNH	7259
210	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	7/145 KHU PHỐ 5 - QUỐC LỘ 13 - PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	476.8
211	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	570 KHU PHỐ 6 - QUỐC LỘ 13 - KHU PHỐ 6 - PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1102.2
212	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG SÔNG	TKT	KHU PHỐ 5 - QUỐC LỘ 13 -	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	4389.3
213	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG SÔNG	TKT	74 KHU PHỐ 6 - ĐƯỜNG HIỆP BÌNH -	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	6943.7
214	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ	TKT	KHU PHỐ 5 - QUỐC LỘ 13 - PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	28262
215	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU	TKT	KHU PHỐ 5 - QUỐC	TCTY THƯƠNG	2384

	TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ		LỘ 13 - PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	MẠI SÀI GÒN	
216	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ	TKT	24 ĐƯỜNG SỐ 17 - KHU PHỐ 3 -	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	8745
217	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 10	TKT	KHU PHỐ 2	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	3328
218	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SÀI GÒN	TKT	KHU PHỐ 3	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1691.8
219	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	68/1 QUỐC LỘ 13 PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	6713.3
220	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	CHỢ BÌNH TRIỆU ,PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	92
221	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ	TKT	327C/4 QUỐC LỘ 13, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH, QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2523.4
222	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 9	TKT	1060/9 KHA VẠN CÂN KHU PHỐ 1	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	3071.9
223	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 9	TKT	1060/22-1060/24-1060/26-1060/28 KHA VẠN CÂN KHU PHỐ 1	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	293.3

224	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	1106 ĐƯỜNG KHA VẠN CÂN KHU PHỐ 1 PHƯỜNG LINH CHIỂU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1857.3
225	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	231 ĐƯỜNG VÕ VĂN NGÂN KHU PHỐ 4 PHƯỜNG LINH CHIỂU QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	870.6
226	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	4 TÔ NGỌC VÂN PHƯỜNG LINH TÂY QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	934.1
227	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	28 ĐƯỜNG TÂM TÂM XÃ PHƯỜNG LINH TÂY QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	177
228	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	719 + 721 ĐƯỜNG KHA VẠN CÂN PHƯỜNG LINH TÂY QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1138
229	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	701 ĐƯỜNG KHA VẠN CÂN PHƯỜNG LINH TÂY QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	85.7
230	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	77 TÔ NGỌC VÂN PHƯỜNG LINH TÂY QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	696
231	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	1 ĐƯỜNG DƯƠNG VĂN CAM PHƯỜNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1183.4

			LINH TÂY QUẬN THỦ ĐỨC		
232	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN LIÊN THÀNH	TKT	69 đường số 36, khu phố 8	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	2524
233	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN LIÊN THÀNH	TKT	620 Kha Vạn Cân	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	886.9
234	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN LIÊN THÀNH	TKT	84 đường số 36, khu phố 8	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	5217.5
235	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	744 Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, quận Thủ Đức	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	493.3
236	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	746 Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, quận Thủ Đức	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3265.8
237	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC	TKT	8 Không Tử, KP3, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức	TCTY CẤP NƯỚC SG	2177
238	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THỦ ĐỨC	TKT	184 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, Q.Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	QUẬN THỦ ĐỨC	2180.8
239	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THỦ ĐỨC	TKT	208 Đặng Văn Bi, KP1, phường Bình Thọ, Q.Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	QUẬN THỦ ĐỨC	1135

240	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN III	TKT	19 Dân Chủ, KP2,	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	1987.7
241	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	TKT	384 Võ Văn Ngân, KP3,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	317
242	CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG LAN XUẤT KHẨU THÀNH PHỐ	TKT	512 Đồng Tiến,	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1603.4
243	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	236 Võ Văn Ngân, KP3, Phường Bình Thọ, Q.Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	918.6
244	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	2 Đặng Văn Bi, KP4, phường Bình Thọ, Q.Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	986
245	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, Q.Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1753.2
246	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 623	TKT	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU PHỐ 8	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	10740.4
247	CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬP NGOẠI THƯƠNG	TKT	KM7/1 XA LỘ HÀ NỘI PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	90422
248	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	228 VÕ VĂN NGÂN PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	310

249	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	1A ĐOÀN CÔNG HỒN PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	131.7
250	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT	40/10 ĐOÀN CÔNG HỒN PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ QUẬN THỦ ĐỨC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	292.5
251	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ TIỀN CHẾ	TKT	ĐƯỜNG NGUYỄN XIÊN	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	47500
252	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SÀI GÒN	TKT	204 XA LỘ HÀ NỘI	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	66449
253	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LONG BÌNH	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	25855
254	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LONG BÌNH	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	38228
255	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	683
256	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	42965
257	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN KIỀU	TKT		TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	86506
258	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ THỦ ĐỨC	TKT	1 XA LỘ HÀ NỘI	TCTY CƠ KHÍ GTVT	11169
259	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 9	TKT	XA LỘ HÀ NỘI	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	8340.5

260	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	639.4
261	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	189.9
262	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	7874
263	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	90.5
264	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT		TCTY CƠ KHÍ GTVT	12504
265	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP	TKT		TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	6875.2
266	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 9	TKT		TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	7159
267	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY XUÂN ĐỨC	TKT	54 B NAM HOÀ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	17566
268	CÔNG TY CỔ PHẦN P/S	TKT	513 C Ấp tây hoà	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	14862
269	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	436
270	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN THỦ ĐỨC	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	629

271	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	89 LÊ HOÀNG PHÁI, PHƯỜNG 17, QUẬN GÒ VẤP	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	155.8
272	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN	TKT	236/7 NGUYỄN VĂN LƯỢNG	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	13766
273	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÂM	TKT	379 đường Quang Trung,	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	4668.4
274	CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX	TKT	382/70 Quang Trung Phường 10 Quận Gò Vấp	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	263
275	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	A21 Quang Trung P10 GV	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	252.8
276	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT	108 LÊ LỢI PHƯỜNG 4 GÒ VẤP	QUẬN PHÚ NHUẬN	2087.1
277	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	109 NGUYỄN THÁI SƠN PHƯỜNG 4 GÒ VẤP	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	273.9
278	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	42 TRUNG NỮ VƯƠNG PHƯỜNG 4 GÒ VẤP	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	89.3
279	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA SÀI GÒN	TKT	100 LÊ LỢI	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	3239
280	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA SÀI GÒN	TKT	66 TRẦN BÌNH TRỌNG	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	710.7
281	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA SÀI GÒN	TKT	69 TRẦN BÌNH TRỌNG	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	6674.6

282	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	172 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	241
283	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	247 LÊ QUANG ĐỊNH PHƯỜNG 1 GÒ VẤP	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	190.4
284	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GÒ VẤP	TKT	18 NGUYỄN HỒNG PHƯỜNG 1 GÒ VẤP	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	3409
285	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	6B Nguyễn Thái Sơn P3 GV	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	72
286	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	10B Nguyễn Thái Sơn P3 GV	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	72
287	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	8B Nguyễn Thái Sơn P3 GV	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	72
288	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	4A Nguyễn Thái Sơn P3 GV	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	72
289	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	105 Lê Lợi P3 GV	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4555.4
290	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH	TKT	21/6D đường Phan Huy Ích phường 14 (P.12 cũ) quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh	DNNN	7512.4
291	CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIÀY SAGODA	TKT	12/78 đường Phan Huy	TCTY DỆT MAY	12.336

			Ích phường 14	GIA ĐỊNH	
292	CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIÀY SAGODA	TKT	12/78 đường Phan Huy Ích phường 14	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	27161
293	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA SÀI GÒN	TKT	71/1 đường Quang Trung	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	6693
294	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG NAM	TKT	18 đường Phan Huy Ích	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	3210
295	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GÒ VẤP	TKT	21/6 đường Phan Huy Ích	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	3690
296	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ	TKT	279 NƠ TRANG LONG	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	8950
297	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT	TKT	414 NƠ TRANG LONG	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	11167
298	CÔNG TY CỔ PHẦN VINABICO	TKT	436 NƠ TRANG LONG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	7767.4
299	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH	TKT		QUẬN BÌNH THẠNH	453
300	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH	TKT		QUẬN BÌNH THẠNH	4035
301	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG	TKT	1B Quang Trung	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	7589.8

302	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN	TKT		TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	233.1
303	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	504
304	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH	TKT		QUẬN BÌNH THẠNH	6300
305	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH	TKT		TCTY CẤP NƯỚC SG	1351.5
306	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN LIÊN THÀNH	TKT		TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	3104.2
307	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH	TKT		QUẬN BÌNH THẠNH	4387.4
308	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1325.9
309	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4509.3
310	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	256
311	CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC	TKT	122 PHAN VĂN TRỊ	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	1721
312	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ SÀI GÒN	TKT	5 UNG VĂN KHIÊM	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	690.6

313	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ SÀI GÒN	TKT	JI XÔ VIỆT NGHỆ TỈNH	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	995.7
314	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SÀI GÒN	TKT		TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	405.6
315	CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ KỶ 21	TKT		BÁO TUỔI TRẺ	3533
316	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ SÀI GÒN	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	58.1
317	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT TƯ XÂY DỰNG SỐ 2	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	267.2
318	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	60/1 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	675
319	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	89 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	2334
320	CÔNG TY CỔ PHẦN IN GIA ĐỊNH	TKT	9D NƠ TRANG LONG	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1027.5
321	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH	TKT		QUẬN BÌNH THẠNH	97
322	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHIẾN THẮNG	TKT	230 BẠCH ĐẰNG	TCTY CƠ KHÍ GTVT	442.4
323	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI LIDOVIT	TKT	230 BẠCH ĐẰNG	TCTY BẾN THÀNH	1521.2
324	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA ĐỊNH	TKT	72 BẠCH ĐẰNG	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	86

325	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	101
326	CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN XÂY DỰNG	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	1433.7
327	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT		TCTY CƠ KHÍ GTVT	684.5
328	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN	TKT		TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	324.3
329	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG	TKT			254
330	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	189 HOÀNG HOA THÁM	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	134
331	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	66 NGUYỄN VĂN ĐẬU	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	811
332	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐÌNH	TKT		TCTY CẤP NƯỚC SG	937
333	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA ĐÌNH	TKT	35 LÊ QUANG ĐỊNH	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	74
334	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH	TKT		QUẬN BÌNH THẠNH	282
335	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH	TKT		QUẬN BÌNH THẠNH	119.2



				LỚN	
360	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	284-286 VÕ THÀNH TRANG	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	135
361	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT		TCTY CƠ KHÍ GTVT	136
362	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT		TCTY CƠ KHÍ GTVT	1042
363	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	36742
364	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	364 TRƯỜNG CHINH	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	353
365	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	1665.7
366	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	329
367	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3770
368	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN KIỀU	TKT	236a Lê Văn Sỹ	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	820.9
369	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	191 BÙI THỊ XUÂN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3361.4

370	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIỆT NAM	TKT		TCTY HÀNG HẢI VIỆT NAM	452
371	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	124
372	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	91 B2 PHẠM VĂN HAI	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	1760
373	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	2581
374	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	19 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	317
375	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	11 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	71
376	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	9 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	86
377	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	5400
378	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN DU LỊCH THANH BÌNH	TKT		TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	1234.4

379	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN DU LỊCH THANH BÌNH	TKT		TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	386.5
380	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN DU LỊCH THANH BÌNH	TKT		TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	300.9
381	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH HÀNG XUẤT KHẨU TÂN BÌNH	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1043.4
382	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN II	TKT	37 TRẦN TRIỆU LUẬT	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	2146.5
383	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN II	TKT	50-70 BA GIA	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	978
384	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	97.1
385	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	92
386	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	171.4
387	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	492.2
388	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	274.6

389	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	8 ĐÔNG SƠN	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	413
390	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	273.1
391	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	169/8 CÁCH MẠNH THÁNG TÁM	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	309.2
392	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1455
393	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT	TKT	550 ÂU CƠ	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	1412
394	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	365 TRẦN VĂN QUANG	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	261.3
395	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	365 TRẦN VĂN QUANG	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	365.2
396	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	598
397	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC TÂN BÌNH	TKT	205-209	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	2543.8
398	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4	TKT	9B/15 BÀNH VĂN	TCTY VĂN HÓA	478

			TRẦN	SÀI GÒN	
399	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN II	TKT	28 TRẦN TRIỆU LUẬT	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	1349
400	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	7016.9
401	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	77
402	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN DU LỊCH THANH BÌNH	TKT		TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	425
403	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	547.3
404	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	661
405	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT		TCTY CƠ KHÍ GTVT	2113
406	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	98
407	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	222.3
408	CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIÀY SAGODA	TKT		TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	915

409	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	135.8
410	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	80 LÝ THƯỜNG KIỆT	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	149.9
411	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	89 LÝ THƯỜNG KIỆT	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	310.6
412	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	105 ÂU CƠ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	1889.6
413	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LONG SÀI GÒN	TKT	17/17 ÂU CƠ	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1097.3
414	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN TIẾN	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	2032.9
415	CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LAN	TKT	129 ÂU CƠ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	10387
416	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	827
417	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	5082.4
418	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI	TKT		QUẬN TÂN BÌNH	2108

	XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ TÂN BÌNH				
419	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	600 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	972.1
420	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	248
421	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	TKT		CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	9337
422	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	22379
423	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TÂN BÌNH	TKT	4B LÊ TRỌNG TẤN	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	8037
424	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚC YÊN	TKT		TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	9818.8
425	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	25/26 TRƯỜNG CHINH	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	5252.9
426	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	85
427	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT	TKT	16/2 ÂU CƠ	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	4909

428	CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT	TKT	44/3 NGUYỄN VĂN SẴNG	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	849
429	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SAIGON	TKT	LÔ II-2B ĐƯỜNG SỐ 10, NHÓM CÔNG NGHIỆP II-KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	5208
430	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 3	TKT	LÔ II-9 ĐƯỜNG SỐ 8, NHÓM CÔNG NGHIỆP II-KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	2984
431	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM	TKT	913 ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH,	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	76073.5
432	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	ĐƯỜNG CHẾ LAN VIÊN, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	9641
433	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH	TKT	LÔ II-3 ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CÔNG NGHIỆP II-KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	9987
434	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC NGẦM II	TKT	37/13 TÂN KỶ TÂN QUÝ, PHƯỜNG SƠN KỶ, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY CẤP NƯỚC SG	23919
435	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ÔTÔ SỐ 2	TKT	51/13 TÂN KỶ TÂN QUÝ,	TCTY CƠ KHÍ GTVT	9579.4

436	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG	TKT	22 ÂU CƠ,	CTY PHÁT TRIỂN KCN SÀI GÒN	5177
437	CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LAN	TKT	744 LỮ BÁN BÍCH	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	313.5
438	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	62 TÂN THÀNH,	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	5574
439	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	62 TÂN THÀNH	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	9989
440	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SAIGON	TKT	ĐỐI DIỆN SỐ 563F/43 CƯ XÁ VƯỜN LÀI, PHƯỜNG PHÚ THỌ HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	31.2
441	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	36 THẠCH LAM	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	2771
442	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11	TKT	7A Thoại Ngọc Hầu,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	6924
443	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ	TKT	314 Lữ Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	6649.4
444	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	1014B Thoại Ngọc Hầu,	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	12843

445	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	1014B1 Thoại Ngọc Hầu,	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	5244
446	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	1333 HƯƠNG LỘ 2,	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	4516.7
447	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN	TKT	332 LỮY BÁN BÍCH,	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	1461
448	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ BAO BÌ	TKT	PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	261
449	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ BAO BÌ	TKT	PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2715.5
450	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ BAO BÌ	TKT	PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	5507.1
451	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ BAO BÌ	TKT	PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1326
452	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ BAO BÌ	TKT	262/15 LỮY BÁN BÍCH, PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2944

453	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ BAO BÌ	TKT	291/8 LŨY BÁN BÍCH, PHƯỜNG HÒA THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2203.8
454	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIỀN	TKT	170 PHAN ANH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	6387
455	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIỀN	TKT	96 LŨY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	11203
456	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIỀN	TKT	96/1 LŨY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	704
457	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU	TKT	36/8 LŨY BÁN BÍCH,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	3139
458	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU	TKT	23C LŨY BÁN BÍCH,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	8618.1
459	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC TÂN PHÚ	TKT	SỐ 4, BÙI CẨM HỒ,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	11393
460	CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ SÀI GÒN	TKT	48 LŨY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	719

461	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	SỐ 153 LƯƠNG THỂ VINH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	671
462	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04	TKT	4/21 BÙI CẨM HỒ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	1517.9
463	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ XUẤT KHẨU RAU QUẢ SÀI GÒN	TKT	17/6 LỮY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1215.9
464	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ XUẤT KHẨU RAU QUẢ SÀI GÒN	TKT	58 LỮY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1064.2
465	CÔNG TY CỔ PHẦN TICO	TKT	98 LỮY BÁN BÍCH	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	7913
466	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	125 LỮY BÁN BÍCH, PHƯỜNG TÂN THỚI HÒA, QUẬN TÂN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3171
467	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	116.1
468	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	30.5
469	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT		TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	71.7

470	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4	TKT	30 THÍCH QUẢNG ĐỨC	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	321.6
471	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THÀNH PHỐ	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4804
472	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	5012
473	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	90
474	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	TKT	422 ĐÀO DUY ANH	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	16608.4
475	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	2294
476	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	4473.2
477	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	47.3
478	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	81.2
479	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	36
480	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	872
481	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN	TKT		NGÂN HÀNG	1439

482	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU GIÀY DÉP NAM Á	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	3896
483	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU GIÀY DÉP NAM Á	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	75.9
484	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU GIÀY DÉP NAM Á	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	5119
485	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU GIÀY DÉP NAM Á	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	3776
486	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU GIÀY DÉP NAM Á	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	4308
487	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4	TKT	59/6 PHAN ĐĂNG LƯU	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	516.6
488	CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	90.9
489	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA XUẤT KHẨU 30/4	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	608
490	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA XUẤT KHẨU 30/4	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1034
491	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA XUẤT KHẨU 30/4	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	114
492	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	58
493	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	332.3
494	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ	TKT		NGÂN HÀNG	1691.7

	PHÚ NHUẬN				
495	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	686
496	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	92
497	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	69
498	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	197
499	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	66
500	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	90
501	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN	TKT		NGÂN HÀNG	63.4
502	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN	TKT		NGÂN HÀNG	38.8
503	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	76
504	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN	TKT		NGÂN HÀNG	57
505	CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIÀY SAGODA	TKT	223 NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	884
506	CÔNG TY CỔ PHẦN DA GIÀY SAGODA	TKT	185-187 HOÀNG VĂN THỤ	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	889.6

507	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	225
508	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	383
509	CÔNG TY CỔ PHẦN MERUPHA	TKT		CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	687
510	CÔNG TY CỔ PHẦN MERUPHA	TKT	223B HOÀNG VĂN THỤ	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	3104
511	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	589.6
512	CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN GIVRAL	TKT	142 NGUYỄN VĂN TRỖI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	2224.9
513	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	639
514	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	121
515	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	112
516	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA XUẤT KHẨU 30/4	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	69
517	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	63
518	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	669.7
519	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ	TKT		NGÂN HÀNG	129.8

	PHÚ NHUẬN				
520	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA SÀI GÒN	TKT	32/2 TRƯƠNG QUỐC DUNG	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	703.4
521	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	643.4
522	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN	TKT		NGÂN HÀNG	266.7
523	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	632
524	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	272
525	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	40
526	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	237
527	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	133.5
528	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	119
529	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	185 B-C LÊ VĂN SỸ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	230.9
530	CÔNG TY CỔ PHẦN IN THANH NIÊN	TKT		TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	775
531	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	53.1

532	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG PHÚ NHUẬN	TKT		QUẬN PHÚ NHUẬN	142.7
533	CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ	TKT			612
534	CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA ĐÔNG SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4530.4
535	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1005.1
536	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT TƯ 4	TKT		BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PT NÔNG THÔN	11944
537	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	TKT		CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	10137
538	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	16906.8
539	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT	83 Lý Chính Thắng	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	3525.3
540	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	292/1-2 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	492
541	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	339 Hai Bà Trưng, P8, Q3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	130.2
542	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	168C-D-E Võ Thị Sáu, P8, Q3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	273.5
543	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TÂN ĐỊNH	TKT	33 Nguyễn Văn Mai P.8 - Q.3	QUẬN 1	94.1

544	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TÂN ĐỊNH	TKT	266 Nam Kỳ Khởi Nghĩa P.8 - Q.3	QUẬN 1	1700
545	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT	6F NGÔ THỜI NHIỆM	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	445.7
546	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ	TKT	27 TÚ XƯƠNG	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	1002
547	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN	TKT	259 ĐIỆN BIÊN PHỦ PHƯỜNG 7 QUẬN 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1494.6
548	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	292 NAM KỶ KHỞI NGHĨA PHƯỜNG 7 QUẬN 3	QUẬN 3	627
549	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	303 ĐIỆN BIÊN PHỦ P7 QUẬN 3	QUẬN 3	553
550	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	122D CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	QUẬN 3	400
551	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	124 TRẦN QUỐC THẢO PHƯỜNG 7 QUẬN 3	QUẬN 3	1002
552	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	92 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM PHƯỜNG 7 QUẬN 3	QUẬN 3	486
553	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	TKT	136 LÝ CHÍNH THẮNG PHƯỜNG 7 QUẬN 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	2767
554	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	118 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	245

			PHƯỜNG 7 QUẬN 3		
555	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	193/59 NAM KỶ KHỞI NGHĨA PHƯỜNG 7 QUẬN 3	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	607.1
556	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	181 VÕ THỊ SÁU P7 QUẬN 3	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	534.8
557	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	236 ĐIỆN BIÊN PHỦ	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	787.4
558	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	61A TÚ XƯƠNG	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	162.8
559	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	199 NAM KỶ KHỞI NHĨA	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	1076
560	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TẠP PHẨM SÀI GÒN	TKT	35 LÊ QUÝ ĐÔN PHƯỜNG 7 QUẬN 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	117.1
561	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY DA SÀI GÒN	TKT	284/1 LÊ VĂN SỸ	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	704
562	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	278 LÊ VĂN SỸ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	104.9
563	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	450B LÊ VĂN SỸ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	63
564	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1004.7
565	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT		TCTY CƠ KHÍ GTVT	1748

566	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	347 LÊ VĂN SỸ PHƯỜNG 13 QUẬN 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	253
567	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 7	TKT	211 Điện Biên Phủ	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	540.8
568	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	215 Điện Biên Phủ	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	247
569	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	TKT	90 Cách Mạng Tháng Tám Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	195.2
570	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	TKT	78-80 Cách Mạng Tháng Tám Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	560.3
571	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	TKT	27 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	920
572	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	TKT	10 Công Trường Quốc Tế Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	2553
573	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	TKT	33 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	705
574	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	TKT	208 Pasteur Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	461
575	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 3	TKT	243 Hai Bà Trưng Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	589
576	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4	TKT	61 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	767.73
577	CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN	TKT	46-48 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	597.7

578	CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN	TKT	86-90 Cách Mạng Tháng 8 Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	912.5
579	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	139 Hai Bà Trưng Phường 6 Quận 3	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	282
580	CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY	TKT	167 Hai Bà Trưng Phường 6 Quận 3	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	793.4
581	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KINH DOANH ĐỊA ỐC SÀI GÒN	TKT	62 Võ Văn Tần	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	123.8
582	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KINH DOANH ĐỊA ỐC SÀI GÒN	TKT	62 Võ Văn Tần	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	120
583	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIỆT NAM	TKT	22 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3	TCTY HÀNG HẢI VIỆT NAM	616.1
584	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	107 Trương Định	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	722
585	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	26 Nguyễn Thị Diệu	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	401.6
586	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NHÀ BÈ	TKT	24/10 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	268.9
587	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ	TKT	31 Trần Quốc Thảo Phường 6 Quận 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	172.1
588	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ	TKT	181 Nguyễn Đình Chiểu Phường 6 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	1463
589	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN III	TKT	86 Nguyễn Thị Minh Khai	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	3070

590	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	TKT	07 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3	TCTY CƠ KHÍ GTVT	704.4
591	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	125 Nguyễn Thông Phường 9 Quận 3	QUẬN 3	54
592	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	15 Kỳ Đồng Phường 9 Quận 3	QUẬN 3	880.52
593	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 3	TKT	42A Nguyễn Thông Phường 9 Quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	13
594	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 3	TKT	5 Kỳ Đồng Phường 9 quận 3	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	436
595	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	TKT	200 Bis Lý Chính Thắng Phường 9 - Quận 3	SỞ NN & PTNT	1422.5
596	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	57A Nguyễn Thông Phường 9 Quận 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	147
597	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	214B Lý Chính Thắng Phường 9 Quận 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	386
598	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	492 Đường Nguyễn Đình Chiều, P.4 - Q.3	QUẬN 3	87
599	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1	TKT	108 Đường Cao Thắng	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	906
600	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	456 A Nguyễn Thị Minh Khai, P.5 - Q.3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	216
601	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	167 Cách mạng Tháng 8, P.5 - Q.3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	75.8

602	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	26 Võ Văn Tần, P.5 - Q.3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	151
603	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	197 - 199 Nguyễn Đình Chiểu, P.5 - Q.3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	109.6
604	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	362 - 364 Võ Văn Tần,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	138.8
605	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	2/32 Cao Thắng, P.5 - Q.3	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	235.3
606	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG CÔNG NGHIỆP	TKT	455 Võ Văn Tần, P.5 - Q.3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	93.8
607	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	81 CAO THẮNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	5383
608	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	666 - 664/1 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU P3Q3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	91
609	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	549 ĐIỆN BIÊN PHỦ P3Q3	TCTY CƠ KHÍ GTVT	7085
610	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	512-514 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3	QUẬN 3	52
611	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4	TKT	491/14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2 Quận 3	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	239.7
612	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	468 NGUYỄN THỊ MINH KHAI PHƯỜNG 2 QUẬN 3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	423

613	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐIỆN ẢNH SÀI GÒN	TKT	19 Cao Thắng, Phường 2 Quận 3	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1274.5
614	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT	518 NGUYỄN THI MINH KHAI P2 Q3	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	100.1
615	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MÊKÔNG	TKT	702 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU P1/Q3 TP HCM	QUẬN 3	23
616	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	601 ĐIỆN BIÊN PHỦ P1/Q3 TP HCM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	85
617	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 3	TKT	635A ĐIỆN BIÊN PHỦ P1/Q3 TP HCM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	120
618	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	TKT	601 đường Cách Mạng Tháng 8 Phường 15 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	856.7
619	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU	TKT	15-17-19 đường Trường Sơn	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	14718
620	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU	TKT	11 đường Trường Sơn	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	2450.8
621	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	186 đường Tô Hiến Thành Phường 15 Quận 10	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	281.6
622	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU	TKT	467C Cách mạng tháng 8	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	276.5
623	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 10	TKT	7A/5/3 Thành Thái Phường 14 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	252.8

624	CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU	TKT	502 đường 3/2	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	5641
625	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	557/17H đường Thành Thái Phường 14 Quận 10	QUẬN 10	1460.5
626	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	7A/47 đường Thành Thái Phường 14 Quận 10	QUẬN 10	202.9
627	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	7A/1/2 Thành Thái Phường 14 Quận 10	QUẬN 10	1498.1
628	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1	TKT	606/147 đường 3/2	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	941.2
629	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	TKT	436B/76 đường 3 tháng 2 Phường 12 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	121.9
630	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	4/9 Hoàng Dư Khương	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	953.1
631	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	277B Cách Mạng Tháng Tám Phường 12 Quận 10	QUẬN 10	1982.2
632	CÔNG TY CỔ PHẦN TIE	TKT	52 đường Thành Thái	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	5722.3
633	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 10	TKT	207 đường 3 tháng 2, Phường 11 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	45
634	CÔNG TY CỔ PHẦN TIE	TKT	376 Điện Biên Phủ	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1349.1
635	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHƯ NGỌC	TKT	500 Lý Thái Tổ Phường 10 Quận 10	TCTY BẾN THÀNH	92.6

636	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHƯ NGỌC	TKT	506-508 Lý Thái Tổ Phường 10 Quận 10	TCTY BẾN THÀNH	141.8
637	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	432 Lý Thái Tổ Phường 10 Quận 10	QUẬN 10	130.5
638	CÔNG TY CỔ PHẦN TIE	TKT	912 Điện Biên Phủ	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	199.2
639	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 10	TKT	178-180-182 Ngô gia Tự,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	231.4
640	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 10	TKT	015 Lô A Chung cư Ấn Quang, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	42.5
641	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU	TKT	195 đường Ba Tháng Hai,	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	134.9
642	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NHƯ NGỌC	TKT	145 Lý Thái Tổ, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	TCTY BẾN THÀNH	33.7
643	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	105 Lý Thái Tổ Phường 1 Quận 10	QUẬN 10	208
644	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	107 Lý Thái Tổ Phường 1 Quận 10	TCTY CƠ KHÍ GTVT	1044.8
645	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	451-453 NGUYỄN TRI PHƯƠNG PHƯỜNG 8 QUẬN 10	QUẬN 10	131.6
646	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP	TKT	357 Lê Hồng Phong	TCTY CÔNG	1224.4

	THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ			NGHIỆP SÀI GÒN	
647	CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU	TKT	63-65 Ngô Gia Tự	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	155.9
648	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	111-113-115-117-119-121 Ngô Gia Tự Phường 2 Quận 10	QUẬN 10	701.6
649	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	01-03 Ngô Gia Tự P2/Q10	QUẬN 10	91.4
650	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 10	TKT	334 - 336 Ngô Gia Tự Phường 4 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	175.8
651	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	192-198 NGÔ GIA TỰ PHƯỜNG 04 - QUẬN 10	QUẬN 10	243.5
652	CÔNG TY CỔ PHẦN IN VƯỜN LÀI	TKT	102-104-106-108 Đào Duy Từ Phường 5 Quận 10	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	347
653	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 10	TKT	77 (trệt) Ngô Quyền Phường 6 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	62.6
654	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	263 Ngô Quyền (tầng trệt), Phường 6, Quận 10	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	58.9
655	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 10	TKT	012 Lô A chung cư Ngô Gia Tự Phường 3 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	45
656	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẬN 10	TKT	281 Ngô Gia Tự Phường 3 Quận 10	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	150.5

657	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM	TKT	355 - 365 Ngô Gia Tự	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	472.8
658	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO GIA	TKT	GÓC ĐƯỜNG 3/2 VÀ LÊ ĐẠI HÀNH PHƯỜNG 15 QUẬN 11		16567
659	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	TKT	299/22 LÝ THƯỜNG KIẾT PHƯỜNG 15 QUẬN 11	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	3225
660	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	TKT	940 ĐƯỜNG 3 THÁNG 2	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	2522.8
661	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	TKT	22/42-44 CƯ XÁ LỮ GIA PHƯỜNG 15 QUẬN 11	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	113.1
662	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	TKT	29 ĐƯỜNG 52 CƯ XÁ LỮ GIA PHƯỜNG 15 QUẬN 11	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	366.4
663	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP QUẬN 11	TKT	265AB LÝ THƯỜNG KIẾT PHƯỜNG 15 QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	171
664	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP QUẬN 11	TKT	22 ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG KIẾT PHƯỜNG 15 QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	306.4
665	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP QUẬN 11	TKT	26 ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG KIẾT PHƯỜNG 15 QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	650.5

666	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	TKT	940 ĐƯỜNG 3/2 PHƯỜNG 15 QUẬN 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	1500
667	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	6/24 ĐƯỜNG SỐ 3 CƯ XÁ LỮ GIA PHƯỜNG 15 QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1700
668	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	299 LÝ THƯỜNG KIỆT PHƯỜNG 15 QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	549
669	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ XUẤT KHẨU RAU QUẢ SÀI GÒN	TKT	473 LẠC LONG QUÂN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2954.5
670	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN KYMDAN	TKT	28 BÌNH THỚI, PHƯỜNG 14 - QUẬN 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	744
671	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	95 - 97 ÂU CƠ, PHƯỜNG 14 - QUẬN 11	QUẬN 11	172
672	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN	TKT	165 Lê Thị Bạch Cát	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	543.4
673	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH	TKT	83/11 Đường Lũy Bán Bích	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	2182.4
674	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11	TKT	205 Đường Lạc Long Quân	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	1643.61
675	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	107/14 Đường Lạc Long Quân Phường 3 Quận 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	293.2

676	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	109/12A Đường Lạc Long Quân Phường 3 Quận 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	910.4
677	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH	TKT	45 ÔNG ÍCH KHIÊM	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	354
678	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	250 BÌNH THỚI,	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	9065.7
679	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11	TKT	593 BÌNH THỚI	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	190.04
680	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	49 Ông Ích Khiêm phường 10	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1506.1
681	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	260D LẠC LONG QUÂN, PHƯỜNG 10 - QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	254
682	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP QuẬN 11	TKT	224 LẠC LONG QUÂN PHƯỜNG 10 QUẬN 11.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	231.2
683	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP QUẬN 11	TKT	02 LÃNH BINH THẮNG, PHƯỜNG 13 QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1600.1
684	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	TKT	349/126 LÊ ĐẠI HÀNH PHƯỜNG 13	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	107
685	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	202-204 Hàn Hải Nguyên, phường 9, quận 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	143

686	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	TKT	160/13 Đội Cung, phường 9, quận 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	336
687	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	TKT	160/14 Đội Cung, phường 9, quận 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	131
688	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	TKT	160/12 Đội Cung, phường 9, quận 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	67
689	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	TKT	160/7 Đội Cung, phường 9, quận 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	651
690	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	1116A ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 12, QUẬN 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	69
691	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	116 LÊ ĐẠI HÀNH PHƯỜNG 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	75.8
692	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	468 HÒA HẢO	QUẬN 11	114.1
693	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	917 3 THÁNG 2	TCTY CƠ KHÍ GTVT	1566
694	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	206-208 Trần Quý phường 6 quận 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	579.6
695	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	1191-1193-1195-1197-1199 đường 3/2 phường 6 quận 11	QUẬN 11	361
696	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	43 Lê Đại Hành phường	QUẬN 11	61

			6 quận 11		
697	CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	TKT	1223 đường 3/2 phường 6 quận 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	86
698	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	TKT	784 Nguyễn Chí Thanh Phường 4 Quận 11	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	98.8
699	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	TKT	654 Nguyễn Chí Thanh Phường 4 Quận 11	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	93.9
700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	TKT	137B Thuận Kiều Phường 4 Quận 11	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	70.04
701	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN II	TKT	910 Nguyễn Chí Thanh	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	1290.8
702	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	836 Nguyễn Chí Thanh Phường 4 Quận 11	QUẬN 11	115
703	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	129 Lạc Long Quân	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1165.5
704	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	119-121 Lạc Long Quân	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1006.2
705	CÔNG TY CỔ PHẦN MỰC IN VÀ HÓA CHẤT SÀI GÒN	TKT	784 Hồng Bàng phường 1 quận 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	1482.6
706	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÔNG PHƯƠNG	TKT	248 - 250 Minh Phụng phường 2 quận 11	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	232.7

707	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	329-329A Minh Phụng phường 2 quận 11	QUẬN 11	243
708	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	313 Minh Phụng phường 2 quận 11	QUẬN 11	56
709	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	TKT	1535 Đường 3 Tháng 2, Phường 16 Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	52
710	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY 11	TKT	2/2A Lò Siêu, Phường 16 Quận 11, Tp.HCM	QUẬN 11	194
711	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY 11	TKT	482-484-486 Hồng Bàng, Phường 16 Quận 11, Tp.HCM	QUẬN 11	408
712	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	1275E Đường 3 Tháng 2, Phường 16 Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	29.5
713	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN HÓA	TKT	638 Hồng Bàng,	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	598
714	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ THẠNH	TKT	542 Hồng Bàng, Phường 16 Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	QUẬN 11	80
715	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP QUẬN 11	TKT	382-384 Hồng Bàng, Phường 16 Quận 11, Tp.HCM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	287

716	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP QUẬN 11	TKT	1511-1513 Đường 3 Tháng 2, Phường 16 Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	199.6
717	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT	428 Hồng Bàng, Phường 16 Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	216.5
718	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11	TKT	418 Hồng Bàng,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	225.99
719	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ	TKT	11 ĐOÀN VĂN BƠ	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	5503.3
720	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & DỊCH VỤ Y TẾ KHÁNH HỘI	TKT	1 LÊ THẠCH	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	108.9
721	CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHÁNH HỘI	TKT		TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	106.4
722	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	1103-1105 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	157
723	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ RỒNG	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	83.9
724	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	1-5 ĐOÀN VĂN BƠ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	433.9
725	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SJC KHÁNH HỘI	TKT	129 LÊ THẠCH	CTY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	98.2
726	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	427.3

	GÒN				
727	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	306
728	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	226
729	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	3010.4
730	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	239.6
731	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY SÀI GÒN	TKT		TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	2208.6
732	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY SÀI GÒN	TKT		TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	380
733	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY SÀI GÒN	TKT		TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	6001.3
734	CÔNG TY CỔ PHẦN IN BAO BÌ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP	TKT		TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	360.9
735	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	140 NGUYỄN TẮT THÀNH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	115.5
736	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	TKT	122 NGUYỄN TẮT THÀNH	TCTY CƠ KHÍ GTVT	104
737	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	113
738	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU	TKT		QUẬN 4	113

	KHÁNH HỘI				
739	CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN KHO VẬN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4533.8
740	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN LIÊN THÀNH	TKT		TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	2345
741	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ RỒNG	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1192.7
742	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ RỒNG	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2780.2
743	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	TKT	3 TÔN THẤT THUYẾT	TCTY CƠ KHÍ GTVT	643.4
744	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIỆT NAM	TKT	438 NGUYỄN TẮT THÀNH	TCTY HÀNG HẢI VIỆT NAM	143.4
745	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIỆT NAM	TKT	428 NGUYỄN TẮT THÀNH	TCTY HÀNG HẢI VIỆT NAM	1053.8
746	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG TÔN THẤT THUYẾT	TKT	40-42 TÔN THẤT THUYẾT	TCTY CƠ KHÍ GTVT	6955.9
747	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THÀNH PHỐ	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	731
748	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	145
749	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	73
750	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẬN 4	TKT	73 B TÔN THẤT THUYẾT	TCTY CƠ KHÍ GTVT	1901

751	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẬN 4	TKT	74 B TÔN THẮT THUYẾT	TCTY CƠ KHÍ GTVT	1238.6
752	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2466.7
753	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	648.8
754	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẬN 4	TKT	165 TÔN THẮT THUYẾT	TCTY CƠ KHÍ GTVT	116.4
755	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT LƯỚI SÀI GÒN	TKT		TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	5312
756	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐÀY SÀI GÒN	TKT	1 TÔN THẮT THUYẾT	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	24989
757	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	772
758	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	5781
759	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	5946
760	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	3601.6
761	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	2383.6
762	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT		QUẬN 4	5238.7

763	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ỐC SÀI GÒN CHỢ LỚN	TKT	432-434 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	639.4
764	CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC LIỆU	TKT	240 TRẦN BÌNH TRỌNG	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	2989.4
765	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA	TKT	240 TRẦN BÌNH TRỌNG	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1815.8
766	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	KẾ 138 B TRẦN PHÚ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	118
767	CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC THÀNH PHỐ	TKT	240 TRẦN BÌNH TRỌNG	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1286
768	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT	496 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	86
769	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9	TKT	90 HÙNG VƯƠNG	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	1852.9
770	CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC	TKT	223 NGUYỄN TRI PHƯƠNG	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	3411
771	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	170-174 SƯ VẠN HẠNH	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	344.2
772	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	192-194 SƯ VẠN HẠNH	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	198.4
773	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	195 NGUYỄN TRI PHƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	119.3
774	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	134 NGUYỄN TRI PHƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	95.9

775	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	87-87C-99 NGUYỄN DUY DƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	159.6
776	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	100TS HÙNG VƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	191.6
777	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN	TKT	242 TRẦN PHÚ	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1325.3
778	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN	TKT	226 TRẦN PHÚ	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	933.9
779	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ TỔNG HỢP XUẤT KHẨU	TKT	142-144 NGUYỄN TRÃI	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	219
780	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM CHỢ LỚN	TKT	42-44 NGUYỄN TRÃI	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	156.2
781	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	473-475 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	186.1
782	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN	TKT	97 PHẠM HỮU CHÍ	TCTY CẤP NƯỚC SG	1539.42
783	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐÔNG DƯỢC 5	TKT	40 TÂN THÀNH	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	861
784	CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ SÀI GÒN	TKT	54-56 TÂN HUNG	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	115
785	CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ SÀI GÒN	TKT	396 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	116
786	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN II	TKT	109 NGUYỄN TRÃI	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	77

787	CÔNG TY CỔ PHẦN NAM ĐÔ	TKT	117 LÊ HỒNG PHONG	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	223.8
788	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	532 TRẦN HÙNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	76
789	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	456 TRẦN HÙNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	60.4
790	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	TKT	362-366 NGUYỄN TRÃI	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	600
791	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	65 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	597.7
792	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	1 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	168.8
793	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	63 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	617
794	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐÔNG DƯỢC 5	TKT	558 NGUYỄN TRÃI	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	140
795	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN	TKT	153 HUỖNH MÃN ĐẠT	SỞ CÔNG THƯƠNG	1574.9
796	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM CHỢ LỚN	TKT	450 NGUYỄN TRÃI	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	74.7
797	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG CÔNG NGHIỆP	TKT	32 NGUYỄN DUY DƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	356.9
798	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	341-345 NGUYỄN CHÍ THANH	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	376.6

799	CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG LAN XUẤT KHẨU THÀNH PHỐ	TKT	101-103 TẠ UYÊN	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	151.6
800	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	111 HÀ TÔN QUYÊN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	80
801	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	15 TẠ UYÊN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	335
802	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	17 TẠ UYÊN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	337
803	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	870-872 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	163.3
804	CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIỆP ẢNH VÀ DỊCH VỤ VĂN HOÁ THÀNH PHỐ	TKT	381-383 TRẦN PHÚ	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	97.5
805	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN	TKT	46-48 TRẦN HƯNG ĐẠO	SỞ CÔNG THƯƠNG	246
806	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐIỆN ẢNH SÀI GÒN	TKT	890 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	868.6
807	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY THÀNH PHỐ	TKT	136 HÀM TỬ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2648.3
808	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN II	TKT	44 HÀM TỬ	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	1515.2
809	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC CHOLIMEX	TKT	23A KỶ HOÀ	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	583.3
810	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC CHOLIMEX	TKT	708 NGUYỄN TRÃI	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ	289

				LỚN	
811	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CHOLIMEX	TKT	153-161 LƯƠNG NHỮ HỌC	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	1200.4
812	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	412-418 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	498.2
813	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	323 HỒNG BÀNG	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	73.2
814	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	125 LƯƠNG NHỮ HỌC	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	69
815	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN CHỢ LỚN	TKT	84-86 CHÂU VĂN LIÊM	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	65.1
816	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN CHỢ LỚN	TKT	76-78 CHÂU VĂN LIÊM	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	373.2
817	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN CHỢ LỚN	TKT	785 NGUYỄN TRÃI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	348.7
818	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	TKT	635 NGUYỄN TRÃI	SỞ NN & PTNT	787.2
819	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN	TKT	213 HỒNG BÀNG	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	1873.6
820	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐIỆN ẢNH SÀI GÒN	TKT	102 CHÂU VĂN LIÊM	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1088.7
821	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	352 TRẦN HUNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	104.2

822	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	32 TRANG TỬ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	213.5
823	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN	TKT	20-24 NGUYỄN THỊ NHỎ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	562.6
824	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN	TKT	252 HẢI THƯỢNG LĂN ÔNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	171.8
825	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	123-125 CHÂU VĂN LIÊM	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	149.5
826	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	896 NGUYỄN TRÃI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	367
827	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	131 CHÂU VĂN LIÊM	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	205.5
828	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	3 CHÂU VĂN LIÊM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	72.9
829	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐÔNG DƯỢC 5	TKT	35 ĐỖ NGỌC THẠCH	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	68
830	CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN	TKT	535-537 TRẦN HƯNG ĐẠO	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	286.4
831	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ HÀNG NGỌC LAN ĐÌNH	TKT	466 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	139.8
832	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	493 HỒNG BÀNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	57
833	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LONG BÌNH	TKT	918-920 NGUYỄN TRÃI	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	138.8

834	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	497 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	701.7
835	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	30 TRANG TỬ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	239
836	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SJC CHỢ LỚN	TKT	521 TRẦN HƯNG ĐẠO	CTY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	66
837	CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SJC CHỢ LỚN	TKT	545-547 TRẦN HƯNG ĐẠO	CTY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	188
838	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	49 PHÚ HỮU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	398
839	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM CHỢ LỚN	TKT	61 CHÂU VĂN LIÊM	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	98.4
840	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM CHỢ LỚN	TKT	27 CHÂU VĂN LIÊM	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	367.8
841	CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG SÀI GÒN	TKT	1025-1029 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	251.1
842	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	102/4 TRẦN TUẤN KHẢI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	319.7
843	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	106-108 TRẦN TUẤN KHẢI	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	779.1
844	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	33 BẠCH VÂN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	83
845	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	177 NGHĨA THỰC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	401.1

846	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	78-80 NGHĨA THỰC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	134.3
847	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	1103-1105 TRẦN HÙNG ĐẠO	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	192.6
848	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH	TKT	59-65 HUỖNH MÃN ĐẠT	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	1203.1
849	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM NAM PHÁT	TKT	137 BẠCH VÂN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	63.4
850	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN	TKT	59 TRẦN TUẤN KHẢI	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	190.5
851	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	394 HÀM TỬ	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	520.6
852	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU	TKT	18C-18D NGÔ QUYỀN	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	415.2
853	CÔNG TY CỔ PHẦN NAM ĐÔ	TKT	8-12 NGUYỄN VĂN ĐỪNG	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	67
854	CÔNG TY CỔ PHẦN NAM ĐÔ	TKT	178 BẠCH VÂN	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	346.3
855	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN	TKT	107 TRẦN HÙNG ĐẠO	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	1240
856	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	20-22 CHÂU VĂN LIÊM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	158.9

857	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	57-61 HẢI THƯỢNG LẤN ÔNG	TCTY THƯƠNG MAI SÀI GÒN	721
858	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN LIÊN THÀNH	TKT	710-712 HÀM TỬ	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	91
859	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	TKT	223 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	158.9
860	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	33 TRẦN VĂN KIỂU	TCTY THƯƠNG MAI SÀI GÒN	130.88
861	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	123-125 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	130.4
862	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	127-129 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	127.9
863	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU CHỢ LỚN	TKT	93-99 LƯƠNG NHỮ HỌC	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	278.3
864	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 7	TKT	94/1,2,3,4,5 HẢI THƯỢNG LẤN ÔNG	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	145.6
865	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 7	TKT	321 TRẦN HƯNG ĐẠO	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	84.4
866	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 7	TKT	94/11 HẢI THƯỢNG LẤN ÔNG	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	52.1
867	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 7	TKT	1-3 TRẦN ĐIỆN	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	511.9
868	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN CHỢ LỚN	TKT	704 HÀM TỬ	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	32.7

869	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN CHỢ LỚN	TKT	22-24 TẢN ĐÀ	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	127.3
870	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN CHỢ LỚN	TKT	22 PHẠM ĐÔN	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	46
871	CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN CHỢ LỚN	TKT	17-19 TẢN ĐÀ	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	222.8
872	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM	TKT	118-120 HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	860.4
873	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	36 TRẦN VĂN KIỀU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	87.77
874	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM CHỢ LỚN	TKT	77 TRIỆU QUANG PHỤC	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	81.4
875	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	142 NGÔ NHÂN TỊNH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	598.4
876	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	118 TRẦN VĂN KIỀU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	305.8
877	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	127 TRẦN VĂN KIỀU	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	480.5
878	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	325 HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	257.8
879	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN	TKT	31-33 PHẠM BÂN	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	1149.5
880	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	31 NGUYỄN AN KHƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	125.6

881	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN TIẾN	TKT	66 HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	130.3
882	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT	40 NGUYỄN AN KHƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	88.4
883	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CÀU TRE	TKT	176A/7 TÂN HÒA ĐÔNG PHƯỜNG 14 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1120.3
884	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CÀU TRE	TKT	52A PHAN ANH PHƯỜNG 14 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	297.7
885	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	243 TÂN HÒA ĐÔNG PHƯỜNG 14 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1384.9
886	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN HÓA	TKT	101 TÂN HÓA PHƯỜNG 14 QUẬN 6	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	2198.2
887	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BÌNH PHÚ	TKT	78 TÂN HÒA ĐÔNG	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	4590.9
888	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN KYMDAN	TKT	65-71 Bà Hom phường 13 quận 6	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	786.8
889	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	TKT	61-63 Bà Hom phường	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	747.6
890	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM THẠCH	TKT	826 An Dương Vương	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	5103
891	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	28 Kinh Dương Vương	TCTY CƠ KHÍ	2683

			phường 13 quận 6	GTVT	
892	CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH VÀ DỊCH VỤ MIỀN TÂY	TKT	54 Kinh Dương Vương	TCTY CƠ KHÍ GTVT	7359.4
893	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN KYMDAN	TKT	863 Hồng Bàng P9/Q6	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	757
894	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN KYMDAN	TKT	62 - 74 Hoàng Lê Kha Phường 9 Quận 6	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	681.5
895	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	222 - 222A Hậu Giang Phường 9 Quận 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	242
896	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	959 Hồng Bàng	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1109
897	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN	TKT	665-667 Lò Gốm Phường 9 Quận 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2446.7
898	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BÌNH PHÚ	TKT	186 Hậu Giang,	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	1074.7
899	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC AN LẠC	TKT	765 Hồng Bàng,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	5643
900	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	123 Phạm Đình Hồ, Phường 6, Quận 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	279
901	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	178/2 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	127.7
902	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM NAM	TKT	743 Hồng Bàng	TCTY THƯƠNG	754.8

	PHÁT			MẠI SÀI GÒN	
903	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	118 Hậu Giang P6/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	80
904	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ	TKT	146-148 Minh Phụng P6/Q6	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	789.9
905	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	751 Hồng Bàng P6/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	929
906	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	178/5 Hậu Giang P6/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	325
907	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ ĐÚC KIM LOẠI SÀI GÒN	TKT	406 - 408 - 412/9 HẬU GIANG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	CTY PHÁT TRIỂN KCN SÀI GÒN	3273.9
908	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT LƯỚI SÀI GÒN	TKT	449/4/3/10 KINH DƯƠNG VƯƠNG	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	454
909	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11	TKT	336/24 NGUYỄN VĂN LƯƠNG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	6911
910	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	443 KINH DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	393
911	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	594 HẬU GIANG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	190
912	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	187/8 KINH DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1861.8

913	CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ THƯƠNG MẠI VINA	TKT	97/2/8 KINH DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1036
914	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM NAM PHÁT	TKT	389 KINH DƯƠNG VƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	677.3
915	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	784 - 786 HẬU GIANG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4195
916	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04	TKT	364 - 366 NGUYỄN VĂN LUÔNG	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	615.1
917	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	468 NGUYỄN VĂN LUÔNG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4349.6
918	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	336/16 NGUYỄN VĂN LUÔNG PHƯỜNG 12 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4187.9
919	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN	TKT	55E MINH PHỤNG	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	766.8
920	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIA	TKT	345-347 AN DƯƠNG VƯƠNG,	TCTY CƠ KHÍ GTVT	3063
921	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	1085 ĐƯỜNG HẬU GIANG, PHƯỜNG 11 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	70.4
922	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	249F NGUYỄN VĂN LUÔNG, PHƯỜNG 11	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	51.3

			QUẬN 6		
923	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG QUÊ	TKT	905 HẬU GIANG, PHƯỜNG 11 QUẬN 6	TCTY DU LỊCH SÀI GÒN	1802
924	CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX	TKT	741-743 HẬU GIANG, PHƯỜNG 11 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1025.7
925	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH	TKT	947-953 HẬU GIANG,	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	2353.4
926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	825 HẬU GIANG, PHƯỜNG 11 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	51
927	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BÌNH PHÚ	TKT	14 Hậu Giang P2/Q6	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	86.1
928	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC AN LẠC	TKT	94 Phạm Đình Hồ	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	1488.5
929	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	36 Tháp Mười P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	109
930	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	75 Phạm Đình Hồ P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	84
931	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	86 Tháp Mười P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	98
932	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	18 Trần Bình P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	136.2
933	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ	TKT	25B Hậu Giang P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	164.7
934	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN TIẾN	TKT	17 Tháp Mười P2/Q6	TCTY CÔNG	418

				NGHIỆP IN BAO BỈ LIKSIN	
935	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	5-7-9-11 Nguyễn Hữu Thận P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	445.7
936	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	33 Nguyễn Thị Nhỏ P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	270
937	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	63/25 Nguyễn Thị Nhỏ P2/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	229
938	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	46 Lê Quang Sung P2/Q6	TCTY CƠ KHÍ GTVT	751.3
939	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁCH HÓA ĐIỆN MÁY SÀI GÒN	TKT	120 BÃI SẬY PHƯỜNG 1 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2022.6
940	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	182 TRẦN VĂN KIỀU PHƯỜNG 1 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	191
941	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	183 TRẦN VĂN KIỀU PHƯỜNG 1 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	190
942	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	81 BÃI SẬY PHƯỜNG 1 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1511
943	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY	TKT	184 TRẦN VĂN KIỀU PHƯỜNG 1 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	195
944	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04	TKT	188 TRẦN VĂN KIỀU	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BỈ LIKSIN	667.2
945	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	171 TRẦN VĂN KIỀU PHƯỜNG 1 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	321.6

946	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	179 TRẦN VĂN KIỀU, PHƯỜNG 1, QUẬN 6	TCTY CƠ KHÍ GTVT	121.8
947	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	394 PHẠM VĂN CHÍ P4	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	81
948	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	1007 Lò Gốm P8 Q6	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	829.9
949	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN KYMDAN	TKT	963A/1 Lò Gốm P8 Q6	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	1364.7
950	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN	TKT	361/19-25 Phạm văn Chí,	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	304
951	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN	TKT	306 đường Trần văn Kiều, Phường 03 Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	627.1
952	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	425 đường Gia Phú, Phường 03 Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	5517
953	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	338 TRẦN VĂN KIỀU PHƯỜNG 7 QUẬN 6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1958.3
954	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ	TKT	432 TRẦN VĂN KIỀU P7/Q6	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3576.6
955	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÚ LÂM	TKT	154 LÝ CHIÊU HOÀNG PHƯỜNG 10 QUẬN 6	QUẬN BÌNH TÂN	11818.3
956	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH	TKT	371-377 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	15394.7
957	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN	TKT	97/26 Hưng Phú,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	197.4

958	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN	TKT	97/10 Hưng Phú,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	283
959	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN	TKT	118 Hưng Phú,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	441.3
960	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	số 157 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	7800.8
961	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	310B Hưng Phú, Phường 8, Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	334.2
962	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN	TKT	59 Nguyễn Thị Tần	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	27.6
963	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	47 Nguyễn Thị Tần Phường 2 Quận 8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	46
964	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	TKT	192 Dương Bá Trạc	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	482
965	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	132 Nguyễn Thị Tần Phường 2 Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	45.1
966	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	57 Nguyễn Thị Tần Phường 2 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	42
967	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP QUẬN 8	TKT	99 Dạ Nam Phường 2 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	46.7
968	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TINH HƯNG PHÚ	TKT	84 Phạm Thế Hiển	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	3669.2
969	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	131 Dạ Nam Phường 3 Quận 8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	96

970	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	11 Âu Dương Lân Phường 3 Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	37.1
971	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP QUẬN 8	TKT	54-56 Nguyễn Thị Tần Phường 3 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	59.7
972	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VAFACO	TKT	139 Ưu Long Phường 11 Quận 8 Tp.HCM	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1027
973	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG QUẬN 8	TKT	124 Tùng Thiện Vương Phường 11 Quận 8	TCTY CƠ KHÍ GTVT	94
974	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN	TKT	223 Bến bình Đông Phường 11 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	910
975	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	67 Đinh Hoà Phường 11 Quận 8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	24
976	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	179 Phong Phú Phường 11 Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	609.9
977	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	327I-J Tùng Thiện Vương Phường 11 Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	69.1
978	CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI SẢN BÌNH ĐÔNG	TKT	3/1 Tùng Thiện Vương Phường 11 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	115
979	CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI SẢN BÌNH ĐÔNG	TKT	41-43-45-47 Bến Bình Đông Phường 11 Quận 8.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	2628
980	CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM NAM PHÁT	TKT	165 Phong Phú	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	704.5
981	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP QUẬN 8	TKT	48-50 Bến Cần Giuộc Phường 11 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	209

982	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	TKT	27 Bến Bình Đông Phường 11 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	572.1
983	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG CÔNG NGHIỆP	TKT	233 Bến Bình Đông Phường 11 Quận 8 Tp.HCM	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	950
984	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	74 Chánh Hưng, Phường 9, Quận 8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	74.8
985	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	623 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	49.5
986	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	263 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	74
987	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LONG SÀI GÒN	TKT	208 Nguyễn Duy	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	4285.66
988	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN	TKT	phường 10 Quận 8	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	106.8
989	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN 8	TKT	175 Phạm Hùng Phường 4 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	8616.9
990	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	27 Nguyễn Chế Nghĩa, P.13, Q.8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	924.7
991	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 7	TKT	64-66 Tuy Lý Vương, P.13, Q.8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	1363.7
992	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP QUẬN 8	TKT	375 Tùng Thiện Vương, P.13, Q8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	32.9
993	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP QUẬN 8	TKT	364 Tùng Thiện Vương, P.13, Q.8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	43.3

994	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP QUẬN 8	TKT	415 Bình Đông, P.13, Q.8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	236
995	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP QUẬN 8	TKT	368 - 370 Tùng Thiện Vương, P.13, Q.8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	115
996	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	345 Tùng Thiện Vương Phường 12 Quận 8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	49
997	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	535 Tùng Thiện Vương Phường 12 Quận 8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	49
998	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	363 Tùng Thiện Vương Phường 12 Quận 8	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	82
999	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	543 Tùng Thiện Vương Phường 12 Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	30
1000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	30-32 Phong Phú Phường 12 Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	131.9
1001	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	845 Nguyễn Duy Phường 12 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	106
1002	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG QUẬN 8	TKT	309 Quốc Lộ 50 Phường 5 Quận 8	TCTY CƠ KHÍ GTVT	125.9
1003	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN	TKT	Khu dân cư Bùi Minh Trực I	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	87.6
1004	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	1438 Phạm Thế Hiển Phường 5 Quận 8	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	70
1005	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 8	TKT	1566 Phạm Thế Hiển,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	278.3

1006	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	2114 Phạm Thế Hiển Phường 6 Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	65.5
1007	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ	TKT	313 Bình Đông, Phường 12, Quận 8	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	68.2
1008	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG	TKT	1387 Bến Bình Đông,	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	7717
1009	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ	TKT	2 B MỄ CỐC	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	4245.9
1010	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÔNG PHƯƠNG	TKT	2B LƯƠNG VĂN CAN	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	2258.5
1011	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN	TKT	50A BÊN PHÚ ĐỊNH	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	7175.9
1012	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	26 HỒ HỌC LÃM PHƯỜNG 16 QUẬN 8	TCTY CƠ KHÍ GTVT	2000
1013	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THÀNH CÔNG	TKT	22/17/18A ĐƯỜNG 9A, KHU PHỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A, QUẬN BÌNH TÂN	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	128
1014	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân (CHXD 29)	TCTY CƠ KHÍ GTVT	1741
1015	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	1132/15A TỈNH LỘ 10, KHU PHỐ 6, PHƯỜNG TÂN TẠO, QUẬN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1200

			BÌNH TÂN		
1016	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CALAPHARCO	TKT	4377 NGUYỄN CỬU PHÚ	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	1964.8
1017	CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY	TKT	395 Kinh Dương Vương	TCTY CƠ KHÍ GTVT	47392.4
1018	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY SINCO	TKT	574 Kinh Dương Vương,	TCTY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	25725
1019	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH	TKT	550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Bình Tân	QUẬN BÌNH TÂN	2160.4
1020	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN	TKT	28B Bùi Tư Toàn, phường An Lạc, quận Bình Tân	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	7393
1021	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ DỊCH VỤ KỸ THUẬT THÀNH PHỐ	TKT	55 AN DƯƠNG VƯƠNG, P. AN LẠC, Q. BÌNH TÂN	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	25188
1022	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	450 AN DƯƠNG VƯƠNG	TCTY CƠ KHÍ GTVT	3320
1023	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	450 KINH DƯƠNG VƯƠNG, P. AN LẠC A, Q. BÌNH TÂN	TCTY CƠ KHÍ GTVT	2774
1024	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN	TKT	5/7 NGUYỄN VĂN QUỲ, KHU PHỐ 1,	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	13391.46

1025	CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN XÂY DỰNG	TKT	10/7E BÙI VĂN BA,	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	5421.9
1026	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU QUẬN 1	TKT	2878 TRẦN TRỌNG CUNG, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7.	TCTY BẾN THÀNH	9115
1027	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	16/5B ĐƯỜNG BÙI VĂN BA, PHƯỜNG PHÚ THUẬN, QUẬN 7.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	671.9
1028	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	471 HUỖNH TẤN PHÁT, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1025
1029	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP SÀI GÒN	TKT	14/2 HUỖNH TẤN PHÁT, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	56
1030	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG	TKT	18A LƯU TRỌNG LỰ, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	9353
1031	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NHÀ BÈ	TKT	571 HUỖNH TẤN PHÁT, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	11289

1032	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NHÀ BÈ	TKT	10 TRẦN TRỌNG CUNG, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	9912
1033	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NHÀ BÈ	TKT	89/7F PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3338
1034	CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN	TKT	28/9 TRẦN TRỌNG CUNG, PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG, QUẬN 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	5374.4
1035	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM SÀI GÒN	TKT	130 HUỖNH TẤN PHÁT, PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY, QUẬN 7.	BAN QL KHU NAM	276
1036	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NHÀ BÈ	TKT	2/3 TRẦN XUÂN SOẠN, PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY, QUẬN 7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3652
1037	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	413/13 TRẦN XUÂN SOẠN, P. TÂN HƯNG, Q7.	TCTY CƠ KHÍ GTVT	965
1038	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ	TKT	470 HUỖNH TẤN PHÁT M. P. BÌNH THUẬN, Q7.	TCTY CẤP NƯỚC SG	1175.2
1039	CÔNG TY CỔ PHẦN THÊ KỸ 21	TKT	528 HUỖNH TẤN	BÁO TUỔI TRẺ	7624.7

			PHÁT, P. BÌNH THUẬN, Q7.		
1040	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM SÀI GÒN	TKT	427 HUỖNH TẤN PHÁT, P. BÌNH THUẬN, Q7.	BAN QL KHU NAM	568
1041	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM SÀI GÒN	TKT	420 HUỖNH TẤN PHÁT, P. BÌNH THUẬN, Q7.	BAN QL KHU NAM	580
1042	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NHÀ BÈ	TKT	476 HUỖNH TẤN PHÁT, P. BÌNH THUẬN, Q7.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	1339
1043	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM SÀI GÒN	TKT		BAN QL KHU NAM	2387
1044	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NAM SÀI GÒN	TKT		BAN QL KHU NAM	3131
1045	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT GIA CÔNG VÀ BAO BÌ	TKT		TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	9705.7
1046	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP	TKT	2 NGUYỄN VĂN QUỲ	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	28865
1047	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA ỐC SÀI GÒN CHỢ LỚN	TKT	KP2, P. PHÚ MỸ, Q7.	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	63757.4
1048	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	TKT	KHO 30/4 SỐ 26 KP6, P. PHÚ MỸ, Q7.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	14475
1049	CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN	TKT	KP 1, P. PHÚ MỸ, Q7	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	20000

1050	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	KHU PHỐ 1, TTCC	HUYỆN CỬ CHI	1960.3
1051	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	KHU PHỐ 1, TTCC	HUYỆN CỬ CHI	2461.1
1052	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	KHU PHỐ 5, TTCC	HUYỆN CỬ CHI	657.4
1053	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	KHU PHỐ 6,	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	6146
1054	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC III	TKT	KHU PHỐ 6, TTCC	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	315.5
1055	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN MIỀN ĐÔNG	TKT	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TỬ,	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	2133.6
1056	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ẤP XÓM TRẠI, AN NHƠN TÂY	HUYỆN CỬ CHI	1531.1
1057	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ẤP CHỢ CŨ 2, AN NHƠN TÂY	HUYỆN CỬ CHI	1327.3
1058	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN KYMDAN	TKT	XÃ TRUNG LẬP HẠ	TCTY CÔNG NGHIỆP IN BAO BÌ LIKSIN	18914
1059	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG	TKT	ẤP HỘI THẠNH	TCTY THƯƠNG	25000

	XUẤT KHẨU CÀU TRE			MẠI SÀI GÒN	
1060	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN	TKT	PHƯỚC HIỆP	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	25211
1061	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	QUỐC LỘ 22, ÁP BÀU TRE 2, XÃ TÂN AN HỘI	HUYỆN CỬ CHI	1325.1
1062	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	QUỐC LỘ 22, ÁP BÀU TRE 2, XÃ TÂN AN HỘI	HUYỆN CỬ CHI	2436.9
1063	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ÁP BÀU TRE 1, XÃ TÂN AN HỘI	HUYỆN CỬ CHI	3694.8
1064	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ÁP TAM TÂN, XÃ TÂN AN HỘI	HUYỆN CỬ CHI	6281
1065	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN HOÁ SINH	TKT	ÁP BÀU TRE, ĐƯỜNG SỐ 8, XÃ TÂN AN HỘI	HUYỆN CỬ CHI	12746
1066	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ÁP 1A, XÃ TÂN THẠNH TÂY	HUYỆN CỬ CHI	420.8
1067	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LONG SÀI GÒN	TKT	ÁP 4, XÃ HOÀ PHÚ	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	5604
1068	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1	TKT	ÁP 5, XÃ HOÀ PHÚ	TCTY XÂY DỰNG SÀI GÒN	5185

1069	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ẤP CHỢ, XÃ TÂN PHÚ TRUNG	HUYỆN CỬ CHI	443.6
1070	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ẤP TÂN TIẾN, XÃ TÂN THÔNG HỘI	HUYỆN CỬ CHI	553.3
1071	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ẤP HẬU, XÃ TÂN THÔNG HỘI	HUYỆN CỬ CHI	11744
1072	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI	TKT	ẤP THƯỢNG, XÃ TÂN THÔNG HỘI	HUYỆN CỬ CHI	7047.1
1073	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN	TKT	66 ĐƯỜNG SỐ 9	TCTY DỆT MAY GIA ĐỊNH	22350
1074	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG CÔNG NGHIỆP	TKT	355 QUỐC LỘ 22	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	3528
1075	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	3/27 Quốc Lộ 22 Thị Trấn Hóc Môn Thị Trấn Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	471.3
1076	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	19 Lê Lợi Khu Phố 4 Thị Trấn Hóc Môn huyện Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	174.7
1077	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	53/1D Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	276.7

1078	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	88 Đường Bà Triệu Khu Phố 1 Thị Trấn Hóc Môn Huyện Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	530.2
1079	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	98/2A Đường Bà Triệu Thị Trấn Hóc Môn Huyện Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	132.6
1080	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	1/5 Bà Triệu Thị Trấn Hóc Môn Huyện Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	341.3
1081	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI	TKT	170/1D ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TPHCM	QUẬN 4	9079.9
1082	CÔNG TY CỔ PHẦN MERUPHA	TKT	Đặng Thúc Vịnh ấp 1,	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	4671.1
1083	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	TKT	1/2 Đặng Thúc Vịnh, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	14334
1084	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC	TKT	Hương lộ 60 xã Tân Thới Nhì huyện Hóc Môn.	TCTY CẤP NƯỚC SG	8443.8
1085	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	xã Tân Thới Nhì huyện Hóc Môn.	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	22898
1086	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	30F Quốc Lộ 22 ấp Thống Nhất 1 xã Tân Thới Nhì huyện Hóc Môn.	HUYỆN HÓC MÔN	459.2

1087	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU	TKT	3/40G ấp Nhị Tân 1 xã Tân Thới Nhì huyện Hóc Môn.	TCTY CƠ KHÍ GTVT	3422
1088	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	30/4 TÔ KÝ, ÁP NAM THỚI, XÃ THỚI TAM THÔN, HUYỆN HÓC MÔN, TPHCM	HUYỆN HÓC MÔN	1303
1089	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	7A1 Quốc lộ 22 ấp 2 xã Xuân Thới Sơn huyện Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	680.8
1090	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN	TKT	14/5 ấp Chánh 2,	TCTY DỆT MAY GIA ĐÌNH	14576.8
1091	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	1/2 ấp Chánh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TPHCM	HUYỆN HÓC MÔN	555
1092	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hoà 4	HUYỆN HÓC MÔN	209905
1093	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	161/2 QL 22	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	586.8
1094	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	Số 2, Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, TP.HCM	HUYỆN HÓC MÔN	696
1095	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ	TKT	10/4 QL 22, ấp Trung Chánh 2, xã Trung	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	512.2

			Chánh, huyện Hóc Môn, TP.HCM.		
1096	CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN	TKT	57/6 ấp Nam Lân	TCTY CƠ KHÍ GTVT	17011.3
1097	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH	TKT	1A Quốc Lộ 1A, ấp Đông Lân	CTY XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	276.6
1098	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	TKT	Số 66/7D Quốc Lộ 22, ấp Đông Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	HUYỆN HÓC MÔN	201
1099	CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN	TKT	B4/12 QUỐC LỘ 1A	TCTY CƠ KHÍ GTVT	1638.3
1100	CÔNG TY CỔ PHẦN CÂY TRỒNG THÀNH PHỐ	TKT	ẤP 3	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	3186.6
1101	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY HẢI SẢN LIÊN THÀNH	TKT	D3/10- DƯƠNG ĐÌNH CÚC	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	5083.9
1102	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH QUẬN 8	TKT	số 9 Phạm Hùng - Bình Hung - Bình Chánh	TCTY VĂN HÓA SÀI GÒN	6961
1103	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT	TKT	TÒ 11 QUỐC LỘ 1A ẤP 1 XÃ BÌNH CHÁNH HUYỆN BÌNH CHÁNH	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	371.2
1104	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LONG SÀI GÒN	TKT	Huỳnh Tấn Phát, ấp 5	TCTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	4459.2

1105	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG ĐÀO CỬ KHU PHỐ PHONG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	5544
1106	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG ĐÀO CỬ KHU PHỐ PHONG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	2292
1107	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG DUYÊN HẢI KHU PHỐ HƯNG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	221
1108	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG ĐẶNG VĂN KIỀU KHU PHỐ PHONG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	420
1109	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG ĐÀO CỬ KHU PHỐ PHONG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	800
1110	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG ĐÀO CỬ KHU PHỐ PHONG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	0

1111	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG LÊ TRỌNG MÂN KHU PHỐ PHONG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	798
1112	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 8	TKT		TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	
1113	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 8	TKT	NHÀ KHO	TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN	
1114	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG DUYÊN HẢI KHU PHỐ HƯNG THẠNH THỊ TRẦN CẦN THẠNH	HUYỆN CẦN GIỜ	474
1115	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ	TKT	ĐƯỜNG ĐÀO CỬ- KHU PHỐ PHONG THẠNH	CÔNG TY DƯỢC SÀI GÒN	86
1116	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ẤP ĐÔNG TRANH XÃ LONG HÒA HYỆN CẦN GIỜ	HUYỆN CẦN GIỜ	652
1117	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ẤP LONG THẠNH XÃ LONG HÒA HYỆN CẦN GIỜ	HUYỆN CẦN GIỜ	6972
1118	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỆN CẦN GIỜ	TKT	ẤP ĐÔNG TRANH XÃ LONG HOÀ HUYỆN CẦN GIỜ	HUYỆN CẦN GIỜ	9277
1119	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ DỊCH VỤ	TKT		HUYỆN CẦN GIỜ	6000000

	CẦN GIỜ				
1120	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CÀU TRE	TKT	34/2 LÊ VĂN KHƯƠNG	TCTY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN	20000
					9520267.9